BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO SƠ KẾT 1 NĂM VẬN HÀNH
MÔ HÌNH TỔ CHỨC TỔNG THỂ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ,
MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN 3 CẤP
***

KỶ YẾU
HỘI NGHỊ SƠ KẾT 1 NĂM VẬN HÀNH MÔ HÌNH TỔ CHỨC TỔNG THỂ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN 3 CẤP

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2026

MỤC LỤC

1. Đảng ủy Chính phủ: Đánh giá kết quả 01 năm vận hành mô hình chính quyền 03 cấp; tiếp tục đổi mới phương thức quản trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước 1

2. Đảng ủy Quốc hội: Phát huy vai trò của Đảng ủy Quốc hội trong lãnh đạo hoàn thiện thể chế, đổi mới hoạt động của cơ quan dân cử và góp phần nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình mới 14

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương: Kết quả thực hiện mô hình tổ chức bộ máy mới của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội 25

4. Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương: Nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương..... 34

5. Bộ Quốc phòng: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan quân sự địa phương trong vận hành mô hình chính quyền 3 cấp, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới..... 46

6. Bộ Công an: Xây dựng, triển khai nền tảng điều hành số quốc gia góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại, kiến tạo phát triển 57

7. Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Kết quả, bài học kinh nghiệm, một số giải pháp sau 01 năm triển khai thực hiện vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp của ngành Nông nghiệp và Môi trường 64

8. Bộ Tài chính: Đánh giá hiệu quả vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và chính quyền 3 cấp qua thực tiễn triển khai của ngành Tài chính..... 74

9. Bộ Khoa học và Công nghệ: Phát huy vai trò của chuyển đổi số trong vận hành mô hình chính quyền 3 cấp 87

10. Bộ Nội vụ: Thực trạng tổ chức, vận hành và giải pháp hoàn thiện hệ thống hành chính nhà nước trong mô hình chính quyền 3 cấp 98

11. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: Gợi mở từ thực tiễn vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: Nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia trong kỷ nguyên phát triển mới 110

12. Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng: Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng phục vụ vận hành mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp: kết quả bước đầu, khó khăn, vướng mắc và nhiệm vụ trọng tâm 122

13. Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội: Báo cáo tham luận tại Hội nghị sơ kết 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp ... 130

14. Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh: Đổi mới tổ chức bộ máy gắn với đổi mới phương thức quản trị - Thực tiễn vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh 135

15. Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Nai: Thực trạng tổ chức vận hành chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn thành phố Đồng Nai 146

16. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hệ thống chính trị, xây dựng cấp xã thành trung tâm vận hành mới ở cơ sở qua thực tiễn tỉnh Lào Cai 158

17. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị: Thực tiễn vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở tỉnh Quảng Trị sau một năm triển khai thực hiện 170

18. Đảng ủy phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội: Thực tiễn vận hành mô chính quyền địa phương 2 cấp tại phường Dương Nội, thành phố Hà Nội - Kết quả, hạn chế, vướng mắc và các giải pháp đột phá nhìn từ 4 trục cốt lõi 181

19. Đảng ủy phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng: Phát huy vai trò chủ động của cơ sở, đổi mới tư duy quản trị, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả từ thực tiễn phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng 188

20. Đảng ủy xã Vân Sơn, tỉnh Phú Thọ: Đẩy mạnh chuyển đổi số, gắn với phát triển kinh tế - xã hội tại Đảng bộ xã Vân Sơn, tỉnh Phú Thọ 197

21. Đảng ủy xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng: Đổi mới phương thức lãnh đạo, xây dựng chính quyền phục vụ, đẩy mạnh chuyển đổi số - kinh nghiệm qua 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng 204

22. Báo cáo sơ kết 1 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội 212

23. Báo cáo tóm tắt các mô hình tiêu biểu của thành phố Hà Nội về chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo 285

1. ĐẢNG ỦY CHÍNH PHỦ:

Đánh giá kết quả 01 năm vận hành mô hình chính quyền 03 cấp; tiếp tục đổi mới phương thức quản trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử trong tiến trình đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị khi nước ta đồng thời triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đây là cuộc cải cách có quy mô lớn, nhiều nội dung chưa có tiền lệ, được triển khai nhằm xây dựng nền hành chính hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp và thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia, Chính phủ đã tập trung tổ chức thực hiện đồng bộ các chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị; đồng thời bảo đảm hệ thống hành chính nhà nước vận hành liên tục, thông suốt, không làm gián đoạn hoạt động của người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế. Sau 01 năm vận hành, việc sơ kết là cơ sở quan trọng để đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền 03 cấp, nhận diện những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc và tiếp tục hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy, phương thức quản trị quốc gia. Qua thực tiễn triển khai, có thể khái quát một số kết quả nổi bật sau:

I. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ KẾT QUẢ 01 NĂM VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN 03 CẤP

Qua 01 năm vận hành, mô hình chính quyền 03 cấp đã cơ bản đạt được các mục tiêu đề ra trong giai đoạn đầu; bộ máy hành chính nhà nước hoạt động ổn định, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng lên, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tiếp tục được cải thiện. Kết quả bước đầu khẳng định tính đúng đắn, tầm nhìn chiến lược của chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư, tạo nền tảng để tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền 03 cấp, nâng cao chất lượng quản trị quốc gia và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Nổi bật là các kết quả sau:

Một là, thiết lập cơ chế chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất; đồng thời khẩn trương hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở để bộ máy hành chính nhà nước

vận hành ổn định, thông suốt ngay trong điều kiện chuyển đổi mô hình quản trị quy mô lớn.

Chính phủ đã duy trì cơ chế chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương; tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, bảo đảm bộ máy hành chính nhà nước hoạt động liên tục, thông suốt trong suốt quá trình chuyển đổi.

Đồng thời, Chính phủ tập trung hoàn thiện thể chế, kịp thời thể chế hóa các chủ trương của Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi mới mô hình chính quyền địa phương và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Trên cơ sở rà soát 5.076 văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành 116 luật, nghị quyết và ban hành theo thẩm quyền 467 nghị định, tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho mô hình tổ chức mới.

Nhờ đó, bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến cơ sở được duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, không để xảy ra khoảng trống pháp lý, khoảng trống quản lý hoặc gián đoạn trong giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp, qua đó khẳng định năng lực chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và khả năng thích ứng của hệ thống hành chính nhà nước trước yêu cầu cải cách sâu rộng.

Hai là, chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ tiếp tục được rà soát, hoàn thiện; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao.

Chính phủ đã rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ theo hướng khắc phục chồng chéo, giao thoa; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, thống nhất đầu mối quản lý nhà nước. Thông qua việc kiện toàn tổ chức và ban hành các nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mô hình bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực tiếp tục được hoàn thiện; trách nhiệm giữa các cơ quan được phân định rõ hơn, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành và khắc phục tình trạng đùn đẩy, chồng chéo trong thực hiện nhiệm vụ.

Đồng thời, các bộ chuyển mạnh từ trực tiếp giải quyết công việc cụ thể sang tập trung thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô như xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách, tăng cường kiểm tra, giám sát và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Qua đó, từng bước chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Ba là, phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, nâng cao năng lực thực thi của chính quyền địa phương.

Chính phủ đã tập trung hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với mô hình chính quyền 03 cấp. Đến nay, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành số lượng lớn văn bản quy phạm pháp luật; phân cấp cho địa phương **1.461** nhiệm vụ (gồm **1.382** nhiệm vụ cấp tỉnh và **79** nhiệm vụ cấp xã). Qua hai đợt rà soát, đánh giá, các nhiệm vụ được phân cấp cơ bản bảo đảm tính khả thi, phù hợp với năng lực thực thi của địa phương.

Việc kết thúc hoạt động của cấp huyện được triển khai đồng bộ, không để khoảng trống quản lý nhà nước. Trong tổng số **1.164** nhiệm vụ của cấp huyện trước đây, **859** nhiệm vụ (**73,8**%) được chuyển cho cấp xã, **188** nhiệm vụ (**16,2**%) chuyển cho cấp tỉnh và **117** nhiệm vụ (**10**%) được điều chỉnh hoặc bãi bỏ. Qua đó, cấp xã thực sự trở thành trung tâm vận hành ở cơ sở khi trực tiếp đảm nhận ít nhất **938** nhiệm vụ.

Kết quả nổi bật là vai trò của chính quyền cấp xã đã có sự thay đổi căn bản. Nếu trước đây cấp xã chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ quản lý hành chính cơ sở thì nay đã trực tiếp đảm nhận khối lượng lớn nhiệm vụ quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính, thực sự trở thành trung tâm vận hành trực tiếp ở cơ sở khi đảm nhận ít nhất **938** nhiệm vụ phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền.

Cùng với việc chuyển giao thẩm quyền, Chính phủ và các bộ, ngành đã tập trung hướng dẫn, tập huấn, hỗ trợ địa phương hoàn thiện tổ chức bộ máy, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Thông qua quá trình thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền mới, năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực thi của chính quyền địa phương từng bước được nâng lên; đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng chủ động hơn trong giải quyết công việc, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản trị địa phương trong điều kiện mới.

Bốn là, đẩy mạnh cải cách hành chính góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Một trong những yêu cầu quan trọng của quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền 3 cấp là bảo đảm hoạt động giải quyết TTHC và cung ứng dịch vụ công không bị gián đoạn, không làm ảnh hưởng đến người dân và doanh nghiệp. Sau 01 năm triển khai, mục tiêu này cơ bản đã đạt được, đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy cải cách TTHC, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ.

Thông qua việc ban hành 11 Nghị quyết và 21 Thông tư chuyên đề, Chính phủ đã quyết liệt cắt giảm, đơn giản hóa **3.486** thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh, giúp kéo giảm **53**% thời gian thực hiện, tiết kiệm cho xã hội hơn **23 nghìn** tỷ đồng mỗi năm. Tính đến ngày 15/6/2026, cả nước có **5.136** TTHC, trong đó: (i) cấp

bộ thực hiện: **1.595** TTHC, so với trước thời điểm thực hiện Kết luận số 18-KL/TW đạt tỷ lệ **27,4%** (**1.595** TTHC/tổng số **5.816** TTHC); (ii) cấp tỉnh thực hiện[1]: **2.518** TTHC; (iii) cấp xã thực hiện[2]: **839** TTHC; (iv) cơ quan khác thực hiện[3]: **184** TTHC. Cơ cấu này phản ánh sự chuyển dịch rõ nét từ mô hình tập trung giải quyết thủ tục hành chính ở Trung ương sang mô hình phục vụ tại địa phương; theo đó, cấp bộ tập trung thực hiện chức năng quản lý nhà nước vĩ mô và giải quyết các thủ tục hành chính có tính chất chiến lược, liên ngành, liên vùng, trong khi các thủ tục gắn trực tiếp với người dân, doanh nghiệp được phân cấp mạnh cho cấp tỉnh và cấp xã.

Toàn quốc đã tiếp nhận trên **42,5** triệu hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó tỷ lệ nộp trực tuyến đạt tới **91,74**% và tỷ lệ giải quyết đúng hạn duy trì trên 95%. Công tác số hóa hồ sơ đạt tỷ lệ gần **95**% với hơn **16,5** triệu hồ sơ được khai thác, tái sử dụng dữ liệu số. Hiệu quả của mô hình mới thể hiện ở mức độ hài lòng chung của người dân đạt **83,08**%, đặc biệt **89,09**% người dân khẳng định không còn tình trạng công chức sách nhiễu, gây phiền hà tại cơ sở.

Những kết quả đạt được cho thấy cải cách thủ tục hành chính đang chuyển mạnh từ yêu cầu thuận lợi cho cơ quan quản lý sang phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, qua đó nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước.

Năm là, chuyển đổi số trở thành nền tảng vận hành bộ máy mới.

Hạ tầng số phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp đã cơ bản được hình thành trên phạm vi toàn quốc và đáp ứng tốt yêu cầu công việc tại thời điểm hiện tại. Đến tháng 6/2026, mạng viễn thông băng rộng di động đã phủ sóng tới **99,56**% số thôn, bản trên toàn quốc; vùng phủ sóng 5G đạt khoảng 91,9% dân số với hơn 23 triệu thuê bao và 39.410 trạm 5G (tăng gần 400% so với đầu năm 2025). Mạng Truyền số liệu chuyên dùng đã kết nối đến 100% cơ quan Đảng, Nhà nước cấp cơ sở. Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia đã cung cấp trực tuyến **3.745** thủ tục hành chính, cho phép người dân, doanh nghiệp truy cập và thực hiện dịch vụ công trực tuyến bằng tài khoản định danh điện tử VNeID. Đã có **13/17** bộ, ngành hoàn thành xây dựng và đưa vào triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ theo mô hình tập trung.

Sau một năm vận hành chính quyền 03 cấp, hạ tầng số và các nền tảng chuyển đổi số đã cơ bản đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Việc kết nối, liên thông dữ liệu, xử lý công việc trên môi trường điện tử và

---

[1] Bao gồm các TTHC do cơ quan ngành dọc cấp tỉnh thực hiện như: Thuế, Bảo hiểm xã hội,…

[2] Bao gồm các TTHC do các cơ quan ngành dọc ở cấp xã/khu vực thực hiện như: Công an, Thuế, Bảo hiểm xã hội,…

[3] Như cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; bệnh viện, trường học,…

cung cấp dịch vụ công trực tuyến được tăng cường, góp phần rút ngắn quy trình xử lý công việc, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo nền tảng quan trọng cho xây dựng chính quyền số trong giai đoạn tiếp theo.

Sáu là, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân

Việc tinh gọn tổ chức bộ máy và kết thúc hoạt động cấp huyện không những không làm gián đoạn mà ngược lại đã khơi thông tối đa mọi nguồn lực, thúc đẩy toàn diện kinh tế - xã hội. Năm 2025, cả nước hoàn thành vượt mức **15/15** chỉ tiêu chủ yếu, đạt và vượt **22/26** chỉ tiêu kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021 - 2025. GDP bứt phá mạnh mẽ tăng **8,02**%, đưa quy mô nền kinh tế đạt khoảng 514 tỷ USD, vươn lên vị trí thứ **32** thế giới. GDP bình quân đầu người đạt khoảng **5.026** USD (gấp **1,4** lần năm 2020), chính thức đưa Việt Nam vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao. Nguồn lực tài chính dôi dư từ việc tinh gọn bộ máy và tiết kiệm chi thường xuyên được chuyển hướng đầu tư trực tiếp cho an sinh xã hội, y tế, giáo dục tại cơ sở. Nhà nước đã kịp thời bổ sung **115.952** tỷ đồng để chi trả chính sách cho **143.772** cán bộ dôi dư do sắp xếp, củng cố niềm tin vững chắc của Nhân dân vào sự điều hành của Đảng và Chính phủ.

Tổng thể sau 01 năm vận hành cho thấy, mô hình chính quyền 03 cấp bước đầu đã phát huy hiệu quả, tạo chuyển biến tích cực trong tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước. Cơ chế chỉ đạo, điều hành được tập trung, thống nhất hơn; phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh; cấp xã từng bước khẳng định vai trò là cấp chính quyền trực tiếp tổ chức thực hiện, giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp và là trung tâm vận hành mới ở cơ sở. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ Nhân dân tiếp tục được nâng lên, góp phần tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước. Đây là những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ, thể hiện quyết tâm chính trị cao, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và đồng chí Tổng Bí thư, cùng tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực, cống hiến và khả năng thích ứng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị. Đây là nền tảng quan trọng để tiếp tục xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tạo động lực thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và tăng trưởng hai con số theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

II. VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

Bên cạnh những kết quả bước đầu rất quan trọng, Chính phủ nhận thấy việc vận hành mô hình chính quyền 03 cấp trong năm đầu tiên là giai đoạn chuyển tiếp, nên một số khó khăn, vướng mắc phát sinh là tất yếu và đã được nhận diện từ sớm

trong quá trình chuẩn bị, triển khai. Những vấn đề này cần tiếp tục được tập trung nguồn lực, quyết liệt trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện để nhanh chóng khắc phục, bảo đảm mô hình mới vận hành ngày càng ổn định, hiệu quả. Qua tổng kết thực tiễn, nổi lên 05 nhóm vấn đề cần tập trung giải quyết trong thời gian tới:

Thứ nhất, về công tác hoàn thiện thể chế, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất cho vận hành chính quyền 03 cấp

Mặc dù hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ban hành thời gian qua đã tạo hành lang pháp lý tạm thời cho bộ máy mới vận hành, nhưng tốc độ luật hóa các quy định chuyên ngành còn chậm so với yêu cầu thực tiễn. Theo kết quả rà soát đến tháng 5/2026, toàn hệ thống còn khoảng **550** văn bản quy phạm pháp luật cần các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Trong đó bao gồm: 80 luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; 203 văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; và 267 văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Đặc biệt, có **129** văn bản liên quan trực tiếp đến việc vận hành chính quyền 3 cấp phải tập trung rà soát và sửa đổi để bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01/3/2027; **21** văn bản trong số đó phải khẩn trương sửa đổi để khắc phục ngay các vướng mắc, bất cập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của chính quyền 03 cấp.

Thứ hai, thách thức về năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở

Sau khi chuyển đổi mô hình chính quyền 04 cấp sang 03 cấp, áp lực công việc tại cấp xã tăng lên rất lớn do quy mô diện tích và dân số mở rộng sau sáp nhập, nhưng năng lực cán bộ chưa đáp ứng đồng đều. Qua rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức ở cấp xã hiện nay cho thấy, đội ngũ được hình thành từ nhiều nguồn (cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện cũ, cấp xã cũ, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã), có trình độ, năng lực, kỹ năng thực thi nhiệm vụ không đồng đều, số đông vẫn từ nguồn cán bộ, công chức cấp xã cũ **(tỷ lệ 68,8%)** nên chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Số cán bộ, công chức bố trí từ cấp tỉnh và cấp huyện cũ chiếm khoảng **30%,** trong đó đa số cán bộ lãnh đạo các cơ quan chuyên môn của tỉnh và lãnh đạo của cấp huyện cũ bố trí làm lãnh đạo chủ chốt cấp xã mới. Nhiều cấp xã thiếu hụt chuyên viên có trình độ chuyên môn sâu trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài chính, tư pháp và công nghệ thông tin.

Có tình trạng nêu trên là do việc điều động cán bộ thời gian đầu sau sáp nhập còn mang tính chất cơ học, xếp chỗ ổn định tổ chức tạm thời. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tuy được triển khai với quy mô lớn nhưng chưa thể bù đắp

ngay được khoảng trống về kỹ năng xử lý hồ sơ chuyên sâu trên môi trường điện tử cho cán bộ cơ sở.

Ba là, việc xử lý, giải quyết tài sản công dôi dư còn chậm, gây lãng phí nguồn lực

Đến cuối tháng 5/2026, trên phạm vi cả nước vẫn còn hơn **11.000** cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp chưa được đưa vào khai thác hiệu quả hoặc chưa được phê duyệt phương án xử lý. Nhiều trụ sở bỏ trống không sử dụng, trong khi địa phương vẫn phải cắt cử người trông coi, phát sinh chi phí duy tu, bảo dưỡng. Nguyên nhân là do hệ thống quy định về tiêu chuẩn, định mức và quy trình xử lý tài sản công rất phức tạp, liên quan liên thông qua nhiều bước từ quy hoạch, đất đai, đầu tư, đấu giá tài sản nên thời gian kéo dài. Nhiều cơ sở nằm ở vùng sâu, vùng xa, quy mô nhỏ, thiếu hồ sơ pháp lý hoàn chỉnh nên khó thu hút xã hội hóa đầu tư.

Bốn là, hạ tầng số và dữ liệu chưa hình thành nền tảng thống nhất.

Sự chênh lệch về năng lực công nghệ giữa các vùng miền còn lớn. Toàn quốc hiện vẫn còn **435** thôn bản chưa được phủ sóng viễn thông đầy đủ. Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia và Hệ thống điều phối thủ tục hành chính vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đồng bộ dòng dữ liệu liên thông theo thời gian thực. Các bộ, ngành chưa tập trung nguồn lực triệt để để thiết kế lại, nâng cấp các phần mềm chuyên ngành theo luồng xử lý của mô hình chính quyền mới. Qua rà soát khoảng **18.500** cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị cho thấy khoảng **29,9%** máy tính chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu; khoảng **26,4%** thiết bị đầu cuối chưa đáp ứng yêu cầu cấu hình; vẫn còn tồn tại một số lượng tình trạng máy tính sử dụng phần mềm không có bản quyền (**27%** số máy dùng hệ điều hành không có bản quyền, **30,4%** số máy tính dùng phần mềm văn phòng không có bản quyền). Ngoài ra khoảng **54%** máy tính chưa cài đặt chữ ký số, điều này cho thấy vẫn còn một số lượng lớn cán bộ chưa sử dụng chữ ký số, từ đó hoạt động chuyển đổi số nội bộ chưa thực hiện trực tuyến toàn trình. Dữ liệu nền tảng và dữ liệu chuyên ngành chưa thực sự liên thông "đúng, đủ, sạch, sống".

Năm là, bất cập về quy mô đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp

Đến nay, vẫn còn 705/3.321 đơn vị hành chính cấp xã (21,23%) chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, chủ yếu chưa bảo đảm tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên. Điều này làm phân tán nguồn lực, gia tăng chi phí quản lý và chưa phát huy được lợi thế quy mô trong tổ chức cung ứng dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, tại một số địa phương, ranh giới đơn vị hành chính sau sắp xếp chưa thực sự phù hợp với không gian phát triển, còn chia cắt các khu vực đô thị, khu

công nghiệp, khu kinh tế, vùng du lịch và các khu vực có tính liên kết cao; hạ tầng liên kết vùng, liên đô thị chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến công tác quy hoạch, thu hút đầu tư và phát triển đô thị. Việc sáp nhập một số thị trấn vào xã nông thôn cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, đầu tư và chuyển đổi các khu vực đủ điều kiện thành đơn vị hành chính đô thị (phường), đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền 03 cấp trong thời gian qua, Chính phủ rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

Một là, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, xuyên suốt của Đảng là nhân tố quyết định thành công của quá trình đổi mới tổ chức bộ máy. Mọi nhiệm vụ phải được triển khai đồng bộ, quyết liệt, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, gắn với làm tốt công tác chính trị, tư tưởng để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong toàn hệ thống chính trị.

Hai là, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của Trung ương, nhất là các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tạo sự lan tỏa, thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống hành chính nhà nước.

Ba là, **tăng cường cơ chế phối hợp chặt chẽ, thông suốt giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền**; kết hợp hài hòa giữa phân cấp, phân quyền với hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn.

Bốn là, xác định công tác cán bộ là khâu then chốt. Việc phân cấp, phân quyền phải gắn với bố trí đội ngũ phù hợp, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phân bổ nguồn lực hợp lý và kiểm soát quyền lực hiệu quả nhằm nâng cao năng lực thực thi của bộ máy.

Năm là, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển dữ liệu số và đổi mới phương thức quản trị trên môi trường số, coi đây là nền tảng quan trọng bảo đảm vận hành hiệu quả mô hình tổ chức bộ máy mới, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và năng lực quản trị quốc gia.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Sau 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới là chuyển mạnh từ trọng tâm "sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy" sang "nâng cao chất lượng vận hành, hiệu lực, hiệu quả quản trị và năng lực thực thi của toàn hệ thống hành chính nhà nước". Đây không chỉ là yêu cầu

khách quan của quá trình đổi mới tổ chức bộ máy mà còn là điều kiện quyết định để phát huy đầy đủ hiệu quả của mô hình mới, tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, Chính phủ xác định việc tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước phải gắn chặt với mục tiêu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, phấn đấu đến năm 2030 - kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng - đưa nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; và đến năm 2045 - kỷ niệm 100 năm thành lập nước - trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Trên tinh thần đó, Chính phủ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với với bảo đảm nguồn lực và kiểm soát quyền lực

- Trong năm 2026, Chính phủ phối hợp chặt chẽ với Quốc hội tập trung đưa toàn bộ nội dung phân cấp tại 30 nghị định chuyên đề sửa đổi vào **54 luật và nghị quyết của Quốc hội;** đồng thời khẩn trương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung **15** văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, các Bộ, ngành để giải quyết ngay các vướng mắc, bất cập, bảo đảm cho chính quyền 03 cấp vận hành thông suốt, hiệu quả. Trong đó, cần phải chuyển đổi căn bản tư duy xây dựng pháp luật: Luật chỉ quy định nguyên tắc, khung pháp lý vĩ mô; giao quyền chủ động tối đa cho Chính phủ và địa phương ban hành các nội dung mang tính thực tiễn, thường xuyên biến động.

- Đối với các nhiệm vụ đã phân cấp của trung ương cho địa phương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ cần tăng cường giám sát, kiểm tra, kịp thời phát hiện những nội dung, nhiệm vụ phân cấp thực hiện chưa bảo đảm chất lượng tại địa phương để tiếp tục điều chỉnh tại văn bản QPPL cho phù hợp.

- Tiếp tục đánh giá, rà soát các nhiệm vụ đã phân cấp giữa các cấp chính quyền địa phương về điều kiện bảo đảm, năng lực thực thi, nguồn lực. Đối với các địa phương chưa bảo đảm điều kiện thực thi, nguồn lực đi liền với phân cấp, cần có đánh giá lại và chuyển nhiệm vụ về cấp tỉnh, giảm thiểu gánh nặng cho cấp xã trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Đối với cấp xã có đủ điều kiện tiếp nhận nhiệm vụ, khả năng phát huy tốt nguồn lực, tính sáng tạo của cấp xã thì mạnh dạn phân cấp để cấp xã chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Tiếp tục cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trọng tâm là cấp xã

- Tiếp tục rà soát, đánh giá tổng thể việc bố trí cán bộ, công chức sau sắp xếp tổ chức bộ máy, kịp thời điều chỉnh những trường hợp bố trí chưa phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn, năng lực và yêu cầu nhiệm vụ; tập trung khắc phục tình trạng mất cân đối về nhân lực giữa các lĩnh vực, địa bàn và cấp chính quyền. Đặc biệt, ưu tiên củng cố đội ngũ cán bộ, công chức tại cấp xã, nhất là các địa bàn có khối lượng công việc lớn, tốc độ đô thị hóa cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- Tập trung nâng cao năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu đối với các lĩnh vực trực tiếp phục vụ người dân và doanh nghiệp như đất đai, xây dựng, tài chính, tư pháp, hộ tịch, chuyển đổi số và giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, xây dựng cơ chế tăng cường, biệt phái, luân chuyển cán bộ có kinh nghiệm từ cấp tỉnh và các sở, ngành hỗ trợ địa phương còn khó khăn hoặc những nơi chưa đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực.

- Khẩn trương hoàn thiện và triển khai các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong khu vực công; tạo điều kiện thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương, phụ cấp và chế độ đãi ngộ theo vị trí việc làm, kết quả thực hiện nhiệm vụ; nghiên cứu cơ chế khuyến khích phù hợp đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã nhằm tạo động lực làm việc, nâng cao trách nhiệm công vụ và chất lượng phục vụ Nhân dân.

3. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị, tập trung vào các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương; kiên quyết khắc phục tình trạng chồng chéo, giao thoa chức năng, bỏ sót hoặc phân tán trách nhiệm; đồng thời nghiên cứu sắp xếp, tinh gọn các đầu mối trung gian, bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh sắp xếp hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn đầu mối, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tập trung rà soát, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục, y tế và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn; phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng cung ứng dịch vụ công.

- Tiếp tục mở rộng quyền tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện; đẩy mạnh xã hội hóa và chuyển giao cho khu vực ngoài nhà nước thực hiện các dịch

vụ công mà Nhà nước không nhất thiết trực tiếp cung ứng, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước và phát huy nguồn lực xã hội cho phát triển.

4. Xử lý hiệu quả tài sản công, trụ sở dôi dư và điều kiện làm việc sau sắp xếp

- Tiếp tục rà soát, thống kê đầy đủ toàn bộ trụ sở, nhà đất, tài sản công dôi dư sau sắp xếp; phân loại rõ tài sản tiếp tục sử dụng, tài sản chuyển đổi công năng, tài sản điều chuyển, thu hồi, bán đấu giá hoặc xử lý theo quy định. Việc xử lý phải đặt trong quy hoạch, nhu cầu phát triển của địa phương và yêu cầu phục vụ dân sinh, ưu tiên chuyển đổi công năng các trụ sở dôi dư thành cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, sinh hoạt cộng đồng, điểm phục vụ hành chính công, kho lưu trữ hoặc các thiết chế công cộng thiết yếu.

- Kiên quyết khắc phục tình trạng trụ sở bỏ hoang, sử dụng kém hiệu quả, xuống cấp hoặc chưa có phương án xử lý rõ ràng.

- Rà soát toàn diện trụ sở, phòng làm việc, phòng tiếp công dân, bộ phận một cửa, kho lưu trữ, trang thiết bị, phương tiện làm việc, đường truyền, máy tính, chữ ký số, phần mềm chuyên ngành và các điều kiện thiết yếu khác. Trên cơ sở đó, có phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp phù hợp với quy mô dân số, diện tích tự nhiên, khối lượng công việc, đặc thù địa bàn và yêu cầu chuyển đổi số của từng xã, phường, đặc khu.

4. Đồng bộ hạ tầng công nghệ, chuẩn hóa dữ liệu và đẩy mạnh chuyển đổi số đồng đều

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng số từ Trung ương đến cơ sở, ưu tiên các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa; bảo đảm các hệ thống thông tin, nền tảng số và Mạng truyền số liệu chuyên dùng vận hành ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đẩy nhanh việc hoàn thiện, kết nối và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng dùng chung; bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất và dùng chung", phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Tập trung nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp cơ sở; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số trong hoạt động công vụ. Đồng thời, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong triển khai chuyển đổi số, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Điều chỉnh quy mô địa giới hành chính theo hướng bền vững

Tiếp tục rà soát, đánh giá tổng thể không gian phát triển sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm địa giới hành chính phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, liên kết vùng và nâng cao hiệu quả quản trị địa phương. Tập trung xử lý những khu vực có sự chia cắt về không gian đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, hạ tầng giao thông, logistics và các vùng có tính liên kết tự nhiên, kinh tế - xã hội cao; đồng thời nghiên cứu sắp xếp các đơn vị hành chính chưa đáp ứng yêu cầu về quy mô, dư địa phát triển và năng lực cung ứng dịch vụ công. Gắn quá trình hoàn thiện đơn vị hành chính với quy hoạch, đầu tư hạ tầng đồng bộ và thúc đẩy đô thị hóa, tạo động lực phát triển mới, phấn đấu thực hiện các mục tiêu về tỷ lệ đô thị hóa và phát triển hệ thống đô thị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục nâng cao chất lượng vận hành của mô hình chính quyền 03 cấp, Đảng ủy Chính phủ đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện mô hình và phương thức vận hành của hệ thống chính trị, xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại theo hướng chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển;

- Xem xét cho chủ trương tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn hoặc chưa phù hợp với yêu cầu phát triển; hình thành các đơn vị hành chính đô thị cấp xã mang tính hạt nhân, dẫn dắt sự phát triển của địa phương.

2. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Chính phủ trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, kịp thời thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng; ưu tiên xem xét, thông qua các dự án luật nhằm quy định trong luật các nội dung về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đang được thực hiện theo các nghị định của Chính phủ, bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất, đồng bộ cho việc vận hành hiệu quả mô hình chính quyền 03 cấp.

3. Yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương

- Tiếp tục rà soát, đánh giá toàn diện quá trình vận hành mô hình mới; chủ động phát hiện, kiến nghị xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh; tăng cường phối hợp trong hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và bảo đảm các điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng quản trị, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tạo khí thế, quyết tâm mới trong toàn hệ thống hành chính nhà nước, phát huy cao nhất tinh thần cống hiến của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đưa đất nước bước vào giai đoạn phát **triển mới.**

2. ĐẢNG ỦY QUỐC HỘI:

Phát huy vai trò của Đảng ủy Quốc hội trong lãnh đạo hoàn thiện thể chế, đổi mới hoạt động của cơ quan dân cử và góp phần nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình mới

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp là chủ trương lớn, có ý nghĩa chiến lược, tác động sâu rộng đến phương thức lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, hiệu quả phục vụ Nhân dân và yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Trong tham luận này, mô hình chính quyền 3 cấp được hiểu là tổng thể Trung ương - cấp tỉnh - cấp xã; trong đó chính quyền địa phương tổ chức 02 cấp là cấp tỉnh và cấp xã, không tổ chức cấp huyện.

Trong tiến trình đó, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp có vai trò quan trọng trong thể chế hóa chủ trương của Đảng, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, giám sát việc tổ chức thực hiện và bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân thông qua cơ quan dân cử. Đối với khối Quốc hội, yêu cầu đặt ra là vừa hoàn thành khối lượng công việc lớn về lập hiến, lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; vừa sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong, đổi mới phương thức lãnh đạo, phương thức làm việc, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ.

Đảng bộ Quốc hội được thành lập theo Quyết định số 244-QĐ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị và đi vào hoạt động từ tháng 01/2025. Đây là mô hình tổ chức đảng mới, chuyển từ phương thức lãnh đạo thông qua Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Kiểm toán nhà nước sang mô hình Đảng ủy trực thuộc Trung ương, lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, thường xuyên đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Tổ đảng Đoàn đại biểu Quốc hội và các tổ chức đảng trực thuộc. Qua 01 năm vận hành, mô hình này bước đầu khẳng định tính đúng đắn, phù hợp, góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong phạm vi Đảng bộ Quốc hội.

Bám sát định hướng của Ban Tổ chức Trung ương và các kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại Thông báo số 84-TB/VPTW ngày 06/6/2026 và Thông báo số 100-TB/VPTW ngày 19/6/2026, Đảng ủy Quốc hội xin tham luận một số nội

dung về kết quả, hạn chế, vướng mắc, bài học kinh nghiệm và nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ CHẤT LƯỢNG VẬN HÀNH MÔ HÌNH MỚI TRONG KHỐI QUỐC HỘI

1. Mô hình Đảng bộ Quốc hội bước đầu vận hành ổn định, phát huy vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, thường xuyên của Đảng

Sau khi thành lập, Đảng ủy Quốc hội vừa khẩn trương kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ, ổn định tổ chức đảng trực thuộc; vừa lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện khối lượng công việc rất lớn, có nhiều nhiệm vụ mới, khó, chưa có tiền lệ. Từ khi thành lập đến nay, Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội đã **ban hành 1.968 văn bản** lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, trong đó có 13 nghị quyết, 14 chương trình, 03 đề án, 19 quy chế, 02 quy định, 02 hướng dẫn, 106 kế hoạch, 244 quyết định, 443 báo cáo, 42 kết luận, 76 thông báo và 633 công văn. Qua đó, các chủ trương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Ban Chỉ đạo Trung ương được cụ thể hóa kịp thời trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy Quốc hội.

Đảng ủy Quốc hội đã thành lập, kiện toàn 11 tổ chức đảng trực thuộc; chỉ đạo kiện toàn các chi bộ trực thuộc; kiện toàn 34 Tổ đảng Đoàn đại biểu Quốc hội phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Công tác chính trị, tư tưởng được chú trọng, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên, nhất là trong điều kiện sắp xếp tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, chuyển giao biên chế, thay đổi đầu mối công tác và đồng thời chuẩn bị Đại hội Đảng bộ Quốc hội lần thứ I.

Ưu điểm rõ nét của mô hình Đảng bộ Quốc hội là tăng cường tính trực tiếp, toàn diện, thường xuyên và thống nhất giữa công tác xây dựng Đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Việc đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội giữ chức Bí thư Đảng ủy Quốc hội đã nâng cao vị thế, vai trò của Đảng ủy Quốc hội; bảo đảm các chủ trương lớn của Đảng được lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hóa nhanh hơn, đồng bộ hơn, gắn chặt hơn giữa công tác Đảng với hoạt động lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và công tác tổ chức cán bộ trong khối Quốc hội.

2. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong Quốc hội đạt kết quả rõ nét, gắn giảm đầu mối với nâng cao chất lượng hoạt động

Thực hiện Kết luận số 121-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII và Kết luận số 111-KL/TW của Bộ Chính trị, Đảng ủy Quốc hội đã lãnh đạo,

chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và Kiểm toán nhà nước theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ. Việc sắp xếp không chỉ nhằm giảm số lượng đầu mối, mà quan trọng hơn là nâng cao chất lượng tham mưu, thẩm tra, giám sát và phục vụ hoạt động của Quốc hội.

Về tổng thể, bộ máy của Quốc hội giảm từ 14 cơ quan xuống còn 09 cơ quan, giảm 35,71%; trong đó đã sáp nhập, đổi tên, chuyển đổi một số cơ quan theo hướng rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ, đồng thời kết thúc hoạt động của một số đầu mối không còn phù hợp. Việc sắp xếp được thực hiện đồng bộ với việc ban hành các nghị quyết về nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan sau sắp xếp, bảo đảm hoạt động liên tục, không để khoảng trống về tổ chức và nhiệm vụ.

Đối với Văn phòng Quốc hội, số đầu mối tính chung trước sắp xếp giảm từ 35 đơn vị xuống còn 17 đơn vị, giảm khoảng 51%; giảm 37 đầu mối đơn vị cấp phòng. Đối với Kiểm toán nhà nước, giảm 01 đơn vị trực thuộc, còn 31 đơn vị; giảm 18 đơn vị cấp phòng. Các cơ quan sau sắp xếp cơ bản ổn định tổ chức, hoạt động nền nếp, không để gián đoạn nhiệm vụ chính trị.

3. Công tác thể chế hóa được thực hiện khẩn trương, kịp thời, tạo khung pháp lý để mô hình mới vận hành thông suốt

Một trong những kết quả nổi bật của Đảng ủy Quốc hội trong 01 năm qua là lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện khối lượng lớn công tác lập hiến, lập pháp để thể chế hóa kịp thời các chủ trương của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Đảng ủy Quốc hội đã lãnh đạo, chỉ đạo việc trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, tạo cơ sở hiến định cho việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa lịch sử, được hoàn thành trong thời gian rất ngắn, với sự đồng thuận rất cao của Quốc hội, tạo nền tảng chính trị - pháp lý để tổ chức bộ máy nhà nước được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Trên cơ sở đề xuất của Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền, Đảng ủy Quốc hội đã lãnh đạo, chỉ đạo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua khối lượng lớn luật, nghị quyết. Tính chung tại các Kỳ họp thứ 9, thứ 10 Quốc hội khóa XV và Kỳ họp thứ Nhất Quốc hội khóa XVI, Quốc hội đã thông qua 85

luật, 18 nghị quyết quy phạm pháp luật; trong đó có nhiều luật, nghị quyết trực tiếp phục vụ việc sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và vận hành mô hình mới. Các văn bản này góp phần phân định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp, bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước được liên tục, thông suốt trong quá trình chuyển đổi.

Các văn bản quan trọng như Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025, Nghị quyết số 190/2025/QH15, Nghị quyết số 202/2025/QH15, Nghị quyết số 206/2025/QH15, Nghị quyết số 199/2025/QH15, Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 và 34 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đã tạo cơ sở pháp lý để địa phương tổ chức bầu cử, kiện toàn Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, tổ chức kỳ họp thứ nhất, bầu các chức danh, thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân, chuyển giao nhiệm vụ, tài sản, hồ sơ, con dấu, ngân sách và bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan dân cử ở địa phương.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính đạt kết quả rất lớn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua 34 nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tại 34 tỉnh, thành phố, qua đó **giảm từ 10.035 đơn vị hành chính cấp xã xuống còn 3.321 đơn vị**, gồm 2.621 xã, 687 phường, 13 đặc khu, giảm 6.714 đơn vị, tương đương 66,91%. Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, qua đó sau sắp xếp cả nước có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 28 tỉnh và 06 thành phố. Sau bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031, cả nước có **2.552** đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và **72.440** đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, là lực lượng dân cử quan trọng để thực hiện quyền quyết định, giám sát và kiểm soát quyền lực ở cơ sở trong điều kiện không tổ chức cấp huyện.

Có thể khẳng định, hệ thống văn bản pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành đã cơ bản tạo khung pháp lý đầy đủ, kịp thời để mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vận hành từ ngày 01/7/2025, bảo đảm cơ sở pháp lý cho quá trình chuyển tiếp, không làm gián đoạn hoạt động của cơ quan nhà nước, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

4. Chuyển đổi số trong Quốc hội có bước phát triển mới, từng bước hình thành nền tảng Quốc hội số - Hội đồng nhân dân số

Chuyển đổi số trong khối Quốc hội được triển khai trên cơ sở Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 1343/NQ-UBTVQH15 về xây dựng và phát triển Quốc hội số giai đoạn 2024-2026, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 1637/NQ-UBTVQH15 phê duyệt Đề án Chuyển đổi số của Quốc hội giai đoạn 2025-2030 và các chương trình, kế hoạch của Đảng ủy Quốc hội. Đảng ủy Quốc hội

xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành, tổ chức công việc và nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và cơ quan dân cử ở địa phương.

Đến nay, Văn phòng Quốc hội đã nghiên cứu, xây dựng, triển khai thí điểm trên 20 phần mềm, ứng dụng, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ các nhóm nghiệp vụ trọng yếu như quản lý văn bản, điều hành điện tử, lập pháp, giám sát, dân nguyện, bầu cử, hồ sơ đại biểu, họp không giấy tờ, lưu trữ điện tử, dữ liệu dùng chung, thư viện số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Một số hệ thống đã kết nối, liên thông hoặc khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành; trong đó hệ thống quản lý thông tin bầu cử đã được triển khai phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, kết nối tới cấp xã.

Về dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung của Quốc hội đã cập nhật hơn 30.000 văn bản của Quốc hội khóa XV và khóa XVI, kết nối dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật với Bộ Tư pháp với hơn 147.000 văn bản; Thư viện Quốc hội số đã cập nhật 78.149 đầu sách, tài liệu. Đây là cơ sở quan trọng để hình thành Trung tâm dữ liệu số của Quốc hội, phục vụ lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, công tác dân nguyện, tiếp xúc cử tri, xử lý kiến nghị của cử tri và hỗ trợ hoạt động của đại biểu dân cử.

Đối với Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện chức năng giám sát, hướng dẫn hoạt động theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc triển khai chuyển đổi số từ Quốc hội đến Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện theo hướng chia sẻ, hỗ trợ, hướng dẫn áp dụng các nền tảng dùng chung, phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu của địa phương. Đến nay, đã có 20/34 Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố đăng ký nhu cầu sử dụng các nền tảng số dùng chung của Quốc hội; phần mềm hỗ trợ kỳ họp Hội đồng nhân dân được triển khai từ tháng 6/2026.

II. HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN CẦN TẬP TRUNG THÁO GỠ

Bên cạnh những kết quả quan trọng, quá trình vận hành mô hình mới còn một số hạn chế, vướng mắc cần được nhận diện đúng, phân loại rõ để có giải pháp xử lý đúng thẩm quyền, đúng địa chỉ, đúng lộ trình. Đối với khối Quốc hội, các hạn chế, vướng mắc chủ yếu tập trung ở bốn nhóm: thể chế và cơ chế vận hành; phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực; chuyển đổi số và dữ liệu; năng lực tổ chức thực

hiện của đội ngũ cán bộ, nhất là ở cấp xã và trong hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã.

Thứ nhất, về thể chế, hệ thống pháp luật cơ bản đã tạo khung pháp lý cho mô hình mới vận hành, nhưng một số luật chuyên ngành vẫn được thiết kế theo logic mô hình chính quyền địa phương 03 cấp cũ, trong khi nhiều nhiệm vụ đã được chuyển về cấp tỉnh hoặc cấp xã. Có tình trạng cùng một nhiệm vụ nhưng căn cứ áp dụng nằm rải rác ở luật, nghị định, thông tư, hướng dẫn chuyên ngành, quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu, phần mềm, cơ sở dữ liệu khác nhau. Có nội dung luật đã phân cấp nhưng văn bản dưới luật, phần mềm, biểu mẫu, quyền truy cập dữ liệu chưa theo kịp, làm cơ sở lúng túng, dễ phát sinh tâm lý sợ sai, né việc.

Theo kết quả tổng hợp đến tháng 5/2026 đối với khối Chính phủ, có khoảng 1.300 văn bản quy phạm pháp luật cần điều chỉnh; trong đó 775 văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, còn khoảng 550 văn bản đang tiếp tục đề xuất xử lý, gồm 80 luật, pháp lệnh, nghị quyết; 203 văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và 267 văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Số liệu này cho thấy hạn chế, vướng mắc không chỉ ở khâu ban hành luật, mà còn ở việc tổ chức thi hành, hướng dẫn chuyên ngành, cập nhật quy trình, dữ liệu và công cụ thực hiện.

Điểm đáng lưu ý, theo quy trình lập pháp hiện hành, đa số các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết liên quan đến quản lý nhà nước chuyên ngành, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp do Chính phủ, các bộ, ngành chủ trì nghiên cứu, soạn thảo, đánh giá tác động và trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. Vì vậy, các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành luật trước hết phải được Chính phủ, bộ, ngành quản lý lĩnh vực chủ động rà soát, tổng kết, xác định rõ nội dung thuộc thẩm quyền xử lý bằng nghị định, thông tư, quy trình, biểu mẫu, phần mềm, dữ liệu; trường hợp cần sửa luật, pháp lệnh, nghị quyết thì chủ động chuẩn bị hồ sơ, đề xuất trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo chương trình, kế hoạch lập pháp đã ban hành. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm xem xét, quyết định và tăng cường giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật.

Thứ hai, về phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực, thực tiễn cho thấy có nơi nhiệm vụ chuyển xuống cấp xã nhanh hơn việc giao biên chế, kinh phí, quyền truy cập dữ liệu, phần mềm, tài khoản nghiệp vụ, thiết bị, cơ sở vật chất và hướng dẫn chuyên môn. Trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, nhiệm vụ chi của cấp xã tăng nhanh, nhưng cơ chế phân chia nguồn thu, định mức phân bổ ngân sách, cơ chế điều chỉnh dự toán, kinh phí vận hành trung tâm phục vụ hành chính công, bảo trì trụ sở,

mua sắm thiết bị số và đào tạo lại cán bộ chưa thật tương thích với khối lượng nhiệm vụ mới.

Thứ ba, về chuyển đổi số và dữ liệu, số lượng phần mềm, nền tảng, cơ sở dữ liệu tăng nhanh nhưng chưa phải ở đâu cũng liên thông, dùng chung, thống nhất. Nhiều nhiệm vụ đã được phân cấp nhưng dữ liệu vẫn do bộ, ngành hoặc cấp tỉnh quản lý; cấp xã chưa có quyền truy cập đầy đủ, chưa khai thác được hoặc dữ liệu thiếu cập nhật, thiếu kết nối. Nếu không có chuẩn kết nối bắt buộc, kiến trúc dữ liệu thống nhất và cơ chế chia sẻ dữ liệu rõ ràng thì chuyển đổi số có thể làm tăng thêm gánh nặng thao tác, báo cáo, nhập liệu cho cơ sở, thay vì giảm tải cho cán bộ và người dân.

Thứ tư, về năng lực tổ chức thực hiện, cấp xã là cấp trực tiếp tiếp nhận và xử lý khối lượng lớn nhiệm vụ phát sinh sau sắp xếp, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài chính - ngân sách, tư pháp - hộ tịch, công thương, nông nghiệp, môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa, lao động, an sinh xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, chuyển đổi số, tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo. Theo số liệu tổng hợp của Ban Chỉ đạo Trung ương, tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh, cấp xã đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ còn chưa cao. Những hạn chế, vướng mắc này không chỉ nằm ở văn bản, mà còn ở năng lực cán bộ và năng lực tổ chức thực hiện của bộ máy cơ sở.

Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã, hạn chế, vướng mắc nổi lên là phần lớn đại biểu hoạt động kiêm nhiệm; kỹ năng thẩm tra, giám sát, chất vấn, phân tích ngân sách, đầu tư công, đất đai, tài sản công, tiếp công dân và theo dõi kiến nghị sau giám sát còn chưa đồng đều; bộ máy tham mưu, giúp việc còn mỏng; dữ liệu phục vụ giám sát chưa liên thông, chưa được cung cấp đầy đủ, kịp thời. Nếu chỉ tăng thẩm quyền cho cấp xã mà không tăng năng lực quyết định, giám sát và trách nhiệm giải trình của Hội đồng nhân dân cấp xã thì nguy cơ giám sát hình thức, quyết định thiếu thông tin là hiện hữu.

Từ đó có thể nhận diện một số vấn đề cần theo dõi thường xuyên: cải cách không chỉ dừng ở giảm đầu mối, mà phải gắn với chất lượng dịch vụ công, năng lực cán bộ cơ sở, điều kiện tiếp cận dịch vụ của người dân ở địa bàn rộng, miền núi, biên giới, hải đảo và sự phù hợp giữa ranh giới hành chính mới với không gian phát triển, quy trình công việc và hạ tầng số.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ THỰC HIỆN MÔ HÌNH MỚI TRONG KHỐI QUỐC HỘI

Một là, phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, thường xuyên của Đảng. Mọi hoạt động của Quốc hội, nhất là nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi

mới phương thức hoạt động, hoàn thiện thể chế và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phải được đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, bám sát chủ trương, định hướng của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thực tiễn hoạt động của Đảng ủy Quốc hội cho thấy, những nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng cao đều gắn với vai trò lãnh đạo chủ động, quyết liệt của cấp ủy, đặc biệt là người đứng đầu, với tiến độ, trách nhiệm và sản phẩm cụ thể.

Hai là, phải gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chuyển đổi số. Tinh gọn bộ máy không chỉ là giảm đầu mối, giảm biên chế, mà phải đồng thời làm rõ chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, quy trình phối hợp, cơ chế kiểm soát quyền lực, sản phẩm đầu ra, dữ liệu dùng chung và công cụ số. Nếu chỉ giảm cơ học mà không tái cấu trúc quy trình công việc, không đổi mới phương thức quản trị, không lấy dữ liệu làm nền tảng giám sát, đánh giá, ra quyết định thì hiệu quả cải cách sẽ không bền vững.

Ba là, phải đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo đúng tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị. Thực tiễn 01 năm qua cho thấy, khi tư duy lập pháp được đổi mới thực sự, pháp luật được xây dựng theo hướng rõ ràng, khả thi, lấy người dân, doanh nghiệp và yêu cầu phát triển làm trung tâm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực thì có thể hoàn thành khối lượng lập pháp rất lớn trong thời gian ngắn, đồng thời tạo hành lang pháp lý để khai thông nguồn lực, phục vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Bốn là, phân cấp, phân quyền phải đi đôi với nguồn lực, dữ liệu, công cụ số, năng lực thực thi và trách nhiệm giải trình. Từ góc độ Quốc hội, đây là yêu cầu quan trọng cần được thể chế hóa đầy đủ trong quá trình xây dựng, sửa đổi luật, nghị quyết và giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật. Giao nhiệm vụ phải gắn với giao thẩm quyền, điều kiện bảo đảm, dữ liệu, công cụ thực hiện và cơ chế kiểm tra, giám sát tương ứng; tránh tình trạng phân cấp hình thức hoặc chuyển việc xuống cơ sở nhưng điều kiện thực hiện chưa theo kịp.

Năm là, phải lấy hiệu quả phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp và chất lượng hoạt động của cơ quan dân cử làm thước đo. Đối với Quốc hội, thước đo là chất lượng lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, chất lượng phục vụ đại biểu Quốc hội và cử tri. Đối với Hội đồng nhân dân, thước đo là chất lượng nghị quyết, hiệu quả giám sát, khả năng đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân và mức độ giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh ở địa phương.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Một là, tiếp tục hoàn thiện mô hình Đảng bộ Quốc hội và cơ chế lãnh đạo của Đảng trong Quốc hội. Cần tiếp tục cụ thể hóa đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, quy trình phối hợp giữa Đảng ủy Quốc hội với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước và các tổ chức đảng trực thuộc, bảo đảm vừa tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, thường xuyên của Đảng, vừa phát huy đúng vị trí, thẩm quyền hiến định của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế theo Kết luận số 17-KL/TW và Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI. Cần tổ chức thực hiện 192 nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI đúng tiến độ, có thứ tự ưu tiên, thời hạn, cơ quan chủ trì và cơ chế theo dõi, đôn đốc cụ thể; tập trung vào các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, tổ chức chính quyền địa phương, hoạt động giám sát, ngân sách nhà nước, đầu tư công, tài sản công, đất đai, xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn, dữ liệu, chuyển đổi số, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, tư pháp - hộ tịch, giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội; đồng thời tiếp tục hoàn thiện pháp luật và tăng cường giám sát việc điều chỉnh địa giới hành chính, chính quyền đô thị và đô thị hạt nhân theo hướng thận trọng, có tiêu chí, có đánh giá tác động, không sắp xếp cơ học.

Trong quá trình hoàn thiện thể chế, cần phân định rõ trách nhiệm theo đúng quy trình lập pháp. Chính phủ, bộ, ngành quản lý lĩnh vực chủ động rà soát, tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động, xác định rõ vướng mắc thuộc thẩm quyền xử lý bằng nghị định, thông tư, quy trình, biểu mẫu, phần mềm, dữ liệu; trường hợp vượt thẩm quyền hoặc cần sửa luật, pháp lệnh, nghị quyết thì chủ động chuẩn bị hồ sơ, đề xuất trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tập trung nâng cao chất lượng thẩm tra, thảo luận, quyết định, thông qua và giám sát việc tổ chức thi hành, nhất là giám sát văn bản quy định chi tiết, bảo đảm luật đi vào cuộc sống.

Ba là, rà soát, hoàn thiện khung tổ chức bộ máy của Quốc hội sau sắp xếp. Trọng tâm là đánh giá thực chất việc vận hành của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội sau khi sáp nhập, đổi tên, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ; phân định rõ phạm vi phụ trách, nguyên tắc xác định cơ quan chủ trì đối với các lĩnh vực liên ngành; hoàn thiện cơ chế phối hợp trong thẩm tra, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng; khắc phục giao thoa, chồng chéo hoặc bỏ trống nhiệm vụ. Đồng thời, xác định biên chế giai đoạn 2027-2031 trên cơ sở vị trí việc làm, khối lượng nhiệm vụ, sản phẩm

đầu ra, đặc thù cơ quan dân cử và yêu cầu chuyển đổi số, bảo đảm tinh gọn nhưng đủ năng lực vận hành.

Bốn là, hoàn thiện khung tổ chức và cơ chế hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Cần tiếp tục đánh giá chất lượng vận hành thực chất của Hội đồng nhân dân sau khi không tổ chức cấp huyện, nhất là ở cấp xã; nghiên cứu hoàn thiện quy định về Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu hoạt động chuyên trách, bộ máy tham mưu, giúp việc, chế độ thông tin, dữ liệu, quy trình kỳ họp, thẩm tra, giám sát, chất vấn, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và theo dõi kiến nghị sau giám sát; phân loại Hội đồng nhân dân cấp xã theo quy mô dân số, diện tích, tính chất đô thị, nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, đặc khu để bố trí tổ chức, kinh phí và điều kiện bảo đảm phù hợp.

Năm là, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình mới gắn với dữ liệu số. Việc đánh giá không chỉ dừng ở số lượng đầu mối giảm, số biên chế giảm, số văn bản ban hành, mà phải đo được bộ máy có thông suốt hơn không, thẩm quyền có rõ hơn không, trách nhiệm có cụ thể hơn không, thời gian xử lý công việc có nhanh hơn không, chi phí tuân thủ có giảm không, dữ liệu có liên thông hơn không, người dân và doanh nghiệp có được phục vụ tốt hơn không. Việc đánh giá cán bộ, công chức cần chuyển mạnh từ đánh giá bằng quy trình, hồ sơ sang đánh giá bằng kết quả, sản phẩm, dữ liệu, năng lực xử lý vấn đề, năng lực số và mức độ hài lòng của Nhân dân.

Sáu là, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng dữ liệu dùng chung phục vụ Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Cần tiếp tục phát triển Quốc hội số - Hội đồng nhân dân số như một cấu phần của chuyển đổi số trong hệ thống chính trị; hoàn thiện Kiến trúc Quốc hội số phiên bản 2.0; hình thành Trung tâm dữ liệu số của Quốc hội; phát triển cơ sở dữ liệu về nghị quyết Hội đồng nhân dân, giám sát, dân nguyện, kiến nghị cử tri, ngân sách, đầu tư công; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Trung ương và địa phương; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tra cứu, phân tích chính sách, hỗ trợ thẩm tra, giám sát, kiểm toán và theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau giám sát, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và tính chính xác của thông tin phục vụ quyết định chính sách.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư:

- Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp; trong đó tiếp tục phát huy vai trò

của Quốc hội trong thể chế hóa chủ trương của Đảng, giám sát việc tổ chức thực hiện, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, hướng dẫn hoạt động Hội đồng nhân dân.

- Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất định hướng phát triển Quốc hội số - Hội đồng nhân dân số; chỉ đạo triển khai thành lập Cục Chuyển đổi số thuộc Văn phòng Quốc hội, bảo đảm đủ năng lực tham mưu, điều phối, phát triển dữ liệu, nền tảng số, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ cơ quan dân cử địa phương tiếp cận các nền tảng dùng chung của Quốc hội.

- Chỉ đạo Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện việc hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền đi đôi với nguồn lực, dữ liệu, công cụ số, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực; khi giao nhiệm vụ cho địa phương, nhất là cấp xã, phải đồng thời giao nguồn lực, công cụ, dữ liệu, hướng dẫn nghiệp vụ và cơ chế kiểm tra, giám sát tương ứng.

2. Đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành căn cứ kết quả rà soát đã có, 28 nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và danh mục văn bản đang được các bộ, ngành, địa phương đề xuất xử lý để tiếp tục sửa đổi các nghị định, thông tư, quy trình, biểu mẫu, phần mềm, cơ sở dữ liệu chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; ưu tiên các nhóm còn vướng về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, tổ chức bộ máy, quy trình chuyên môn, chế độ báo cáo, dữ liệu dùng chung và trách nhiệm phối hợp.

Qua 01 năm vận hành, mô hình Đảng bộ Quốc hội bước đầu khẳng định tính đúng đắn, phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, thường xuyên của Đảng đối với Quốc hội và các cơ quan thuộc phạm vi lãnh đạo của Đảng ủy Quốc hội. Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy của Quốc hội đạt kết quả rõ nét, giảm đầu mối, giảm trung gian, tăng tính phối hợp liên thông, đồng thời đặt nền tảng cho việc tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, cơ chế phối hợp và chuyển đổi số.

Trong thời gian tới, Đảng ủy Quốc hội tiếp tục quán triệt sâu sắc sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và Ban Chỉ đạo Trung ương; phát huy vai trò của Quốc hội trong hoàn thiện thể chế, giám sát quyền lực, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; đổi mới phương thức hoạt động của cơ quan dân cử; thúc đẩy Quốc hội số - Hội đồng nhân dân số; góp phần nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình mới, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới và thực hiện thắng lợi hai mục tiêu 100 năm đã đề ra.

3. ĐẢNG ỦY MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG:

Kết quả thực hiện mô hình tổ chức bộ máy mới của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở đã được sắp xếp tinh gọn theo mô hình tổ chức bộ máy mới. Sau một năm triển khai vận hành tổ chức bộ máy mới, khối lượng công việc rất lớn, nhiều nhiệm vụ mới, nhiều nội dung chưa có tiền lệ, song dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và sự nỗ lực của hệ thống MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, mô hình tổ chức mới đã từng bước ổn định, bảo đảm hoạt động thông suốt, phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được giao.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam xin báo cáo tham luận về một số kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện mô hình tổ chức bộ máy mới, cụ thể như sau:

1. Về đặc điểm, tình hình

MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị, giữ vai trò tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên và Nhân dân; triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, thực hiện giám sát, phản biện xã hội. Vị trí, chức năng, tổ chức và hoạt động của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được quy định rõ trong Hiến pháp, các Nghị quyết của Đảng, Luật và Điều lệ của MTTQ Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp Trung ương được Bộ Chính trị ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy; Cơ quan ở cấp tỉnh do Ban Bí thư ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy.

Từ 1/7/2025, thực hiện chủ trương sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, Cơ quan tham mưu, giúp việc của MTTQ Việt Nam và 05 cơ quan của tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cơ sở được sắp xếp, hợp nhất thành 1 cơ quan Ủy ban MTTQ

Việt Nam[4] thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội. Cơ quan ở Trung ương có 21 đầu mối, trong đó có 09 ban, đơn vị tham mưu, giúp việc chung; 03 đơn vị sự nghiệp chung; 07 ban tham mưu, giúp việc trực tiếp cho các tổ chức chính trị - xã hội. Ở cấp tỉnh có 9-10 đầu mối[5]; Cơ quan ở cấp xã có 8-10 công chức tham mưu, giúp việc. Toàn hệ thống MTTQ Việt Nam hiện thực hiện 92 nhiệm vụ ở 03 cấp; trong đó cấp Trung ương 36 nhiệm vụ, cấp tỉnh 27 nhiệm vụ, cấp xã 29 nhiệm vụ.

2. Kết quả đạt được

Thực tiễn vận hành mô hình tổ chức bộ máy mới đã từng bước phát huy được ưu điểm nổi bật về tổ chức bộ máy tinh gọn, đổi mới nội dung phương thức hoạt động, cơ chế phối hợp, huy động sức mạnh tổng hợp của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Cụ thể một số kết quả như sau:

(1) Tổ chức bộ máy của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được sắp xếp tinh gọn, giảm đầu mối, từ 06 cơ quan tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở đã hợp nhất thành 01 cơ quan; số đầu mối tham mưu, giúp việc của cơ quan ở Trung ương giảm từ 62 xuống còn 21 đầu mối (tỷ lệ 66,1%), đối với cơ quan cấp tỉnh giảm từ 32 xuống còn 10 đầu mối (tỷ lệ 68,2%); về biên chế giảm ở cơ quan Trung ương giảm từ 2.185 người xuống còn 1.686 người (tỷ lệ 22,8%). Trong công tác cán bộ, Ban Thường trực đã ban hành 18 quyết định bổ nhiệm Vụ trưởng và tương đương, 124 quyết định bổ nhiệm Phó Vụ trưởng và tương đương; đồng thời ban hành hơn 400 quyết định tiếp nhận, điều động công chức, viên chức từ các cơ quan của các tổ chức chính trị - xã hội về các ban, đơn vị tham mưu, giúp việc chung.

(2) Để triển khai thực hiện, vận hành bộ máy mới đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ Ban Thường trực Ủy ban Trung ương đã ban hành 34 quyết định, quy chế liên quan đến tổ chức hoạt động của cơ quan; các quy định chức năng, nhiệm vụ của các ban, đơn vị trực thuộc; ban hành 27 văn bản hướng dẫn đối với cấp tỉnh, cấp xã; Thường trực các tổ chức chính trị - xã hội ban hành 26 văn bản hướng dẫn đến hệ thống của mình. Toàn hệ thống đã tổ chức 12 hội nghị quán triệt, phổ biến chủ trương, quy định mới; Ban Thường trực và Thường trực các tổ chức chính trị - xã hội thành lập 14 đoàn công tác nắm tình hình địa phương, cơ sở; tổ chức 04 hội nghị

[4] Quyết định 304-QĐ/TW của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

[5] Quy định số 301-QĐ/TW của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã.

trực tuyến toàn quốc để tiếp nhận, giải đáp khó khăn, vướng mắc phát sinh. Việc chủ động ban hành kịp thời hệ thống các văn bản, đã thể hiện sự quyết tâm, chủ động trong chuyển đổi, vận hành mô hình tổ chức mới, đây cũng là yếu tố quan trọng giúp bộ máy mới nhanh chóng ổn định, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, không có khoảng trống trong chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ trong toàn hệ thống, quá trình vận hành tổ chức bộ máy mới trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị được xác định rõ, đảm bảo nguyên tắc "một việc - một đầu mối chủ trì", làm rõ trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, trách nhiệm cá nhân, cách thức phối hợp và thẩm quyền xử lý công việc.

(3) Về kết quả vận hành theo tổ chức bộ máy mới: Tổ chức và hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Nam đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy được vai trò chủ trì phối hợp và thống nhất hành động của MTTQ Việt Nam hoạt động thông suốt; huy động được sức mạnh tổng hợp của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung và các nhiệm vụ đặc thù của từng tổ chức, trong thời gian qua đã triển khai và hoàn thành tốt nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như: Tham gia các hoạt động A80; Đại hội Đảng các cấp; Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; triển khai, phát động các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hiện an sinh xã hội, các hoạt động cứu trợ được triển khai sâu rộng, thiết thực, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương, cơ sở. Trong một thời gian ngắn nhưng hệ thống MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội đã phối hợp cùng chuẩn bị, tổ chức thành công và triển khai đồng bộ nghị quyết Đại hội MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được hội viên, đoàn viên và nhân dân quan tâm, đánh giá cao.

(4). MTTQ các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và điều hành trên môi trường điện tử tạo ra động lực mới cho hoạt động của hệ thống. Đến nay, hệ thống điều hành tác nghiệp MTTQ Việt Nam đã triển khai thống nhất từ Trung ương đến cấp xã với hơn 50.000 tài khoản sử dụng và hơn 6 triệu văn bản đã được xử lý; triển khai hiệu quả phần mềm cơ sở dữ liệu trực tuyến từ cấp Trung ương đến Ban Công tác Mặt trận qua đó thu thập báo cáo định kỳ hàng tuần của hơn 83.000 thôn, bản, tổ dân phố ngay sau sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp. Trong công tác lưu trữ, MTTQ Việt Nam đã xây dựng hệ thống quản lý tài liệu tập trung, cho phép tra cứu 22.647 tài liệu đã số hóa với 122.866 trang. Đây là nền tảng quan trọng để đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian xử lý công việc; từng bước

hình thành Trung tâm vận hành mới ở cơ sở trên nền tảng dữ liệu và kết nối số. Cùng với đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tập trung triển khai hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số" trong thười gian qua đã tổ chức 24.991 buổi phổ cập kỹ năng số trực tiếp cho 592.900 hội viên, đoàn viên, nhân dân tham gia, với các nội dung tập trung hỗ trợ người dân về dịch vụ công trực tuyến, kỹ năng số, sử dụng thiết bị thông minh…

(5). Chất lượng phục vụ Nhân dân, đoàn viên, hội viên và hiệu quả phối hợp trong hệ thống có chuyển biến tích cực, cải cách hành chính, số hóa quy trình xử lý công việc được quan tâm đẩy mạnh; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, trao đổi thông tin giữa các cấp, giữa các tổ chức trong cùng hệ thống, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu, tổng hợp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn hệ thống chủ động thích ứng với mô hình mới; tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính được nâng lên, tạo chuyển biến tích cực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Hệ thống Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ phát huy tốt vai trò tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân, nắm tình hình cơ sở; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; nâng cao chất lượng các phong trào, cuộc vận động; tiếp nhận, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân. Triển khai Cổng Mặt trận số 24/7 - Tiếp nhận phản ánh kiến nghị của người dân, bước đầu phát huy hiệu quả, thời gian qua đã tiếp nhận gần 3.000 phản ánh, kiến nghị của Nhân dân; từ đó giúp các cấp Mặt trận theo dõi, chuyển xử lý và giám sát kết quả giải quyết thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, MTTQ Việt Nam đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI xây dựng kênh thông tin thu thập, tổng hợp thông tin dư luận trên internet dự trên dữ liệu lớn (bigdata), qua đó trong thời gian qua đã thu thập, phân tích 79.676.982 tin bài liên quan đến tình hình nhân dân trên các nền tảng số.

(6). Mô hình mới bước đầu tạo thêm dư địa để phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, tăng cường tiếp nhận, phối hợp xử lý nhiều nhiệm vụ hơn, từ công tác dân vận, nắm tình hình Nhân dân, giám sát cộng đồng, phản ánh kiến nghị, an sinh xã hội đến phối hợp với chính quyền cơ sở. Cùng với đó, toàn hệ thống MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục tham gia tập hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân, doanh nghiệp; giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách; hỗ trợ triển khai các phong trào thi đua yêu nước, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Kết quả này cho thấy mô hình mới không chỉ phục vụ mục tiêu tinh gọn bộ máy, mà tạo động lực cho đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hiệu quả thiết thực, hướng về cơ sở, góp phần củng cố đồng thuận từ cơ sở, giải phóng nguồn lực và tạo điều kiện tốt hơn để hoàn thành nhiệm vụ chính trị của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội trong giai đoạn phát triển mới.

Những kết quả nêu trên, bước đầu khẳng định chủ trương sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là đúng đắn, phù hợp yêu cầu thực tiễn.

3. Hạn chế, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình vận hành mô hình tổ chức bộ máy mới vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc cần tập trung khắc phục để tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động trong thời gian tới.

(1) Việc cụ thể hóa nội dung về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp và mối quan hệ công tác chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, trong mô hình 1 cơ quan tham mưu, giúp việc cho 6 tổ chức song quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ vẫn phải đảm bảo tính hoạt động tương đối độc lập của mỗi tổ chức theo quy định của Điều lệ, việc quản lý tài chính, tài sản, công tác cán bộ và trách nhiệm giải trình của từng tổ chức còn hạn chế, chưa rõ trong cơ quan tham mưu giúp việc chung. Mô hình tổ chức đảng của các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh hiện chưa phù hợp quy định của Điều lệ (không có cơ quan hành chính ngang cấp).

(2) Kết quả rà soát cho thấy còn 36 nhóm nhiệm vụ giao thoa ở Cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, 11 nhóm nhiệm vụ giao thoa ở cấp tỉnh và 08 nhóm nhiệm vụ giao thoa ở cấp xã. Các nội dung giao thoa chủ yếu tập trung ở các mảng: tổng hợp chương trình, kế hoạch, báo cáo; công tác tổ chức bộ máy và cán bộ; giám sát, phản biện xã hội; triển khai phong trào, cuộc vận động; tuyên truyền, vận động nắm tình hình Nhân dân, đoàn viên, hội viên; tài chính, tài sản; dữ liệu và chuyển đổi số. Điều này làm cho thấy cần tiếp tục phân định rõ hơn nữa đầu mối chủ trì, đầu mối phối hợp.

(3) Cấp xã hiện chỉ có khoảng từ 8 đến 10 biên chế công chức, chất lượng còn hạn chế nhưng thực hiện, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động ở địa bàn rộng. Qua khảo sát thực tiễn một số nơi địa bàn rộng cán bộ quá tải về công việc, khó bố trí cán bộ, thiếu cán bộ nhất là ở lĩnh vực đòi hỏi có trình độ, chuyên môn sâu về công tác giám sát, phản biện xã hội, nắm tình hình Nhân dân và chuyển đổi số...

(4) Chuyển đổi số tuy có bước tiến nhưng chưa đồng đều và đồng bộ trong toàn hệ thống, dữ liệu còn phân tán ở nhiều đầu mối, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Mặt trận với các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong hệ thống còn hạn chế; nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin còn mỏng.

4. Bài học kinh nghiệm

(1) Thực tiễn cho thấy ở đâu cấp ủy quan tâm lãnh đạo sâu sát, người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, duy trì nền nếp giao ban, thường xuyên rà soát tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ thì ở đó bộ máy vận hành ổn định hơn, sự phối hợp chặt chẽ hơn, đồng thời ít phát sinh lúng túng, vướng mắc hơn trong quá trình tổ chức thực hiện.

(2) Phải kịp thời cụ thể hóa chủ trương, định hướng bằng quy chế, quy định, hướng dẫn nội bộ; đồng thời xác định rõ đầu mối chủ trì, đầu mối phối hợp, quy trình xử lý và trách nhiệm đến cùng đối với từng nhóm việc để bảo đảm tổ chức thực hiện thống nhất, thông suốt, hạn chế chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

(3) Phải gắn việc sắp xếp tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ và đổi mới phương thức quản trị, điều hành; việc giảm đầu mối chỉ thực sự có ý nghĩa khi đồng thời nâng cao được chất lượng phối hợp, hiệu quả xử lý công việc và năng lực thực thi nhiệm vụ của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị.

(4) Phải xác định chuyển đổi số không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà là giải pháp quan trọng để đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng quản trị, điều hành, tăng tính kết nối trong toàn hệ thống và hỗ trợ phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

5. Một số mô hình, cách làm sáng tạo

Sau một năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy mới, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã chủ động đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phát huy hiệu quả nhiều mô hình, cách làm sáng tạo phù hợp với thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Mặt trận trong điều kiện tổ chức bộ máy mới, cụ thể:

(1) Duy trì chế độ giao ban ngắn hằng tuần theo hướng liên thông, liên khối để rà soát tiến độ, kịp thời xử lý các nội dung giao thoa; đồng thời thành lập các tổ công tác trực tiếp xuống cơ sở, bám địa bàn, bám việc, hướng dẫn và tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành mô hình mới.

(2) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền, vận động và nắm bắt tình hình nhân dân sử dụng dữ liệu và dữ liệu lớn. Duy trì hiệu quả các nhóm Zalo cộng đồng, nhóm kết nối khu dân cư, tạo kênh thông tin nhanh chóng giữa MTTQ các cấp; Thành lập Tổ công tác hỗ trợ chuyển đổi số, để hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, phản ánh kiến nghị qua các nền tảng số, góp phần nâng cao hiệu quả tương tác giữa chính quyền và nhân dân.

(3) Phát huy hiệu quả các mô hình tự quản tại cộng đồng dân cư gắn với Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Nhiều địa phương đã duy trì các mô hình như: tuyến đường "Sáng - xanh - sạch - đẹp", khu dân cư không rác thải, khu dân cư an toàn, văn minh, tổ nhân dân tự quản bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự. Các mô hình đã phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong tham gia quản lý địa bàn dân cư, góp phần giảm áp lực cho chính quyền cơ sở và nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng.

(4) Linh hoạt thực hiện luân chuyển, biệt phái cán bộ đến địa bàn khó khăn, địa bàn phát sinh nhiều nhiệm vụ sau sắp xếp; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số như "Mặt trận số", "Hòm thư số" tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để nắm bắt tình hình từ sớm, từ xa, tăng tính công khai, kịp thời trong tiếp nhận, xử lý thông tin và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống.

(5) Nhiều địa phương chủ động bố trí cơ quan MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng làm việc tập trung để tạo điều kiện phối hợp chặt chẽ hơn trong triển khai nhiệm vụ, hỗ trợ lẫn nhau về điều kiện hoạt động, đồng thời giảm phân tán đầu mối, tiết kiệm chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả sử dụng trụ sở, trang thiết bị dùng chung.

Thông qua các mô hình và cách làm trên, vai trò phối hợp giữa MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội với chính quyền cơ sở ngày càng được tăng cường; nhiều vấn đề phát sinh tại cơ sở được nắm bắt, giải quyết kịp thời ngay từ địa bàn dân cư, góp phần giữ vững ổn định xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

6. Nhiệm vụ giải pháp thực hiện trong thời gian tới

(1) Tiếp tục rà soát, sửa đổi đồng bộ quy chế, quy định nội bộ liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; hoàn thiện quy chế phối hợp công tác trong toàn hệ thống; xác định rõ đầu mối chủ trì, đầu mối phối hợp, thẩm quyền xử lý, trách nhiệm giải trình, thời hạn và sản phẩm đối với từng nhóm nhiệm vụ; phân công, phân định rõ đối với các nhiệm vụ đang giao thoa để thực hiện đúng nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan, đơn vị chủ trì.

(2) Đánh giá thực tiễn tổ chức và hoạt động của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng về cơ sở, tăng cường nắm bắt tình hình các tầng lớp Nhân dân, tập hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân để kịp thời phản ánh, đề xuất tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở, địa bàn dân cư.

(3) Tiếp tục cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ gắn với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ của mô hình mới; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo kết quả, sản phẩm và dữ liệu công việc; biệt phái, tăng cường cán bộ cho các địa bàn khó khăn, cử cán bộ đi cơ sở nâng cao thực tiễn; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong các lĩnh vực giám sát, phản biện xã hội, công tác xã hội, chuyển đổi số.

(4) Tích cực thực hiện, vận hành thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung của hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu đoàn viên, hội viên, cán bộ, tổ chức cơ sở; xác định rõ đơn vị chịu trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, xác thực và khai thác dữ liệu theo từng cấp; tăng tỷ lệ xử lý công việc, hồ sơ điện tử, văn bản điện tử trên môi trường số.

7. Đề xuất, kiến nghị

(1) Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục chỉ đạo sửa đổi, bổ sung Quyết định số 304-QĐ/TW và Quy định số 301-QĐ/TW theo hướng làm rõ hơn mô hình tổ chức của cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam và Cơ quan của các tổ chức chính trị - xã hội của Trung ương và cấp tỉnh bảo đảm vừa phát huy sức mạnh tổng hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, vừa đảm bảo được tính độc lập tương đối cần thiết của từng tổ chức chính trị - xã hội. Xem xét cho nghiên cứu, sửa đổi mô hình tổ chức đảng phù hợp đối với hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, tập trung của Đảng nhưng vẫn phù hợp với tính chất đặc thù của khối Mặt trận, đoàn thể.

(2) Đề nghị Ban Bí thư xem xét tăng biên chế công chức của Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, đồng thời bổ sung thêm 01 Phó Chủ tịch chuyên trách công tác MTTQ để bảo đảm điều hành thường xuyên, trực tiếp các công việc của Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

(3) Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành quan tâm bố trí nguồn lực, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị làm việc, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung trong toàn hệ thống; sớm tháo gỡ vướng mắc trong sắp xếp đơn vị sự nghiệp, xử lý tài sản công, trụ sở, nhà đất, cơ chế tài chính.

Tóm lại: Qua thực tiễn 01 năm triển khai vận hành mô hình tổ chức bộ máy mới của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có thể khẳng định rằng, chủ trương của Đảng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là hoàn toàn đúng đắn, kịp thời và phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Mặc dù trong quá trình triển khai còn có những khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục hoàn thiện, song thực tiễn bước

đầu đã chứng minh mô hình mới được tổ chức triển khai thống nhất từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, xuyên suốt của Đảng; bộ máy vận hành ổn định, thông suốt, không làm gián đoạn nhiệm vụ chính trị, tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Những kết quả đạt được sau một năm vận hành là tiền đề quan trọng để tiếp tục củng cố niềm tin, hoàn thiện cơ chế, chính sách, phương thức hoạt động theo hướng đồng bộ, khoa học, hiện đại. Với quyết tâm chính trị cao, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và tinh thần chủ động, đổi mới của toàn hệ thống, tin tưởng rằng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

4. ĐẢNG ỦY CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRUNG ƯƠNG:

Nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương

Thực hiện chủ trương lớn về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, Bộ Chính trị quyết định thành lập Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương là một quyết sách quan trọng, thể hiện bước phát triển mới trong tư duy tổ chức và phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Việc thành lập mô hình này không đơn thuần là điều chỉnh cơ cấu tổ chức hay sắp xếp lại đầu mối quản lý, mà sâu xa hơn là bước tái cấu trúc quan trọng trong cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tham mưu chiến lược, cơ quan tư pháp trung ương, cơ quan lý luận chính trị và các thiết chế truyền thông – tư tưởng trọng yếu của quốc gia. Cùng với việc thành lập Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương, việc kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, tăng nhiệm vụ, quyền hạn cho các đảng ủy, sáp nhập Ban Dân vận Trung ương và Ban Tuyên giáo Trung ương thành lập Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương đã tạo ra một chỉnh thể mới, thể hiện tư duy quản trị hiện đại, đổi mới phương thức cầm quyền, phù hợp với yêu cầu đổi mới mà thời đại đặt sứ mệnh lên vai của Đảng và từng đảng viên.

Sau 01 năm vận hành, có thể khẳng định mô hình Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương bước đầu phát huy hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của Nhà nước; đồng thời tạo chuyển biến rõ nét trong năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, thực tiễn vận hành mô hình tổng thể hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp cũng đặt ra yêu cầu mới, thách thức mới, xuất hiện đồng thời cả thuận lợi và khó khăn, trong đó thách thức lớn nhất không còn nằm chủ yếu ở việc sắp xếp tổ chức bộ máy, mà nằm ở việc chuyển hóa mô hình tổ chức mới thành năng lực vận hành thực chất, năng lực lãnh đạo cao hơn, năng lực quản trị tốt hơn và năng lực thực thi mạnh hơn. Vì vậy Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương càng phải nhận diện rõ hơn yêu cầu mới, lãnh đạo các đảng ủy trực thuộc và phối hợp với lãnh đạo các cơ quan Đảng Trung ương thực hiện tốt vai trò là bộ tham mưu chiến lược của Đảng trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

I. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VẬN HÀNH MÔ HÌNH MỚI VÀ NHỮNG CHUYỂN BIẾN NỔI BẬT SAU 01 NĂM

1. Mô hình mới bước đầu khẳng định tính đúng đắn, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Sau 01 năm vận hành, mô hình Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương đã khẳng định tính đúng đắn của chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Thời điểm thành lập tháng 01/2025, Đảng bộ có 14 đảng bộ trực thuộc với 8.875 đảng viên; đến tháng 5/2026, sau khi tiếp nhận thêm 05 đảng bộ cấp trên cơ sở, quy mô Đảng bộ tăng lên 19 đảng bộ trực thuộc trong đó có 12/19 tổ chức đảng có chức năng lãnh đạo toàn diện[6]; 105 đảng bộ cơ sở, 05 đảng bộ bộ phận, 75 chi bộ cơ sở, 839 chi bộ trực thuộc với tổng số 14.917 đảng viên. Xét về quy mô, số lượng tổ chức đảng và đảng viên không lớn so với toàn hệ thống chính trị, song đây là khu vực đặc biệt quan trọng, tập trung các cơ quan giữ vai trò "bộ não chiến lược" của Đảng và Nhà nước.

Điểm nổi bật nhất là phạm vi lãnh đạo, trách nhiệm chính trị và thẩm quyền của cấp ủy được mở rộng đáng kể. Theo quy định mới, Ban Chấp hành Đảng bộ được giao 30 nhiệm vụ, quyền hạn; Ban Thường vụ được giao 27 nhiệm vụ; tập thể Thường trực Đảng ủy được Ban Thường vụ ủy quyền thực hiện 15 nhiệm vụ. Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy được giao 97 nhiệm vụ (*Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy 12 nhiệm vụ, Ban Tổ chức Đảng ủy 21 nhiệm vụ, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy 15 nhiệm vụ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy 24 nhiệm vụ; Văn phòng Đảng ủy 25 nhiệm vụ*). Nội dung các nhiệm vụ, quyền hạn được giao rõ ràng, cụ thể hơn so với quy định trước đây đối với mô hình đã kết thúc hoạt động. Các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng được tinh gọn tổ chức bộ máy, xác định rõ hơn về chức năng nhiệm vụ, cụ thể là: Ban Tổ chức Trung ương có 38 nhiệm vụ (*trong đó có 26 nhiệm vụ có thể thực hiện ngay, chiếm 68,4% tổng số nhiệm vụ*); Ủy ban Kiểm tra Trung ương có 28 nhiệm vụ (*trong đó có 23 nhiệm vụ có thể thực hiện ngay, chiếm 82,1% tổng số nhiệm vụ),* Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương có 18 nhiệm vụ (*trong đó có 13 nhiệm vụ có thể thực hiện ngay, chiếm 72,2% tổng số nhiệm vụ*), Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương có 37 nhiệm vụ (*trong đó có 35 nhiệm vụ có thể thực hiện ngay, chiếm 94,6% tổng số nhiệm vụ*), Ban Nội chính Trung ương có 18 nhiệm vụ (*trong đó có 13 nhiệm vụ có thể thực hiện ngay, chiếm 72,2% tổng số nhiệm vụ*), Ban Chính sách và Chiến lược Trung ương có 16 nhiệm

[6] Đảng ủy: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Báo Nhân Dân, Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và xã hội Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật và Đảng ủy Văn phòng Chủ tịch nước.

vụ (*trong đó có 11 nhiệm vụ có thể thực hiện ngay, chiếm 68,8% tổng số nhiệm vụ*), Văn phòng Trung ương có 20 nhiệm vụ, (*trong đó có 8 nhiệm vụ có thể thực hiện ngay, chiếm 40% tổng số nhiệm vụ*).

Đối với các đảng ủy trực thuộc: Đảng ủy cấp trên trực tiếp tổ chức sở đảng truộc thuộc có hai nhóm; (1) Nhóm hoạt động theo Quyết định số 253-QĐ/TW,ngày 24/01/2025 của Ban Bí thư (*Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao*), Đảng ủy được giao 26 nhiệm vụ, ban thường vụ đảng ủy được giao 34 nhiệm vụ, (2) Nhóm hoạt động theo Quy đinh số 34-QD/TWngày 14/10/2021 của Ban Bí thư về chức năg, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy đảng ủy đơn vị sự nghiệpTrung ương (*các đảng ủy: Báo Nhân dân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Tạp chí Cộng sản, Học viện chính trịuốc gia Hồ Chí Minh, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Viện Hàn Lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam*) trong đo đảng ủy đươc giao 20 nhiệm vụ, không quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ; (3) Quyết số 123-QĐ/TW, ngày 13/12/2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở đảng trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương (*Đảng ủy Văn phòng Trung ương đag thực hiện theo quy định này*) quy định, đảng ủy 22 nhiệm vụ, không quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ. Nhóm đảng ủy cơ sở: Đảng ủy lãnh đạo toàn diện (*Văn phòng Chủ tịch nước*) theo Quyết định số 255-ĐU/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Bí thư, đảng ủy được giao 28 nhiệm vụ, ban thường vụ được giao 32 nhiệm vụ. Đảng ủy không lãnh đạo toàn diện hoạt động theo Quy định số 138-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan, đơn vi quy định đảng ủy có 30 nhiệm vụ. Trong các quy định, quyết định nêu trên, nhóm các quyết định áp dụng cho đảng ủy, chi bộ cơ sở ở cơ quan kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng cơ bản đã rõ về nhiệm vụ, thẩm quyền của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy, đảng bộ, chi bộ cơ sở.

Từ mô hình tổ chức và phương thức hoạt động mới, qua thực tiễn 01 năm hoạt động cho thấy mô hình mới đã góp phần rút ngắn đáng kể khoảng cách từ chủ trương của Trung ương tới hành động của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. Nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu năng lực cầm quyền của Đảng trong giai đoạn mới ngày càng phải được nâng cao thực chất về; (i) năng lực hoạch định đường lối chiến lược; (ii) năng lực thể chế hóa chủ trương; (iii) năng lực tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Chất lượng vận hành của Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương được nâng lên rõ nét theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả

Một trong những chuyển biến rõ nhất là bộ máy cơ quan chuyên trách được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, giảm mạnh tầng nấc trung gian. Cơ quan chuyên trách Đảng ủy hiện có 34/35 biên chế công chức, gồm 4 ban tham mưu, giúp việc và Văn phòng Đảng ủy; đặc biệt không tổ chức cấp phòng. Việc sắp xếp lại bộ máy đã giảm 04 trưởng ban tham mưu, giúp việc, 05 - 06 phó ban tham mưu, giúp việc; 13 trưởng phòng và khoảng 20 phó phòng. Việc cắt giảm đầu mối trung gian không chỉ làm giảm chi phí vận hành mà còn rút ngắn quy trình xử lý công việc, tăng tính trực tiếp trong tham mưu, điều phối và ra quyết định.

Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm 45 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 22 đồng chí; Thường trực gồm 05 đồng chí, trong đó có 04 đồng chí phó bí thư chuyên trách, Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư làm Bí thư Đảng ủy, Đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Phó Bí thư Thường trực, Thủ trưởng cơ quan Đảng ủy. Trưởng các ban tham mưu, giúp việc do các đồng chí phó bí thư đảng ủy kiêm nhiệm; phân công 03 đồng chí Ủy viên Ban Chấp Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư Đảng ủy cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương ương kiêm nhiệm chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Phó trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy, Phó trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy. Sau 01 năm, hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy và các cấp ủy trực thuộc ngày càng đi vào nền nếp, phát huy tốt vai trò lãnh đạo công tác xây dựng đảng và lãnh đạo hoặc phối hợp lãnh đạo nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ tại các cơ quan, đơn vị trong Đảng bộ.

Các đảng ủy ở các cơ quan kết thúc hoạt động của ban cán sự Đảng hoàn thiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy. Thành lập ban tổ chức đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy, ban tuyên giáo và dân vận đảng ủy, văn phòng đảng ủy, đồng thời bố trí cán bộ hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng chí thủ trưởng cơ quan làm bí thư đảng ủy, các đồng chí cấp phó tham gia ban thường vụ, thường trực đảng ủy, bố trí 01 đồng chí phó bí thư chuyên trách. Các đảng ủy của đơn vị sự nghiệp Trung ương thường xuyên kiện toàn tổ chức, bộ máy phù hợp với mô hình sau khi tinh giản tổ chức. Sau 01 năm vận hành cho thấy mô hình đang vận hành bước đầu ổn định; cắt giảm một số khâu trung gian, chủ động thực hiện nhiệm vụ đã được quy định rõ.

3. Năng lực lãnh đạo, điều hành của Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương được cải thiện rõ nét chuyển từ mô hình nặng về đầu mối tổ chức sang mô hình chú trọng hiệu quả vận hành thực chất

Hiệu quả vận hành của mô hình mới được phản ánh khá rõ qua kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy trong các đảng ủy trực thuộc. Toàn Đảng bộ đã giảm 110 đơn vị cấp vụ và tương đương (25,06%), 440 đơn vị cấp phòng (35,5%), 35 đơn vị sự nghiệp công lập (38,89%). Kết quả này giúp giảm đáng kể trùng lặp chức năng, tăng hiệu quả phối hợp liên ngành, giảm chi phí hành chính và nâng cao hiệu quả điều hành. Ở khối tư pháp, kết quả tinh gọn rất rõ nét: Ngành Tòa án đã giảm 03 Tòa án cấp cao, 20 đơn vị cấp vụ, 29 Tòa án cấp tỉnh, 338 Tòa án cấp huyện, 236 đơn vị cấp phòng, 666 biên chế. Ngành Kiểm sát giảm 921 đơn vị quản lý, 2.388 vị trí lãnh đạo, quản lý 1.563 biên chế; kết thúc hoạt động 02 ban cán sự đảng; giảm 02 văn phòng ban cán sự đảng, 6 cán bộ cấp vụ, 15 biên chế công chức; chuyển chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự về đang ủy. Những kết quả trên cho thấy năng lực lãnh đạo của Đảng đang từng bước chuyển từ mô hình nặng về đầu mối tổ chức sang mô hình chú trọng hiệu quả vận hành thực chất.

4. Năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ có chuyển biến tích cực: Một trong những kết quả ấn tượng nhất là chỉ trong thời gian ngắn, các cơ quan tham mưu, giúp việc của trục Đảng đã hoàn thành khối lượng công việc rất lớn bao gồm 273 nhiệm vụ; trong đó tham mưu với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành hơn 200 văn bản là các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế về lãnh đạo việc sắp xếp tổ chức, vận hành bộ máy, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy mô hình mới và các vấn đề liên quan. Trong đó riêng Ban Tổ chức Trung ương - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương tham mưu với Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo ban hành hơn 150 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo. Từ hoạt động theo mô hình tổ chức mới, năng lực của cán bộ ở các cơ quan Trung ương được nâng tầm, các nội dung tham mưu có tính dự báo cao, tầm nhìn rộng, phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển của xã hội theo định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Ở Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, hiệu quả phân cấp, phân quyền được thể hiện rõ trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy theo tinh thần rõ người, rõ việc; quy định cụ thể hơn về nhiệm vụ, quyền hạn gắn với yêu cầu về tiến độ và chất lượng; thực hiện chế độ lấy ý kiến thành viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy thông qua hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng Trung ương vì vậy hiệu quả lãnh đạo, phối hợp lãnh đạo của Đảng ủy đạt được nhiều kết quả có tính đột phá thể

hiện trong kết quả tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong 01 năm qua. Song song với đó, chuyển đổi số đã tạo bước đột phá đáng kể. Đến nay 100% dữ liệu đảng viên đã được chuẩn hóa; 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện chữ ký số được áp dụng, trên 90% hồ sơ, văn bản được xử lý điện tử, trên 60% quy trình được vận hành toàn trình trên môi trường số.

Kết quả từ thực tiễn nêu trên cho thấy mô hình năng lực của bộ máy và cán bộ hiện nay để đáp ứng yêu cầu phát triển thì năng lực lãnh đạo của Đảng, năng lực quản trị của Nhà nước và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ không còn là ba năng lực tách rời, mà ngày càng cấu thành một chỉnh thể thống nhất, tương tác chặt chẽ trong toàn bộ trục vận hành từ Trung ương đến cấp xã.

II. MỘT SỐ HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC

Bên cạnh những kết quả tích cực bước đầu, thực tiễn 01 năm vận hành mô hình Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương cũng cho thấy một số hạn chế, vướng mắc cần sớm được nhận diện đầy đủ để có giải pháp tháo gỡ đồng bộ, căn cơ.

Tại cuộc làm việc với Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 01 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã kết luận: "*Bộ máy đã được sắp xếp nhưng chất lượng vận hành chưa đồng đều. Số lượng đầu mối tổ chức bộ máy đã giảm nhưng hiệu quả quản trị chưa đạt yêu cầu. Thẩm quyền được phân cấp song nguồn lực, năng lực và công cụ thực thi chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thực tiễn trong giai đoạn mới*[7]" cho thấy thách thức lớn nhất hiện nay không còn nằm ở việc thiết kế mô hình tổ chức, mà nằm ở việc tối ưu hóa cơ chế vận hành để chuyển ưu thế của mô hình tổ chức thành năng lực vận hành thực chất. Nói cách khác, vấn đề hiện nay không còn là "sắp xếp bộ máy", mà là "nâng cao chất lượng vận hành bộ máy".

1. Vướng mắc về thể chế và cơ chế vận hành vẫn là lực cản lớn đối với việc nâng cao chất lượng vận hành mô hình mới: Mặc dù tổ chức bộ máy đã được kiện toàn theo hướng tinh gọn, song hệ thống thể chế, quy chế, quy trình vận hành ở một số lĩnh vực vẫn chưa được hoàn thiện đồng bộ theo yêu cầu của mô hình mới.

Một số quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa cấp ủy với cơ quan chuyên môn; giữa cơ quan tham mưu của Đảng với cơ quan quản lý nhà nước; giữa cấp ủy với lãnh đạo cơ quan còn có nội dung giao thoa. Ở một số trường hợp, ranh giới giữa thẩm quyền lãnh đạo, thẩm quyền quản lý và thẩm quyền thực thi chưa được xác lập đầy đủ. Thực tế này phản ánh tốc độ đổi mới tổ

[7] Thông báo số 100-KL/TW, ngày 19/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

chức bộ máy đang nhanh hơn tốc độ hoàn thiện thể chế. Khi mô hình tổ chức mới được hình thành nhưng cơ chế vận hành vẫn mang dấu ấn của cấu trúc cũ, hiệu năng vận hành khó có thể đạt mức tối ưu. Đây là đặc điểm phổ biến của mọi quá trình cải cách thể chế quy mô lớn.

Nguyên nhân căn bản nằm ở chỗ: việc đổi mới hiện nay không chỉ là điều chỉnh cơ cấu tổ chức, mà thực chất là quá trình tái thiết kế phương thức lãnh đạo, cầm quyền, quản trị và phối hợp trong toàn hệ thống chính trị. Vì vậy, hướng tháo gỡ căn bản là phải tiếp tục hoàn thiện thể chế đồng bộ với mô hình tổ chức; rà soát toàn diện các quy chế, quy trình công tác; làm rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm, cơ chế phối hợp và trách nhiệm giải trình của từng chủ thể trong hệ thống.

2. Phân cấp, phân quyền chưa thật sự đồng bộ với phân bổ nguồn lực và cơ chế kiểm soát quyền lực: Sau 01 năm vận hành, có thể thấy chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đã tạo chuyển biến tích cực; tuy nhiên ở một số lĩnh vực vẫn tồn tại tình trạng giao nhiệm vụ nhưng chưa giao đủ thẩm quyền; giao thẩm quyền nhưng khi thực hiện vẫn phải báo cáo xin ý kiến cấp trên; hoặc phân quyền nhưng cơ chế kiểm soát quyền lực chưa được thiết kế đầy đủ. Trách nhiệm được chuyển xuống cấp dưới nhưng quyền chủ động và điều kiện thực hiện chưa được trao tương ứng, do đó, bộ máy có thể được phân cấp về hình thức nhưng chưa đạt được sự phân quyền thực chất. Nguyên nhân sâu xa không chỉ nằm ở kỹ thuật phân cấp, mà còn bắt nguồn từ tư duy quản lý còn nặng về tiền kiểm, tâm lý e ngại rủi ro, né tránh trách nhiệm và chưa chuyển mạnh sang quản trị theo mục tiêu, theo hiệu quả đầu ra.

Vì vậy cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp theo nguyên tắc: giao quyền phải đi đôi với giao nguồn lực; phân quyền phải đi đôi với kiểm soát quyền lực; trao quyền phải gắn với trách nhiệm giải trình.

3. Chuyển đổi số và dữ liệu chưa thực sự trở thành nền tảng của năng lực lãnh đạo, cầm quyền và quản trị hiện đại. Chuyển đổi số trong thời gian qua đã đạt nhiều kết quả tích cực, song nhìn tổng thể, dữ liệu vẫn chưa thực sự trở thành hạ tầng cốt lõi của năng lực lãnh đạo, cầm quyền và quản trị quốc gia. Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được hình thành, nhưng còn phân tán, thiếu chuẩn hóa và chưa liên thông hiệu quả. Khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị còn hạn chế. Trong nhiều trường hợp, số hóa mới dừng ở việc chuyển đổi hồ sơ giấy thành hồ sơ điện tử, chứ chưa tạo ra sự chuyển đổi thực chất về mô hình quản trị.

Việc ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo chưa được áp dụng đại trà do thiếu công cụ bảo mật, cơ bản mới chỉ để hỗ trợ kỹ thuật mà chưa đi sâu vào nội dung. Về dữ liệu, số hóa dữ liệu, vận hành hệ thống để sử dụng dữ liệu chưa

dùng trên một nền tảng thống nhất mà chia theo hai nhánh, nhánh sử dụng mạng nội bộ và nhánh sử dụng internet. Các công cụ số phân tầng, phân lớp còn phức tạp, khó nhớ, khó sử dụng. Xây dựng dữ liệu đảng viên còn nhiều khoảng trống, cơ bản chỉ có thông tin trên phiếu đảng viên, chưa số hóa hồ sơ đảng viên; việc chia sẻ dữ liệu chưa bảo đảm tính liên thông giữa các cơ quan, các cấp.

Thủ tục hành chính đảng còn nhiều, chưa được cắt giảm[8]; thời gian giải quyết các thủ tục còn kéo dài, phát sinh thêm thủ tục khác. Hướng dẫn thi hành điều lệ đảng và hướng dẫn nghiệp vụ công tác đảng viên hiện hành có nội dung chưa tương thích với yêu cầu chuyển đổi số và thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử; quy trình xử lý chưa đảm bảo toàn trình. Hạ tầng công nghệ chưa thông suốt, có thời điểm bị nghẽn. Số lượng phần mềm còn nhiều, chưa được tích hợp; tính năng của một số phần mềm chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện[9].

4. Vẫn còn bộ phận cán bộ chưa thích ứng nhanh với sự thay đổi về cơ chế vận hành, quy trình phối hợp, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và yêu cầu về chất lượng, tiến độ công việc; việc cải cải tiến phương pháp báo cáo chưa thống nhất trong toàn bộ hệ thống, phần lớn vẫn thực hiện báo cáo số liệu theo phương pháp thủ công[10].

5. Về đổi mới phương thức lãnh đạo ở một số tổ chức đảng chưa vận hành theo kế hoạch dài hạn, chưa kết hợp hài hòa giữa lãnh đạo, chỉ đạo với thực thi, năng lực dự báo có mặt chưa theo kịp yêu cầu như: việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác ở một số nơi còn nặng tính nhiệm kỳ hoặc theo năm công tác; phương pháp lãnh đạo còn mang tính ứng phó sự vụ, dành nhiều nguồn lực cho xử lý phát sinh trước mắt mà chưa có các kịch bản chiến lược dài hạn đối với các vấn đề mới, phức tạp. Việc cụ thể hóa chủ trương còn chậm; chỉ đạo quyết liệt nhưng khâu tổ chức thực hiện chưa đồng đều; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan có lúc chưa rõ đầu mối, chưa rõ trách nhiệm từ đó dẫn đến độ trễ từ chủ trương, chính sách đến hành động và kết quả.

6. Việc thực hiện cải cách tiền lương theo chủ trương căn cứ theo vị trí việc làm chậm được triển khai; việc xác định vị trí việc làm của công chức lãnh đạo, quản lý còn chung chung, khó đo lường hiệu quả nhất là khi thực hiện đánh giá cán bộ, công chức làm công tác Đảng theo KPI và OKR trên ứng dụng điện tử. Bên cạnh đó

---

[8] Riêng thủ tục về nghiệp vụ công tác đảng viên theo Hướng dẫn số 38-HD/TW ngày 29/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương có 101 loại tài liệu.

[9] Sổ tay đảng viên điện tử chưa tích hợp công cụ biểu quyết, lưu trữ biên bản; chưa có quy định việc lưu trữ biên bản họp chi bộ thay thế hệ thống sổ sách của chi bộ.

[10] Chưa có phần mềm chuyên dụng để tổng hợp, thống kê số liệu theo trình tự động, cơ bản vẫn thực hiện theo phương thức thủ công.

chế độ tiền lương cho cán bộ, công chức công tác ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương chưa phù hợp với yêu cầu, tính chất, nhiệm vụ được giao. Cán bộ chuyên trách công tác đảng ở các đảng ủy trực thuộc chưa được hưởng chế độ phụ cấp của công chức làm công tác đảng, đoàn thể; nhiều chức danh chưa rõ về phụ cấp; khoảng cách giữa các mức phụ cấp có chỗ chưa phù hợp; phụ cấp chức danh kiêm nhiệm chưa được làm rõ.

III. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ những kết quả, nguyên nhân nên trên, có thể rút ra 5 bài học kinh nghiệm cốt lõi là:

Thứ nhất, thống nhất cao về nhận thức là tiền đề của thống nhất trong hành động vì mọi cải cách tổ chức chỉ có thể thành công khi có sự thống nhất cao về tư tưởng, nhận thức và quyết tâm chính trị. Ở đâu nhận thức chưa thông suốt, ở đó tổ chức thực hiện dễ phát sinh độ trễ và lúng túng trong vận hành.

Thứ hai, sắp xếp tổ chức bộ máy mới chỉ là điều kiện cần; chất lượng vận hành mới là điều kiện đủ bởi tinh gọn đầu mối chưa mặc nhiên đồng nghĩa với hiệu quả cao hơn. Giá trị thực sự của cải cách tổ chức chỉ được chứng minh khi mô hình mới tạo ra hiệu năng cao hơn, phối hợp tốt hơn và kết quả đầu ra tốt hơn.

Thứ ba, phân cấp, phân quyền phải gắn chặt với kiểm soát quyền lực tránh buông lỏng quản lý mà nhằm tạo chủ động, tăng tốc độ xử lý và nâng cao trách nhiệm giải trình. Vì vậy, phân quyền càng mạnh thì cơ chế kiểm soát quyền lực càng phải chặt chẽ.

Thứ tư, dữ liệu đang trở thành nền tảng mới của năng lực cầm quyền, dữ liệu ngày càng quyết định chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành. Dữ liệu tốt tạo nền tảng cho dự báo tốt; dự báo tốt tạo nền tảng cho quyết sách đúng.

Thứ năm, con người là nhân tố quyết định thành công của mọi mô hình tổ chức, bởi mô hình tổ chức có được thiết kế tối ưu đến đâu, hiệu quả cuối cùng vẫn phụ thuộc vào phẩm chất, bản lĩnh, tư duy đổi mới, năng lực thực thi và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ. Thực tiễn cũng cho thấy, ở đâu người đứng đầu thực sự gương mẫu, có tư duy chiến lược, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm, ở đó hiệu quả vận hành mô hình mới rõ nét hơn.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TIẾP TỤC NÂNG CAO HIỆU NĂNG, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ VẬN HÀNH MÔ HÌNH MỚI TRONG THỜI GIAN TỚI

Bước sang giai đoạn phát triển mới, bối cảnh trong nước và quốc tế đang biến đổi nhanh chóng, sâu sắc và khó dự báo hơn. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục tái định hình mô hình phát triển, mô hình quản trị và cấu trúc quyền lực toàn cầu; yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, bao trùm đang đặt ra ngày càng cao đối với năng lực lãnh đạo của Đảng, năng lực quản trị của Nhà nước và năng lực tổ chức thực hiện của toàn hệ thống chính trị. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương không chỉ là yêu cầu hoàn thiện tổ chức bộ máy, mà đã trở thành yêu cầu chiến lược nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

1. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế và cơ chế vận hành của Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương và các đảng ủy trực thuộc, trước mắt cần tiếp tục rà soát tổng thể hệ thống quy định, quy chế, quy trình công tác liên quan đến hoạt động của Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, các đảng ủy trực thuộc; kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp, xử lý dứt điểm các điểm giao thoa, chồng chéo hoặc khoảng trống thể chế để làm rõ hơn về thẩm quyền lãnh đạo, thẩm quyền quản lý, thẩm quyền tổ chức thực hiện, cơ chế phối hợp ngang và dọc, cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình.

2. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền thực chất gắn với phân bổ nguồn lực và kiểm soát quyền lực theo nguyên tắc: Rõ người - rõ việc - rõ quyền hạn - rõ trách nhiệm - rõ nguồn lực - rõ cơ chế kiểm soát; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; từ quản lý vi mô sang quản trị theo mục tiêu, theo kết quả đầu ra. Phân quyền càng mạnh thì cơ chế kiểm soát quyền lực càng phải chặt chẽ, minh bạch và hiện đại hơn.

3. Tạo đột phá mạnh về chuyển đổi số, dữ liệu và quản trị số, trong đó chuyển mạnh nhận thức về chuyển đổi số từ "ứng dụng công nghệ" sang "tái cấu trúc mô hình quản trị", nhất là hoàn thiện nền tảng số dùng chung, xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất, tăng cường liên thông dữ liệu; phát triển năng lực phân tích dữ liệu phục vụ dự báo chiến lược, tiến tới, lãnh đạo trên nền dữ liệu - Điều hành theo thời gian thực - Quản trị dựa trên bằng chứng.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới có tư duy chiến lược,

năng lực quản trị hiện đại, năng lực số, năng lực tổ chức thực hiện và có tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; xây dựng văn hóa công vụ dựa trên kỷ luật, liêm chính, trách nhiệm, phụng sự.

5. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy theo hướng khoa học hơn, hiện đại hơn, chiến lược hơn; chuyển mạnh từ phương thức lãnh đạo nặng về xử lý sự vụ sang phương thức lãnh đạo dựa trên định hướng chiến lược, kiến tạo thể chế, kiểm soát quyền lực, giám sát kết quả, nâng cao năng lực thực thi của toàn hệ thống.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ yêu cầu thực tiễn sau 01 năm vận hành mô hình mới, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

1. Tiếp tục chỉ đạo rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế về tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành trong toàn hệ thống chính trị; sớm hoàn thiện các quy định về phân định thẩm quyền giữa tập thể cấp ủy với người đứng đầu, giữa cơ quan Đảng với cơ quan Nhà nước, giữa Trung ương với địa phương.

2. Nghiên cứu ban hành khung nguyên tắc thống nhất về phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và cơ chế kiểm soát quyền lực trong toàn hệ thống chính trị, tạo nền tảng chung cho việc thiết kế mô hình phân quyền phù hợp với đặc thù từng ngành, từng lĩnh vực.

3. Sớm chỉ đạo xây dựng kiến trúc tổng thể dữ liệu dùng chung của hệ thống chính trị, bảo đảm liên thông giữa dữ liệu của Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ theo kết quả đầu ra và hiệu quả thực thi nhiệm vụ; từng bước chuyển từ mô hình đánh giá thiên về quá trình sang mô hình đánh giá dựa trên kết quả, chất lượng giải quyết vấn đề và mức độ hoàn thành cam kết trách nhiệm.

5. Tiếp tục tổng kết sâu sắc thực tiễn đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, từ đó từng bước hình thành mô hình cầm quyền hiện đại, khoa học, hiệu quả hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Sau 01 năm vận hành, từ mô hình Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương đã khẳng định tính đúng đắn của chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy; tạo chuyển biến tích cực trong nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước; năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ trong toàn

Đảng bộ. Những kết quả đạt được là rất quan trọng, nhưng mới chỉ là bước đầu. Nhìn về phía trước, thách thức lớn nhất không còn là việc tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, mà là nâng cao chất lượng vận hành, năng lực thực thi, năng lực quản trị và năng lực thích ứng trước những biến động ngày càng nhanh, phức tạp của thời đại.

Vì vậy, tiếp tục nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương nói riêng và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương không chỉ là yêu cầu nội tại của công tác xây dựng Đảng, mà còn là mục tiêu chiến lược nhằm góp phần nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng, nâng cao năng lực quản trị quốc gia, phát huy sức mạnh của toàn hệ thống chính trị, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện thắng lợi hai mục tiêu chiến lược đến năm 2030, nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

5. BỘ QUỐC PHÒNG:

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan quân sự địa phương trong vận hành mô hình chính quyền 3 cấp, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

Thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, vận hành mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình tổ chức chính quyền 3 cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu năng hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã lãnh đạo, chỉ đạo toàn quân thực hiện đồng bộ các giải pháp, tập trung thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy; sắp xếp, kiện toàn tổ chức, biên chế cơ quan quân sự địa phương, nâng cao năng lực Ban Chỉ huy quân sự (CHQS) xã, phường, đặc khu, vận hành phù hợp, đồng bộ với mô hình mới.

Sau 1 năm vận hành mô hình chính quyền 3 cấp, cùng với việc tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống cơ quan quân sự địa phương từng bước được kiện toàn; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất giữa tổ chức bộ máy chính quyền địa phương với tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, quản lý lực lượng vũ trang ở cơ sở; góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Từ thực tiễn triển khai trong toàn quân, Bộ Quốc phòng xin báo cáo một số kết quả nổi bật đã đạt được, bài học kinh nghiệm; một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ quan quân sự địa phương trong thời gian tới.

1. Những kết quả chủ yếu thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng gắn với mô hình chính quyền 3 cấp

Công tác quán triệt, tuyên truyền

Ngay sau khi Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các Kết luận về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, vận hành mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình tổ chức chính quyền 3 cấp, Bộ Quốc phòng đã tổ chức tuyên truyền, học tập, quán triệt sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ các cơ quan, đơn vị trong toàn quân về chủ trương, quan điểm, định hướng, nguyên tắc, lộ trình, nhiệm vụ giải pháp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về sắp

xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp. Công tác học tập, quán triệt đã góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, xác định rõ trách nhiệm chính trị về nhiệm vụ được giao, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Các cơ quan báo chí quân đội đã biên tập hơn 4.000 tin, bài, video, phim tài liệu tuyên truyền về triển khai các nhiệm vụ về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Ban Chỉ đạo 35, Lực lượng 47 các cơ quan, đơn vị xây dựng, đăng tải và chia sẻ, lan toả hơn 250.000 tin, bài viết, trên 35.000 video clip ngắn tuyên truyền và đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch liên quan đến triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp trong và ngoài Quân đội.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng hoàn thiện thể chế

Tiếp tục quán triệt và thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII gắn với thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về tổ chức QĐND Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo, Kết luận số 159-KL/TW, số 228-KL/TW, số 234-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết số 66.12/NQ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ban CHQS xã, phường, đặc khu trực thuộc Bộ CHQS tỉnh, thành phố; QUTW, BQP đã xây dựng các đề án, tham mưu trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các kết luận về sắp xếp, điều chỉnh tổ chức quân sự địa phương; các quy định về tổ chức đảng, tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực (PTKV) và đảng bộ cơ sở Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (BĐBP); ban hành các nghị quyết lãnh đạo thực hiện sắp xếp, điều chỉnh tổ chức, biên chế các tổ chức quân sự địa phương; quy chế phối hợp giữa Đảng ủy BĐBP với đảng ủy các quân khu lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, biên phòng và xây dựng lực lượng BĐBP[11].

Tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành luật sửa đổi, bổ sung các luật về quân sự, quốc phòng; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các nghị định,

[11] Nghị quyết số 866-NQ/QUTW ngày 14/6/2025 của QUTW lãnh đạo tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức quân sự địa phương "tinh, gọn, mạnh" đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Kế hoạch số 3433/KH-BQP ngày 14/6/2025 của Bộ Quốc phòng thực hiện sắp xếp tổ chức quân sự địa phương "tinh, gọn, mạnh" đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Nghị quyết số 60-NQ/QUTW ngày 11/01/2026 của QUTW lãnh đạo thực hiện điều chỉnh tổ chức, biên chế Ban CHQS xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Kế hoạch số 167/KH-BQP ngày 11/01/2026 của BQP thực hiện điều chỉnh tổ chức, biên chế Ban CHQS xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

nghị quyết, quyết định về quân sự, quốc phòng liên quan đến sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, hoàn thiện mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp. Bộ Quốc phòng ban hành và triển khai các kế hoạch, chương trình hành động, các văn bản điều hành thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp, điều chỉnh tổ chức, biên chế các tổ chức quân sự địa phương. Bộ trưởng BQP ban hành mới các thông tư và sửa đổi bổ sung các thông tư về lĩnh vực quân sự, quốc phòng. Chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Ủy ban Kiểm tra QUTW và cơ quan chức năng BQP ban hành các văn bản hướng dẫn và triển khai chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, biên chế, tổ chức đảng, công tác đảng, công tác chính trị, bảo đảm cho các tổ chức cơ quan, đơn vị sớm đi vào ổn định, vận hành và hoạt động thống nhất với mô hình chính quyền 3 cấp.

Tổ chức các Đoàn công tác đi cơ sở để kịp thời hướng dẫn, nắm bắt khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh để giải quyết. Bên cạnh đó, đã phát huy hiệu quả kênh tiếp nhận thông tin trên Cổng Thông tin Pháp luật quốc gia; hướng dẫn, cung cấp thông tin đường dây nóng trả lời phản ánh, kiến nghị của địa phương về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền đối với chính quyền 3 cấp liên quan đến quân sự, quốc phòng. Đã ban hành các văn bản gửi Bộ Nội vụ và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố để tháo gỡ, giải quyết khó khăn vướng mắc khi thực hiện mô hình chính quyền 3 cấp.

Sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy

Sau 1 năm vận hành, mô hình đã bước đầu tạo ra những chuyển biến tích cực, nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình theo ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn đối với Bộ Quốc phòng, cụ thể: Sắp xếp, tinh gọn trên 4.000 tổ chức đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị thuộc BQP; trong đó, giải thể 29 Bộ CHQS cấp tỉnh và tổ chức lại 34 Bộ CHQS cấp tỉnh (gồm 32 Bộ CHQS tỉnh, thành phố và 02 BTL Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); giải thể 694 Ban CHQS cấp huyện, thành lập mới 145 Ban Chỉ huy PTKV; giải thể 44 Bộ Chỉ huy BĐBP cấp tỉnh, thành lập mới 30 Ban Chỉ huy BĐBP trực thuộc Bộ CHQS cấp tỉnh. Sau khi đánh giá, rút kinh nghiệm, đã thực hiện điều chỉnh 145 Ban Chỉ huy PTKV thành các Trung đoàn bộ binh biên chế thiếu và khung thường trực (KTT) trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh và xác định thành phần thế trận khu vực phòng thủ khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp gồm: Phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ cấp tỉnh, khu vực phòng thủ cấp xã. Đồng thời, điều chỉnh tổ chức biên chế, đưa sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp từ các đơn vị về công tác tại 3.319 Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; đến tháng 6/2026 đã bố trí được 22.265/34.985 đồng chí, đạt 63,6% so với biên chế, dự

kiến đến hết năm 2026 quân số đạt trên 80%, năm 2027 đáp ứng đủ 100% quân số biên chế.

Chỉ đạo, hướng dẫn các đảng ủy quân khu phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy thành lập 23 đảng bộ quân sự cấp tỉnh trên cơ sở sáp nhập 52 đảng bộ quân sự tỉnh, thành phố; giải thể 694 đảng bộ quân sự cấp huyện, thành lập 145 đảng bộ ban chỉ huy phòng thủ khu vực (chỉ định các đồng chí bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu tham gia các đảng ủy ban chỉ huy phòng thủ khu vực); thành lập 03 đảng bộ Trường Thiếu sinh quân trực thuộc Đảng ủy các Quân khu 1, 5, 7; giải thể 44 đảng bộ BĐBP cấp tỉnh, thành lập 30 đảng bộ ban chỉ huy BĐBP trực thuộc đảng bộ quân sự cấp tỉnh, 529 đồng chí phó bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu (nơi có biên giới) tham gia đảng ủy ban chỉ huy BĐBP tỉnh, thành phố. Chỉ đạo các đơn vị phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương kịp thời kiện toàn 3.319/3.321 chi bộ quân sự xã, phường, đặc khu; trong đó, 2.924/3.319 = 88,1% chi bộ có chi ủy; đến nay còn 395 chi bộ chưa kiện toàn chi ủy do chưa đủ điều kiện về số lượng đảng viên để chỉ định cấp ủy; 31 tỉnh, thành phố đã chỉ định 100% chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã tham gia đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã, còn 03 tỉnh chưa chỉ định chỉ huy trưởng Ban CHQS 03 xã tham gia đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã (Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã Thiện Hòa tỉnh Lạng Sơn, Quân khu 1; xã Lùng Phình, tỉnh Lào Cai, Quân khu 2; xã Đường Hoa, tỉnh Quảng Ninh, Quân khu 3; các trường hợp trên do chưa đủ điều kiện).

Các cấp ủy, tổ chức đảng quân sự đã phát huy vai trò lãnh đạo thực hiện tốt chức năng tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác quân sự, quốc phòng, xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân vững chắc và công tác biên phòng ở các tỉnh có biên giới. Các cơ quan, đơn vị sau khi thành lập mới, sáp nhập, sắp xếp, tổ chức lại được kiện toàn tổ chức, quân số, trang bị; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác; xây dựng quy chế lãnh đạo của tổ chức đảng, cơ chế phối hợp, chỉ huy, điều hành; ổn định tổ chức, tư tưởng bộ đội, nơi ăn ở, trụ sở, vị trí làm việc; xây dựng, hoàn thiện, phê chuẩn văn kiện tác chiến các cấp. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, công tác biên phòng. Chỉ đạo các tổ chức quân sự địa phương tham mưu cho ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định kiện toàn tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự, triển khai hoàn thành kế hoạch công tác tuyển quân năm 2026.

Thực hiện phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính

Bộ Quốc phòng hướng dẫn ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Ban CHQS xã, phường, đặc khu thuộc Bộ CHQS tỉnh, thành phố. Đối với Bộ CHQS cấp tỉnh và Ban Chỉ huy PTKV, sau sắp xếp, điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác được xác định theo Đề án số 839-ĐA/QUTW ngày 25/4/2025 của QUTW. Ban Chỉ huy BĐBP thực hiện theo Quyết định số 946/QĐ-BQP ngày 03/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Ban Chỉ huy BĐBP trực thuộc Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ CHQS tỉnh, thành phố. Đối với Ban CHQS cấp xã, những nội dung cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác được xác định tại Đề án số 50-ĐA/QUTW của QUTW và Nghị quyết số 66.12/NQ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ban CHQS xã, phường, đặc khu trực thuộc Bộ CHQS tỉnh, thành phố; Chỉ huy trưởng Bộ CHQS cấp tỉnh ký quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác cho Ban CHQS cấp xã.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về xây dựng hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật, BQP tiếp tục tổ chức tổng rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về quân sự, quốc phòng, cơ yếu, kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới trong thời gian tới để đáp ứng với tổ chức, biên chế mới, phân cấp, phân quyền phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

Duy trì hoạt động ổn định một số hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (CSDL) gồm: Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu trong BQP (LGSP), cổng kết nối an toàn, cổng khai thác tra cứu dữ liệu dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử. Ứng dụng CNTT trong hội thi, hội thao, diễn tập và tiếp tục triển khai mở rộng, tăng cường khai thác sử dụng các ứng dụng, phần mềm dùng chung của BQP trong toàn quân: Hệ thống thông tin Chỉ đạo - Điều hành, Thư điện tử quân sự, Hệ thống Truyền hình ứng dụng, phần mềm quản lý trang bị, vật tư CNTT,... Triển khai mở rộng 05 nền tảng số dùng chung trong BQP (Phòng họp không giấy; Hệ thông tin chỉ đạo điều hành phiên bản di động; Hệ thống hỗ trợ chuyển đổi số; nền tảng định danh và xác thực điện tử; nền tảng tìm kiếm thông tin trên mạng máy tính quân sự) theo Quyết định số 1025/QĐ-BQP ngày 07/3/2026 của Bộ trưởng BQP.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, nội dung, chương trình, tài liệu, giáo án huấn luyện phù hợp với từng đối tượng, địa bàn tác chiến; tổ chức huấn luyện sát với thực tế, chú trọng các khu vực, địa bàn trọng điểm về quốc phòng, an ninh; tăng cường huấn luyện phương án sẵn sàng chiến đấu, phối hợp giữa các lực lượng quân đội và công an trên địa bàn mới sáp nhập nhằm xử lý tốt mọi tình huống, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; tập trung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quân sự địa phương cho đội ngũ cán bộ được điều động, bổ nhiệm, cán bộ tuyển dụng từ sĩ quan dự bị và công chức Ban CHQS cấp xã. Kịp thời tổ chức tập huấn kiến thức Biên phòng cho cán bộ cơ quan quân khu, Bộ CHQS các tỉnh, thành phố có biên giới và tập huấn kiến thức quân sự địa phương cho cán bộ BĐBP.

Hướng dẫn các học viện, nhà trường sử dụng giáo trình, tài liệu đào tạo cao cấp lý luận chính trị đối với Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã. Tổ chức đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho hơn 1.700 đồng chí Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã tại các học viện: Quốc phòng, Lục quân, Chính trị. Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác huấn luyện chiến đấu, xây dựng chính quy, quản lý kỷ luật, hệ thống biển, bảng, sổ sách đối với lực lượng bộ đội thường trực của Ban CHQS cấp xã; quy định về chức trách, nhiệm vụ các chức danh thuộc Ban CHQS cấp xã.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản công

Chấp hành và thực hiện nghiêm các văn bản quy định của Đảng, Chính phủ, QUTW, BQP về công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm chỉnh việc quy hoạch, quản lý sử dụng đất quốc phòng theo đúng quy định của pháp luật. Sau sắp xếp lại tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền 3 cấp, việc xử lý cơ sở vật chất, trụ sở dôi dư, tính đến cuối năm 2025, BQP đã chỉ đạo các đơn vị tận dụng tối đa cơ sở doanh trại hiện có, chuyển đổi công năng (nếu cần) để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; triệt để khai thác hiệu quả công năng sử dụng của công trình còn phù hợp với quy hoạch, không phá dỡ công trình còn niên hạn sử dụng. Chỉ đạo các đơn vị sử dụng các cơ sở doanh trại của BTL Thủ đô Hà Nội và Bộ CHQS cấp tỉnh cũ làm trụ sở của BTL Thủ đô Hà Nội và Bộ CHQS cấp tỉnh mới; các cơ sở doanh trại của Ban CHQS quận, huyện cũ làm cơ sở doanh trại của các Ban Chỉ huy PTKV; các cơ sở doanh trại của Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh cũ làm cơ sở doanh trại của các Ban Chỉ huy BĐBP. Một số cơ sở còn lại, đơn vị tiếp tục quản lý, sử dụng, BQP chỉ đạo rà soát theo Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Số hóa tài liệu, lưu trữ; công nghệ, chuyển đổi số

Duy trì tốt việc cung cấp, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP đã thực hiện số hóa, đưa lên kho dữ liệu số hóa tổng số trên 500.000 hồ sơ, 100% dịch vụ công trực tuyến có trả kết quả điện tử. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính BQP cung cấp thông tin đầy đủ thủ tục hành chính do BQP quản lý, dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần, cung cấp thông tin trực tuyến, hơn 12.000 hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ đúng và trước hạn 99,9%.

Hạ tầng số trong BQP tiếp tục được phát triển, mở rộng, đồng bộ trong toàn quân: Đã bảo đảm kết nối mạng truyền số liệu quân sự đến 100% các đầu mối cấp 1, cấp 2, cấp 3 và cấp 4. Các hệ thống bảo mật, chứng thực số phục vụ chỉ huy, điều hành hoạt động ổn định, thông suốt từ BQP tới các đơn vị cơ sở. Hoàn thiện phương án đảm bảo hạ tầng công nghệ - kỹ thuật, kết nối mạng truyền số liệu quân sự, cấp phát hơn 6.000 máy tính với hệ điều hành dùng riêng của BQP và triển khai chứng thư số, sản phẩm mật mã cho Ban CHQS cấp xã; đảm bảo cho các đơn vị đủ điều kiện hoạt động trên môi trường số an toàn, bí mật. Hiện nay, 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP đều có cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm Công nghệ thông tin, chuyển đổi số. BQP đang rà soát, điều chỉnh tổ chức, biên chế ngành Công nghệ thông tin bảo đảm đủ lực lượng cán bộ, nhân viên Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trong BQP. Thúc đẩy việc gửi, nhận và xử lý văn bản điện tử trong toàn quân. Duy trì tốt việc gửi, nhận, xử lý văn bản điện tử không có độ mật và có độ mật là "Mật" trên môi trường điện tử[12]; 100% cơ quan, đơn vị đã ban hành văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số cá nhân.

Những kết quả đạt được sau 1 năm triển khai vận hình mô hình chính quyền 3 cấp, toàn quân đã đạt được những kết quả nổi bật đó là: Bước đầu khẳng định tính đúng đắn, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội. Kiện toàn tổ chức Quân đội nói chung và cơ quan quân sự địa phương bảo đảm tinh, gọn, mạnh, giảm đầu mối trung gian; hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ huy và phối hợp; bảo đảm tính thống nhất trong quản lý nhà nước về quốc phòng. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho đơn vị cơ sở. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; phù hợp với yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả

[12] Tính đến hết quý 1/2026, tỷ lệ văn bản điện tử được gửi, nhận và xử lý giữa các cơ quan, đơn vị trong BQP đạt 98,65%, trong đó tỷ lệ văn bản điện tử có độ Mật đạt 95,87%.

cải cách hành chính; phát triển hạ tầng số và chuyển đổi số; bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan quân sự địa phương.

2. Một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

Đây là mô hình mới, phạm vi tác động rộng, liên quan trực tiếp đến tổ chức quân sự địa phương, đội ngũ cán bộ, cơ chế phối hợp và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nên trong quá trình triển khai vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

- Thời gian đầu thực hiện mô hình chính quyền 3 cấp, đối với các tổ chức quân sự địa phương, công tác chỉ huy, điều hành, phối hợp giữa các lực lượng của Ban Chỉ huy PTKV, Ban Chỉ huy BĐBP, Ban CHQS cấp xã chưa thực sự đồng bộ, thống nhất và thông suốt.

- Trong thời gian ngắn thực hiện mô hình, một số cán bộ Ban CHQS cấp xã chưa được đào tạo, bồi dưỡng đúng theo yêu cầu; đồng thời, phải kiêm nhiệm nhiều công việc có chuyên môn, chuyên ngành khác nhau nên bước đầu còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Việc triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng địa phương tuy đã có bước tiến nhưng chưa đồng đều. Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở còn chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu, chỉ huy, điều hành.

Những hạn chế, vướng mắc trên vừa có nguyên nhân khách quan do yêu cầu đổi mới về tổ chức bộ máy diễn ra trong thời gian ngắn, khối lượng công việc lớn; vừa có nguyên nhân chủ quan từ công tác chuẩn bị, tổ chức thực hiện ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự đồng bộ, toàn diện.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn triển khai có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

Thứ nhất, luôn giữ vững sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý tập trung, thống nhất của Đảng, Nhà nước, QUTW, BQP; phát huy vai trò tham mưu của các cơ quan chức năng và trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp trong tổ chức thực hiện.

***Thứ hai*,** làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, quán triệt nhằm tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn quân; kịp thời giải quyết những vấn đề tư tưởng phát sinh trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

***Thứ ba*,** quá trình sắp xếp tổ chức phải gắn chặt với kiện toàn đội ngũ cán bộ, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế phối hợp giữa các lực lượng, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Thứ tư, cần kết hợp chặt chẽ giữa sắp xếp tổ chức bộ máy với đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số; lấy chuyển đổi số là động lực quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ huy, điều hành.

Thứ năm**,** thường xuyên sơ kết, tổng kết, đánh giá thực tiễn, kịp thời phát hiện và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh; đồng thời bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những kết quả đạt được cùng các bài học kinh nghiệm bước đầu là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quân sự địa phương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ quan quân sự các cấp, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4. Một số giải pháp trong thời gian tới

Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ quan quân sự địa phương trong vận hành mô hình chính quyền 3 cấp, BQP xác định tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về quân sự, quốc phòng địa phương phù hợp với mô hình tổ chức mới.

Tập trung nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức quân sự địa phương, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng thủ dân sự, công tác cán bộ và quản lý đất quốc phòng; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn vận hành mô hình chính quyền 3 cấp. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế phối hợp giữa các cơ quan quân sự với các cơ quan chức năng và các lực lượng ở địa phương.

Hai là, tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phấn đấu đến hết năm 2026 bảo đảm trên 80% quân số Ban CHQS cấp xã, đến năm 2027 đạt 100% quân số theo biên chế. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, nâng cao năng lực tham mưu, chỉ huy, quản lý, điều hành; chú trọng đào tạo cán bộ quân sự cơ sở có trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, năng lực thực tiễn. Quan tâm thực hiện tốt công tác chính sách, tạo động lực để cán bộ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với cơ sở.

Ba là, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, doanh trại, thao trường, đất quốc phòng phục vụ hoạt động của cơ quan quân sự địa phương. Tiếp tục rà soát, quy hoạch, bố trí quỹ đất quốc phòng, nhất là ở cấp xã; ưu tiên đầu tư xây dựng doanh

trại làm việc, kho tàng cất giữ vũ khí trang bị, thao trường huấn luyện, bảo đảm điều kiện hoạt động ổn định, lâu dài. Kết hợp chặt chẽ giữa nguồn lực Trung ương và địa phương; gắn quy hoạch quốc phòng với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, hạ tầng kỹ thuật của địa phương.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cải cách hành chính trong quản lý, chỉ huy, điều hành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Tập trung xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về dân quân tự vệ, dự bị động viên, nguồn tuyển quân, quốc phòng địa phương; bảo đảm kết nối, chia sẻ đồng bộ giữa các cấp, các ngành. Nâng cao năng lực khai thác, sử dụng công nghệ số cho đội ngũ cán bộ quân sự địa phương; từng bước hình thành nền tảng quản lý số phục vụ công tác chỉ huy, điều hành, xử lý tình huống nhanh chóng, chính xác, hiệu quả.

Năm là, tiếp tục nâng cao chất lượng phối hợp giữa cơ quan quân sự với các lực lượng, các cơ quan trong hệ thống chính trị ở địa phương. Phát huy vai trò nòng cốt của cơ quan quân sự trong tham mưu xây dựng khu vực phòng thủ; phối hợp chặt chẽ với công an, các lực lượng liên quan trong nắm tình hình, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xử lý kịp thời các tình huống phát sinh. Tiếp tục củng cố vai trò của cấp xã bảo đảm thực sự là trung tâm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng tại cơ sở; bảo đảm sự liên thông, thống nhất, hiệu quả trong toàn hệ thống.

6. Đề xuất, kiến nghị

Để tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ quan quân sự địa phương trong vận hành mô hình chính quyền 3 cấp, Bộ Quốc phòng đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:

- Đề nghị Đảng, Quốc hội, Chính phủ tiếp tục quan tâm chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quân sự, quốc phòng, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng thủ dân sự và công tác cán bộ cấp xã, bảo đảm đồng bộ với mô hình tổ chức chính quyền 3 cấp.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện khung tổ chức cơ quan quân sự địa phương, nhất là tổ chức Ban CHQS cấp xã theo hướng thống nhất, ổn định, phù hợp với quy mô dân số, địa bàn, yêu cầu nhiệm vụ và đặc điểm từng vùng.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh, cơ chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, sử dụng đội ngũ cán bộ quân sự địa phương, nhất là cán bộ Ban CHQS cấp xã. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo điều kiện ổn định lâu dài đối với cán bộ công tác ở cơ sở.

- Đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng doanh trại làm việc, kho tàng, thao trường huấn luyện; quy hoạch, bố trí quỹ đất quốc phòng phục vụ hoạt động của Ban CHQS cấp xã, bảo đảm điều kiện ổn định, lâu dài.

- Quan tâm đầu tư hạ tầng số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý quốc phòng địa phương; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu, chỉ huy, điều hành.

Mô hình chính quyền 3 cấp đã bước đầu khẳng định tính đúng đắn, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Quá trình triển khai được tiến hành đồng bộ, chặt chẽ bảo đảm giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ huy thống nhất trong toàn quân và không làm ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

Hoàn thiện mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đối với lĩnh vực quân sự, quốc phòng địa phương, quá trình triển khai bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực song cũng đặt ra những yêu cầu mới cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

Với sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, QUTW, BQP, cùng sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành và địa phương, chúng tôi tin tưởng rằng mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp sẽ tiếp tục được hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới./.

6. BỘ CÔNG AN:

Xây dựng, triển khai nền tảng điều hành số quốc gia góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại, kiến tạo phát triển

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là một trong những đột phá chiến lược để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới gắn với đổi mới phương thức quản trị quốc gia, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số được đặt ở vị trí trung tâm, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Ngay sau thời điểm đó, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 03 cấp là bước cụ thể hóa các chủ trương lớn của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời thực hiện yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, nâng cao tính tự chủ. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra không chỉ dừng lại ở việc tổ chức lại bộ máy hành chính, mà còn đòi hỏi phải đổi mới căn bản phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu số, công nghệ số, bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính linh hoạt, chủ động của địa phương.

Từ yêu cầu thực tiễn và định hướng chiến lược của Trung ương về chuyển đổi số quốc gia, việc xây dựng Nền tảng điều hành số quốc gia dùng chung, kết nối xuyên suốt trong toàn hệ thống chính trị là nhiệm vụ cấp thiết. Nền tảng này phải lấy dữ liệu làm trung tâm, lấy điều hành số làm phương thức quản trị chủ đạo, bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 03 cấp.

I. THỰC TRẠNG, KẾT QUẢ XÂY DỰNG, KHAI THÁC, KẾT NỐI, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU, NỀN TẢNG SỐ PHỤC VỤ VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN 03 CẤP

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Trung ương và sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã tập trung xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, CSDL chuyên ngành và các nền tảng số dùng chung. Đây là bước

chuyển căn bản từ quản lý dựa trên hồ sơ giấy sang quản trị dựa trên dữ liệu, tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Nổi bật là CSDL quốc gia về dân cư với hơn 108 triệu dữ liệu, kết nối 15 bộ, ngành và 34 địa phương, xử lý trên 2,5 tỷ lượt tra cứu. Từ dữ liệu gốc này, đã làm sạch 100,2 triệu dữ liệu bảo hiểm, chuẩn hóa khoảng 95% mã số thuế, làm sạch 132,7 triệu thuê bao di động, số hóa hơn 107 triệu dữ liệu hộ tịch và 49,7 triệu thửa đất, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và phòng, chống gian lận.

Hệ sinh thái định danh điện tử VNeID từng bước trở thành nền tảng công dân số thống nhất, hỗ trợ người dân giao dịch thuận tiện, đồng thời tạo môi trường xác thực tin cậy cho doanh nghiệp phát triển dịch vụ số[13].

Cổng Dịch vụ công quốc gia sau khi vận hành tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia đã tiếp nhận 16,3 triệu hồ sơ trong 6 tháng đầu năm 2026, đã xử lý 14,5 triệu hồ sơ và 475 nghìn giao dịch thanh toán trị giá 335 tỷ đồng. Đến nay, đã phân cấp 362 thủ tục hành chính (TTHC) từ Trung ương về địa phương; cắt giảm 697 thủ tục, đơn giản hóa 673 thủ tục và bãi bỏ 1.754 điều kiện kinh doanh, giúp giảm 53% thời gian giải quyết, giảm 54,6% chi phí tuân thủ, ước tiết kiệm khoảng 15 nghìn tỷ đồng mỗi năm cho người dân và doanh nghiệp.

Những kết quả trên cho thấy, hạ tầng dữ liệu và các nền tảng số đã bước đầu tạo chuyển biến trong phương thức quản trị quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, giảm chi phí giao dịch của nền kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và tạo động lực cho phát triển kinh tế số. Giá trị mang lại thể hiện rõ ở ba khía cạnh: *đối với **Nhà nước** là nâng cao năng lực quản trị, tăng tính minh bạch và hiệu quả điều hành; đối với **người dân và doanh nghiệp** là giảm giấy tờ, giảm thời gian, giảm chi phí, nâng cao chất lượng phục vụ; đối với **xã hội** là thúc đẩy cải cách hành chính, phát triển kinh tế số, tăng năng suất lao động và củng cố niềm tin vào bộ máy công quyền.*

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG NỀN TẢNG ĐIỀU HÀNH SỐ QUỐC GIA TẬP TRUNG

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác quản lý, điều hành chính quyền 03 cấp vẫn chủ yếu hình thành trên các CSDL, nền tảng và hệ thống điều hành riêng lẻ. Vấn

[13] Trong lĩnh vực tài chính - thuế, hơn 505 nghìn cơ sở kinh doanh đã áp dụng hóa đơn điện tử với trên 7,3 tỷ hóa đơn, thu ngân sách từ thương mại điện tử đạt 114,2 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ. Trong lĩnh vực ngân hàng, xác thực sinh trắc học đối với 161,2 triệu khách hàng giúp giảm khoảng 60% vụ việc lừa đảo, ước tiết kiệm 652 tỷ đồng mỗi năm; việc làm sạch 115,8 triệu thuê bao viễn thông góp phần phòng ngừa thiệt hại khoảng 3.000 tỷ đồng mỗi năm. Bên cạnh đó, các mô hình như kiosk y tế phục vụ hơn 2,2 triệu lượt khám chữa bệnh, tiết kiệm khoảng 80-100 tỷ đồng mỗi năm; xác thực sinh trắc học tại 19 cảng hàng không rút ngắn thời gian làm thủ tục xuống còn 3-5 giây, tiết kiệm khoảng 126 tỷ đồng mỗi năm.

đề lớn nhất không nằm ở việc thiếu phần mềm, mà nằm ở tình trạng nhiều phần mềm, nhiều hệ thống, nhiều CSDL nhưng chưa tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Sau hơn 01 năm vận hành chính quyền địa phương 03 cấp, Bộ Công an nhận thấy một số vấn đề hạn chế, thiếu sót cần phải giải quyết triệt để bằng các giải pháp mang tính "cách mạng", hình thành Nền tảng điều hành số quốc gia thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, đồng thời giải quyết các yêu cầu, chỉ đạo theo phương thức quản trị, vận hành mới, cụ thể:

Thứ nhất, hoạt động chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC vẫn phân tán trên nhiều trục kết nối, nhiều nền tảng và nhiều hệ thống độc lập. Ở Trung ương đang tồn tại đồng thời Trục liên thông văn bản quốc gia, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, e-Cabinet, Cổng Dịch vụ công quốc gia, VNeID, Trung tâm Dữ liệu quốc gia, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến. Ở cấp bộ, ngành và địa phương tiếp tục vận hành hệ thống quản lý văn bản, hệ thống giải quyết TTHC, hệ thống báo cáo, trung tâm điều hành, trục LGSP, IOC và nhiều hệ thống chuyên ngành riêng. Toàn quốc đang triển khai 84 nền tảng số quốc gia, chuyên ngành, dùng chung nhưng mới có 22 nền tảng vận hành chính thức; khối cơ quan Đảng triển khai 16/26 hệ thống theo Đề án 204.

Sự tồn tại đồng thời của nhiều hệ thống đã thúc đẩy chuyển đổi số trong từng lĩnh vực, nhưng lại tạo ra kiến trúc điều hành phân tán. Cán bộ phải đăng nhập nhiều tài khoản, xử lý cùng một hồ sơ trên nhiều phần mềm, cập nhật nhiều biểu mẫu và đối chiếu nhiều nguồn dữ liệu. Trong khi đó, lãnh đạo các cấp chưa có một không gian điều hành thống nhất để theo dõi tình hình, kiểm soát tiến độ, phát hiện chậm muộn và đánh giá trách nhiệm. Điểm nghẽn này làm tăng chi phí vận hành, giảm tốc độ xử lý công việc và hạn chế khả năng chỉ đạo xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở.

Thứ hai, dữ liệu còn phân tán, thiếu chuẩn thống nhất, chưa bảo đảm nguyên tắc "một nguồn dữ liệu, nhiều mục đích khai thác". Nhiều CSDL được xây dựng theo từng ngành, từng địa phương, từng giai đoạn, dẫn đến khác nhau về cấu trúc, mã định danh, tiêu chuẩn kỹ thuật, tần suất cập nhật và cơ chế chia sẻ. Cùng một đối tượng quản lý như công dân, doanh nghiệp, hộ gia đình, thửa đất, phương tiện, hồ sơ an sinh nhưng mỗi hệ thống có cách lưu trữ, định danh và cập nhật riêng. Điều này làm giảm hiệu quả tổng hợp, phân tích, dự báo và ra quyết định theo thời gian thực.

Thực tế cho thấy, trong 08/12 CSDL theo Kế hoạch 02 và 65/104 CSDL theo Nghị quyết 11 đã tích hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, mới có 30 CSDL hoàn thành công bố thông tin được khai thác, sử dụng thay thế thành phần hồ sơ TTHC; trong 775 TTHC phải tái cấu trúc theo dữ liệu, vẫn còn 80 TTHC chưa hoàn thành tái

cấu trúc. Tình trạng này làm phát sinh ba hệ quả: người dân, doanh nghiệp vẫn phải cung cấp lại thông tin Nhà nước đã có; cán bộ phải kiểm tra, đối chiếu thủ công; cơ quan quản lý không có dữ liệu thống nhất để đánh giá đúng tình hình trên các lĩnh vực cần phản ứng nhanh như an sinh, y tế, đất đai, dân cư, đầu tư công, an ninh trật tự.

Thứ ba, hiệu quả khai thác dữ liệu chưa tương xứng với nguồn lực đầu tư, đồng thời phát sinh rủi ro an ninh, an toàn dữ liệu. Dữ liệu đã được tạo lập với quy mô lớn nhưng nhiều nơi vẫn mới dừng ở lưu trữ, tra cứu, chưa chuyển hóa thành công cụ điều hành, phân tích, dự báo và tạo giá trị phát triển. Dù đã làm sạch 100,2 triệu thông tin bảo hiểm, chuẩn hóa khoảng 95% mã số thuế, làm sạch 132,7 triệu thuê bao di động, số hóa hơn 107 triệu dữ liệu hộ tịch, người dân và doanh nghiệp vẫn còn phải cung cấp lại thông tin trong nhiều thủ tục. Doanh nghiệp khó tiếp cận dữ liệu chính thống để phát triển dịch vụ số. Cơ quan nhà nước vẫn phải tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu theo phương thức bán thủ công.

Tình trạng dữ liệu phân tán cũng làm gia tăng rủi ro an ninh. Khi dữ liệu dân cư, định danh, tài chính, đất đai, y tế, doanh nghiệp, tư pháp được khai thác trên nhiều hệ thống với cơ chế phân quyền khác nhau, nguy cơ lộ lọt dữ liệu, giả mạo danh tính, gian lận dịch vụ công, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông có thể gia tăng. Các kết quả như giảm khoảng 60% vụ việc lừa đảo trong ngân hàng, phòng ngừa thiệt hại khoảng 3.000 tỷ đồng mỗi năm từ làm sạch thuê bao viễn thông cho thấy giá trị lớn của dữ liệu; đồng thời cũng khẳng định yêu cầu phải quản trị dữ liệu tập trung, an toàn, minh bạch và kiểm soát được toàn bộ quá trình khai thác.

III. HIỆU QUẢ MANG LẠI

Từ các vấn đề nêu trên, có thể xác định việc xây dựng Nền tảng điều hành số quốc gia là yêu cầu khách quan, cấp thiết. Nền tảng này không phải là một phần mềm mới thay thế các hệ thống đang có, mà là lớp điều hành thống nhất của quốc gia trên môi trường số. Cụ thể: (1)Khắc phục tình trạng phân tán hệ thống bằng việc hình thành lớp điều hành thống nhất, tích hợp các hệ thống hiện có *(trục liên thông văn bản, hệ thống báo cáo, Cổng Dịch vụ công, VNeID, IOC, LGSP…)*, giúp cán bộ sử dụng một tài khoản, một giao diện, giảm thao tác trùng lặp và nâng cao hiệu suất xử lý; (2)Giải quyết dữ liệu phân tán, thiếu chuẩn thông qua cơ chế quản trị dữ liệu thống nhất, kết nối Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các CSDL quốc gia, chuyên ngành, bảo đảm nguyên tắc *"một nguồn dữ liệu – nhiều mục đích khai thác"*, qua đó hạn chế việc người dân phải cung cấp lại thông tin. (3)Bảo đảm khai thác dữ liệu hiệu quả gắn với an ninh, an toàn thông tin bằng cơ chế định danh, xác thực, phân quyền và giám sát truy cập thống nhất, góp phần hạn chế rủi ro và phát huy giá trị dữ liệu trong điều hành.

Trên cơ sở giải quyết đồng bộ các vấn đề nêu trên, giá trị lớn nhất của nền tảng không chỉ là hỗ trợ xử lý công việc nhanh hơn, mà là tạo ra mô hình quản trị mới: điều hành bằng dữ liệu, giám sát bằng chỉ số, đánh giá bằng kết quả đầu ra và cảnh báo rủi ro theo thời gian thực.

Đối với Nhà nước, nền tảng giúp hình thành một không gian điều hành thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Mọi nhiệm vụ được giao có cơ quan chủ trì, thời hạn, sản phẩm đầu ra, tiến độ, cảnh báo chậm muộn và trách nhiệm cụ thể. Lãnh đạo các cấp có thể nắm tình hình thực thi chính sách, giải quyết TTHC, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an sinh, y tế, giáo dục, an ninh trật tự trên một hệ thống thống nhất, thay vì phụ thuộc vào báo cáo định kỳ.

Đối với người dân và doanh nghiệp, nền tảng tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công thống nhất, minh bạch, không phụ thuộc địa giới hành chính. Dữ liệu đã có trong các CSDL quốc gia, chuyên ngành được khai thác, xác thực, tái sử dụng, giúp giảm giấy tờ, giảm thời gian, giảm chi phí, hạn chế tiếp xúc trực tiếp và nâng cao chất lượng phục vụ.

Đối với phát triển kinh tế - xã hội, nền tảng giúp dữ liệu trở thành nguồn lực phát triển. Khi dữ liệu được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác an toàn, Nhà nước có thể phân tích, dự báo, điều hành chính sách kịp thời; doanh nghiệp có cơ sở phát triển dịch vụ số; người dân tiếp cận tiện ích số thuận lợi hơn. Đây là điều kiện để thúc đẩy Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, nâng cao năng suất lao động khu vực công, giảm chi phí xã hội và tạo động lực tăng trưởng mới.

IV. Từ thực tiễn nêu trên, Bộ Công an kiến nghị Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ một số nội dung sau:

1. Xác lập Nền tảng điều hành số quốc gia là hạ tầng quản trị quốc gia trọng yếu, giữ vai trò tương đương hệ thống giao thông, năng lượng và hạ tầng dữ liệu quốc gia trong thời kỳ phát triển mới. Đây không chỉ là một hệ thống công nghệ thông tin phục vụ xử lý công việc hành chính, mà là công cụ tổ chức, vận hành và kiểm soát quyền lực nhà nước trên môi trường số. Mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành, giám sát, đánh giá, thực thi nhiệm vụ trong toàn hệ thống chính trị phải từng bước được thực hiện trên một nền tảng thống nhất, bảo đảm nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở, điều hành dựa trên dữ liệu và đánh giá bằng kết quả đầu ra. Việc xây dựng Nền tảng điều hành số quốc gia cần được xác định là một nhiệm vụ chiến lược của quốc gia trong giai đoạn 2026-2030, tạo nền tảng để hình thành phương thức quản trị hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

2. Chuyển đổi căn bản phương thức quản trị từ mô hình hành chính truyền thống sang mô hình quản trị dựa trên dữ liệu thời gian thực. Trong bối cảnh mới, dữ liệu phải trở thành nguồn lực điều hành trực tiếp của các cơ quan lãnh đạo, quản lý. Mọi quyết sách lớn của Trung ương, Chính phủ, chính quyền địa phương phải được hình thành trên CSDL đầy đủ, chính xác, được cập nhật theo thời gian thực và có khả năng dự báo xu hướng phát triển. Từng bước hình thành cơ chế quản trị mới, trong đó dữ liệu là cơ sở để giao nhiệm vụ, đo lường kết quả, đánh giá hiệu quả thực thi và kiểm soát trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị.

3. Thống nhất quản trị dữ liệu quốc gia theo nguyên tắc dữ liệu là tài sản chiến lược của quốc gia, được quản lý tập trung nhưng khai thác linh hoạt, an toàn và hiệu quả. Cần chấm dứt tình trạng dữ liệu bị chia cắt theo địa giới hành chính, theo cơ quan quản lý hoặc theo từng hệ thống ứng dụng riêng lẻ. Mọi CSDL quốc gia, chuyên ngành và dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước phải được kết nối trong một không gian dữ liệu thống nhất, bảo đảm nguyên tắc *"thu thập một lần, sử dụng nhiều lần"*, hình thành nguồn dữ liệu sống phục vụ điều hành, phát triển kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công. Đồng thời, phải đặt yêu cầu bảo vệ dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư của người dân và bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu quốc gia ở vị trí trung tâm, coi đây là điều kiện tiên quyết để xây dựng Chính phủ số.

4. Xây dựng mô hình điều hành quốc gia theo hướng tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian, tăng cường năng lực điều hành trực tiếp của Trung ương và nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương. Nền tảng điều hành số quốc gia phải trở thành công cụ để Trung ương nắm chắc tình hình thực tiễn, theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ, đo lường kết quả phát triển và phát hiện sớm các nguy cơ, điểm nghẽn ngay từ cơ sở. Trên cơ sở đó, từng bước hình thành mô hình quản trị quốc gia mới, trong đó giảm phụ thuộc vào các khâu trung gian truyền đạt thông tin, tăng khả năng điều hành theo thời gian thực, nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của từng cấp chính quyền. Đây cũng là điều kiện quan trọng để bảo đảm mô hình chính quyền địa phương 03 cấp vận hành hiệu quả, thống nhất và bền vững trong dài hạn.

Bộ Công an nhận thức rằng việc xây dựng Nền tảng điều hành số quốc gia không đơn thuần là nhiệm vụ công nghệ, mà là cuộc cách mạng, cải cách sâu sắc về phương thức lãnh đạo, quản trị và vận hành đất nước. Nếu thực hiện thành công, đây sẽ là bước chuyển có ý nghĩa nền tảng, đưa Việt Nam từ mô hình quản lý dựa trên hồ sơ, báo cáo và quy trình hành chính sang mô hình quản trị quốc gia hiện đại dựa trên dữ liệu, thời gian thực và hiệu quả thực chất.

Với trách nhiệm được giao, Bộ Công an sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương, tập trung nguồn lực, phát huy vai trò của dữ liệu dân cư, định danh điện tử, Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia và các nền

tảng số trọng yếu để tham mưu xây dựng Nền tảng điều hành số quốc gia thống nhất, an toàn, hiệu quả, phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp, góp phần xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, kiến tạo phát triển./.

7. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG:

Kết quả, bài học kinh nghiệm, một số giải pháp sau 01 năm triển khai thực hiện vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp của ngành Nông nghiệp và Môi trường

Đất nước ta đang ở trong giai đoạn mang tính lịch sử, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ trong hoàn thiện thể chế, sắp xếp tinh gọn bộ máy, chuyển đổi số, xây dựng hệ thống chính trị, chính quyền thực sự "*Tinh-Gọn-Mạnh-Hiệu năng-Hiệu lực-Hiệu quả"*. Bộ Nông nghiệp và Môi trường được thành lập trên cơ sở hợp nhất chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường; là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong 16 lĩnh vực: *nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng chống thiên tai; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thuỷ văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công* trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Đồng thời, Bộ đã tiếp nhận nhiệm vụ, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về *"giảm nghèo"* từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trước đây). Các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ rất rộng, tác động đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sản xuất và sinh kế của người dân.

Quán triệt sâu sắc, đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, kết luận, quy định của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động triển khai thực hiện với tinh thần hành động quyết liệt, coi đây là cơ hội lớn để tự hoàn thiện, đổi mới chính mình, để nâng cao năng lực quản trị, thực thi và phục vụ Nhân dân tốt hơn. Với khối lượng công việc rất lớn và nhiều việc chưa có tiền lệ, triển khai trong thời gian rất ngắn và diễn ra đồng thời với tổ chức Đại hội Đảng các cấp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã cố gắng, nỗ lực cao và bước đầu đạt được những kết quả chủ yếu sau:

1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, *Bộ đã rà soát, ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời, đầy đủ văn bản pháp luật để thực hiện mô hình chính quyền 3 cấp và cơ bản khắc phục được những hạn chế, vướng mắc trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường*

Bộ đã chủ động rà soát **1.055** văn bản[14] trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đang có hiệu lực pháp luật; rà soát **265** văn bản[15] quy định liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện cần đề xuất phương án xử lý, phân định thẩm quyền. Đã thống kê, phân loại và xác định rõ **141** thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, **500** thẩm quyền thuộc trách nhiệm của Bộ trưởng, cùng với hơn **1.000** thẩm quyền, nhiệm vụ của chính quyền địa phương trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Bộ đã trình Chính phủ ban hành **03** Nghị định[16]; ban hành **18** Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực của Bộ; **15** Quyết định công bố, chuẩn hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Bộ đã trình Chính phủ ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Quốc hội ban hành để xử lý phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, gồm: Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung **15** Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản; Nghị quyết của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật và Nghị quyết trên.

Thứ hai, *tổ chức bộ máy của Bộ, của Ngành sau sáp nhập và sắp xếp đã cơ bản tinh gọn, hoạt động thông suốt; khắc phục được những điểm còn giao thoa, chồng chéo giữa các lĩnh vực có đối tượng quản lý tương đồng. Thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền được phân định rõ ràng, vai trò của cấp cơ sở được nâng cao, trở thành cấp hành chính gốc, gần dân, trực tiếp đưa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước vào đời sống*

- *Tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường* đã sắp xếp giảm mạnh đầu mối trực thuộc Bộ và tổ chức bên trong, cụ thể: **(1)** Thi hành Nghị định số 35/2025/NĐ-CP, cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sắp xếp đã giảm **25/55** đầu mối

---

[14] Gồm: **17** Luật (đã sửa đổi, bổ sung), **08** Nghị quyết của Quốc hội, **120** Nghị định, **66** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, **06** Nghị quyết liên tịch, **61** Thông tư liên tịch, **726** Thông tư, **51** Chỉ thị và Quyết định của Bộ trưởng

[15] Gồm: **16** Luật; **03** Nghị quyết của Quốc hội; **59** Nghị định của Chính phủ; **15** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; **172** văn bản cấp bộ

[16] Gồm: Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực NNMT; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

(tương ứng với tỉ lệ giảm 45,45%)[17]; **(2)** Triển khai Quyết định số 1811/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ tiếp tục sắp xếp tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ. Sau khi hoàn thành việc sắp xếp Bộ có **50** đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ (gồm 04 đơn vị quy định tại Nghị định và 46 đơn vị quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ), giảm **30/80** đơn vị (tương ứng tỉ lệ **giảm 37,5**%); **(3)** Cấp phòng thuộc các tổ chức hành chính quy định tại Nghị định 35/2025/NĐ-CP đã giảm **89/343** đầu mối (tương ứng với tỉ lệ giảm 25,6%); **(4)** Cấp phòng thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ còn **660** tổ chức, giảm **410/1.070** tổ chức (tương ứng với tỷ lệ giảm **38,31%**); **(5)** Giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP đối với **310** công chức, viên chức, người lao động.

- Đối với hệ thống tổ chức bộ máy nông nghiệp và môi trường ở địa phương: Bộ đã ban hành **02** Thông tư và nhiều văn bản hướng dẫn địa phương sắp xếp, kiện toàn bộ máy nông nghiệp và môi trường theo mô hình chính quyền 02 cấp. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về sắp xếp các tổ chức khuyến nông, Bộ đã chủ động, quyết liệt và kịp thời trong việc tham mưu Ban Chỉ đạo ban hành hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn đồng bộ và tổ chức Hội nghị toàn quốc để triển khai, đã có 34/34 địa phương hoàn thành kiện toàn bộ máy khuyến nông.

Thực hiện kết luận cấp có thẩm quyền và các Nghị quyết của Chính phủ (số 115/NQ-CP ngày 29/4/2026 về việc chuyển giao Vườn quốc gia Ba Vì về Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý; số 122/NQ-CP ngày 06/5/2026 Phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2026), Bộ đã triển khai thực hiện, phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố về việc chuyển giao quản lý các Vườn quốc gia liên tỉnh về địa phương quản lý (đến nay, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1040/QĐ-TTg ngày 11/6/2026 về việc chuyển giao Vườn quốc gia Ba Vì thuộc Bộ về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quản lý).

Thứ ba, *đề xuất phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền mạnh mẽ, triệt để giữa các cấp chính quyền.*

Tổng số nhiệm vụ về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đến ngày 30/4/2026: **441** nhiệm vụ, thẩm quyền[18]. Tổng số nhiệm vụ về

---

[17] Trong đó: khối tham mưu tổng hợp giảm 10/17 đầu mối (tương ứng với tỉ lệ giảm 58,82%); khối quản lý nhà nước chuyên ngành: giảm 01/01 Tổng cục (tương ứng với tỉ lệ giảm 100%), giảm 06/25 Cục (tương ứng với tỉ lệ giảm 24,0%); giảm và đưa ra khỏi Nghị định 08/12 đầu mối (tương ứng với tỉ lệ giảm 66,67%)

[18] Gồm: **(1)** Tổng số nhiệm vụ phân cấp phân quyền cho Trung ương **140**, cụ thể: **(i)** Phân cấp, phân quyền cho UBTVQH, Chính phủ, TTg hoặc chuyển nhiệm vụ cho Chính phủ: **01; (ii)** phân cấp phân quyền cho Bộ trưởng: **139; (iii)** phân cấp cho Bộ, ngành khác hoặc đơn vị thuộc Bộ: **0; (2)** Tổng nhiệm vụ phân cấp, phân

phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường là **232** nhiệm vụ, thẩm quyền. Trong quá trình thực hiện, theo đề nghị của Bộ Nội vụ và các địa phương, có **06** nhiệm vụ[19] đã được Bộ tham mưu trình Quốc hội, Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản để xử lý không phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương. Về cơ bản, đã phân cấp, phân quyền toàn bộ các nhiệm vụ mà địa phương có khả năng thực hiện được; Bộ chỉ thực hiện các nhiệm vụ mang tính liên ngành, liên vùng và nhiệm vụ theo điều ước, thỏa thuận quốc tế phải do cấp Bộ thực hiện.

Các vấn đề vướng mắc phát sinh theo đề nghị, phản ánh của địa phương khi thực hiện phân cấp, phân quyền đã được các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức trao đổi, giải đáp, ban hành văn bản giải đáp, hướng dẫn kịp thời hoặc trình Bộ ban hành văn bản giải đáp, hướng dẫn. Về cơ bản các nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền phù hợp giữa với điều kiện, năng lực thực thi của bộ máy, đội ngũ cán bộ và nguồn lực thực hiện của địa phương.

Thứ tư, *quyết liệt trong thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và điều kiện kinh doanh*

Tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ: (i) trước khi thực thi phương **án**[20]: **638** TTHC và (ii) sau khi thực thi phương án: **555** TTHC. Số TTHC cấp Bộ: (i) trước khi thực thi phương án: **267** TTHC và (ii) sau khi thực thi phương án: **148** TTHC (tương đương 26,67% tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ). Bộ đã cắt giảm, đơn giản hóa **164/569** điều kiện kinh doanh (đạt 28,82%); bãi bỏ **13/40** ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và thu hẹp 03 ngành, nghề (đạt 36,25%) vượt yêu cầu cắt giảm tối thiểu 30%.

Thứ năm, *chủ động hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc cho các địa phương đối với các nhiệm vụ, đề xuất điều chỉnh thẩm quyền*

Bộ đã thành lập **10** Đoàn công tác, phân công các đồng chí Thứ trưởng làm

---

quyền cho chính quyền địa phương: **301,** cụ thể: **(i)** Phân cấp phân quyền cho cấp tỉnh: **247**; **(ii)** phân cấp, phân quyền cho cấp xã: **54.**

[19] Tại Công văn số 12227/BNV-TCBC ngày 18/12/2025, Bộ Nội vụ đã tổng hợp ý kiến của các địa phương và báo cáo Chính phủ đề xuất điều chỉnh, gồm: **(1)** Chấp thuận việc khai hoang, lấn biển, thăm dò khoáng sản, dầu khí trong khu vực hạn chế các hoạt động của hành lang bảo vệ bờ biển; **(2)** Chấp thuận hoạt động khai thác khoáng sản trong khu vực cấm hoạt động của hành lang bảo vệ bờ biển; **(3)** Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước đối với các dự án; **(4,5,6)** Phê duyệt, điều chỉnh, truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (gồm 03 nhiệm vụ).

[20] Theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP Bộ tổ chức rà soát, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp, phân quyền TTHC tại 02 Nghị quyết và 01 Thông tư của Bộ.

trưởng đoàn đến làm việc với các địa phương; đã cử **34** công chức thuộc Cục Quản lý đất đai về địa phương để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Xây dựng **02** cuốn sổ tay: (i) Sổ tay hướng dẫn công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; (ii) Sổ tay hướng dẫn thực hiện một số nhiệm vụ, thẩm quyền mới được phân quyền, phân cấp, phân định cho chính quyền cấp xã trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Tổ chức nhiều Hội nghị trực tiếp, trực tuyến để phổ biến, tập huấn, trao đổi, hướng dẫn, giải đáp các đề xuất, kiến nghị, vấn đề mới phát sinh về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cho các địa phương.

Thứ sáu, *tập trung, nỗ lực cao độ trong triển khai thực hiện chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, nhất là Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.*

Kết quả tính đến 12/6/2026 đã khai thác **04** Hệ thống, hoàn thiện **21** CSDL; kết nối đồng bộ **12** CSDL với Trung tâm Dữ liệu quốc gia; công bố trường thông tin của **05** CSDL để thay thế thành phần hồ sơ TTHC; hoàn thành rà soát dữ liệu đất đai. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung vận hành từ ngày 01/01/2026, được tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, VNeID, nền tảng thanh toán quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia như: CSDL đăng ký kinh doanh, CSDL bảo hiểm xã hội, CSDL dân cư … phục vụ cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính. Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản cũng đã ghi nhận **17.987** lượt dữ liệu sản phẩm, **1.396** dòng dữ liệu,…

Để khắc phục tình trạng phân tán, thiếu tính kết nối thông suốt và đồng bộ trong xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường; đồng thời, để chia sẻ kịp thời thông tin chỉ đạo, điều hành giữa Bộ với các địa phương, tăng cường phối hợp công tác, Bộ đã triển khai thực hiện, xây dựng phần mềm (App) về cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường, tổng hợp thông tin của Bộ, Ngành để đưa vào sử dụng từ tháng 9/2026.

Thứ bảy, *Bộ đã nghiêm túc triển khai việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công sau sáp nhập*. Hoàn thành tổng kiểm kê tài sản công, rà soát toàn bộ việc quản lý, sử dụng tài sản công của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ; đã ban hành các quyết định chuyển giao các cơ sở nhà, đất dôi dư hoặc không còn nhu cầu về địa phương để quản lý, xử lý với số lượng **198** cơ sở nhà, đất,...

Thứ tám, *hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Bộ được duy trì ổn định, không để phát sinh khoảng trống quản lý:* Sau một năm vận hành bộ máy của hệ thống chính

trị và chính quyền địa phương 02 cấp và kết thúc hoạt động của Thanh tra Bộ; công tác tiếp công dân được duy trì thường xuyên, định kỳ, đột xuất theo quy định; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai đồng bộ, công khai, minh bạch. Trách nhiệm của cấp tỉnh, cấp xã rõ hơn trong nhiều vụ việc; công tác phối hợp giữa Bộ với địa phương bước đầu có nhiều chuyển biến, nhất là trong xác minh thông tin, cung cấp hồ sơ, xác định cơ quan có trách nhiệm giải quyết; công tác xử lý đơn có chuyển biến theo hướng chặt chẽ hơn.

2. Hạn chế, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được bước đầu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng nhận diện rõ những hạn chế, vướng mắc, khó khăn, thách thức đang đặt ra trong quá trình vận hành thực tiễn, cụ thể:

- Hệ thống pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ dù đã được tập trung rà soát, sửa đổi, hoàn thiện ***để đáp ứng ngay việc vận hành mô hình chính quyền 3 cấp từ thời điểm ngày 01/7/2025***, song một số lĩnh vực vẫn chưa hoàn toàn theo kịp tốc độ vận hành nhanh chóng và yêu cầu của thực tiễn; một số nội dung đòi hỏi phải tiếp tục được rà soát, sửa đổi toàn diện như: đất đai, môi trường, quản lý tổng hợp về biển, hải đảo, các quy định có liên quan về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC,...

- Việc đẩy mạnh chủ trương phân cấp, phân quyền về cơ sở trong thời gian đầu đang đặt ra áp lực lớn đối với đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là công chức cấp cơ sở. Thực tiễn cho thấy, lực lượng này hiện nay vẫn còn chưa đồng đều về chất lượng; nhiều địa phương còn thiếu cán bộ có kỹ năng, có chuyên môn sâu, chưa đáp ứng được yêu cầu xử lý các vấn đề phức tạp phát sinh, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hiện nay còn phân tán, thiếu tính kết nối thông suốt và đồng bộ, đặc biệt là tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu[21]. Nguồn lực và cơ chế đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin còn chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số toàn diện.

3. Bài học kinh nghiệm, cách làm sáng tạo

Từ thực tiễn triển khai thực hiện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rút ra một số bài học và cách làm phù hợp, sáng tạo như sau:

---

[21] Tính đến ngày 15/6/2026, cả nước đã xây dựng dữ liệu cho 64,4 triệu thửa đất trên tổng số 102,5 triệu thửa, đạt tỷ lệ 63%; trong đó, 28,8 triệu thửa đất đã được rà soát, bảo đảm tiêu chí "đúng - đủ - sạch - sống", tương đương 44% tổng số thửa đất đã có dữ liệu

a) Bài học kinh nghiệm

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thần tốc, bài bản, khoa học, bám sát diễn biến thực tiễn của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm; sự giám sát, theo dõi, đôn đốc thường xuyên và chỉ đạo hướng dẫn, xử lý kịp thời, hiệu quả những vướng mắc, khó khăn của các cơ quan Trung ương; vai trò hạt nhân, trách nhiệm nêu gương của cấp ủy và người đứng đầu là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp.

Hai là, việc chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy cần thực hiện đồng bộ các khâu từ xây dựng thể chế; phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực; chuyển đổi số; kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

Ba là, sắp xếp, tinh gọn bộ máy cần chú trọng làm thật tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng; kịp thời giải quyết các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Chủ động các giải pháp, chuẩn bị sớm các phương án hướng dẫn, hỗ trợ chính quyền cơ sở trong giai đoạn đầu triển khai thực hiện.

Bốn là, việc sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm cần chú trọng thực hiện đồng bộ với chuyển đổi số, liên thông dữ liệu từ cấp cơ sở lên Trung ương.

b) Cách làm sáng tạo

- Về phân cấp, phân định thẩm quyền: Bộ đã tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét phân cấp, phân định thẩm quyền đến chính quyền cấp tỉnh. Tùy thuộc vào đặc thù và tình hình thực tế, chính quyền cấp tỉnh sẽ chủ động phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn hoặc chính quyền cấp cở sở thực hiện, tạo sự chủ động, linh hoạt cho chính quyền địa phương.

- Về giải quyết thủ tục hành chính, Bộ tham mưu chuyển thẩm quyền giải quyết đối với các thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND sang Chủ tịch UBND nhằm đề cao trách nhiệm cá nhân, giúp rút ngắn thời gian xử lý.

- Đối với những việc trọng tâm, khó, phức tạp, cần huy động nguồn lực lớn để giải quyết trong một thời gian ngắn, Bộ đã tổ chức, phát động các phong trào, chiến dịch để thực hiện; ví dụ như Bộ đã phối hợp với Bộ Công an phát động "Chiến dịch cao điểm 90 ngày nhằm làm giàu, làm sạch Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai", hoàn thành rà soát hơn 62 triệu thửa đất, tạo nền tảng tinh gọn giấy tờ và giúp bộ máy vận hành thông suốt.

4. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong giai đoạn mới

Để đưa mô hình tổ chức của hệ thống chính trị và chính quyền 3 cấp vận hành tối ưu, tạo động lực bứt phá đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thời gian tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, phổ biến và triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất các chủ trương, kết luận, quy định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ về tổ chức vận hành mô hình tổ chức của hệ thống chính trị và chính quyền 3 cấp.

Thứ hai, tiếp tục tập trung rà soát, hoàn thiện về thể chế, pháp luật, nhất là rà soát hoàn thiện thể chế pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động của chính quyền địa phương trong các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp; phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và kiểm soát quyền lực. Hiện nay, Bộ đang gấp rút tổ chức xây dựng hoàn thiện các dự án Luật: Luật Đất đai (sửa đổi); Luật Bảo vệ Môi trường (sửa đổi); Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm 2026.

Thứ ba, theo dõi, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh theo kiến nghị của các địa phương đối với văn bản, quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền, cải cách TTHC, cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp, phân quyền TTHC trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Thứ tư, tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ và của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường ở địa phương theo các kết luận của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật chuyên ngành; nâng cao năng lực quản lý, quản trị, điều hành, tổ chức thực thi; thực hiện có hiệu quả công tác đánh giá cán bộ để sàng lọc, sắp xếp, bố trí cán bộ. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các địa phương tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đối với cán bộ, công chức, nhất là cấp cơ sở.

Thứ năm, tiếp tục tập trung hoàn thiện hệ thống thông tin, xây dựng CSDL, hoàn thiện, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu; kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cổng dịch vụ công quốc gia, VneID...; số hóa tài liệu, lưu trữ và tạo lập dữ liệu; nâng cấp hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số. Đối với cơ sở dữ liệu đất

đai, Bộ sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an đôn đốc, hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương hoàn thành việc hoàn thành đồng bộ, cập nhật, đưa vào vận hành, khai thác trong năm 2026.

5. Đề xuất, kiến nghị

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

Một là, đề nghị cấp có thẩm quyền tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện cơ chế vận hành và triển khai xây dựng bộ tiêu chí *(khung tổ chức bộ máy, nhân sự; định mức; tiêu chí, tiêu chuẩn…)* phù hợp với yêu cầu, khối lượng công việc, từng ngành, từng lĩnh vực, khu vực (đô thị, nông thôn) và mỗi địa phương,…trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc khoa học, thực tiễn, kế thừa, ổn định, hoạt động liên tục, thông suốt, phù hợp với định hướng phát triển, hiệu lực, hiệu quả và lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ và phục vụ Nhân dân làm thước đo.

Hai là, đề nghị các địa phương quan tâm, sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp cơ sở bảo đảm có chuyên môn và kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu công việc, tương xứng với nhiệm vụ, khối lượng công việc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn mới. Quan tâm bố trí đầy đủ nguồn lực, tập trung xây dựng hoàn thành cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc thẩm quyền của địa phương nói chung và lĩnh vực nông nghiệp và môi trường nói riêng, nhất là cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai bảo đảm tiêu chí "*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*".

Đồng thời, quá trình thực hiện tiếp tục quan tâm phối hợp chặt chẽ với Bộ kịp thời xử lý những phát sinh, vướng mắc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ.

Ba là, chú trọng việc tổng kết, nhân rộng và lan toả các mô hình, điển hình hoạt động hiệu quả, sáng tạo; xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực đồng bộ với phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền.

Từ kết quả sơ kết 01 năm tổ chức triển khai thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp của các cơ quan, tổ chức trong Hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, đã được Ban Chỉ đạo Trung ương tổng hợp Báo cáo tại Hội nghị hôm nay, có thể khẳng định, việc đổi mới, xây dựng, vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp là chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta; đạt được sự đồng thuận, nhất trí, tin tưởng rất cao của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; làm chuyển biến sâu sắc tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Quá trình tổ chức thực hiện được tiến hành khoa học, khẩn trương, bài bản, từ trạng thái ban đầu thích ứng, thiết lập sắp xếp, tinh gọn

bộ máy *"vừa chạy vừa xếp hàng"*, trong thời gian ngắn hệ thống đã được sắp xếp, vận hành ổn định *"hàng thẳng, lối thông, đồng lòng cùng tiến"* và đang tiếp bước vào giai đoạn tinh chỉnh, tối ưu hóa các quy trình vận hành.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn toàn tin tưởng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm; sự quan tâm phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ban, ngành ở Trung ương và địa phương; sự đồng hành, ủng hộ của Nhân dân, kiên định và quyết tâm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong xây dựng, hoàn thiện và vận hành mô hình mới - mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp trong giai đoạn mới./.

8. BỘ TÀI CHÍNH:

Đánh giá hiệu quả vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và chính quyền 3 cấp qua thực tiễn triển khai của ngành Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình

Đảng bộ Bộ Tài chính là đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng bộ Chính phủ, quy mô lớn, phạm vi rộng, bao trùm tài chính – ngân sách NN, đầu tư phát triển, doanh nghiệp, thị trường vốn và lĩnh vực kinh tế quan trọng khác. Có trên 51 nghìn đảng viên sinh hoạt tại 68 tổ chức đảng trực thuộc. BCH Đảng bộ có 38 đồng chí, Ban Thường vụ 11 đồng chí.

Giai đoạn 2025-2026, Bộ Tài chính hợp nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tiếp nhận chức năng quản lý từ cơ quan thuộc Chính phủ, thay đổi lớn về quy mô, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ. Bộ máy sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, tăng liên thông, đồng bộ; phân cấp, phân quyền mạnh mẽ gắn trách nhiệm giải trình. Bộ máy từ Trung ương đến địa phương giảm khoảng 3.600 đầu mối (37%). Giảm số lãnh đạo cấp trưởng theo đầu mối cắt giảm. Sắp xếp giảm từ 63 xuống 24 đơn vị sự nghiệp công lập.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời. Đảng ủy Bộ Tài chính ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch cụ thể hóa chủ trương Trung ương. Đến nay, 100% địa phương ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã; ban hành quy chế làm việc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương triển khai nhiều hình thức trực tiếp, trực tuyến, qua báo chí, cổng thông tin điện tử, nền tảng số, hệ thống thông tin cơ sở, sinh hoạt chi bộ.

2. Đánh giá chất lượng chỉ đạo, điều hành

Nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc cách mạng toàn diện về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, ngay từ giai đoạn cuối năm 2024, đầu năm 2025, Bộ Tài chính đã chủ động, khẩn trương nghiên cứu, bám sát và nghiêm túc triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tổ chức, vận hành mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp, Đảng ủy Bộ Tài chính đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo để kịp thời phân

công cho các đơn vị thuộc Bộ triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao; Cùng với đó là các Công điện, các văn bản đôn đốc, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn địa phương triển khai các quy định trước, trong và sau khi vận hành mô hình chính quyền 3 cấp. Bộ Tài chính đã liên tục cập nhật các phản ánh phát sinh từ địa phương để có văn bản hướng dẫn các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ với gần 250 công văn gửi Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố; đồng thời có văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị ngành dọc tại địa phương để triển khai, thực hiện.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền hơn 110 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL). Trong đó, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành 05 Nghị định về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền rõ ràng cho cấp tỉnh và cấp xã, trao quyền cho địa phương theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Các văn bản này đã cụ thể hóa toàn diện việc phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt là thiết lập cơ chế chuyển tiếp từ cấp huyện xuống cấp xã, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL, qua đó góp phần duy trì ổn định hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi mô hình mới.

Sau 01 năm triển khai, mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp của ngành tài chính đã vận hành cơ bản ổn định, thông suốt, phát huy hiệu quả; tạo chuyển biến rõ nét về tư duy quản trị quốc gia, phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số và huy động, phân bổ nguồn lực phát triển, bảo đảm bộ máy hoạt động thông suốt, không gián đoạn, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp, qua đó, khẳng định chủ trương của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, hợp lòng dân, phù hợp xu thế của thế giới và yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Những kết quả quan trọng của đất nước trong 1 năm qua đã chứng minh tính đúng đắn của mô hình tổ chức: Năm 2025, cả nước hoàn thành và vượt 15/15 chỉ tiêu chủ yếu; đạt và vượt 22/26 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 2021 - 2025; GDP tăng 8,02%, bình quân giai đoạn đạt khoảng 6,3%, thuộc nhóm cao của khu vực và thế giới trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp, khó lường, ảnh hưởng tiêu cực đến nước ta. Quy mô nền kinh tế đạt khoảng 514 tỷ USD, tăng 05 bậc, vươn lên thứ 32 thế giới; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD, gấp 1,4 lần năm 2020, đưa Việt Nam vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao. Thu ngân sách nhà nước vượt 34,74% dự toán, tăng 30,3% so với cùng kỳ; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng từ 545,4 tỷ USD năm 2020 lên mức kỷ lục trên 930 tỷ USD năm 2025, thuộc nhóm 20 quốc gia dẫn đầu thế giới; quốc phòng được đảm bảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn được giữ vững, đối ngoại được mở rộng.

Là cơ quan giữ vai trò nòng cốt, huyết mạch trong quản lý tài chính - ngân sách quốc gia, Bộ Tài chính cảm nhận rõ nét việc vận hành mô hình mới đã và đang tạo ra những chuyển biến căn bản trong huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực; nâng cao hiệu quả quản trị tài chính công; tăng cường tính chủ động của địa phương; đồng thời củng cố vai trò điều tiết, dẫn dắt và kiến tạo phát triển của Trung ương.

Mô hình mới đã từng bước khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực, chồng chéo chức năng, giảm cấp trung gian, tăng tính trực tiếp trong chỉ đạo, điều hành; đồng thời phát huy tốt hơn vai trò của cấp tỉnh trong hoạch định chiến lược phát triển và vai trò của cấp xã trong tổ chức thực hiện, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH

1. Về sắp xếp tổ chức bộ máy:

Sau 03 đợt sắp xếp bộ máy, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ bảo đảm hợp nhất đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính (trước khi sắp xếp), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia. Bộ máy của Bộ Tài chính từ Trung ương đến địa phương đã giảm khoảng 3.600 đầu mối, tương đương khoảng 37%; đồng thời giảm mạnh số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế theo đúng chủ trương của Trung ương.

Đến nay, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính đã ***cơ bản hoạt động ổn định theo mô hình mới, đảm bảo bộ máy tinh gọn, thông suốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao, ổn định ở cả 3 cấp***; hệ thống các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị đã được ban hành đầy đủ, kịp thời, rõ ràng, không chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót nhiệm vụ, các khó khăn, vướng mắc phát sinh cơ bản đều được tháo gỡ, xử lý kịp thời.

Hệ thống cơ quan tài chính và các cơ quan ngành dọc của Bộ đã phát huy vai trò của cơ quan trung ương đóng tại địa phương, đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) và các quy trình nghiệp vụ cơ bản được hoàn thiện, chỉnh sửa đảm bảo thống nhất và đồng bộ với việc sắp xếp bộ máy, không gây gián đoạn, ngắt quãng trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đặc biệt là đối với các đơn vị phục vụ trực tiếp người dân, doanh nghiệp, với những ưu điểm tích cực:

Một là, mô hình các tổ chức ngành dọc của Bộ Tài chính hiện nay đã tổ chức phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp;

Hai là, chức năng, nhiệm vụ của từng cấp quản lý trong mô hình 2 cấp (Kho bạc Nhà nước) hoặc 3 cấp của tổ chức, đơn vị ngành dọc của Bộ Tài chính được quy

định rõ ràng, không chồng chéo, trùng lặp giữa cấp trên với cấp dưới, đảm bảo "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm", không phát sinh tầng nấc trung gian;

Ba là, bộ máy, biên chế các tổ chức ngành dọc thuộc Bộ Tài chính đã được sắp xếp, cắt giảm đáng kể trong hơn 01 năm qua đảm bảo đáp ứng yêu cầu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: Cục Thuế giảm 82% số lượng đầu mối, các đơn vị ngành dọc khác đều giảm từ 37% - 47% số lượng đầu mối so với trước sắp xếp; Về biên chế, Kho bạc Nhà nước dự kiến cắt giảm 28%, Cục Thuế 22%, Cục Thống kê 18%, ...

2. Về kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, trách nhiệm liên thông giữa 3 cấp:

Tổng số nhiệm vụ phân cấp, phân quyền về chính quyền địa phương 2 cấp của Bộ Tài chính là **383** nhiệm vụ, bao gồm: **165** nhiệm vụ về phân cấp, phân quyền và **218** nhiệm vụ về phân định thẩm quyền, trong đó trọng tâm là chuyển **205** nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã.

Trên tinh thần quán triệt chỉ đạo đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thực hiện phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm" và yêu cầu hoàn thiện thể chế, pháp luật, Bộ Tài chính xác định việc thực hiện các nhiệm vụ phân cấp, phân quyền là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên. Qua rà soát báo cáo của 34 địa phương và tổng hợp chung của Bộ Nội vụ, đến nay chưa phát sinh khó khăn, vướng mắc lớn trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. Các quy định hiện hành ***cơ bản bảo đảm tính khả thi, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền 3 cấp***; ***hoạt động quản lý nhà nước của ngành Tài chính tại địa phương được triển khai tương đối ổn định, thông suốt.***

Việc phân cấp, phân quyền không đơn thuần mang tính cơ học mà đã trực tiếp tháo gỡ các hạn chế căn bản trong quản lý nhà nước, như nhiều tầng nấc trung gian; phân định thẩm quyền chưa rõ ràng; tổ chức thực thi tại cơ sở triệt để ; (iv) chồng chéo trong phối hợp hành chính. Các nội dung phân cấp, phân quyền đã tạo ra chuyển biến căn bản trong phương thức quản lý, từ quản lý theo tầng nấc trung gian sang quản lý trực tiếp đến cơ sở.

3. Về thủ tục hành chính

Theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV, từ ngày 26/3/2025 đến nay, Bộ Tài chính đã cắt giảm, đơn giản hóa 82,84% thủ tục hành chính (TTHC), 38,29% điều kiện kinh doanh; Cắt giảm 52,24% chi phí và 53,88% thời gian giải quyết TTHC, đáp ứng các tiêu chí theo yêu cầu của Ban

Chấp hành Trung ương khóa XIV tại Kết luận số 18-KL/TW (cắt giảm tối thiểu 50% chi phí và 50% thời gian giải quyết TTHC).

Tỷ lệ phân cấp TTHC của Bộ Tài chính cho các bộ, địa phương, là 75,52%; số TTHC giải quyết tại Bộ và các đơn vị thuộc Bộ Tài chính ở trung ương là 24,42% đáp ứng yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV tại Kết luận số 18-KL/TW (bảo đảm cấp Bộ chỉ thực hiện không quá 30%).

4. Về bảo đảm nguồn lực tài chính - ngân sách

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thời gian qua, Bộ Tài chính đã tham mưu, đảm bảo công tác hướng dẫn về tài chính ngân sách, cân đối, bố trí nguồn lực đầy đủ, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền hỗ trợ các địa phương theo đúng quy định. Trên cơ sở đó, góp phần đảm bảo vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

Bộ Tài chính đã chủ động tham mưu trình cấp có thẩm quyền sắp xếp, cân đối nguồn ngân sách trung ương để hỗ trợ đầy đủ, kịp thời kinh phí thực hiện chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức nghỉ hưu, thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ kịp thời cho các địa phương kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã với khoảng 128 nghìn tỷ đồng (gồm kinh phí thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP là hơn 118 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp: hơn 10,3 nghìn tỷ đồng, gồm: hỗ trợ sắp xếp tỉnh là 2,3 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ sắp xếp xã là hơn 8 nghìn tỷ đồng).

Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 được Quốc hội quyết định là hơn 3,1 triệu tỷ đồng, bảo đảm cơ cấu chi tích cực với tỷ lệ chi đầu tư phát triển chiếm gần 31% tổng chi NSNN; chi thường xuyên đáp ứng yêu cầu hoạt động của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đồng thời tạo nguồn lực để tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình chính quyền 3 cấp. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã kiến nghị tăng 3% bổ sung cân đối cho địa phương với số tiền gần 7 nghìn tỷ đồng để các địa phương có thêm nguồn thực hiện nhiệm vụ quan trọng, tiếp tục triển khai các nhiệm vụ liên quan đến vận hành mô hình chính quyền 3 cấp.

Năng lực quản lý tài chính - ngân sách cấp tỉnh được nâng cao rõ rệt sau khi được trao thêm thẩm quyền chủ động phân bổ dòng ngân sách địa phương (NSĐP). Theo quy định của Luật ngân sách nhà nước hiện hành, việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Tổng dự toán chi NSĐP năm 2026 đã được HĐND cấp tỉnh quyết định là hơn 1,7 triệu tỷ đồng, trong đó cấp tỉnh chiếm 59%, cấp xã chiếm 41%. Chi đầu tư phát

triển của các địa phương tập trung phần lớn ở cấp tỉnh (chiếm khoảng 81% tổng chi đầu tư phát triển NSĐP); cấp xã chủ yếu là chi thường xuyên (chiếm khoảng 60% tổng chi thường xuyên NSĐP).

5. Về bảo đảm trụ sở, tài sản công

Các quy định và hướng dẫn việc bố trí trụ sở sau khi sắp xếp được thực hiện một cách linh hoạt theo nhiều hình thức để phù hợp với tình hình thực tế. Sau khi sắp xếp tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính thì 100% cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các Bộ, ngành, địa phương sau sắp xếp đều đã có trụ sở làm việc phục vụ công tác, trong đó, về cơ bản đều đã được giao quản lý chính thức trụ sở làm việc.

Riêng đối với trụ sở làm việc của cấp xã: sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, theo tinh thần hướng dẫn của trung ương, các địa phương đã bố trí trụ sở của các tỉnh/huyện cũ cho các xã mới nơi có trụ sở cũ của huyện và tận dụng trụ sở của các xã cũ để bố trí trụ sở làm việc cho Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc, UBND cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã. Theo đó, 948 xã đã bảo đảm các cơ quan làm việc tập trung tại 1 trụ sở. Còn 05 xã chưa có trụ sở làm việc trên địa bàn mà đang sử dụng tạm thời trụ sở của xã khác; số xã còn lại làm việc tại các trụ sở không tập trung, phân tán để tận dụng tối đa trụ sở của các xã cũ. Các trụ sở cũ được đầu tư xây dựng phù hợp với quy mô xã cũ và nhiều trụ sở đã xuống cấp; do đó, địa phương có nhu cầu đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, sửa chữa để bảo đảm điều kiện làm việc cho các xã mới.

Về tình hình bảo đảm xe ô tô của cấp xã: Đến nay, các địa phương đã thực hiện giao, điều chuyển, mua sắm mới để bảo đảm mỗi xã được trang bị ít nhất 01 xe ô tô phục vụ công tác. 10/34 địa phương đã bảo đảm trang bị đủ cho mỗi xã 02 xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức[22].

Về tình hình bảo đảm máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc của cấp xã: Đến nay, 100% số xã (mới) đã được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc; tuy nhiên, chất lượng, cấu hình của máy móc, thiết bị còn hạn chế, nhiều máy móc, thiết bị đã hết hao mòn nên một vài nơi chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, đặc biệt trong bối cảnh tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Về việc tiếp tục rà soát, báo cáo để tháo gỡ những hạn chế pháp lý, sửa đổi ngay các quy định không còn phù hợp về quản lý, xử lý tài sản công theo đúng lộ trình Bộ Chính trị đã giao

Bộ Tài chính đã trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách, pháp luật về tài sản công theo hướng phân cấp, phân quyền triệt để cho các Bộ, cơ quan trung

[22] Hà Nội, Phú Thọ, Lào Cai, Quảng Trị, Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hoà, Đồng Nai, Tây Ninh, Cà Mau.

ương, chính quyền địa phương trong việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý. Qua rà soát, đến nay về cơ bản không còn các hạn chế pháp lý đối với các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công. Trên cơ sở hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã tích cực triển khai việc quản lý, sử dụng tài sản công, xử lý hoặc đưa vào khai thác đối với các tài sản dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và sắp xếp chính quyền các cấp.

Để sớm hoàn thành việc khai thác, xử lý triệt để đối với các cơ sở nhà, đất đã được xử lý theo hình thức thu hồi, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý trong bối cảnh số lượng nhà, đất dôi dư lớn phải xử lý trong thời gian ngắn trong khi nhu cầu chung của thị trường giảm, Bộ Tài chính đã chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 24/6/2026 về cơ chế, chính sách đặc thù để đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính theo trình tự, thủ tục rút gọn; đã tổ chức Hội nghị quán triệt đến các Bộ, ngành và địa phương để khẩn trương triểnh khai.

6. Về chuyển đổi số

Các hệ thống của Bộ Tài chính đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ đồng bộ, thống nhất trên các hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp Bộ; đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt, liên tục, hiệu quả từ ngày 01/7/2025, không để xảy ra tình trạng gián đoạn, ách tắc trong giải quyết TTHC. Trong quá trình vận hành, các ứng dụng cơ bản hoạt động ổn định, không phát sinh lỗi.

Bộ Tài chính đã bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, dữ liệu, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vận hành chính thức và hoàn tất công tác cắt chuyển hệ thống sang Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo đúng yêu cầu của Bộ Công an. Trong thời gian tới, Bộ Tài chính tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chủ động đồng bộ dữ liệu hồ sơ, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến trải nghiệm và việc theo dõi tiến độ xử lý TTHC của người dân, doanh nghiệp, đảm bảo tính liên tục, hiệu quả.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

Dù đạt được nhiều thành quả có tính bứt phá, thực tiễn 1 năm vận hành hệ thống mới cũng đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc cơ bản cần được thẳng thắn nhìn nhận và tháo gỡ.

Một là, việc hoàn thiện thể chế trong một số lĩnh vực còn chưa đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh triển khai đồng thời nhiều chủ trương lớn về tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số.

Hai là, chất lượng và tiến độ triển khai ở một số đơn vị, địa phương chưa đồng đều; năng lực thực thi và điều kiện bảo đảm hoạt động tại cấp cơ sở còn hạn chế, trong khi khối lượng công việc tăng nhanh sau khi phân cấp. Do đó, một số địa phương còn tình trạng lúng túng trong triển khai thực hiện. Việc áp dụng chính sách phân cấp, ủy quyền đã được quy định, nhưng tại một số cơ quan, đơn vị còn chưa triển khai áp dụng. Cơ sở vật chất, trụ sở, hạ tầng CNTT của cấp xã còn khó khăn, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa là khó tránh khỏi và cần thời gian, kinh phí để khắc phục, hoàn thiện. Tại một số địa bàn, công chức cấp xã có hiện tượng bị quá tải công việc trong một số thời điểm, nhất là đối với bộ phận liên quan đến giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

Ba là, hạ tầng CNTT và cơ sở dữ liệu chưa hoàn toàn đồng bộ giữa các cấp; dẫn tới chưa thực sự hiệu quả trong quản lý, điều hành khi hệ thống CNTT giữa trung ương, địa phương, làm giảm hiệu quả của chuyển đổi số (dữ liệu không được cập nhật theo thời gian thực, gây độ trễ trong ra quyết định; khó triển khai các nền tảng số tích hợp và không thể tự động hóa quy trình liên ngành). Hệ thống CNTT chưa đồng nhất làm tăng rủi ro về an toàn, bảo mật thông tin. Nguồn lực đầu tư phân tán khi các bộ, ngành, địa phương phát triển hệ thống riêng, không đồng bộ (đầu tư trùng lặp hạ tầng và phần mềm; khó tích hợp về sau, phải nâng cấp hoặc thay thế tốn kém dẫn đến hiệu quả sử dụng ngân sách cho CNTT không cao). Bên cạnh đó, khả năng phối hợp liên ngành và hội nhập quốc tế còn có những bất cập.

Bốn là, việc bố trí kinh phí xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính cấp tỉnh, cấp xã: Nhiều trụ sở, trung tâm hành chính của cấp tỉnh, cấp xã không còn phù hợp với công năng hoặc bộ máy tổ chức sau sáp nhập, hợp nhất (ví dụ TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Lâm Đồng,…). Tuy nhiên, thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, các địa phương cần hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các tỉnh, thành phố nên gặp khó khăn trong bố trí chỗ làm việc tập trung, ảnh hưởng đến việc vận hành của tổ chức bộ máy cấp tỉnh, cấp xã. Đồng thời, việc bố trí kinh phí chưa có cơ sở để đề xuất, thực hiện.

Các hạn chế nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan:

Về khách quan, quy mô cải cách lớn, phạm vi rộng, thời gian triển khai ngắn; bối cảnh kinh tế thế giới biến động phức tạp, khó dự báo; yêu cầu điều hành đa mục tiêu trong điều kiện nguồn lực hạn chế. Quá trình chuyển đổi diễn ra trong thời gian ngắn, khối lượng công việc rất lớn, trong khi nhiều vấn đề mới phát sinh chưa có tiền lệ. Bên cạnh đó, hệ thống dữ liệu quốc gia và dữ liệu chuyên ngành đang trong quá trình hoàn thiện.

Về chủ quan, năng lực tổ chức thực hiện và chất lượng tham mưu ở một số đơn vị chưa đồng đều; tư duy quản lý truyền thống ở một số nơi chưa được đổi mới kịp thời; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ; công tác phối hợp giữa các đơn vị chưa thật sự hiệu quả, việc chia sẻ thông tin liên thông giữa cơ quan quản lý ngành dọc và chính quyền địa phương trong thời gian đầu sáp nhập đôi lúc còn lúng túng. Một bộ phận cán bộ cơ sở chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện mới; kỹ năng quản trị hiện đại, quản lý tài chính, đầu tư, chuyển đổi số còn hạn chế.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Qua thực tiễn 01 năm vận hành có thể rút ra một số bài học mang tính chiến lược then chốt trong vận hành mô hình chính quyền 3 cấp:

Một là, cải cách tổ chức bộ máy chỉ thành công khi được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng với quyết tâm chính trị lớn, gắn liền việc phân cấp, phân quyền mạnh mẽ và kiểm soát quyền lực hiệu quả.

Hai là, hoàn thiện thể chế phải đi trước một bước, không để xảy ra khoảng trống pháp lý; những vướng mắc phát sinh phải được xử lý nhanh, kịp thời, không để cản trở hoạt động của bộ máy.

Ba là, tinh gọn bộ máy không phải mục tiêu cuối cùng mà mục tiêu cao nhất là nâng cao chất lượng quản trị quốc gia, giải phóng nguồn lực và tạo động lực phát triển.

Bốn là, phân cấp, phân quyền chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi đi cùng phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và trách nhiệm giải trình. Thực tiễn cho thấy nơi nào được trao quyền rõ ràng, có nguồn lực tương ứng và cơ chế kiểm tra, giám sát đầy đủ thì nơi đó vận hành hiệu quả.

Năm là, chuyển đổi số và dữ liệu phải trở thành nền tảng của mô hình quản trị mới.

Sáu là, mọi cải cách tổ chức bộ máy cuối cùng phải hướng tới phục vụ người dân tốt hơn, doanh nghiệp thuận lợi hơn và thúc đẩy phát triển nhanh hơn. Trong đó, việc vận hành mô hình cơ quan ngành dọc độc lập thuộc Bộ Tài chính với bộ máy tổ chức tinh gọn là kinh nghiệm có giá trị. Các lĩnh vực huyết mạch có đối tượng quản lý lớn, phức tạp như Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Thống kê, Bảo hiểm xã hội đã phát huy hiệu quả trong việc thực hiện nguyên tắc quản lý tập trung, thống nhất, đồng thời vẫn bảo đảm bám sát địa bàn và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong thời gian tới, Bộ Tài chính kiến nghị tiếp tục tập trung thực hiện 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế đồng bộ với mô hình tổ chức mới

Đẩy nhanh tiến độ sửa đổi, bổ sung các luật, nghị định, thông tư liên quan; bảo đảm phân định rõ thẩm quyền giữa các cấp chính quyền, khơi thông nguồn lực quốc gia. Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn đảm bảo rõ ràng, dễ áp dụng; thiết lập cơ chế tư vấn, hỗ trợ nghiệp vụ thường xuyên; xây dựng kênh trao đổi trực tiếp để xử lý kịp thời vướng mắc từ cơ sở.

Thứ hai, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

- Cho phép tiếp tục duy trì mô hình các tổ chức, đơn vị ngành dọc thuộc Bộ Tài chính (Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Thống kê, Cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội Việt Nam):

Một là, có đối tượng quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội (thuế, hải quan, thống kê, kho bạc, bảo hiểm xã hội là các ngành lớn, có vai trò quan trọng trong việc huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo an sinh xã hội; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại,…)

Hai là, ngành, lĩnh vực nêu trên cần quản lý tập trung, thống nhất ở Trung ương; không phân cấp cho địa phương mà phối hợp với địa phương để thực hiện (tổ chức bộ máy của cơ quan trung ương đóng tại địa phương) để đảm bảo tập trung nguồn lực, thực hiện phân phối, điều hòa nguồn lực giữa Trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau, giữa nguồn lực ngắn hạn với nguồn lực dài hạn (lĩnh vực thuế, kho bạc, bảo hiểm xã hội) hoặc đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ có tính chất liên ngành, liên vùng, liên quan đến an ninh kinh tế (phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, sở hữu trí tuệ,... của hải quan) hoặc đảm bảo tính chất độc lập, trung thực, khách quan và chính xác nhằm tham mưu có hiệu quả cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội (lĩnh vực thống kê).

Ba là, cần được phân cấp của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực: Các Cục loại 1 nêu trên ngoài chức năng tham mưu quản lý nhà nước đều là những đơn vị tổ chức thực thi pháp luật về ngành, lĩnh vực quản lý. Theo đó, các Cục loại 1 thực hiện nhiệm vụ quản lý theo quy định pháp luật và theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Việc phân cấp nêu trên đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện nhiệm vụ của các ngành, lĩnh

vực do tính chất tác nghiệp trực tiếp của các đơn vị. Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị được phân công, phân cấp thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được phân công, phân cấp.

Bốn là, có nhiệm vụ không trùng lặp, giao thoa mà có tính chất liên thông, gắn kết, phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (cơ quan hải quan thực hiện các nhiệm vụ cốt lõi về an ninh quốc gia, tạo thuận lợi thương mại, thúc đẩy xuất nhập khẩu và chuỗi cung ứng toàn cầu, theo đó, nhiệm vụ của cơ quan hải quan không trùng lặp với cơ quan thuế, kho bạc hoặc các cơ quan khác; tương tự như vậy cơ quan thuế quản lý nhà nước và tổ chức thu thuế nội địa, phí và lệ phí nên cũng không trùng lặp về chức năng, phạm vi, đối tượng quản lý với các cơ quan khác; cơ quan kho bạc thực hiện nhiệm vụ chủ yếu về quản lý quỹ NSNN, quản lý ngân quỹ, tổng kế toán nhà nước và huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ trong nước; theo đó, nhiệm vụ của kho bạc gắn kết chặt chẽ với các cơ quan thuế, hải quan trong việc tập trung các nguồn thu, gắn kết với các tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách trong việc theo dõi tình hình thực hiện dự toán chi NSNN và đảm bảo việc chi trả được kịp thời;…).

Với yêu cầu về việc phân cấp, phân quyền để quản lý những ngành lớn, phức tạp, có ảnh hưởng và vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, cần quản lý tập trung, thống nhất ở trung ương, việc tiếp tục duy trì mô hình tổ chức của các tổ chức ngành dọc độc lập (2 cấp hoặc 3 cấp) thuộc Bộ Tài chính là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đáp ứng yêu cầu quản lý thực tiễn của ngành cũng như các tiêu chí thành lập theo quy định của Chính phủ.

- Về sắp xếp các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước

Bám sát các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ để tiếp tục hoàn thiện Phương án sắp xếp doanh nghiệp có vốn nhà nước, báo cáo cấp có thẩm quyền trong tháng 08/2026, đảm bảo chất lượng Phương án và tổng hợp đầy đủ ý kiến của các cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trong đó xác định rõ các nhiệm vụ về: (i) xây dựng danh mục doanh nghiệp nhà nước mạnh, quy mô lớn, đóng vai trò dẫn dắt trong ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược của nền kinh tế theo Nghị quyết số 79-NQ/TW; (ii) xác định các tập đoàn, tổng công ty, công ty nhà nước có vai trò đặc biệt, chủ đạo, dẫn dắt và tiên phong trong các lĩnh vực về kinh tế - xã hội - quốc phòng - an ninh, có quy mô, tính chất tác động lớn trên phạm vi cả nước theo hướng trực thuộc Chính phủ.

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát

Tiếp tục nghiên cứu việc phân cấp, phân quyền dựa trên năng lực thực thi của cấp cơ sở. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý

các vướng mắc phát sinh: tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, như mở rộng quyền chủ động cho cấp cơ sở trong quản lý ngân sách và tài chính; đồng thời, thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả rõ ràng; ứng dụng công nghệ để giám sát từ xa, minh bạch hóa hoạt động tài chính

Thứ tư, tiếp tục thực hiện tốt việc bảo đảm nguồn lực cho vận hành mô hình chính quyền 3 cấp

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả; ưu tiên nguồn lực cho cấp xã thực hiện các nhiệm vụ mới được giao. Thực hiện triệt để nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi cho cấp xã phải gắn liền với bảo đảm nguồn lực đi kèm.

Đồng thời, cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, hướng dẫn cụ thể việc chi thường xuyên và chi đầu tư để cấp tỉnh, xã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

Thứ năm, về tăng tốc chuyển đổi số và xây dựng dữ liệu quốc gia

Tập trung đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng CNTT, bảo đảm dữ liệu liên thông thông suốt giữa cơ quan tài chính và chính quyền 3 cấp. Đảm bảo an toàn an ninh thông tin tuyệt đối, không để việc sáp nhập tổ chức làm gián đoạn việc cung ứng dịch vụ công trực tuyến và TTHC cho người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; xây dựng nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ quản trị quốc gia và quản trị địa phương hiện đại.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

Tăng cường năng lực cho cấp cơ sở, đặc biệt về nhân lực, tài chính và điều kiện làm việc: đây là một định hướng quan trọng đối với Bộ Tài chính, quyết định hiệu quả của chính sách tài chính công. Trong đó, cần tập trung thực hiện một số nội dung như: (i) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (ii) Cải thiện điều kiện làm việc và hạ tầng cơ sở vật chất: đầu tư nâng cấp trụ sở, trang thiết bị làm việc cho các đơn vị tài chính cấp cơ sở; bảo đảm điều kiện làm việc phù hợp để nâng cao năng suất và giảm áp lực cho cán bộ. Tập trung đào tạo kỹ năng quản trị công, quản trị tài chính công, chuyển đổi số và tổ chức thực hiện chính sách cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp xã.

VI. KẾT LUẬN

Nhìn lại chặng đường 01 năm vừa qua, có thể khẳng định việc triển khai vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp là một quyết sách đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn

mới, mang tầm vóc lịch sử, thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và khát vọng phát triển của Đảng ta. Trong bối cảnh đó, Bộ Tài chính đã nỗ lực vượt bậc để bảo đảm mạch máu tài chính quốc gia luôn thông suốt, góp phần quan trọng vào sự ổn định và hiệu quả của bộ máy mới.

Những kết quả bước đầu đạt được không chỉ là tiền đề quan trọng để tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng cho việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, mà còn góp phần xây dựng nền hành chính và mô hình quản trị quốc gia hiện đại, kiến tạo phát triển, phục vụ Nhân dân, đủ năng lực dẫn dắt đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Bộ Tài chính nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình trong việc quản lý, huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực của đất nước. Với các nhiệm vụ và giải pháp mang tính đột phá đã đề ra, Bộ Tài chính cam kết sẽ tiếp tục đồng hành, xử lý triệt để những khó khăn, vướng mắc, chồng chéo về thể chế, tài chính và bộ máy; quyết tâm cùng các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, phát huy hiệu quả mô hình mới, góp phần thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030, đưa nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045; hoàn thành thắng lợi hai mục tiêu 100 năm mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đã xác định, đưa đất nước vững vàng bước vào kỷ nguyên mới./.

9. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:

Phát huy vai trò của chuyển đổi số trong vận hành mô hình chính quyền 3 cấp

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã đi vào vận hành trong tổng thể quản trị 03 cấp từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã. Sau một năm triển khai, yêu cầu đặt ra không chỉ là đánh giá việc giảm đầu mối, mà quan trọng hơn là đánh giá chất lượng vận hành thực tế: công việc có được xử lý nhanh hơn, trách nhiệm rõ hơn, phối hợp thông suốt hơn và người dân, doanh nghiệp có được phục vụ thuận lợi hơn hay không.

Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số không chỉ là công cụ kỹ thuật hỗ trợ, mà là phương thức quan trọng để bảo đảm mô hình mới vận hành thông suốt. Hạ tầng số tạo kết nối; dữ liệu phục vụ chỉ đạo, giám sát; nền tảng dùng chung tạo liên thông; dịch vụ số giúp người dân tiếp cận thủ tục không phụ thuộc địa giới hành chính; công cụ số giúp theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả và xác định rõ trách nhiệm.

Với tham luận chuyên đề này, chúng tôi tập trung làm rõ vai trò chuyển đổi số trong công tác vận hành mô hình mới; đồng thời nhận diện những hạn chế, vướng mắc và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp để chuyển đổi số thực sự nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của mô hình chính quyền 03 cấp.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Từ góc độ chuyển đổi số, kết quả nổi bật sau một năm vận hành mô hình mới là các hoạt động chỉ đạo, điều hành cơ bản được duy trì thông suốt; việc xử lý hồ sơ, cung cấp dịch vụ công từng bước không phụ thuộc địa giới hành chính; cấp xã được xác định là trọng tâm hỗ trợ về hạ tầng, dữ liệu, nền tảng và kỹ năng số; trách nhiệm xử lý công việc từng bước được thể hiện rõ hơn thông qua trạng thái hồ sơ, dữ liệu tiến độ và công cụ giám sát trên môi trường số.

1. Thể chế, kiến trúc số, phân cấp và cơ chế hỗ trợ địa phương được củng cố

Từ năm 2025 đến nay, các cơ quan Trung ương và địa phương đã có bước đột phá với việc ban hành 07 Luật về chuyển đổi số, 15 Luật chung cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trên 60 Nghị định và gần 300 văn bản có liên quan. Đây là cơ sở quan trọng để hồ sơ điện tử, dữ liệu số, giao dịch điện tử, định

danh và xác thực điện tử, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo, cải cách thủ tục hành chính, phân cấp và phân quyền được triển khai đồng bộ hơn trong mô hình mới.

Riêng trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, trình Quốc hội khóa XV thông qua 05 Luật, trình Chính phủ ban hành 16 Nghị định, 01 Nghị quyết, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và ban hành 12 Thông tư theo thẩm quyền để triển khai phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Bộ cũng đã ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh Việt Nam phiên bản 2.0, danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung, cùng hướng dẫn triển khai mô hình chuyển đổi số cấp xã phục vụ 3.321 xã, phường trên phạm vi toàn quốc.

Cùng với hoàn thiện thể chế, Bộ đã thiết lập Tổ thường trực, đường dây nóng, các nhóm hỗ trợ trực tuyến 24/7 với 34 Sở Khoa học và Công nghệ; tổ chức các đoàn công tác làm việc với 34 tỉnh, thành phố, 34 Trung tâm phục vụ hành chính công và 39 xã, phường để nắm tình hình, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh. Cách làm này góp phần giúp nhiệm vụ phân cấp, phân quyền không chỉ dừng ở văn bản mà được hỗ trợ thực thi trên thực tế.

2. Hạ tầng viễn thông, hạ tầng số và kết nối chuyên dùng cơ bản bảo đảm vận hành thông suốt

Hạ tầng số quốc gia tiếp tục được mở rộng, hỗ trợ duy trì chỉ đạo, điều hành, họp trực tuyến, xử lý hồ sơ điện tử và cung cấp dịch vụ công trong mô hình mới. Mạng 5G đã phủ sóng khoảng 91,9% dân số, với trên 23 triệu thuê bao; tốc độ tải xuống băng rộng di động và băng rộng cố định đạt khoảng 210,85 Mbps và 291,82 Mbps. Hệ thống truyền dẫn quang đã kết nối 100% xã, phường với trên 1,3 triệu km cáp; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng Internet băng rộng cố định đạt 85%; 84,15% dân số sử dụng Internet.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng được tổ chức phù hợp với mô hình mới, đã kết nối đến 100% cơ quan Đảng, Nhà nước cấp cơ sở, phục vụ các hệ thống họp trực tuyến, giải quyết thủ tục hành chính, văn bản điện tử, gửi nhận và xử lý văn bản mật. Băng thông kết nối cấp cơ sở phổ biến từ 10 Mbps đến 30 Mbps; các kết nối quan trọng được bố trí tối thiểu 02 kênh truyền theo 02 hướng vật lý khác nhau; toàn mạng được giám sát tập trung 24/7, góp phần hạn chế nguy cơ gián đoạn trong quá trình vận hành.

Mạng bảo mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị cơ bản hoàn thành kết nối tới các tổ chức cấp xã, sẵn sàng phục vụ xử lý thông tin có cấp độ Mật,

Tối Mật. Đến ngày 30/5/2026, hệ thống đã hoàn thành khoảng 98%, với 7.137 điểm đã kết nối; còn 146 điểm đã bảo đảm thiết bị bảo mật, kênh truyền nhưng cần tiếp tục phối hợp với địa phương để triển khai hoàn tất. Trung tâm Dữ liệu quốc gia đã được đưa vào khai thác, sử dụng và tiếp tục hoàn thiện, từng bước trở thành hạ tầng dữ liệu cốt lõi để tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, kết nối, chia sẻ và cung cấp dịch vụ dữ liệu.

Công tác phủ sóng viễn thông, xóa điểm lõm sóng, thiếu điện tiếp tục được triển khai. Năm 2025 đã hoàn thành phủ sóng cho 745 thôn lõm sóng, còn 72 thôn chưa có điện lưới. Đến nay, có 435 thôn đang tiếp tục được phân loại, xác định phương án và triển khai xử lý. Các kết quả trên cho thấy hạ tầng số và hạ tầng kết nối chuyên dùng đã góp phần trực tiếp bảo đảm hoạt động chỉ đạo, điều hành, họp trực tuyến, gửi nhận văn bản, xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ công không bị gián đoạn lớn trong quá trình vận hành mô hình mới.

3. Dữ liệu và nền tảng số từng bước hình thành năng lực dùng chung

Dữ liệu ngày càng được xác định rõ là tài nguyên, tài sản quốc gia và là nền tảng cho quản trị hiện đại. Trong tổng số 84 nền tảng số quốc gia, chuyên ngành và nền tảng dùng chung, có 22 nền tảng đã đưa vào vận hành chính thức, 23 nền tảng đang triển khai hoặc thử nghiệm. Đối với dữ liệu, có 07/12 cơ sở dữ liệu theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và 63/104 cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết số 11/NQ-CP đã có nền tảng, đối soát với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để làm sạch, kết nối, chia sẻ nội ngành, ngoại ngành và đồng bộ thời gian thực về Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Riêng trong phạm vi Bộ Khoa học và Công nghệ, 07 cơ sở dữ liệu đã được kết nối, đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia, dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cơ sở dữ liệu nhiệm vụ khoa học và công nghệ hiện có 70.965 bản ghi, phục vụ tham khảo, tra trùng và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp. Đây là tiền đề quan trọng để từng bước chuyển từ báo cáo thủ công sang quản trị, điều hành và đánh giá dựa trên dữ liệu.

Giá trị của dữ liệu đã bước đầu được lượng hóa. Nhóm dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử đã tạo giá trị kinh tế - xã hội rõ nét: tổng doanh thu từ các giải pháp ứng dụng dữ liệu ước đạt khoảng 2.300 tỷ đồng; trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, 57 tổ chức tín dụng đã tích hợp sinh trắc học bằng thẻ căn cước và 39 tổ chức trung gian thanh toán triển khai xác thực sinh trắc học qua VNeID, góp phần giảm gần 60% số vụ lừa đảo, tiết kiệm khoảng 1.300 tỷ đồng mỗi năm; xác thực sinh trắc học tại 18 cảng hàng không đã hỗ trợ khoảng 1,4 triệu lượt hành khách, lợi ích kinh tế ước khoảng 7.700 tỷ đồng/năm; trong y tế, 12.455 cơ sở khám, chữa bệnh đã sử dụng thẻ căn cước thay thẻ bảo hiểm y tế giấy, 2,5 triệu bệnh

án điện tử đã được hình thành, 373 cơ sở đã liên thông dữ liệu, góp phần tiết kiệm 500 - 1.000 tỷ đồng mỗi năm.

4. Dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính có chuyển biến rõ nét

Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia được đưa vào vận hành chính thức từ ngày 29/5/2026, từng bước trở thành điểm "một cửa số" tập trung, thống nhất phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tổng số thủ tục hành chính đã công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 5.136 thủ tục, gồm 1.595 thủ tục cấp bộ, 2.518 thủ tục cấp tỉnh, 839 thủ tục cấp xã và 184 thủ tục thuộc cơ quan khác; trong đó 3.745 thủ tục đã tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gồm 2.361 thủ tục toàn trình và 1.384 thủ tục một phần.

Trong 05 tháng đầu năm 2026, các hệ thống đã tiếp nhận hơn 15,5 triệu trên tổng số 16,3 triệu hồ sơ trực tuyến, đạt 93,88%. Tại địa phương, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 93,54%; tỷ lệ thủ tục có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 97,53%; tỷ lệ xử lý đúng hoặc trước hạn đạt 94,26%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 88,56%; tỷ lệ hồ sơ được cấp kết quả điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng đạt 88,62%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 96,04%.

Trong phạm vi Bộ Khoa học và Công nghệ, 06 tháng đầu năm 2026, Bộ đã tiếp nhận 29.856 hồ sơ, giải quyết 20.520 hồ sơ, trong đó 20.337 hồ sơ được giải quyết đúng hạn, đạt 99,1%; tỷ lệ hồ sơ quá hạn chỉ chiếm 0,9%. Kết quả này phản ánh sự chuyển biến tích cực trong chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, hiệu quả vận hành cơ chế một cửa và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành.

Dịch vụ công trực tuyến đã bước đầu tạo hiệu quả kinh tế - xã hội rõ nét. Theo báo cáo tổng kết năm 2025 triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, dịch vụ công trực tuyến tại địa phương ước tính tiết kiệm khoảng 4.800 tỷ đồng; ở cấp Trung ương tiết kiệm khoảng 840 tỷ đồng. Việc triển khai thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, sử dụng dữ liệu thay thế thành phần hồ sơ, định danh và xác thực điện tử, thanh toán trực tuyến, ký số và kết quả điện tử đã góp phần giảm chi phí, thời gian đi lại, nhất là trong bối cảnh quy mô địa bàn cấp xã thay đổi.

5. Phương thức làm việc, năng lực số và công cụ điều hành mới bước đầu được hình thành

Chuyển đổi số đã góp phần duy trì môi trường làm việc điện tử trong các cơ quan của hệ thống chính trị. Trong phạm vi Bộ Khoa học và Công nghệ, 100% văn bản hành chính, trừ văn bản mật, được trao đổi, xử lý trên môi trường điện tử, góp

phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và chất lượng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số được triển khai trên quy mô rộng. Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng 19 chuyên đề tập huấn và tổ chức khóa học trực tuyến trên nền tảng MOOC cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã trên toàn quốc; 26,9 nghìn học viên hoàn thành khóa học và được cấp chứng nhận, đạt tỷ lệ 75%. Riêng trong năm 2026, Nền tảng Bình dân học vụ số đã tổ chức 105 lớp trực tuyến với sự tham gia của 11 bộ, ngành, địa phương và 06 tổ chức, doanh nghiệp, ghi nhận 880,6 nghìn lượt học; chi phí được ước tính giảm khoảng 80% so với hình thức đào tạo truyền thống.

Một số cơ quan, địa phương đã bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, bản đồ số, kho dữ liệu dùng chung, trung tâm điều hành thông minh để hỗ trợ xử lý công việc. Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Bộ tiêu chí đánh giá Nền tảng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công vụ ở phạm vi quốc gia, tạo tiền đề để xây dựng nền tảng AI công vụ dùng chung, hỗ trợ cán bộ tra cứu, tổng hợp, xử lý hồ sơ, phân tích dữ liệu và phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

III. HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC

1. Quy trình số và phân quyền trên hệ thống chưa theo kịp yêu cầu vận hành mô hình mới

Ở nhiều nơi, bộ máy đã thay đổi nhưng quy trình nghiệp vụ, quy trình điện tử, phân quyền trên hệ thống và phương thức phối hợp vẫn được thiết kế theo mô hình cũ. Một số thủ tục chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu phân cấp, ủy quyền, tiếp nhận phi địa giới hành chính; phân quyền cho Trung tâm phục vụ hành chính công và cán bộ cấp xã còn thiếu hoặc chưa chính xác.

Trong giai đoạn chuyển tiếp, nhiều địa phương phải vận hành đồng thời hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, hệ thống tập trung của bộ, Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống điều phối và các phần mềm chuyên ngành. Cán bộ phải đăng nhập, nhập liệu, kiểm tra trạng thái hồ sơ trên nhiều hệ thống; dữ liệu chưa đồng bộ đầy đủ; một số giao dịch thanh toán, trạng thái xử lý chưa được ghi nhận kịp thời. Điều này cho thấy nếu không tái cấu trúc quy trình từ gốc, chuyển đổi số có thể làm tăng thao tác thay vì giảm tải.

2. Hạ tầng số, thiết bị và an toàn thông tin chưa đồng đều

Hạ tầng số đã được cải thiện nhưng mức độ sẵn sàng còn chênh lệch, nhất là tại cấp xã và địa bàn khó khăn. Theo khảo sát của Bộ Khoa học và Công nghệ, khoảng 192 nghìn máy tính, tương đương 29,9%, chưa đáp ứng yêu cầu làm việc tối

thiểu; 14,3% hạ tầng trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ chưa đạt chuẩn kỹ thuật; 9,6% phòng họp truyền hình hội nghị chưa đáp ứng tiêu chí kỹ thuật.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin còn là hạn chế đáng lưu ý. Khoảng 57,4% hệ thống hội nghị truyền hình chưa được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin hoặc chưa báo cáo đủ thông tin; 48,5% hệ thống mạng nội bộ chưa đề xuất hoặc chưa được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin. Một số địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn thiếu thiết bị, đường truyền dự phòng, hạ tầng lưu trữ, năng lực sao lưu và bảo mật dữ liệu, có nguy cơ tạo chênh lệch trong tiếp cận dịch vụ công và tiện ích số.

3. Dữ liệu và nền tảng số chưa thực sự trở thành nguồn lực cho quản trị và cung cấp dịch vụ

Chất lượng, khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu vẫn là hạn chế, vướng mắc lớn trong quá trình chuyển đổi số, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, điều hành dựa trên dữ liệu và phát triển kinh tế số. Nhiều cơ sở dữ liệu đã hình thành nhưng chưa bảo đảm "đúng, đủ, sạch, sống", thiếu cơ chế cập nhật và chia sẻ ổn định, chưa tạo được giá trị rõ ràng trong cắt giảm thủ tục, điều hành và phát triển kinh tế dữ liệu.

Trong tổng số 84 nền tảng số quốc gia, chuyên ngành và nền tảng dùng chung, còn 62 nền tảng chưa hoàn thành. Đối với dữ liệu, còn 05/12 cơ sở dữ liệu theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và 41/104 cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết số 11/NQ-CP chưa kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Việc chia sẻ dữ liệu từ bộ, ngành về địa phương ở một số lĩnh vực mới dừng ở API tra cứu theo từng yêu cầu, chưa cung cấp đầy đủ dữ liệu chủ, siêu dữ liệu, mã định danh, tần suất cập nhật và cơ chế phân quyền. Tư duy cục bộ về dữ liệu chưa được khắc phục triệt để, khiến người dân phải cung cấp lại thông tin đã có và hạn chế năng lực điều hành dựa trên dữ liệu.

4. Chất lượng dịch vụ công trực tuyến chưa đồng đều, khoảng cách giữa bộ, ngành và địa phương còn lớn

Các chỉ số dịch vụ công trực tuyến tại bộ, ngành thấp hơn nhiều so với địa phương, ảnh hưởng đến khả năng liên thông toàn hệ thống. Trong 05 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại bộ, ngành chỉ đạt 34,24%, trong khi địa phương đạt 93,54%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ, ngành đạt 19,23%, trong khi địa phương đạt 88,56%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại bộ, ngành đạt 19,29%, trong khi địa phương đạt 88,62%; tỷ lệ

khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa tại bộ, ngành chỉ đạt 5,29%, trong khi địa phương đạt 96,04%.

Còn 80/775 thủ tục hành chính chưa được tái cấu trúc theo yêu cầu. Một số thủ tục vẫn thực hiện song song điện tử và thủ công; người dân nộp trực tuyến nhưng vẫn phải khai lại, nộp lại hoặc chờ xác minh thủ công. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cao chưa đồng nghĩa với trải nghiệm số tốt, bởi ở một số địa bàn phần lớn hồ sơ vẫn cần cán bộ hỗ trợ thao tác. Việc đo lường cũng còn thiên về số lượng hồ sơ, tỷ lệ trực tuyến, số hệ thống đã triển khai, chưa phản ánh đầy đủ thời gian thực tế được rút ngắn, chi phí tuân thủ được tiết kiệm, mức độ hài lòng và tỷ lệ người dân tự thực hiện.

5. Nhân lực, tài chính, trách nhiệm vận hành và bảo đảm an toàn chưa theo kịp yêu cầu

Năng lực quản trị dữ liệu, vận hành nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin tại nhiều cơ quan, nhất là cấp xã, còn hạn chế. Cán bộ cơ sở vừa phải tiếp nhận khối lượng nhiệm vụ phân cấp lớn hơn, vừa phải làm quen với hệ thống và quy trình mới, dễ dẫn đến quá tải, tâm lý sợ sai hoặc né tránh trách nhiệm. Một số địa phương thiếu nhân lực chuyên trách; kỹ năng số của cán bộ chưa đồng đều; đào tạo còn ngắn, dàn trải và chưa gắn chặt với vị trí việc làm.

Nguồn lực tài chính đã được quan tâm nhưng tiến độ giao dự toán và giải ngân còn thấp. Năm 2026, tổng kinh phí dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 103,43 nghìn tỷ đồng, đã phân bổ 84,86 nghìn tỷ đồng, còn hơn 18 nghìn tỷ đồng chưa giao. Đến ngày 17/6/2026, dự toán giao mới đạt 41,058 nghìn tỷ đồng, tương đương 39,7%; tỷ lệ giải ngân chung đạt 23,35%, trong đó lĩnh vực chuyển đổi số mới đạt 12,17%, tương ứng 1.925/15.818 tỷ đồng. Nhiều cơ quan còn vướng quy trình đầu tư, định mức, thuê dịch vụ, tiêu chí nghiệm thu và cơ chế đầu tư dùng chung; có nơi vẫn tiếp cận chuyển đổi số như mua sắm thiết bị, chưa coi đây là đầu tư hình thành năng lực vận hành, dữ liệu và giá trị sử dụng lâu dài.

Cơ chế trách nhiệm đối với các hệ thống dùng chung chưa đủ rõ. Một hệ thống phục vụ nhiều bộ, ngành, địa phương nhưng chưa xác định rõ đầu mối chịu trách nhiệm kỹ thuật và chất lượng dịch vụ cuối cùng; khi phát sinh lỗi đồng bộ, dữ liệu sai lệch hoặc chậm xử lý, việc xác định trách nhiệm và thời hạn khắc phục còn khó khăn. Bên cạnh đó, an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu ở một số dự án chưa được thiết kế ngay từ đầu, còn được xem là hạng mục bổ sung sau khi hệ thống đã hình thành.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM, CÁCH LÀM SÁNG TẠO

Thứ nhất, chuyển đổi số chỉ phát huy hiệu quả khi được triển khai đồng thời với phân cấp, phân quyền, chuẩn hóa quy trình và xác định rõ trách nhiệm thực thi. Mỗi nhiệm vụ giao cho địa phương phải đi kèm dữ liệu, công cụ, quyền xử lý trên hệ thống, hướng dẫn nghiệp vụ và cơ chế giám sát.

Thứ hai, hỗ trợ cấp xã phải được tổ chức thường xuyên, liên tục, đa kênh. Việc thiết lập Tổ thường trực, đường dây nóng, nhóm hỗ trợ trực tuyến 24/7 với các Sở Khoa học và Công nghệ, kết hợp đoàn công tác trực tiếp tại địa phương là cách làm hiệu quả, có thể nhân rộng để kịp thời phát hiện, xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm mô hình mới vận hành thông suốt.

Thứ ba, dữ liệu phải được coi là nền tảng của quản trị hiện đại. Khi dữ liệu được chuẩn hóa, kết nối, cập nhật thường xuyên và chia sẻ đúng thẩm quyền, cơ quan quản lý có thể giảm báo cáo thủ công, giảm yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin, đồng thời nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Thứ tư, đầu tư chuyển đổi số phải chuyển từ tư duy mua sắm thiết bị, phần mềm riêng lẻ sang hình thành năng lực vận hành lâu dài, gồm hạ tầng dùng chung, dữ liệu dùng chung, nền tảng dùng chung, an toàn thông tin, nhân lực số và cơ chế đo lường hiệu quả bằng kết quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thứ năm, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công cụ điều hành hiện đại phải đi kèm chuẩn dữ liệu, hạ tầng an toàn, phân quyền, lưu vết và kiểm chứng kết quả. Không triển khai AI theo phong trào hoặc trình diễn, mà phải lựa chọn các bài toán trực tiếp nâng năng suất công vụ, giảm thao tác thủ công và hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Giai đoạn tới cần chuyển trọng tâm từ "có hệ thống" sang "hệ thống tạo ra kết quả"; từ số hóa quy trình cũ sang tái thiết kế phương thức vận hành; từ đầu tư phân tán sang hạ tầng, dữ liệu, nền tảng dùng chung; từ báo cáo thủ công sang điều hành dựa trên dữ liệu; từ đánh giá đầu vào sang đánh giá bằng kết quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công vụ. Các nhiệm vụ, giải pháp cần được phân loại theo nhóm việc thực hiện ngay và nhóm việc cần lộ trình, rõ thẩm quyền, rõ sản phẩm.

1. Nhóm nhiệm vụ cần thực hiện ngay trong năm 2026

Trước hết, cần rà soát, đồng bộ các quy định về phân cấp, phân quyền, quy trình nghiệp vụ và phân quyền xử lý trên các hệ thống số, bảo đảm nhiệm vụ được giao cho cấp nào thì cấp đó có đủ dữ liệu, công cụ, quyền xử lý, nguồn lực, tiêu

chuẩn dịch vụ và cơ chế giám sát tương ứng. Việc phân cấp, phân quyền phải gắn với trách nhiệm giải trình, kiểm tra, giám sát và đo lường kết quả thực hiện trên môi trường số.

Cùng với đó, các cơ quan có thẩm quyền cần khẩn trương hoàn thành việc tái cấu trúc các thủ tục hành chính còn lại, nhất là các thủ tục chưa được tái cấu trúc theo yêu cầu; xử lý tình trạng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến nhưng quy trình xử lý phía sau vẫn thủ công, yêu cầu người dân, doanh nghiệp khai lại thông tin đã có. Việc đồng bộ mã thủ tục, biểu mẫu, trạng thái hồ sơ, thanh toán, biên lai, ký số và kết quả điện tử cần được thực hiện thống nhất để bảo đảm hồ sơ được theo dõi xuyên suốt, xử lý liên thông và tái sử dụng dữ liệu hiệu quả.

Về hạ tầng, cần ưu tiên chuẩn hóa điều kiện làm việc số ở cấp cơ sở, nhất là máy tính, thiết bị đầu cuối, chữ ký số, phần mềm bản quyền, đường truyền dự phòng, phòng họp trực tuyến, hệ thống mạng nội bộ và các yêu cầu về an toàn thông tin. Các địa bàn còn thiếu thiết bị, kết nối không ổn định, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo cần được rà soát, hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm không để khoảng cách số ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Về nguồn lực, cần đẩy nhanh giao dự toán, tháo gỡ các vướng mắc về đầu tư, thuê dịch vụ, đấu thầu, nghiệm thu, thanh quyết toán đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số cấp bách. Các nhiệm vụ, dự án phải xác định rõ sản phẩm đầu ra, phạm vi người sử dụng, phương án vận hành sau đầu tư, yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu và chỉ tiêu hiệu quả, tránh tình trạng đầu tư xong nhưng khó khai thác, khó duy trì hoặc không tạo được giá trị sử dụng thực chất.

Đồng thời, cần duy trì cơ chế hỗ trợ thường xuyên cho địa phương và cấp cơ sở thông qua hướng dẫn nghiệp vụ, tài liệu mẫu, tập huấn theo tình huống thực tế, hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ trực tiếp tại địa bàn khó khăn và kênh tiếp nhận, xử lý vướng mắc kịp thời. Cấp xã cần được xác định là trọng tâm hỗ trợ trong giai đoạn đầu vận hành mô hình mới, không chỉ về hạ tầng, thiết bị mà cả về dữ liệu, nền tảng, kỹ năng số, an toàn thông tin và quy trình xử lý công việc trên môi trường số.

2. Nhóm nhiệm vụ cần lộ trình 2026-2030

Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu thiết yếu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; ưu tiên dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai, địa chỉ, xây dựng, an sinh xã hội, y tế, giáo dục, lao động, doanh nghiệp và tài chính. Mỗi cơ sở dữ liệu phải có chủ quản, chủ dữ liệu, quy trình cập nhật, chỉ số chất lượng, dịch vụ chia sẻ dữ liệu và cơ chế kiểm soát việc khai thác.

Rà soát, hợp nhất, dừng hoặc thay thế các nền tảng trùng lặp, kém hiệu quả; tập trung nguồn lực cho các nền tảng có nhu cầu sử dụng rõ, phạm vi phục vụ lớn, khả năng kết nối cao và hiệu quả đo lường được. Mỗi nền tảng phải có cơ quan chịu trách nhiệm vận hành cuối cùng, cam kết chất lượng dịch vụ, đầu mối hỗ trợ và lộ trình kết nối dữ liệu.

Xây dựng nền tảng AI công vụ dùng chung ở phạm vi quốc gia, ưu tiên các tác vụ tạo thay đổi trực tiếp trong phương thức làm việc: tra cứu văn bản và quy trình nghiệp vụ; tóm tắt hồ sơ, báo cáo; kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; tự động điền biểu mẫu từ dữ liệu có sẵn; phân tích nguyên nhân trễ hạn; giám sát tiến độ nhiệm vụ; cảnh báo vấn đề phát sinh ở cơ sở. Việc ứng dụng AI phải bảo đảm an toàn dữ liệu, phân quyền, lưu vết và có cán bộ kiểm chứng kết quả.

Xây dựng bản đồ số dùng chung tích hợp dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, hạ tầng, logistics, tài nguyên và đầu tư công để hỗ trợ điều phối liên ngành, lựa chọn dự án, giám sát tiến độ và tối ưu nguồn lực. Đây là công cụ quan trọng để quản trị không gian phát triển vượt qua ranh giới hành chính đơn thuần.

Xây dựng bộ chỉ số theo dõi chất lượng vận hành mô hình quản trị 03 cấp trên môi trường số, gồm chất lượng kết nối, mức độ sẵn sàng thiết bị, chất lượng dữ liệu, mức độ liên thông, tỷ lệ dịch vụ toàn trình, tỷ lệ người dân tự thực hiện, thời gian và chi phí tiết kiệm, mức độ hài lòng, năng suất công vụ, an toàn thông tin và chênh lệch chất lượng dịch vụ giữa các địa bàn. Dữ liệu chỉ số phải được thu thập tự động từ hệ thống, hạn chế báo cáo thủ công.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Một là, về thể chế, đề nghị các bộ, ngành sớm hoàn thiện cơ chế chia sẻ dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và trách nhiệm vận hành các nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung. Các nhiệm vụ chuyển đổi số cấp bách, phạm vi toàn quốc, thời gian triển khai ngắn cần có quy trình phù hợp hơn với đặc thù công nghệ và dịch vụ vận hành liên tục.

Hai là, về dữ liệu, đề nghị các bộ, ngành, địa phương ưu tiên hoàn thiện các cơ sở dữ liệu thiết yếu, chuẩn hóa dữ liệu chủ, mã định danh, siêu dữ liệu, danh mục dùng chung; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo chuẩn thống nhất. Không công nhận hoàn thành đối với cơ sở dữ liệu chưa có dữ liệu thực chất, chưa kết nối hoặc chưa cung cấp được dịch vụ dữ liệu ổn định.

Ba là, về hạ tầng và cấp xã, đề nghị các địa phương ưu tiên nguồn lực chuẩn hóa thiết bị làm việc, đường truyền, chữ ký số, phần mềm bản quyền, hệ thống mạng nội bộ và an toàn thông tin cho cấp xã; đẩy nhanh xử lý các điểm lõm sóng, thiếu điện, kết nối yếu, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Việc đầu tư cần theo cấu hình chuẩn, mua sắm hoặc thuê dịch vụ tập trung để bảo đảm đồng bộ, tiết kiệm và dễ vận hành.

Bốn là, về nhân lực và tổ chức thực hiện, đề nghị các cơ quan, địa phương thực hiện đầy đủ chính sách đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin, an ninh mạng; đào tạo kỹ năng số theo vị trí việc làm; duy trì cơ chế hỗ trợ thường trực, trực tuyến và trực tiếp cho địa phương. Kết quả chuyển đổi số cần được gắn với trách nhiệm người đứng đầu thông qua chất lượng dữ liệu, tỷ lệ hồ sơ xử lý toàn trình, thời gian xử lý thực tế, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và an toàn thông tin.

VII. KẾT LUẬN

Sau một năm vận hành mô hình mới, chuyển đổi số đã góp phần duy trì hoạt động thông suốt, nâng cao khả năng xử lý công việc và mở rộng dịch vụ công. Hạ tầng, dữ liệu và các nền tảng dùng chung từng bước được hình thành, tạo nền tảng cho quản trị hiện đại.

Giai đoạn tới, trọng tâm không phải là xây thêm phần mềm hay mua thêm thiết bị, mà là tái thiết kế quy trình, nâng chất lượng dữ liệu, tăng năng lực cấp xã, thu hẹp khoảng cách số và bảo đảm an toàn hệ thống. Hiệu quả phải được thể hiện bằng công việc nhanh hơn, minh bạch hơn; cán bộ giảm thao tác; lãnh đạo có dữ liệu để quyết định; người dân, doanh nghiệp được phục vụ thuận lợi hơn.

Phương châm xuyên suốt là: lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; dữ liệu làm nền tảng; nền tảng dùng chung làm phương thức; cấp xã làm trọng tâm; an toàn mạng làm điều kiện; kết quả và giá trị xã hội làm thước đo. Đây là con đường để chuyển đổi số thực sự nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của mô hình quản trị 03 cấp.

10. BỘ NỘI VỤ:

Thực trạng tổ chức, vận hành và giải pháp hoàn thiện hệ thống hành chính nhà nước trong mô hình chính quyền 3 cấp

Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp là một yêu cầu khách quan của tiến trình đổi mới nền quản trị quốc gia, là bước đi có ý nghĩa lịch sử, tạo lập nền tảng cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Sau một năm vận hành mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp, chúng ta đã đạt được những kết quả rất tích cực. Tại Hội nghị sơ kết hôm nay, cùng với việc điểm lại kết quả bước đầu, chúng ta cùng phân tích để tiếp tục nâng cao hiệu quả vận hành của mô hình chính quyền 3 cấp, chính quyền địa phương 2 cấp. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã chỉ rõ: *"Bộ máy được sắp xếp nhưng chất lượng vận hành chưa đồng đều; số lượng đầu mối tổ chức bộ máy đã giảm nhưng hiệu quả quản trị chưa đạt yêu cầu"*. Đó cũng là yêu cầu trung tâm của giai đoạn tới, chuyển trọng tâm từ sắp xếp tổ chức sang nâng cao chất lượng vận hành thực chất. Với vị trí là cơ quan tham mưu nòng cốt, trực tiếp tổ chức thực hiện và đồng hành cùng địa phương trong suốt quá trình triển khai thực hiện, Bộ Nội vụ xin tham gia một số nội dung từ trách nhiệm của Bộ và ngành Nội vụ.

I. Đặc điểm, tình hình

Bộ Nội vụ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên những lĩnh vực gắn trực tiếp với chất lượng vận hành của bộ máy nhà nước và đời sống công vụ: tổ chức hành chính, chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, viên chức, biên chế, cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng, văn thư, lưu trữ; đồng thời sau hợp nhất tiếp tục đảm nhiệm các lĩnh vực lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công và an sinh xã hội. Vì vậy, nếu sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp là một cuộc chuyển động lớn của cả hệ thống, thì ngành Nội vụ vừa là cơ quan tham mưu, vừa là cơ quan theo dõi, tổ chức vận hành, là nơi tiếp nhận sớm nhất những vấn đề phát sinh từ cơ sở, đồng thời cũng là đối tượng của cuộc sắp xếp.

Đặc thù của ngành Nội vụ trong cuộc cách mạng vừa qua là tính xuyên suốt trong thực hiện nhiệm vụ từ Trung ương đến địa phương. Ở Trung ương, Bộ Nội vụ tham mưu thể chế, mô hình tổ chức, phân cấp, phân quyền, chính sách công vụ, vị trí việc làm, biên chế và cải cách hành chính. Ở địa phương, Sở Nội vụ là cơ quan

tham mưu trực tiếp cho cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh trong sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ, vận hành chính quyền cấp xã và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động của quá trình sắp xếp. Ở cấp xã, các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nội vụ gắn với từng thủ tục, từng vị trí việc làm, từng yêu cầu phục vụ Nhân dân.

Trong bối cảnh đó, ngành Nội vụ phải xử lý đồng thời ba yêu cầu: Tham mưu nhanh nhưng phải thận trọng, chắc chắn, kỹ lưỡng, bài bản, toàn diện, đa chiều; đổi mới mạnh mẽ nhưng không để gián đoạn các hoạt động phục vụ người dân, doanh nghiệp; tinh gọn tổ chức đồng thời phải nâng cao hiệu quả quản trị, chất lượng phục vụ. Đó là áp lực rất lớn, song cũng là cơ hội để Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ thể hiện bản lĩnh chính trị, năng lực pháp lý, tư duy quản trị và trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

II. Kết quả đạt được

Với trách nhiệm của mình, Bộ Nội vụ đã nỗ lực tham mưu theo chức năng, nhiệm vụ với Đảng, Chính phủ trong quá trình sắp xếp hệ thống hành chính nhà nước, sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp. Từ góc độ tổng thể toàn hệ thống, với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, thường xuyên, trực tiếp của Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ của Nhân dân, sau 1 năm triển khai, mô hình chính quyền 3 cấp và chính quyền địa phương 2 cấp đã đi vào vận hành ổn định trên phạm vi cả nước, bảo đảm sự thông suốt, không làm gián đoạn việc giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp với những kết quả nổi bật.

Thứ nhất, bộ máy mới tinh gọn, khoa học hơn, giảm tầng nấc trung gian rõ rệt, tổ chức bộ máy chính quyền gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân

Ở Trung ương, cơ cấu Chính phủ còn 14 bộ và 03 cơ quan ngang bộ, giảm 22,7%; tổ chức bên trong các bộ, ngành tiếp tục được sắp xếp theo hướng giảm mạnh cấp trung gian. Tổ chức bên trong các bộ, ngành tiếp tục được sắp xếp theo hướng giảm cấp trung gian: giảm 13/13 tổng cục và tổ chức tương đương; giảm 505 cục; 235 vụ; 3.377 chi cục và tương đương; 82/224 đơn vị sự nghiệp công lập trong cơ cấu tổ chức quy định tại các nghị định của Chính phủ. Cơ quan thuộc Chính phủ giảm từ 08 còn 05, tương ứng giảm 37,5%.

Ở địa phương, cả nước còn 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 3.321 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 66,91% số đơn vị cấp xã so với trước sắp xếp; cấp huyện chấm dứt hoạt động, hệ thống cơ quan chuyên môn được tổ chức lại theo hướng ngắn hơn, trực tiếp hơn. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh giảm 709 cơ quan (60,3%); thành lập 467 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (408 tổ chức thống nhất, 59 đặc thù) và 10.066 phòng chuyên môn cấp xã; 8.289 cơ quan chuyên môn cấp huyện kết thúc hoạt động. Việc sắp xếp đơn vị hành chính có ý nghĩa như một cuộc sắp xếp lại giang sơn trong thời đại mới đã mở ra không gian phát triển mới, khơi thông và kết nối các nguồn lực để tạo ra tiền đề mới cho phát triển. Tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính không chỉ giảm số lượng đầu mối mà quan trọng hơn, cho thấy quyết tâm chuyển từ bộ máy nhiều tầng nấc, dễ phân tán trách nhiệm sang mô hình tổ chức rõ đầu mối, rõ chức năng, rõ trách nhiệm, xây dựng bộ máy chính quyền gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân.

Thứ hai, mô hình mới cơ bản vận hành thông suốt, không tạo khoảng trống quản lý nhà nước trên diện rộng.

Đây là tiêu chí có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi cuộc sắp xếp tổ chức bộ máy chỉ thật sự thuyết phục khi người dân không bị gián đoạn trong tiếp cận dịch vụ công, doanh nghiệp không bị đình trệ trong thủ tục, chính quyền cơ sở không lúng túng kéo dài. Trong điều kiện khối lượng công việc rất lớn, thời gian chuyển đổi ngắn, phạm vi tác động rộng, hệ thống hành chính nhà nước 3 cấp đã cơ bản duy trì hoạt động ổn định; việc chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương được giữ vững; các chính sách lớn về công vụ, an sinh xã hội, người có công, việc làm, bảo hiểm xã hội tiếp tục được triển khai liên tục. Đến nay, cả nước có 147.049 cán bộ, công chức cấp xã, trong đó 52.764 người được điều động, bố trí từ cấp tỉnh, cấp huyện về cấp xã, chiếm khoảng 35,88% trở thành lực lượng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, giữ vai trò nòng cốt hỗ trợ cấp xã tiếp nhận nhiệm vụ mới, hướng dẫn chuyên môn, chuyển giao kinh nghiệm và nâng cao chất lượng thực thi công vụ ở cơ sở. Các chính sách việc làm được triển khai hiệu quả, duy trì tỷ lệ thất nghiệp luôn ở mức thấp dưới 3%. Việt Nam xếp vị trí 74/148 vào năm 2025, tăng 9 bậc so với năm 2022 (83/146 quốc gia). Chủ trương nhân văn là đưa vào hoạt động Ngân hàng gen liệt sĩ đã được triển khai thực hiện, góp phần thực hiện mong mỏi đã từ lâu, canh cánh trong lòng nhân dân và các cựu chiến binh là xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tiếp tục mở rộng, hoàn thành chỉ tiêu Chính phủ giao, ngay cả ở những địa phương chịu khó khăn, tác động nặng nề của thiên tai, bão lũ. Năm 2025, độ bao phủ bảo hiểm xã hội đạt 45,1% lực lượng lao động trong độ tuổi. Bảo hiểm thất nghiệp đạt gần 35,1% lực lượng lao động trong độ tuổi.

Thứ ba, quyền hạn được phân định rõ hơn, tạo cơ sở để xác lập trách nhiệm của từng cấp, từng cá nhân cụ thể hơn.

Trong quá trình xây dựng mô hình mới, Chính phủ đã rà soát 5.076 văn bản quy phạm pháp luật; tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV thông qua 34 luật, nghị quyết; Chính phủ ban hành 120 nghị định, nghị quyết quy phạm pháp luật. Tổng cộng 2.541 nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp, phân quyền hoặc phân định lại; trong đó 949 nhiệm vụ Trung ương phân cấp cho địa phương (870 cho cấp tỉnh, 79 trực tiếp cho cấp xã); 1.164 nhiệm vụ của cấp huyện được phân định lại (859 chuyển cho cấp xã, 188 cho cấp tỉnh, 117 bãi bỏ hoặc chuyển chủ thể). Cơ chế tự đánh giá, hiệu chỉnh đã hình thành khi 10 nhiệm vụ chưa phù hợp được chuyển trở lại Trung ương. Qua đó, từng bước làm rõ hơn nguyên tắc cấp nào quyết định thì cấp đó chịu trách nhiệm; nhiệm vụ nào giao về địa phương thì phải gắn với điều kiện thực hiện, cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình, đúng tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm".

Thứ tư, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp có chuyển biến tích cực; cấp xã từng bước trở thành trung tâm vận hành mới ở cơ sở.

Đến tháng 5 năm 2026, 33/34 địa phương đã thành lập, vận hành 3.189 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Cổng Dịch vụ công quốc gia kết nối với 34/34 địa phương; Chỉ số Cải cách hành chính trung bình đạt 89,96%, mức cao nhất từ trước đến nay; Chỉ số hài lòng duy trì trên 83%. Việc đưa dịch vụ công xuống gần dân, gắn với địa bàn xã, phường, đặc khu có ý nghĩa rất quan trọng. Người dân không chỉ cần một bộ máy gọn hơn mà cần thấy chính quyền gần hơn, giải quyết việc nhanh hơn, thái độ phục vụ tốt hơn và trách nhiệm rõ hơn. Chính quyền cấp xã trong mô hình mới đang từng bước chuyển từ cấp hành chính cơ sở theo nghĩa truyền thống thành cấp trực tiếp quản trị địa bàn cơ sở, tổ chức thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công và xử lý những vấn đề phát sinh hằng ngày trong đời sống Nhân dân.

Thứ năm, mô hình mới tạo ra động lực đổi mới quản trị, bước đầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị.

Việc giảm tầng nấc trung gian, tổ chức lại đơn vị hành chính, phân định lại thẩm quyền đã tạo cơ hội rút ngắn quy trình, mở rộng không gian phát triển, nâng cao tính chủ động của địa phương, thúc đẩy cải cách hành chính và chuyển đổi số. Thành công của Đại hội Đảng các cấp, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 cùng những kết quả nổi bật về kinh tế - xã hội năm 2025 và 6 tháng đầu năm đã khẳng định mô hình mới tạo nên không gian, động lực phát triển mới, là tiền đề quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

Trong kết quả chung đó, Bộ, ngành Nội vụ giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc và đồng hành với các địa phương.

Bộ Nội vụ đã chủ trì thẩm định, tổng hợp các đề án sắp xếp đơn vị hành chính trên phạm vi toàn quốc, bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, phù hợp với định hướng của Trung ương và yêu cầu thực tiễn. Với trách nhiệm được phân công, Bộ Nội vụ đã tham mưu ban hành được những thể chế rất lớn về tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, viên chức, phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính. Bộ đã thực hiện cuộc vận động, tuyên truyền thực hiện chính sách với toàn hệ thống. Bộ Nội vụ đã phát huy vai trò của cơ quan thường trực của Chính phủ trong việc thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, đồng hành cùng các địa phương thông qua nhiều kênh thông tin, chủ động cử công chức, viên chức về các địa phương trong những ngày đầu, tháng đầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. Đồng thời, Bộ Nội vụ hướng dẫn hệ thống nội vụ địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong bố trí tổ chức, sắp xếp đội ngũ, giải quyết chế độ, chính sách và xử lý các vấn đề phát sinh. Một nét đặc thù rất quan trọng của Bộ Nội vụ sau hợp nhất là tổ chức bộ máy không tách rời tổ chức con người; cải cách hành chính không tách rời bảo đảm an sinh; tinh gọn không để gián đoạn những hoạt động nhân văn, vì con người. Chính nhờ cách tiếp cận đó, quá trình chuyển đổi lớn đã được thực hiện trong ổn định, đồng thuận, hạn chế tối đa xáo trộn không cần thiết.

III. Một số hạn chế, vướng mắc

Bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn vận hành mô hình mới đặt ra một số hạn chế, vướng mắc có tính phổ biến, khách quan, gắn trực tiếp với đặc thù tham mưu và quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ; trong đó có cả những hạn chế, vướng mắc mang tính hệ thống, vượt thẩm quyền của riêng ngành.

Một là, thể chế và cơ chế vận hành chưa thật sự đồng bộ, thống nhất ở một số lĩnh vực. Hệ thống pháp luật hiện hành được hình thành qua nhiều giai đoạn, gắn với mô hình cũ, nhiều quy định vẫn mặc định sự tồn tại của cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp huyện hoặc quy trình xử lý qua nhiều tầng nấc. Nếu không sửa đổi kịp thời, cấp xã dù được giao thẩm quyền vẫn có thể lúng túng trong áp dụng pháp luật, cấp tỉnh dù được phân cấp, phân quyền vẫn có thể gặp khó khăn trong công tác điều hành.

Hai là, phân cấp, phân quyền đã có bước tiến lớn nhưng điều kiện bảo đảm thực hiện chưa theo kịp - đây là vướng mắc cốt lõi gắn với vận hành ở cơ sở. Việc 859 nhiệm vụ từ cấp huyện chuyển xuống cấp xã, trong khi chỉ có 79 nhiệm vụ được các bộ, ngành phân cấp trực tiếp cho cấp xã, và toàn bộ 8.289 cơ quan chuyên môn cấp huyện đã kết thúc hoạt động, cho thấy phần lớn khối lượng công việc mới của

cấp xã là nhiệm vụ kế thừa từ cấp huyện nhưng chưa kế thừa được đội ngũ chuyên môn tương ứng. Ở một số địa bàn, nhiệm vụ tăng nhanh hơn năng lực đáp ứng, thẩm quyền mở rộng nhanh hơn nguồn lực; nếu không gắn phân cấp với con người, tài chính, dữ liệu và công cụ thực thi, thẩm quyền được giao có thể trở thành áp lực vận hành đối với cấp cơ sở.

Ba là, năng lực thực thi của một bộ phận cán bộ, công chức cấp xã chưa đồng đều so với yêu cầu nhiệm vụ mới. Theo số liệu tổng hợp bước đầu, hiện mới có khoảng 53% cán bộ, công chức cấp tỉnh và khoảng 30% cán bộ, công chức cấp xã được đánh giá đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện tổ chức bộ máy mới. Cấp xã hiện tiếp nhận nhiều nhiệm vụ có yêu cầu pháp lý, kỹ thuật, chuyên môn sâu trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài chính, tư pháp, hộ tịch, lao động, người có công, an sinh xã hội, môi trường. Vấn đề đặt ra không chỉ là thiếu hay thừa về số lượng, mà trực tiếp hơn là chưa thật đúng người, đúng việc, đúng năng lực và đúng vị trí việc làm; một bộ phận cán bộ còn tâm lý e ngại, sợ sai, sợ trách nhiệm, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn công việc. Đây là khó khăn trực tiếp đối với ngành Nội vụ, bởi tổ chức bộ máy có gọn đến đâu nhưng cán bộ, công chức không đủ năng lực thực thi thì hiệu quả vận hành vẫn không đạt yêu cầu.

Bốn là, hạ tầng số, dữ liệu và phần mềm chuyên ngành chưa thật sự trở thành nền tảng quản trị thống nhất. Một số nơi vẫn coi chuyển đổi số chủ yếu là số hóa hồ sơ, trong khi yêu cầu của mô hình mới là dữ liệu phải được chuẩn hóa, liên thông, chia sẻ, khai thác để phục vụ chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và dự báo. Nghịch lý là chính những địa bàn cần chuyển đổi số nhất để bù đắp khoảng cách địa lý - vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo - lại thường là nơi hạ tầng và năng lực số còn hạn chế nhất, làm gia tăng nguy cơ chênh lệch chất lượng dịch vụ công.

Năm là, tổ chức không gian hành chính cấp xã sau sắp xếp còn một số điểm chưa thật sự phù hợp. Hiện còn 705/3.321 đơn vị hành chính cấp xã (21,23%) chưa đạt đủ tiêu chuẩn: 17 đơn vị chưa đạt cả hai tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số, 529 đơn vị (5,93%) chưa đạt tiêu chuẩn diện tích, 159 đơn vị (4,79%) chưa đạt tiêu chuẩn dân số. Điều này làm phân tán nguồn lực đầu tư, tăng chi phí quản lý, trong khi chưa phát huy đầy đủ lợi thế quy mô để tổ chức cung ứng dịch vụ công và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đồng thời, ở một số nơi, ranh giới đơn vị hành chính sau sắp xếp chưa thực sự phù hợp với không gian phát triển kinh tế - xã hội, còn tình trạng chia cắt các khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, vùng du lịch, di tích, danh lam thắng cảnh hoặc các khu vực có tính liên kết tự nhiên cao. Điều này phần nào ảnh hưởng đến công tác quy hoạch, quản lý không gian phát triển, đầu tư kết cấu hạ tầng và thu hút nguồn lực đầu tư trong dài hạn. Một

số đô thị sau sắp xếp đơn vị hành chính đã hình thành không gian phát triển đa trung tâm, có quy mô và vai trò vượt ra ngoài phạm vi địa giới hành chính truyền thống; tuy nhiên việc kết nối hạ tầng kỹ thuật còn nhiều hạn chế; chưa hình thành đầy đủ các hệ thống hạ tầng kỹ thuật liên vùng có tính đồng bộ và tích hợp cao, chưa tương xứng với tốc độ phát triển đô thị và mở rộng không gian đô thị. Một số thị trấn sáp nhập vào xã nông thôn làm thay đổi tính chất quản lý của khu vực đô thị hiện hữu, đòi hỏi tiếp tục rà soát để hình thành đơn vị hành chính đô thị phù hợp.

IV. Bài học kinh nghiệm, cách làm sáng tạo

Một là, sự lãnh đạo thống nhất, trực tiếp, toàn diện của Đảng là nhân tố quyết định. Chủ trương, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và định hướng sâu sắc, toàn diện của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm mang ý nghĩa nguyên tắc, là kim chỉ nam định hướng cho quá trình tham mưu, thể chế hóa quy định về xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp. Vì vậy, việc nghiên cứu thấu đáo, đầy đủ chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng là tiền đề quan trọng để công tác tham mưu, thể chế hóa bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Với một nhiệm vụ lớn, khó, mới, tác động đến toàn hệ thống và từng người dân, chỉ khi có sự thống nhất cao về nhận thức, ý chí và hành động mới có thể triển khai nhanh, đồng bộ mà vẫn giữ được ổn định và tạo được đồng thuận xã hội.

Hai là, chủ động hoàn thiện khung pháp lý đồng bộ, kịp thời, tham mưu thể chế phải đi liền với tổ chức thực hiện và theo dõi chất lượng vận hành. Thể chế hóa chủ trương phải "đi trước một bước", tạo hành lang pháp lý rõ ràng để triển khai thuận lợi. Một quy định chỉ thật sự đúng khi đi vào được đời sống; một mô hình tổ chức chỉ thật sự tốt khi cán bộ cơ sở vận hành được, người dân tiếp cận được, doanh nghiệp cảm nhận được thuận lợi. Phương pháp tham mưu của ngành Nội vụ phải là thiết kế chính sách trên nền tảng thực tiễn, đánh giá bằng kết quả vận hành và kịp thời điều chỉnh bằng phản hồi từ cơ sở.

Ba là, hệ thống Sở Nội vụ là đầu mối tham mưu xuyên suốt, vừa là cánh tay nối dài, vừa là cảm biến chính sách của Bộ ở địa phương. Những vấn đề phát sinh trong bố trí tổ chức, biên chế, vị trí việc làm, đội ngũ, chế độ chính sách, cải cách hành chính, đơn vị hành chính đều đi qua vai trò tham mưu của Sở Nội vụ; nâng cao năng lực hệ thống Sở Nội vụ chính là nâng cao năng lực vận hành mô hình mới ở địa phương.

Bốn là, tinh gọn bộ máy phải gắn chặt với nâng cao chất lượng đội ngũ và bảo đảm chính sách nhân văn. Tinh gọn không phải là mục tiêu tự thân, mà để bộ máy mạnh hơn, phục vụ tốt hơn, trách nhiệm rõ hơn; muốn vậy phải bố trí đúng người, đúng việc, đào tạo kịp thời, đánh giá thực chất, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám

làm vì lợi ích chung, đồng thời giải quyết thấu tình, đạt lý, nhân văn đối với người chịu tác động của sắp xếp.

Năm là, chuyển đổi số trong lĩnh vực nội vụ phải chuyển từ tư duy công cụ sang tư duy nền tảng quản trị. Dữ liệu thống nhất về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức, viên chức, đơn vị hành chính, thủ tục hành chính, phản ánh của địa phương phải trở thành cơ sở để chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và dự báo. Đây là cách làm cần tiếp tục nhân rộng để rút ngắn khoảng cách giữa ban hành chính sách và điều chỉnh chính sách.

Sáu là, mọi phương án tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và chính sách công vụ phải xuất phát từ người dân, hướng đến người dân và được đánh giá bằng sự hài lòng, niềm tin của người dân. Chính quyền có gần dân hơn không, thủ tục có thuận lợi hơn không, cán bộ có trách nhiệm hơn không, niềm tin có được tăng cường không - đó là những câu hỏi phải thường xuyên được đặt ra trong quá trình hoàn thiện mô hình.

Bảy là, phương pháp, cách thức tham mưu chủ động, linh hoạt, sáng tạo, không cầu toàn, nhưng thận trọng, chắc chắn, khoa học, thấu đáo, biện chứng lịch sử, văn hóa; tổng hòa yếu tố bao trùm, toàn diện về: Tư duy, tầm vóc, triết lý phát triển, tâm lý xã hội, xu hướng thế giới, thực tiễn Việt Nam và đặt trong tổng thể mục tiêu, triển vọng phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình phát triển thịnh vượng, hùng cường của dân tộc. Làm tốt công tác dự báo và thích ứng, phản ứng chính sách kịp thời, theo dõi sát sao tình hình, bảo đảm thông tin thông suốt giữa Trung ương và địa phương, chủ động dự liệu kịch bản, chuẩn bị sẵn phương án ứng phó, kịp thời điều chỉnh chính sách, trực tiếp hướng dẫn giải quyết ngay vướng mắc nảy sinh.

Tám là, cần có niềm tin vững chắc vào quá trình đổi mới, niềm tin thể chế, niềm tin vào đội ngũ. Quá trình sắp xếp tổng thể hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp với những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, chưa có tiền lệ, tưởng chừng như khó có thể vượt qua được với quỹ thời gian hạn chế nhưng thực tiễn cho thấy năng lực của toàn hệ thống nếu được định hướng, tổ chức kịp thời, hiệu quả, phân công, phân nhiệm bảo đảm phương châm "6 rõ" (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền) sẽ đủ khả năng vượt qua được những giới hạn, những thói quen cố hữu để tiếp cận các vấn đề với tư duy đột phá, đổi mới, sáng tạo và thích ứng.

***Chín là*,** về một số cách làm hay, ngay trước thời điểm 01/7/2025, Bộ Nội vụ đã xây dựng và phát hành Cẩm nang chính quyền địa phương cấp xã (bao gồm bản giấy và bản điện tử), trong đó làm rõ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và xử lý tình huống phát sinh - đây là một công cụ hướng dẫn mang tính

thực tiễn cao, kịp thời "cầm tay chỉ việc" cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Ở địa phương, nhiều mô hình tổ chức thực hiện linh hoạt, hiệu quả đã được triển khai: chủ động điều động, biệt phái, luân chuyển cán bộ giữa các xã và trong nội bộ cấp xã từ nơi thừa sang nơi thiếu, kịp thời khắc phục tình trạng mất cân đối nhân lực; thành lập tổ công tác hỗ trợ vận hành, đường dây nóng, nhóm chuyên ngành trực tuyến để nắm bắt tình hình và xử lý ngay các khó khăn, vướng mắc phát sinh; tăng cường giao ban trực tuyến đến cấp xã, bảo đảm chỉ đạo xuyên suốt, không gián đoạn. Việc đẩy mạnh tập huấn, hướng dẫn qua môi trường số đã chứng minh hiệu quả rõ rệt trong tiết kiệm thời gian, chi phí, đồng thời nâng cao tính kịp thời và khả năng tiếp cận của đội ngũ cán bộ cơ sở.

V. Nhiệm vụ, giải pháp

Giai đoạn tới không còn là giai đoạn chủ yếu để đánh giá về việc đã giảm được bao nhiêu đầu mối, mà chuyển mạnh sang vấn đề căn cốt hơn, đó là bộ máy sau sắp xếp vận hành có thật sự tốt hơn không, phục vụ Nhân dân tốt hơn không, giải phóng được nguồn lực phát triển không. Trên tinh thần đó, Bộ Nội vụ xác định: việc nào thuộc thẩm quyền thì chủ động xử lý ngay; việc nào cần phối hợp thì xác định rõ trách nhiệm để chủ động phối hợp; việc nào vượt thẩm quyền thì tổng hợp, báo cáo đúng cấp, đúng vấn đề, đúng thời điểm.

Thứ nhất, nhóm nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, triển khai ngay

Từ sau Hội nghị đến hết quý III năm 2026, Bộ Nội vụ duy trì cơ chế rà soát nhanh, cập nhật thường xuyên các hạn chế, vướng mắc trong vận hành mô hình mới tại 34 tỉnh, thành phố; tiếp tục hướng dẫn, giải đáp kịp thời về thể chế, thẩm quyền, tổ chức bộ máy, nhân sự, dịch vụ công, dữ liệu, đơn vị hành chính và chính sách đối với người chịu tác động; sản phẩm là danh mục nhiệm vụ xử lý ngay thuộc thẩm quyền của Bộ, danh mục cần Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và danh mục báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trong năm 2026, Bộ Nội vụ tập trung hướng dẫn chuẩn hóa vị trí việc làm và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Trọng tâm không phải là tăng biên chế theo tư duy bình quân mà là xác định đúng nhu cầu theo quy mô dân số, diện tích tự nhiên, khối lượng nhiệm vụ, mức độ đô thị hóa và đặc thù địa bàn; sản phẩm gồm khung vị trí việc làm cấp xã, làm rõ được khung năng lực của cán bộ, công chức trong giai đoạn mới, bộ tiêu chí xác định biên chế giai đoạn 2026 - 2031 (phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương), cơ chế điều động, biệt phái, tăng cường cán bộ chuyên môn sâu cho cấp xã và hướng dẫn đánh giá cán bộ, công chức theo hướng thực chất, lấy kết quả và sản phẩm, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chủ yếu.

Cùng với đó, Bộ Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã - nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở. Phối hợp chặt chẽ với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương triển khai thực hiện Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu giai đoạn 2026 - 2031 theo Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nhiệm vụ xây dựng học liệu số dùng chung toàn quốc cho cán bộ, công chức cấp xã, bộ tình huống nghiệp vụ theo từng lĩnh vực, ngân hàng câu hỏi đánh giá năng lực và chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm. Đổi mới tư duy bồi dưỡng cán bộ, công chức với mục tiêu nâng cao năng lực thực thi công vụ, có năng lực tự đổi mới, từ hoàn thiện bản thân, sẵn sàng và thích ứng với nhiệm vụ mới, thực sự là những cán bộ, công chức với những phẩm chất, năng lực đáp ứng tốt nhất trong kỷ nguyên mới. Đồng thời, Bộ Nội vụ bảo đảm các chính sách lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công và an sinh xã hội được triển khai hiệu quả, nhân văn và đúng đối tượng.

Thứ hai, nhóm nhiệm vụ cần thời gian, lộ trình, rõ thẩm quyền thực hiện.

Trong quý III, IV năm 2026 và năm 2027, Bộ Nội vụ tập trung tham mưu hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy, năng lực vận hành của chính quyền địa phương, về cán bộ, công chức, viên chức, vị trí việc làm và phân cấp, phân quyền, góp phần bước chuyển về chất lượng quản trị quốc gia, quản trị địa phương và năng lực phục vụ Nhân dân. Chủ động xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền và tổng hợp, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi các luật, nghị quyết, pháp lệnh có liên quan. Đích đến là đến cuối năm 2026, các quy định cốt lõi cơ bản tương thích với mô hình mới, không còn khoảng trống pháp lý.

Về phân cấp, phân quyền, Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương đánh giá lại chất lượng phân cấp theo hướng thực chất: không chỉ thống kê đã chuyển giao bao nhiêu nhiệm vụ mà phải trả lời được cấp được giao có đủ người, đủ thẩm quyền, đủ dữ liệu, đủ kinh phí, hạ tầng và cơ chế kiểm tra hay không. Từ năm 2027, việc phân cấp được đánh giá định kỳ bằng kết quả phục vụ, thời gian xử lý công việc và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, trong quý III năm 2026, Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Tài chính chuẩn hóa dữ liệu về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức, viên chức, đơn vị hành chính và thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nội vụ. Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh

xã hội, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nội vụ được kết nối đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an quản lý; tạo lập công cụ tổng hợp phản ánh, kiến nghị của địa phương theo thời gian thực và bộ chỉ số đánh giá chất lượng vận hành của chính quyền 3 cấp. Khi dữ liệu trở thành hạ tầng quản trị, việc chỉ đạo, điều hành sẽ kịp thời hơn, phản ứng chính sách nhanh hơn và trách nhiệm giải trình rõ hơn.

Về tổ chức đơn vị hành chính, Bộ Nội vụ kiên trì nguyên tắc tham mưu bảo đảm tính ổn định là yêu cầu hàng đầu, điều chỉnh trong trường hợp cần thiết, có căn cứ khoa học, thực tiễn và pháp lý chặt chẽ. Trong năm 2026, tập trung nhận diện đầy đủ các trường hợp đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt chuẩn, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bảo đảm không làm xáo trộn đời sống bình thường của Nhân dân và hoạt động của chính quyền cơ sở. Từ nay đến cuối năm 2026 là giai đoạn củng cố nền tảng thể chế, đội ngũ, dữ liệu; giai đoạn 2027 - 2030 là giai đoạn nâng chất lượng quản trị và đo lường hiệu quả vận hành bằng kết quả phục vụ Nhân dân, năng lực kiến tạo phát triển, khả năng tạo ra động lực phát triển mới.

VI. Đề xuất, kiến nghị

Một là, về hoàn thiện thể chế, Bộ Nội vụ kiến nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ưu tiên đưa vào chương trình xây dựng pháp luật và sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết, pháp lệnh còn chưa đồng bộ với mô hình tổ chức mới, nhất là các quy định về thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp xã, cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền, tổ chức cơ quan chuyên môn và tiêu chuẩn đơn vị hành chính; đồng thời nghiên cứu ban hành Luật Đô thị đặc biệt và đặc khu kinh tế để tạo cơ sở pháp lý hình thành các đặc khu kinh tế thế hệ mới.

Ba là, về khung tổ chức bộ máy, Bộ Nội vụ kiến nghị cấp có thẩm quyền quy định khung số lượng cơ quan tham mưu của cấp ủy, cơ quan chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã theo hướng thống nhất về nguyên tắc nhưng linh hoạt theo quy mô, đặc điểm địa bàn, bảo đảm nguyên tắc một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Ở cấp tỉnh, tổ chức bên trong phân cấp cho địa phương quyết định, tăng tính chủ động cho chính quyền địa phương để phù hợp với điều kiện thực tiễn trên địa bàn; đồng thời bảo đảm tinh gọn. Kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành khi phân cấp nhiệm vụ cho địa phương phải đồng thời xác định rõ điều kiện bảo đảm thực hiện, gồm hướng dẫn nghiệp vụ, nguồn lực, dữ liệu, hạ tầng, cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; phân cấp, phân quyền được đánh giá bằng chất lượng, hiệu quả thực thi, không chỉ bằng số lượng nhiệm vụ chuyển giao.

Bốn là, về tiêu chuẩn, điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập các đô thị hạt nhân. Bộ Nội vụ kiến nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

tiếp tục cho chủ trương rà soát, hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo hướng ổn định, đồng bộ, hiệu quả; cho phép tiếp tục sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã quy mô nhỏ, chưa đạt tiêu chuẩn, có tính đến yếu tố đặc thù; thành lập phường mới trên cơ sở các thị trấn và khu vực đô thị đủ điều kiện; nghiên cứu nhập một số phường trung tâm để hình thành phường có quy mô đủ lớn, giữ vai trò hạt nhân phát triển của tỉnh, thành phố; nghiên cứu hình thành đặc khu kinh tế thế hệ mới làm cực tăng trưởng, hướng tới mục tiêu đô thị hóa đạt trên 50% vào năm 2030. Việc sắp xếp bảo đảm nguyên tắc tuân thủ quy định của Đảng, Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm tính ổn định, thông suốt, liên tục của quản lý nhà nước, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa và yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của từng địa phương; phù hợp với năng lực quản lý của bộ máy chính quyền địa phương, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Tinh thần chung là không sắp xếp chạy theo số lượng, không gây nên xáo trộn không cần thiết nhưng cũng không để những bất hợp lý về đơn vị hành chính cản trở phát triển.

Cùng với đó, Bộ Nội vụ đề nghị các địa phương tiếp tục phát huy vai trò của hệ thống Sở Nội vụ là đầu mối tham mưu tổng hợp trong vận hành mô hình mới; định kỳ báo cáo trung thực, đầy đủ, kịp thời các hạn chế, vướng mắc phát sinh để Bộ có cơ sở tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Một năm qua là khoảng thời gian không dài trong lịch sử cải cách hành chính, nhưng đủ để thấy rõ tầm vóc của chủ trương, sức nặng của nhiệm vụ và giá trị của những nỗ lực bền bỉ, thầm lặng trong toàn hệ thống. Phía sau mỗi con số về sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, đơn vị hành chính hay trung tâm phục vụ hành chính công là trách nhiệm trước Nhân dân, là khát vọng làm cho bộ máy nhà nước tinh gọn hơn, mạnh hơn, gần dân hơn, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Với truyền thống, bản lĩnh và trách nhiệm của mình, Bộ, ngành Nội vụ sẽ tiếp tục nỗ lực trong tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, đồng hành cùng các bộ, ngành, địa phương để mô hình mới không chỉ vận hành ổn định, mà phải vận hành hiệu quả, thực chất; không chỉ giảm đầu mối, mà phải nâng cao năng lực phục vụ; không chỉ phân định thẩm quyền, mà phải bảo đảm trách nhiệm thực hiện hiệu quả thẩm quyền; không chỉ tạo ra bộ máy mới, mà phải hình thành phương thức quản trị mới, góp phần hiện thực hóa khát vọng "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển hùng cường, thịnh vượng của dân tộc Việt Nam./.

11. HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH:

Gợi mở từ thực tiễn vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: Nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia trong kỷ nguyên phát triển mới

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT CHẤT LƯỢNG VẬN HÀNH MÔ HÌNH MỚI

Ngày 01/7/2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong đổi mới hệ thống chính trị và nền quản trị quốc gia. Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong tổng thể mô hình tổ chức mới không chỉ là sắp xếp, tinh gọn bộ máy, mà còn là quá trình kiến tạo phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực thi phù hợp với yêu cầu phát triển mới.

Theo Báo cáo của Đảng ủy Chính phủ, sau 01 năm triển khai, việc sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình mới đã đạt được những kết quả rất đồng bộ và toàn diện. Ở Trung ương, cơ cấu Chính phủ được sắp xếp theo hướng tinh gọn hơn còn 14 bộ, 3 cơ quan ngang bộ (giảm 22,7%), đầu mối tổng cục, cục, vụ, đơn vị tương đương được giảm mạnh, có nhóm giảm khoảng 60-70%. Ở địa phương, cả nước còn 34 tỉnh, thành phố (giảm 46%); 696 đơn vị hành chính cấp huyện kết thúc hoạt động; số đơn vị hành chính cấp xã còn 3.321 đơn vị (giảm 66,91%). Cả nước giảm 709 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (giảm 60,3%); giảm toàn bộ 8.289 cơ quan cấp huyện do kết thúc hoạt động của cấp huyện. Tính đến 18/5/2026 cấp xã có 10.066 phòng chuyên môn. Hệ thống trung tâm phục vụ hành chính công được tổ chức lại theo hướng gần dân, liên thông và hiện đại hơn. Cùng với đó là quá trình sắp xếp, tinh gọn các cơ quan của cả hệ thống chính trị. Những con số này cho thấy đây là cuộc sắp xếp bộ máy có quy mô lớn, phạm vi tác động rộng và mức độ thay đổi sâu sắc nhất trong nhiều thập kỷ qua.

Từ góc nhìn hiệu quả quản trị, có thể đánh giá chất lượng vận hành mô hình mới trên ba phương diện cốt lõi: năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước; và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị.

1. Về năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng được khẳng định không chỉ ở việc ban hành chủ trương đúng, mà ở năng lực quản trị thực thi các quyết sách lớn. Điểm nổi bật của cuộc cải cách lần này là Đảng không chỉ lãnh đạo việc sắp xếp bộ máy,

mà còn trực tiếp định hình lại cấu trúc vận hành của hệ thống chính trị. Điều đó thể hiện năng lực hoạch định chiến lược, năng lực dẫn dắt thay đổi, năng lực tạo đồng thuận chính trị - xã hội và năng lực tổ chức thực hiện trong điều kiện cải cách tác động trực tiếp đến tổ chức, vị trí việc làm, trách nhiệm, lợi ích và thói quen vận hành của toàn bộ hệ thống.

Một chuyển biến có ý nghĩa lý luận sâu sắc là phương thức lãnh đạo của Đảng đang từng bước chuyển từ lãnh đạo chủ yếu bằng chủ trương sang lãnh đạo bằng chiến lược, thể chế, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả (dựa trên dữ liệu). Trong mô hình mới, yêu cầu đặt ra đối với cấp ủy không chỉ là quán triệt chủ trương, mà phải lãnh đạo thiết kế cơ chế vận hành, kiểm soát quyền lực, phát hiện hạn chế, vướng mắc, bảo đảm kỷ luật thực thi và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Nói cách khác, năng lực cầm quyền của Đảng được đo bằng khả năng chuyển hóa chủ trương thành kết quả phát triển cụ thể, đo lường được và được người dân, doanh nghiệp cảm nhận được.

2. Về năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước

Năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước có chuyển biến tích cực theo hướng hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả hơn. Việc giảm tầng nấc trung gian làm cho quan hệ điều hành từ Trung ương đến địa phương, từ cấp tỉnh đến cấp xã trực tiếp hơn; giảm bớt các khâu trung chuyển; làm rõ hơn trách nhiệm của người đứng đầu; tạo điều kiện để cấp xã chủ động xử lý các công việc liên quan trực tiếp đến người dân. Trong quá trình vận hành, các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị, và người đứng đầu đã tổ chức nhiều cuộc họp, đoàn công tác, hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc trực tiếp cho địa phương; đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung hàng nghìn văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm mô hình mới vận hành thông suốt. Đây là biểu hiện rõ của năng lực điều hành thích ứng, xử lý tình huống và bảo đảm tính liên tục của nền hành chính.

Bên cạnh đó, cách thức đo lường kết quả quản lý, điều hành đã chuyển dần từ nhận định định tính sang các tiêu chí cụ thể hơn về hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, trách nhiệm giải trình, khả năng thích ứng và chất lượng phục vụ. Theo hướng này, chất lượng vận hành mô hình mới phải được nhìn nhận bằng kết quả thực chất: thủ tục được xử lý nhanh hơn, trách nhiệm rõ hơn, dữ liệu được sử dụng tốt hơn và người dân, doanh nghiệp cảm nhận rõ hơn sự thuận tiện của nền hành chính.

3. Về năng lực tổ chức thực hiện, năng lực thực thi

Năng lực tổ chức thực hiện của hệ thống chính trị được nâng lên nhưng cũng thể hiện chất lượng vận hành không đồng đều giữa các địa phương. Sau một

năm, phần lớn địa phương duy trì được hoạt động ổn định, không để xảy ra đứt gãy lớn trong quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ công và giải quyết công việc cho người dân. Nhiều địa phương chủ động ban hành quy chế phối hợp, thành lập tổ công tác, bố trí cán bộ tăng cường cho cơ sở, tổ chức trung tâm phục vụ hành chính công, đẩy mạnh sử dụng nền tảng số, đường dây nóng và kênh tiếp nhận phản ánh trực tuyến. Một số địa phương triển khai mô hình chính quyền số, trung tâm điều hành thông minh, hệ thống giám sát hồ sơ theo thời gian thực, qua đó nâng cao tốc độ phản ứng chính sách. Các điển hình như: Mô hình giao ban "04 khối" Đảng - HĐND - UBND - MTTQ ở Hà Nội; hệ thống Trợ lý ảo AI và phong trào "Bình dân AI học vụ" của tỉnh Gia Lai; "Trạm công dân số" tại TP. Hồ Chí Minh; Tổng đài 1022 kết hợp ứng dụng iHanoi... là những sáng kiến thể hiện tính năng động, sáng tạo, đổi mới của cơ sở.

Thực tiễn cũng cho thấy cùng một chủ trương, cùng một khuôn khổ pháp lý nhưng kết quả giữa các địa phương còn khác nhau. Nơi người đứng đầu quyết liệt, đội ngũ cán bộ có năng lực thực thi, dữ liệu được kết nối và cơ chế phối hợp rõ thì mô hình vận hành thông suốt hơn. Ngược lại, nơi còn tâm lý chờ hướng dẫn, sợ trách nhiệm, thiếu kỹ năng số và thiếu điều kiện bảo đảm thì phân quyền dễ chuyển thành áp lực. Vì vậy, trọng tâm tiếp theo phải chuyển mạnh sang nâng cao năng lực vận hành, năng lực thực thi và năng lực thích ứng của toàn hệ thống.

Nhìn tổng quát, sau một năm vận hành, mô hình mới đã tạo ra những chuyển biến quan trọng về tư duy quản trị, tổ chức bộ máy, tốc độ điều hành, quyền chủ động của địa phương và nền tảng quản trị số. Đây là kết quả bước đầu rất quan trọng, nhưng mới là điều kiện cần. Điều kiện đủ là tiếp tục hoàn thiện thể chế, phân bổ nguồn lực tương xứng, nâng cao chất lượng đội ngũ và đo lường hiệu quả vận hành một cách khách quan, thường xuyên.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về tư duy quản trị và phương thức thực thi quyền lực công

Việc bỏ cấp trung gian về mặt tổ chức đã được thực hiện quyết liệt, nhưng ở một số nơi vẫn còn tồn tại "cấp trung gian trong tư duy". Biểu hiện là tâm lý chờ hướng dẫn, ngại quyết, né tránh trách nhiệm, xử lý công việc theo thói quen cũ, muốn có thêm ý kiến của cấp trên ngay cả với nhiệm vụ đã được phân quyền. Đây là điểm nghẽn sâu nhất vì nó làm giảm tác dụng của phân cấp, kéo dài thời gian xử lý công việc và làm suy giảm niềm tin vào đổi mới mô hình tổ chức và quản trị. Nếu không phá vỡ "cấp trung gian trong tư duy", mô hình tổ chức mới có thể vẫn vận hành bằng phương thức cũ, dẫn đến tinh gọn về hình thức nhưng chưa tạo được bước chuyển tương xứng về hiệu quả quản trị.

2. Về thể chế và tính đồng bộ của hệ thống pháp luật

Chính phủ và các bộ, ngành đã rà soát khối lượng rất lớn văn bản quy phạm pháp luật, trong đó nhiều văn bản liên quan trực tiếp đến phân cấp, phân quyền, tổ chức chính quyền địa phương, quản lý đất đai, đầu tư, tài chính, xây dựng, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tuy nhiên, do quy mô cải cách rất lớn và tốc độ sắp xếp bộ máy nhanh, sự đồng bộ của thể chế chưa theo kịp hoàn toàn với mô hình tổ chức mới[23]. Ở một số lĩnh vực vẫn còn khoảng giao thoa thẩm quyền, thiếu quy trình nghiệp vụ thống nhất, thiếu cơ chế phối hợp giữa ngành dọc với chính quyền địa phương hoặc chưa rõ trách nhiệm khi xảy ra chậm trễ, hạn chế, khó khan, vướng mắc.

3. Về phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực

Quá trình phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền được đẩy mạnh, nhiều nhiệm vụ từ Trung ương, bộ, ngành và cấp tỉnh được chuyển về địa phương, cấp xã. Tuy nhiên, một số nơi nhiệm vụ tăng nhanh hơn năng lực bảo đảm[24]. Quyền hạn được mở rộng nhưng biên chế chuyên môn, ngân sách, trụ sở, trang thiết bị, phần mềm, dữ liệu và năng lực cán bộ chưa luôn đi cùng. Điều này tạo ra khoảng cách giữa thẩm quyền pháp lý và năng lực thực tế. Nếu không gắn chặt phân quyền với nguồn lực và trách nhiệm giải trình, phân quyền sẽ không trở thành động lực phát triển mà có nguy cơ trở thành gánh nặng thực thi cho cơ sở.

4. Về điều phối trong không gian quản trị mới

Khi không còn cấp huyện, nhiều chức năng điều phối liên xã, quản lý hạ tầng, quy hoạch, đất đai, môi trường, phòng chống thiên tai, an sinh xã hội và trật tự đô thị phải được thiết kế lại. Cấp tỉnh có vai trò chiến lược và điều phối tổng thể, cấp xã trực tiếp phục vụ người dân, nhưng khoảng cách quản trị giữa tỉnh và xã lớn hơn trước. Nếu không có cơ chế điều phối vùng, điều phối liên xã, nền tảng dữ liệu dùng chung và đầu mối xử lý theo lĩnh vực, có thể xuất hiện khoảng trống quản trị ở những vấn đề vượt quá phạm vi một xã nhưng chưa đủ tầm để cấp tỉnh xử lý trực tiếp thường xuyên.

---

[23] Theo Báo cáo số 345-BC/ĐU ngày 09/6/2026 của Đảng ủy Chính phủ: từ tháng 2/2025 đến tháng 5/2026, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành 116 văn bản pháp luật và ban hành theo thẩm quyền 467 văn bản quy phạm pháp luật. Song đến 5/2026, qua rà soát, mới có 156/339 văn bản cần bổ sung, sửa đổi (Chiếm 46,01%), tương ứng 779/1582 (49,24%) nội dung được điều chỉnh.

[24] Theo Báo cáo số 345-BC/ĐU ngày 09/6/2026 của Đảng ủy Chính phủ: có 10 nhiệm vụ được xác định chưa phù hợp và phải điều chỉnh lại thẩm quyền từ địa phương về trung ương do yêu cầu cao về nhân lực chuyên sâu hoặc trang thiết bị kỹ thuật đặc thù. Có 355 nhiệm vụ phải tiếp tục được các Bộ, ngành hướng dẫn, giải đáp trước khi địa phương có thể triển khai ổn định.

5. Về chuyển đổi số, dữ liệu và phương thức quản trị hiện đại

Mô hình mới chỉ vận hành hiệu quả khi thông tin được kết nối theo thời gian thực, dữ liệu được chia sẻ liên thông, phần mềm chuyên ngành tương thích và cán bộ có đủ năng lực số. Thực tế cho thấy dữ liệu ở nhiều lĩnh vực còn phân tán, chất lượng chưa đồng đều; việc kết nối giữa cơ sở dữ liệu dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính - ngân sách, y tế, giáo dục còn cần tiếp tục hoàn thiện. Ở cấp xã, nếu phần mềm không đồng bộ, đường truyền không ổn định, dữ liệu chưa sạch, chưa sống, cán bộ chưa thành thạo thì thủ tục hành chính vẫn có thể chậm, dù mô hình tổ chức đã tinh gọn hơn.

6. Về năng lực tổ chức thực hiện và năng lực thích ứng của hệ thống, nhất là cấp xã

Cấp xã hiện nay không còn là cấp hành chính thuần túy thực hiện các việc nhỏ lẻ, mà đang trở thành cấp quản trị tổng hợp, trực tiếp tiếp nhận, xử lý và phản hồi nhu cầu của người dân. Điều đó đòi hỏi cán bộ cấp xã phải có năng lực pháp lý, năng lực chuyên môn, năng lực số, năng lực giao tiếp công vụ, năng lực điều phối cộng đồng và năng lực xử lý tình huống. Trong khi đó, năng lực đội ngũ còn chênh lệch giữa đô thị và nông thôn, giữa vùng phát triển và vùng khó khăn, giữa địa phương đã chuẩn bị tốt và địa phương còn bị động[25].

III. NGUYÊN NHÂN CỦA KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Tư duy quản trị chưa theo kịp tốc độ thay đổi tổ chức bộ máy

Có độ trễ khách quan giữa đổi mới tổ chức bộ máy và đổi mới tư duy vận hành. Bộ máy có thể được sắp xếp trong thời gian ngắn, nhưng văn hóa công vụ, thói quen phối hợp, năng lực chịu trách nhiệm và phương pháp quản trị cần thời gian dài hơn để chuyển đổi. Đây là nguyên nhân sâu xa làm xuất hiện "cấp trung gian trong tư duy".

2. Năng lực thể chế chưa theo kịp yêu cầu của mô hình tổ chức mới

Tốc độ cải cách tổ chức nhanh hơn tốc độ hoàn thiện các quy định vận hành cụ thể. Trong các đổi mới có quy mô lớn, cấu trúc mới thường phải đi trước, sau đó thể chế được kiểm nghiệm và điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu khoảng cách này kéo dài sẽ dẫn đến giao thoa thẩm quyền, lúng túng trong xử lý công việc và tâm lý thận trọng quá mức của cán bộ.

[25] Theo Báo cáo của Đảng ủy Chính phủ, qua rà soát từ 24 địa phương: Còn 3.286 trường hợp chưa phù hợp về chuyên ngành đào tạo và 2.777 trường hợp chưa phù hợp về kinh nghiệm công tác (chủ yếu ở nhóm vị trí chuyên môn, nghiệp vụ).

3. Phân cấp, phân quyền chưa được thiết kế đồng bộ với nguồn lực, năng lực và kiểm soát quyền lực

Ở một số nơi, nhiệm vụ được chuyển giao nhanh nhưng nguồn lực, dữ liệu, công cụ thực thi và cơ chế bảo vệ cán bộ chưa theo kịp. Vì vậy, phân quyền chưa luôn trở thành động lực chủ động, sáng tạo mà có lúc tạo thêm áp lực cho cơ sở.

Sự khác biệt lớn giữa các địa phương về điều kiện tự nhiên, quy mô dân số, trình độ phát triển, hạ tầng số và chất lượng đội ngũ cũng tạo ra thách thức trong việc áp dụng một khung tổ chức, biên chế, quy trình thống nhất trên toàn quốc[26].

4. Chuyển đổi số còn thiên về số hóa quy trình hiện có, chưa chuyển mạnh sang thiết kế lại mô hình quản trị dựa trên dữ liệu

Khi dữ liệu chưa liên thông, chuẩn dữ liệu chưa thống nhất, cơ chế tái sử dụng dữ liệu chưa rõ và hệ thống đo lường theo thời gian thực chưa hoàn chỉnh, bộ máy tinh gọn chưa phát huy đầy đủ lợi thế quản trị.

5. Cơ chế đánh giá cán bộ chưa theo kịp yêu cầu quản trị theo kết quả

Nếu đánh giá cán bộ vẫn nặng về "không sai quy trình, không sai quy định" mà chưa coi trọng kết quả đầu ra, chất lượng phục vụ, khả năng phối hợp, đổi mới và trách nhiệm giải trình, cán bộ sẽ có xu hướng chọn an toàn, làm đúng nhưng chậm, đúng quy trình nhưng chưa tạo giá trị công và lợi ích của Nhân dân.

IV. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Thứ nhất, sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, toàn diện, xuyên suốt của Đảng là nhân tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới, đột phá lớn. Quyết tâm chính trị phải được chuyển hóa thành tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống.

Thứ hai, đổi mới tổ chức bộ máy chỉ tạo ra khung mới; đổi mới tư duy và phương thức vận hành mới quyết định chất lượng quản trị. Vai trò của cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu có ý nghĩa then chốt trong chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển, quản trị theo kết quả và phục vụ người dân.

Thứ ba, phân cấp, phân quyền phải đi liền với nguồn lực, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Giao quyền mà không giao đủ điều kiện sẽ tạo áp lực; giao nguồn lực mà không có giải trình sẽ tạo rủi ro; giao nhiệm vụ mà không bảo vệ cán bộ dám làm sẽ làm giảm động lực đổi mới.

---

[26] Theo Báo cáo của Đảng ủy Chính phủ: Thành phố Hồ Chí Minh có 168 xã, phường, đặc khu, trong đó 129 đơn vị có dân số từ 50.000 người trở lên; trong khi Lai Châu có 38 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 13 xã có dân số dưới 10.000 người — bối cảnh quản trị hoàn toàn khác nhau.

Thứ tư, cấp cơ sở là nơi kiểm chứng cuối cùng chất lượng của mọi chủ trương, chính sách. Người dân cảm nhận cải cách qua thời gian chờ đợi, chi phí tuân thủ, thái độ phục vụ, chất lượng dịch vụ công và khả năng giải quyết vấn đề cụ thể.

Thứ năm, dữ liệu và công nghệ không thay thế con người, nhưng quyết định năng lực của nền quản trị hiện đại. Dữ liệu phải trở thành hạ tầng chiến lược; cán bộ phải có năng lực số; quy trình phải được thiết kế lại trên nền tảng dữ liệu.

Thứ sáu, mô hình mới phải được hoàn thiện bằng cơ chế vừa vận hành, vừa đo lường, vừa tổng kết, vừa điều chỉnh. Cách làm tốt cần được nhân rộng; bất cập phải được nhận diện và sửa kịp thời.

Thứ bảy, đo lường hiệu quả phải dựa trên dữ liệu và kết quả phục vụ. Bộ chỉ số tổng hợp cần gắn với cơ chế thu thập dữ liệu tự động, thời gian thực, làm cơ sở cho quản trị dựa trên bằng chứng.

Thứ tám, trách nhiệm giải trình cần được thực hiện chủ động. Chính quyền phải chủ động cung cấp thông tin, giải trình về quyết sách để Nhân dân hiểu, xã hội đồng thuận, không chỉ giải trình khi phát sinh vụ việc hoặc sức ép dư luận.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

1. Thiết lập hệ thống đo lường hiệu quả vận hành mô hình mới

Xây dựng Bộ chỉ số quốc gia về hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình chính quyền theo cấu trúc mới, áp dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Bộ chỉ số cần tập trung vào các nhóm tiêu chí: mức độ tinh gọn đầu mối; nhiệm vụ được phân cấp kèm nguồn lực; thời gian và chất lượng xử lý thủ tục hành chính; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; khả năng tái sử dụng dữ liệu; mức độ phối hợp liên thông giữa tỉnh và xã; năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ. Đây là công cụ để chuyển từ đánh giá định tính sang quản trị bằng dữ liệu và kết quả.

2. Tiếp tục đổi mới tư duy lãnh đạo, quản lý và quản trị quốc gia

Trong điều kiện mô hình tổ chức mới đã được xác lập, nhiệm vụ cấp thiết là chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển; từ kiểm soát thuần túy sang kiến tạo; từ thực hiện chức năng sang tạo lập giá trị công; từ xử lý vụ việc sang giải quyết vấn đề và phục vụ người dân.

Cần phá vỡ "cấp trung gian trong tư duy" bằng đào tạo, kiểm tra kết quả thực thi và cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm. Việc đánh giá người đứng đầu phải gắn với tỷ lệ công việc xử lý đúng thẩm quyền, số hồ sơ xin ý kiến vượt cấp không cần thiết, thời gian phản ứng với phản ánh của người dân, tỷ lệ nhiệm vụ chậm do nguyên nhân chủ quan và mức độ chủ động đề xuất giải pháp. Đồng thời, phải phân

biệt rõ sai sót trong thử nghiệm chính sách có kiểm soát với vi phạm do vụ lợi, thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái.

3. Đổi mới tư duy thể chế đồng bộ với mô hình tổ chức mới

Cần tiếp tục đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị; chuyển từ tư duy làm luật theo liệt kê sang làm luật theo nguyên tắc, tiêu chuẩn và loại trừ; chú trọng đo lường chi phí tuân thủ, đánh giá tác động chính sách và giám sát thực thi bằng công cụ số.

Trọng tâm là rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương, phân cấp, phân quyền, ngân sách, đầu tư công, đất đai, xây dựng, tài nguyên - môi trường, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khu vực công. Cần chuyển mạnh từ tư duy "có văn bản mới làm" sang tư duy "rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ dữ liệu, rõ kết quả" khi làm. Các văn bản hướng dẫn phải đơn giản, khả thi, hành động hóa được, tránh tạo thêm tầng nấc thủ tục mới.

Thiết kế quy định theo hướng chuẩn hóa bằng nguyên tắc, quy chuẩn và công thức linh hoạt theo kết quả đầu ra, hạn chế đóng cứng bằng những con số tuyệt đối khi thực tiễn biến động nhanh.

Sớm hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ liên quan trực tiếp đến phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Ưu tiên tháo gỡ, khắc phục ngay các hạn chế, vướng mắc ở lĩnh vực đất đai, xây dựng, quy hoạch, tài chính - ngân sách, chuyển đổi số, hạ tầng số, đầu tư công, tư pháp, hộ tịch, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo,... Xác định rõ số lượng các phòng và số lượng biên chế cán bộ, công chức ở cấp xã cho phù hợp với mô hình tổ chức và quản trị mới ở từng địa phương, cơ sở.

4. Thực hiện phân cấp, phân quyền thực chất gắn với nguồn lực và trách nhiệm giải trình

Nguyên tắc cần quán triệt là: nhiệm vụ giao đến đâu, nguồn lực bảo đảm đến đó; quyền hạn giao đến đâu, trách nhiệm giải trình xác lập đến đó; dữ liệu cần đến đâu, quyền truy cập và khai thác dữ liệu bảo đảm đến đó. Cần lập bản đồ nhiệm vụ - thẩm quyền - nguồn lực của từng cấp, nhất là cấp xã, để xác định nhiệm vụ cấp xã tự quyết, nhiệm vụ cấp tỉnh hỗ trợ và nhiệm vụ cần cơ chế phối hợp liên ngành. Đối với xã vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, đô thị đặc thù, khu công nghiệp, khu

du lịch, cần có định mức nguồn lực và mô hình tổ chức phù hợp, không áp dụng máy móc một khuôn mẫu.

5. Xây dựng nền quản trị dựa trên dữ liệu

Dữ liệu là hạ tầng chiến lược của mô hình mới. Trọng tâm là làm sạch, chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu lõi về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính - ngân sách, cán bộ, y tế, giáo dục, an sinh xã hội; thực hiện nguyên tắc "một lần khai báo - dùng nhiều lần"; thiết lập dashboard điều hành theo thời gian thực cho cấp tỉnh và cấp xã. Chuyển đổi số không chỉ là đưa thủ tục lên mạng, mà là thiết kế lại quy trình quản trị thực thi dựa trên dữ liệu theo chuẩn, quy tắc vận hành theo tinh thần kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Không để chuyển đổi số trở thành trở ngại, gánh nặng của người dân và doanh nghiệp.

6. Nâng cao năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cấp xã

Cần xây dựng chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi trong khu vực công. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải chuyển từ truyền đạt kiến thức sang phát triển năng lực tổ chức thực hiện chính sách, quản trị phát triển, điều phối liên ngành, sử dụng dữ liệu, giao tiếp công vụ, xử lý tình huống và quản trị rủi ro. Trọng tâm là nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã để cấp này thực sự trở thành cấp quản trị trực tiếp, gần dân và đủ sức giải quyết vấn đề tại cơ sở.

7. Tiếp tục rà soát, sắp xếp xã, phường, đặc khu phù hợp với yêu cầu quản trị không gian phát triển, không làm cơ học

Cần tăng độ giãn cách khi phân loại xã, phường, đặc khu cho phù hợp với quy mô dân số, điều kiện kinh tế - xã hội và đặc thù từng địa phương. Trên cơ sở đó, trao quyền chủ động và gắn trách nhiệm của địa phương trong quyết định bộ máy, nhân sự và phương thức phục vụ phù hợp với nguồn lực, hiệu quả hoạt động.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp xã, phường theo tiêu chí quản trị không gian phát triển, không nóng vội, không làm cơ học đối với 705/3321 xã (chiếm 21,23%) chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và các xã, phường, đặc khu đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đang vận hành.

Theo đó, việc tiếp tục sắp xếp xã, phường nên dựa trên các nhóm tiêu chí: quy mô dân số; diện tích tự nhiên; mật độ dân cư; đặc điểm đô thị - nông thôn - miền núi - biên giới - hải đảo; lưu lượng thủ tục hành chính và nhu cầu dịch vụ công; năng lực cán bộ và khả năng tuyển dụng nhân lực chất lượng cao; hạ tầng số và khả năng phục vụ trực tuyến; kết nối giao thông và chi phí tiếp cận dịch vụ công của người

dân; không gian, đặc điểm kinh tế, văn hóa, cộng đồng dân cư; yêu cầu quốc phòng, an ninh và quản lý xã hội.

Lộ trình có thể gồm ba bước từ nay đến năm 20230: bước 1, xây dựng bộ dữ liệu đánh giá quy mô và năng lực quản trị cấp xã; bước 2, thí điểm sắp xếp ở một số địa bàn có quy mô nhỏ, không đáp ứng những tiêu chí cơ bản, chi phí vận hành cao hoặc không gian phát triển đã liên thông; bước 3, tổng kết, chuẩn hóa tiêu chí và mở rộng thận trọng.

Khái niệm "gần dân, sát dân" cần được hiểu rộng hơn khoảng cách địa lý. Gần dân phải thể hiện ở mức độ phục vụ, tốc độ phục vụ, chi phí tuân thủ và khả năng tiếp cận dịch vụ công cơ bản, thiết yếu. Mục tiêu sắp xếp không phải là giảm thêm bao nhiêu đơn vị hành chính, mà là hình thành các đơn vị cơ sở đủ năng lực quản trị, đủ nguồn lực phục vụ và đủ quy mô để kiến tạo phát triển.

8. Nghiên cứu đơn vị hành chính đô thị đặc biệt và thiết chế quản trị tương ứng

Sớm nghiên cứu và thí điểm triển khai thành lập đơn vị hành chính đô thị đặc biệt và thiết chế quản trị tương ứng ở các không gian phát triển trọng điểm. Cách tiếp cận không phải là tạo thêm tầng nấc hành chính mới, mà là thiết kế cơ chế điều phối phù hợp với các không gian phát triển vượt ra ngoài ranh giới hành chính truyền thống (cấp xã hiện nay). Nội dung thiết chế mới tập trung vào quy hoạch không gian, giao thông liên vùng, liên xã, phường, môi trường, logistics, dữ liệu dùng chung, thu hút đầu tư, đổi mới sáng tạo và quản trị, cung ứng dịch vụ công liên thông, đồng bộ. Thiết chế này phải bảo đảm nguyên tắc chính quyền địa phương 2 cấp, không tạo thêm cấp trung gian, nhưng đủ thẩm quyền điều phối, đủ dữ liệu dùng chung và đủ cơ chế chịu trách nhiệm.

9. Tăng cường kiểm tra, giám sát, tổng kết thực tiễn và cải tiến thể chế chính sách liên tục

Thiết lập cơ chế đánh giá định kỳ 6 tháng, 1 năm về chất lượng vận hành mô hình mới; công khai các chỉ số chủ yếu; phát hiện kịp thời nơi làm tốt để nhân rộng và nơi vướng mắc để hỗ trợ. Kiểm tra, giám sát phải hướng tới tháo gỡ hạn chế, vướng mắc, bảo vệ đổi mới đúng đắn, chỉnh sửa thể chế và nâng cao năng lực thực thi. Đồng thời, cần hình thành cơ chế phản hồi chính sách nhanh từ cấp xã lên cấp tỉnh, từ địa phương lên Trung ương.

10. Phát huy vai trò của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong tham mưu chính sách và đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu mô hình mới

Sau một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã chủ động triển khai nghiên cứu khoa học, tham mưu, tư vấn chính sách và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; qua đó cung cấp luận cứ lý luận, thực tiễn phục vụ hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao năng lực vận hành của hệ thống chính trị.

+ *Về nghiên cứu khoa học,* Học viện đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan Trung ương và địa phương tổ chức 05 hội thảo, tọa đàm khoa học lớn, tập trung làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn về mô hình tổng thể và vận hành của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa; đồng thời nghiên cứu nâng cao năng lực thực thi của bộ máy hành chính và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong quá trình đổi mới quản trị quốc gia.

+ *Về tham mưu, tư vấn chính sách,* Học viện đã gửi 07 báo cáo kiến nghị tới Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan Trung ương, tập trung vào vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; cải cách nền công vụ; đổi mới quản trị quốc gia; hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng; cơ chế bố trí lãnh đạo không phải là người địa phương; đánh giá tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị sau một năm vận hành mô hình mới. Các kết quả nghiên cứu đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy.

+ *Về xây dựng, hoàn thiện thể chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,* Học viện đã phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định số 171/2025/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Quyết định số 700-QĐ/TTg về Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu giai đoạn 2026-2031; đồng thời ban hành Kế hoạch số 559-KH/HVCTQG về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở giai đoạn 2026-2031.

+ *Về đào tạo, bồi dưỡng,* Học viện chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức nhiều hội nghị, lớp bồi dưỡng, tập huấn toàn quốc cho cán bộ cấp xã, phường, đặc khu theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến. Nội dung tập trung thống nhất nhận thức, nâng cao năng lực về xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản trị địa phương, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở; đồng thời bồi dưỡng kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

Thời gian tới, Học viện tiếp tục phát huy vai trò trung tâm quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức ở các cấp, các ngành

trong hệ thống chính trị. Trọng tâm là tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở theo Kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương *về giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở*. Theo đó, "Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở (…) Chú trọng bồi dưỡng theo chức danh và theo vấn đề; đào tạo năng lực xử lý tình huống; hỗ trợ tại chỗ giữa cán bộ giàu kinh nghiệm với cán bộ trẻ; học trên thực tiễn của địa phương. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nội dung về phục vụ doanh nghiệp, kinh tế số nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng, quản trị rủi ro xã hội, kỹ năng truyền thông chính sách và phối hợp liên ngành" (Thông báo số 21-TB/VPTW ngày 07/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng).

KẾT LUẬN

Sau một năm vận hành, mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã chứng minh tính đúng đắn, kịp thời và chiến lược của chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước ta. Kết quả nổi bật không chỉ là giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, mà quan trọng hơn là bước chuyển về phương thức lãnh đạo, quản lý và thực thi theo hướng hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Tuy nhiên, đây mới là giai đoạn đầu của một quá trình chuyển đổi lớn. Những khó khăn hiện nay chủ yếu xuất phát từ độ trễ giữa mô hình tổ chức mới với tư duy, thể chế, nguồn lực, dữ liệu và năng lực thực thi. Vì vậy, nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn tới là nâng cao chất lượng vận hành bộ máy, bảo đảm phân quyền đi đôi với năng lực, nguồn lực, dữ liệu và trách nhiệm giải trình.

Thành công của mô hình mới sẽ được đo bằng kết quả cụ thể: bộ máy vận hành thông suốt hơn; quyết định quản lý nhanh hơn; dịch vụ công thuận tiện hơn; chi phí tuân thủ thấp hơn; người dân, doanh nghiệp hài lòng hơn; nhân dân được thụ hưởng nhiều hơn, hạnh phúc hơn; địa phương có năng lực phát triển cao hơn; và quốc gia có nền quản trị hiện đại, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả hơn. Đó là thước đo năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước và năng lực tổ chức thực hiện của cả hệ thống chính trị trong kỷ nguyên phát triển mới.

12. CỤC CHUYỂN ĐỔI SỐ - CƠ YẾU, VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG:

Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng phục vụ vận hành mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp: kết quả bước đầu, khó khăn, vướng mắc và nhiệm vụ trọng tâm

Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 3 cấp, các cơ quan Đảng tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; trong đó chuyển đổi số và phát triển dữ liệu là phương thức quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu này. Sau một năm triển khai, nhiều nền tảng số dùng chung đã được đưa vào vận hành, từng bước đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường điện tử, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành.

Thực tiễn cho thấy, việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 3 cấp không chỉ đặt ra yêu cầu sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy mà còn đòi hỏi phải đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện trên môi trường số. Đồng thời, việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia càng đặt ra yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển dữ liệu và đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Đây vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt, vừa là định hướng lâu dài nhằm xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Với trách nhiệm là cơ quan tham mưu giúp Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức triển khai Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu xin trao đổi một số kết quả bước đầu, những vấn đề đặt ra và một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới.

I. THAY ĐỔI TƯ DUY, ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chuyển đổi số trong khối Đảng là sự đổi mới tổng thể phương thức hoạt động dựa trên dữ liệu, công nghệ, quy trình và năng lực số của con người. Đây không đơn thuần là số hóa văn bản hay xây dựng phần mềm, mà là tái thiết kế cách làm việc để dữ liệu được tạo lập trực tiếp từ dòng công việc, chia sẻ đúng thẩm quyền và phục vụ ra quyết định. Trong mô hình chính quyền 3 cấp tinh gọn, phân cấp mạnh mẽ, phương thức thủ công truyền thống không thể đáp ứng yêu cầu phối hợp đa chiều từ Trung ương đến cấp xã. Do đó, chuyển đổi số và phát triển dữ liệu trở thành nền

tảng quan trọng để bảo đảm hệ thống chính trị vận hành thông suốt, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Thực tiễn triển khai Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng (Đề án 204-QĐ/TW) minh chứng: Công nghệ là công cụ quan trọng; quy trình là nền tảng tổ chức thực hiện; dữ liệu là tài nguyên chiến lược; con người là yếu tố quyết định. Nếu quy trình chưa chuẩn hóa, dữ liệu chưa quản trị theo nguyên tắc "Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung", thì đầu tư công nghệ hiện đại đến đâu cũng khó phát huy hiệu quả. Nhận thức sâu sắc điều đó, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan Đảng ở Trung ương xác định trọng tâm không chỉ là xây dựng hệ thống thông tin, mà là rà soát quy trình nghiệp vụ, tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu dùng chung, hình thành môi trường làm việc số an toàn, từng bước chuyển từ quản lý hồ sơ sang quản trị bằng dữ liệu và điều hành dựa trên dữ liệu. Đây là điều kiện tiên quyết để mô hình chính quyền địa phương 3 cấp vận hành thông suốt, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU MANG TÍNH NỀN TẢNG

Sau hơn một năm triển khai Đề án 204-QĐ/TW gắn với việc vận hành mô hình chính quyền 3 cấp, công tác chuyển đổi số trong khối Đảng đã đạt được những kết quả bước đầu rất cụ thể:

1. Thể chế, quy định và quy trình nghiệp vụ từng bước được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý vững chắc:

Xác định thể chế là điều kiện tiên quyết, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và Văn phòng Trung ương Đảng đã tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản phục vụ triển khai Đề án 204-QĐ/TW. Đến nay, đã ban hành *152 văn bản về chuyển đổi số* trong các cơ quan Đảng, từng bước hình thành khung thể chế số tương đối đầy đủ, bao quát các lĩnh vực trọng yếu như giao dịch điện tử, kết nối và chia sẻ dữ liệu, quản trị dữ liệu, mã định danh và xác thực điện tử, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

Cùng với hoàn thiện thể chế, các cơ quan Trung ương đã rà soát toàn diện, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, từ 156 quy trình nghiệp vụ giai đoạn đầu, tinh gọn còn *111 quy trình nghiệp vụ*, từ đó đã chuẩn hóa *52 quy trình cốt lõi* để số hóa vận hành thống nhất trên các hệ thống dùng chung.

2. Các hệ thống thông tin dùng chung từng bước hình thành môi trường làm việc số đồng bộ và bảo mật:

Đến nay, *16 trong tổng số 26 hệ thống thông tin thuộc Đề án 204* đã hoàn thành và đưa vào sử dụng chính thức.

- *Hệ thống Điều hành tác nghiệp của các cơ quan Đảng* khẳng định vai trò là nền tảng trung tâm, hiện ghi nhận trên *120 nghìn lượt truy cập thường xuyên*, xử lý hơn *7,3 triệu văn bản đi và trên 10,5 triệu văn bản đến*. Đặc biệt, hệ thống đã thông suốt việc gửi, nhận văn bản Mật đến cấp xã và văn bản Tối mật đến cấp tỉnh; đã phát hành *172.826 văn bản mật* và tiếp nhận *133.297 văn bản mật* một cách an toàn và bảo mật.

- *Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương* đã vận hành ổn định, phục vụ theo dõi, giám sát *10 nghị quyết cốt lõi* của Trung ương, với *2.965 nhiệm vụ* được quản lý và *44.187 tài khoản* được cấp cho các cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng. Hệ thống đang tiếp tục được tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo và ra quyết định.

- *Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến,* mặc dù mới đưa vào sử dụng nhưng đã phục vụ *11.114 cuộc họp*, từng bước hình thành phương thức họp, xử lý công việc trên môi trường số, góp phần giảm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan.

3. Dữ liệu số và các nền tảng phục vụ công tác xây dựng Đảng và đảng viên phát triển rõ nét:

- Cơ sở dữ liệu đảng viên đã cập nhật thông tin cơ bản của hơn *5,3 triệu đảng viên*. Trên nền tảng đó, Hệ thống Sổ tay đảng viên điện tử hiện quản lý trên *5,2 triệu tài khoản*, có hơn *4 triệu đảng viên đăng nhập sử dụng, đạt tỷ lệ 75,8%.* Hệ thống đã phục vụ hơn *760 nghìn lượt sinh hoạt*, đăng tải gần *45 nghìn văn kiện, tài liệu* và tiếp nhận hơn *633 nghìn ý kiến góp ý* của đảng viên, tạo ra môi trường tương tác hai chiều hiện đại.

- Đối với việc triển khai *04 thủ tục hành chính của Đảng* trên môi trường điện tử, bước đầu mang lại hiệu quả lớn. Riêng thủ tục thu, nộp đảng phí đã tiếp nhận hơn *4,467 triệu hồ sơ*, tổng số tiền thu khoảng *265 tỷ đồng, đạt khoảng 86%*; ba thủ tục còn lại đã phát sinh gần *15 nghìn hồ sơ.*

4. Hạ tầng số, Trung tâm dữ liệu và an toàn thông tin được củng cố vững chắc:

Trung tâm dữ liệu của các cơ quan Đảng đã hoàn thành đầu tư, tích hợp đồng bộ các nền tảng điện toán đám mây, lưu trữ và giám sát vận hành. Công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu được duy trì cơ chế *giám sát, cảnh báo 24/7* với sự phối hợp chặt chẽ của Bộ Công an và Ban Cơ yếu Chính phủ. Việc đầu tư trang thiết bị đầu cuối cũng được triển khai theo lộ trình, từng bước bảo đảm mỗi cán bộ có đủ điều kiện làm việc trên môi trường số.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ BẤT CẬP ĐẶT RA

Bên cạnh những kết quả tích cực, thực tiễn một năm vận hành mô hình chính quyền 3 cấp cũng chỉ ra những khó khăn, vướng mắc lớn cần tập trung tháo gỡ:

1. Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ chưa đi trước một bước:

Mặc dù nhiều quy trình cốt lõi đã được chuẩn hóa, song ở một số lĩnh vực quy trình nghiệp vụ vẫn đang tiếp tục phải điều chỉnh, chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu đổi mới phương thức làm việc trên môi trường số. Nếu tiếp tục số hóa nguyên trạng các quy trình hiện hành mà không tái cấu trúc, tinh gọn theo mô hình tổ chức mới thì chuyển đổi số sẽ chỉ dừng ở việc tin học hóa quy trình cũ, chưa phát huy được sức mạnh của công nghệ số, dữ liệu số và các nền tảng số trong nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy.

2. Việc tạo lập dữ liệu số chuyên ngành còn chậm, chưa đồng bộ:

Việc số hóa ở nhiều nơi vẫn chủ yếu dừng ở tư duy hành chính cũ: chuyển đổi tài liệu giấy sang tài liệu điện tử (quét file PDF để lưu trữ), chưa tạo ra các trường dữ liệu sạch, có cấu trúc để phục vụ quản lý, phân tích và hỗ trợ ra quyết định. Ngoại trừ hồ sơ đảng viên và hồ sơ cán bộ đã xác định được danh mục hồ sơ cần số hóa và dữ liệu cần tạo lập, nhiều hệ thống chuyên ngành khác của các ban Đảng vẫn chưa xác định đầy đủ cấu trúc dữ liệu, danh mục dữ liệu cần tạo lập và lộ trình xây dựng cơ sở dữ liệu để triển khai nghiệp vụ trên môi trường số.

3. Vai trò của cơ quan chủ trì nghiệp vụ chưa được phát huy đầy đủ:

Trong một số lĩnh vực, việc xác định yêu cầu nghiệp vụ, chuẩn hóa dữ liệu, kiểm thử phần mềm vẫn còn phụ thuộc nhiều vào đơn vị kỹ thuật công nghệ. Điều này cho thấy vai trò dẫn dắt của cơ quan chủ trì nghiệp vụ trong quá trình chuyển đổi số chưa được phát huy đầy đủ, ảnh hưởng đến chất lượng thiết kế hệ thống, tiến độ triển khai và khả năng đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

4. Áp lực về hạ tầng và năng lực số ở cấp cơ sở:

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền 3 cấp, khối lượng công việc và trách nhiệm dồn xuống cấp xã là rất lớn. Tuy nhiên, trình độ kỹ năng số của cán bộ cấp xã, điều kiện trang thiết bị và lực lượng hỗ trợ kỹ thuật tại cấp cơ sở còn rất thiếu và không đồng đều.

IV. BỐN NHÓM NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Để chuyển đổi số thực sự trở thành động lực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp, thời gian tới cần tập trung triển khai quyết liệt 4 nhóm nhiệm vụ trọng tâm; bảo đảm phân công "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả", gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện từng nhiệm vụ.

Thứ nhất: Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và chuẩn hóa dữ liệu

Nội dung thực hiện:

- Rà soát, tinh gọn, chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ công tác Đảng phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới và yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; bảo đảm các quy trình được chuẩn hóa trước khi số hóa và triển khai trên môi trường số; kiên quyết không số hóa nguyên trạng các quy trình thủ công, chồng chéo, rườm rà mà phải tái cấu trúc, đơn giản hóa trước khi triển khai trên môi trường số.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ phải số hóa tại nguồn. Xác định rõ danh mục các trường dữ liệu, phân loại dữ liệu dùng chung theo quy định, dữ liệu chia sẻ nội bộ và dữ liệu thuộc phạm vi bí mật; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, đồng thời tạo điều kiện cho việc chia sẻ, khai thác dữ liệu theo đúng thẩm quyền.

Cơ quan chủ trì: Các cơ quan Đảng ở Trung ương chủ trì từng lĩnh vực nghiệp vụ.

Cơ quan phối hợp: Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) và các đơn vị triển khai Đề án 204-QĐ/TW.

Sản phẩm đầu ra: Bộ quy trình nghiệp vụ chuẩn; Bộ tiêu chuẩn về thành phần hồ sơ số hóa và danh mục trường dữ liệu dùng chung áp dụng toàn quốc.

Thời hạn hoàn thành: Theo lộ trình Kế hoạch số 17-KH/BCĐ, Kế hoạch số 23-KH/VPTW.

Thứ hai: Đẩy nhanh tiến độ tạo lập và quản trị kho dữ liệu số chuyên ngành

Nội dung thực hiện:

- Chuyển đổi từ tư duy "số hóa tài liệu" sang tư duy "tạo lập dữ liệu ngay trong quá trình xử lý công việc". Dữ liệu có cấu trúc phải được tạo lập ngay từ khi phát sinh, cập nhật kịp thời trong suốt quá trình xử lý và quản lý thống nhất trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Xây dựng, quản trị dữ liệu theo nguyên tắc "Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung"; bảo đảm dữ liệu được cập nhật, làm giàu thường xuyên trong quá trình xử lý công việc hằng ngày, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và hỗ trợ ra quyết định.

Cơ quan chủ trì: Các cơ quan Đảng ở Trung ương chủ trì nghiệp vụ từng hệ thống, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống và Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, các đơn vị triển khai Đề án 204-QĐ/TW.

Sản phẩm đầu ra: Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khối Đảng được làm sạch, cấp nhật thường xuyên; Quy định về quản lý, kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành.

Thời hạn hoàn thành: Theo lộ trình, cơ bản xong trước ngày 31/12/2026.

Thứ ba: Hoàn thiện và đưa vào vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin chuyên ngành

Nội dung thực hiện:

- Hoàn thiện yêu cầu nghiệp vụ dựa trên quy trình đã chuẩn hóa, tiến hành kiểm thử, nghiệm thu bài bản. Cơ quan chủ trì nghiệp vụ chịu trách nhiệm chính trong việc góp ý hoàn thiện và đánh giá chất lượng phần mềm, khắc phục tình trạng phụ thuộc vào đơn vị kỹ thuật.

- Triển khai liên thông đồng bộ từ Trung ương đến cấp xã; mở các đợt cao điểm hướng dẫn khai thác, xử lý dứt điểm các lỗi phát sinh nhằm bảo đảm hệ thống vận hành mượt mà, an toàn tuyệt đối.

Cơ quan chủ trì: Các cơ quan Đảng ở Trung ương chủ trì nghiệp vụ.

Cơ quan phối hợp: Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu), các đơn vị triển khai Đề án 204-QĐ/TW.

Sản phẩm đầu ra: Hệ thống thông tin chuyên ngành đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ; Ban hành kèm Quy chế khai thác, sử dụng và tài liệu hướng dẫn sử dụng chi tiết.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành toàn bộ trong giai đoạn 2026 - 2027.

Thứ tư: Hoàn thiện cơ chế quản trị, đánh giá thực chất và nâng cao năng lực cấp cơ sở

Nội dung thực hiện:

Xây dựng thước đo thực chất: Ban hành bộ tiêu chí đánh giá kết quả chuyển đổi số khối Đảng, lấy mức độ chuẩn hóa quy trình, độ sạch - sống của dữ liệu và hiệu quả xử lý công việc thực tế làm thước đo cốt lõi; trong đó hiệu quả khai thác dữ liệu và kết quả xử lý công việc là tiêu chí đánh giá chủ yếu.

Phát huy 5 vai trò của người đứng đầu: Người đứng đầu là nhân tố quyết định thành công của chuyển đổi số; do đó cần phát huy đầy đủ 5 vai trò: *Định hướng chiến lược*; *Chỉ đạo hoàn thiện thể chế, quy trình*; *Thúc đẩy tạo lập dữ liệu số*; *Gương mẫu khai thác ứng dụng* trong điều hành; và *Kiểm tra, giám sát* để uốn nắn các đơn vị trì trệ.

Tháo gỡ điểm nghẽn tại cấp xã: Các tỉnh ủy, thành ủy cần tăng cường chỉ đạo khai thác hiệu quả các nền tảng dùng chung; ưu tiên nguồn lực nâng cấp trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số ở cấp xã; tổ chức tập huấn kỹ năng số theo hướng "cầm tay chỉ việc", thực chất và phù hợp với điều kiện cơ sở. Đồng thời, cần tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa và mở rộng cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông an toàn giữa các nền tảng số của khối Đảng và khối chính quyền, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong toàn hệ thống; trước mắt ưu tiên đối với các thủ tục hành chính liên quan đến đảng viên, cán bộ, công chức; đẩy mạnh tích hợp hệ thống, giảm việc nhập liệu trùng lặp và hạn chế tình trạng cán bộ cấp cơ sở phải vận hành nhiều phần mềm độc lập.

Cơ quan chủ trì: Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì tham mưu).

Cơ quan phối hợp: Các ban cơ quan đảng ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Sản phẩm đầu ra: Bộ chỉ số và quy định đánh giá kết quả chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; báo cáo đánh giá định kỳ và kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm.

Thời gian thực hiện: Triển khai ngay từ năm 2026; thường xuyên theo dõi, đánh giá trong quá trình thực hiện và tiếp tục duy trì trong các năm tiếp theo.

Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nêu trên cần được theo dõi, kiểm tra, giám sát thường xuyên trên cơ sở kết quả, sản phẩm đầu ra và dữ liệu vận hành thực tế; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ, đúng yêu cầu và phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

V. KẾT LUẬN

Sau hơn một năm triển khai Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và một năm triển khai mô hình chính quyền 3 cấp, chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng đã đạt được những kết quả bước đầu mang tính nền móng quan trọng, khẳng định chủ trương của Trung ương về đẩy mạnh chuyển đổi số trong khối Đảng là hoàn toàn đúng đắn, đáp ứng kịp thời yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Trọng tâm giai đoạn tới không phải là phát triển thêm nhiều hệ thống công nghệ, mà là hoàn thiện thể chế số, quản trị dữ liệu, khai thác hiệu quả các nền tảng dùng chung và đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên môi trường số.

Văn phòng Trung ương Đảng, trực tiếp là Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, tập trung phối hợp với các cơ quan Đảng ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan để tạo lập, quản trị và khai thác dữ liệu, hoàn thiện các ứng dụng, bảo đảm hạ tầng và an toàn thông tin, qua đó đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phục vụ vận hành thông suốt bộ máy chính quyền địa phương 3 cấp.

13. BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HÀ NỘI:

Báo cáo tham luận tại Hội nghị sơ kết 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp

Từ thực tiễn của Hà Nội - là Thủ đô, trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, đô thị đặc biệt với quy mô dân số gần 9 triệu người, số lượng tổ chức đảng, đảng viên lớn, không gian phát triển rộng, tốc độ đô thị hóa nhanh, yêu cầu quản trị ngày càng cao - chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng:

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng mô hình chính quyền mới không đơn thuần là thay đổi về cơ cấu tổ chức, mà là một bước chuyển quan trọng trong tư duy phát triển và phương thức quản trị quốc gia.

Đối với Hà Nội, đây vừa là nhiệm vụ chính trị trọng yếu, vừa là trách nhiệm đặc biệt của Thủ đô: phải đi trước một bước, làm trước, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ để Trung ương hoàn thiện chủ trương, chính sách.

Qua một năm vận hành, thực tiễn Hà Nội bước đầu khẳng định: mô hình mới là phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; giá trị lớn nhất không chỉ ở việc tinh gọn đầu mối, mà ở sự thay đổi căn bản phương thức lãnh đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân.

Từ mô hình quản lý hành chính nhiều tầng nấc chuyển sang mô hình quản trị trực tiếp hơn; từ điều hành chủ yếu bằng văn bản sang điều hành bằng dữ liệu; từ chính quyền quản lý sang chính quyền phục vụ, kiến tạo phát triển.

Sau hơn một năm triển khai, thực tiễn Hà Nội cho thấy giá trị lớn nhất của mô hình mới không nằm ở việc giảm bao nhiêu đầu mối, mà ở việc tạo ra một phương thức vận hành mới của hệ thống chính trị: **Đảng lãnh đạo trực tiếp, xuyên suốt hơn; chính quyền gần dân hơn; việc phân cấp, ủy quyền thực chất hơn; quản trị dựa nhiều hơn vào dữ liệu, công nghệ và kết quả đầu ra.**

Trước hết, Hà Nội đã chuyển mạnh từ tư duy "sắp xếp tổ chức bộ máy" sang tư duy "đổi mới mô hình quản trị".

Hà Nội đã chủ động, quyết liệt thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã từ 526 xã, phường, thị trấn xuống còn 126 xã, phường; **tỷ lệ 76,05%,** thuộc nhóm địa phương có mức độ sắp xếp lớn nhất cả nước.

Điểm khác biệt của Hà Nội là việc sắp xếp không chỉ theo địa giới hành chính, mà gắn với yêu cầu tổ chức lại không gian phát triển, nâng cao năng lực quản trị đô thị và phát huy lợi thế từng khu vực. Quá trình triển khai được thực hiện đồng bộ, khoa học, không làm gián đoạn hoạt động của hệ thống chính trị; không để xảy ra khoảng trống trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý; bảo đảm giải quyết đầy đủ công việc của người dân và doanh nghiệp. Sau sắp xếp, Hà Nội đã kiện toàn đồng bộ tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại 126 xã, phường đảm bảo ổn định, hoạt động thông suốt.

Điều quan trọng hơn, cấp xã đã chuyển từ vị trí chủ yếu là nơi thực hiện nhiệm vụ sang trở thành trung tâm tổ chức thực hiện, trực tiếp giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở.

Thực tiễn cho thấy, khi địa bàn lãnh đạo của Đảng và địa bàn quản lý hành chính được thống nhất hơn, sự chỉ đạo từ Thành phố xuống cơ sở nhanh hơn, rõ trách nhiệm hơn, hiệu quả hơn.

Thứ hai, Hà Nội coi phân cấp, ủy quyền là khâu đột phá để mô hình mới phát huy hiệu quả.

Hà Nội xác định rõ: phân cấp, phân quyền không phải là chuyển việc xuống cấp dưới, mà là phân bổ lại quyền lực hợp lý hơn; cấp nào gần dân hơn, hiểu dân hơn, giải quyết tốt hơn thì giao quyền mạnh hơn. Quan điểm của Thành phố là: "Giao nhiệm vụ phải đi đôi với giao quyền; giao quyền phải gắn với nguồn lực; có quyền phải có trách nhiệm; phân cấp phải đi cùng kiểm soát quyền lực".

Đến nay, Thành phố đã thực hiện phân cấp, ủy quyền **2.381 nhiệm vụ**; trong đó Thành phố thực hiện 1.311 nhiệm vụ, cấp xã thực hiện 1.070 nhiệm vụ. Chỉ còn 181 nhiệm vụ phải xin ý kiến cấp trên, chiếm 7,6%, chủ yếu thuộc lĩnh vực nhạy cảm, quan trọng như cán bộ, đầu tư công, đất đai, quy hoạch. Đây là bước chuyển quan trọng từ tư duy "xin - cho" sang tư duy "phân công - chịu trách nhiệm".

Trong lĩnh vực thủ tục hành chính, Hà Nội đã công khai 100% thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết; triển khai **hơn 2.000 thủ tục** trên môi trường điện tử; ủy quyền **644** thủ tục hành chính cho các cơ quan trực tiếp giải quyết. Thành phố đã giải quyết khoảng **2,4 triệu** hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ đúng hạn đạt mức rất cao; chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp được cải thiện rõ rệt. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính của Hà Nội đạt **96,9 điểm**, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Thứ ba, Hà Nội xác định chuyển đổi số và dữ liệu số là nền tảng để đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành.

Đối với một đô thị lớn như Hà Nội, nếu chỉ quản lý bằng phương thức truyền thống sẽ không thể đáp ứng yêu cầu phát triển. Vì vậy, Thành phố đã triển khai đồng bộ các nền tảng số trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; từng bước chuyển từ điều hành bằng văn bản sang điều hành bằng dữ liệu, từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại.

Các nền tảng như không gian làm việc số, hệ thống giám sát nhiệm vụ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã giúp người đứng đầu theo dõi công việc theo thời gian thực, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả thực thi. Hà Nội đã triển khai đồng bộ không gian làm việc số HanoiWork, nền tảng tương tác số iHanoi, hệ thống theo dõi nhiệm vụ, các cơ sở dữ liệu dùng chung và các nền tảng phục vụ điều hành thông minh.

Đến nay, Thành phố đã số hóa trên **24 triệu** trang tài liệu tại cấp xã; hoàn thiện hơn **9,3 triệu** hồ sơ sức khỏe điện tử, đạt khoảng **99% dân số**; số hóa trên **3,2 triệu** thửa đất; cập nhật dữ liệu hơn **543 nghìn** tài sản công; định danh **100% học sinh**, cập nhật dữ liệu của trên **98% hồ sơ đảng viên**, trên **128 nghìn hồ sơ** cán bộ, công chức, viên chức; triển khai đánh giá cán bộ theo OKR/KPI dựa trên dữ liệu, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đây không chỉ là kết quả ứng dụng công nghệ, mà là sự thay đổi căn bản trong phương thức lãnh đạo, điều hành.

Từ chỗ lãnh đạo dựa vào báo cáo, chuyển sang lãnh đạo dựa trên dữ liệu; từ phản ứng với tình huống sang chủ động dự báo, điều hành.

Thứ tư, hiệu quả của mô hình mới được đo bằng chất lượng phục vụ người dân và năng lực kiến tạo phát triển.

Hà Nội xác định mục tiêu cuối cùng của cải cách tổ chức bộ máy không phải chỉ là tinh gọn về mặt cơ học, mà là xây dựng chính quyền phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Kết quả khảo sát độc lập cho thấy tỷ lệ người dân hài lòng và rất hài lòng với mô hình mới **đạt 98,95%.** Điều này cho thấy khi tổ chức bộ máy hợp lý hơn, trách nhiệm rõ hơn, quy trình minh bạch hơn thì niềm tin xã hội được củng cố. Đồng thời, mô hình mới cũng góp phần tạo môi trường thuận lợi hơn cho phát triển, nhiều vấn đề tồn tại nhiều năm đã được giải quyết, đặc biệt là trong giải phóng mặt bằng, khắc phục 05 tồn tại hạn chế về úng ngập, ùn tắc giao thông, trật tự đô thị, ô nhiễm môi trường và an toàn thực phẩm; Thành phố đã khởi công nhiều dự án với quy mô đầu tư rất lớn hàng triệu tỷ đồng như khu đô thị thể thao Olympic, 07 cầu vượt sông

Hồng, tuyến đường vành đai 2,5, các khu đô thị đa mục tiêu, 5 tuyến đường sắt đô thị và 3 dự án nhà ở cho thuê trên địa bàn Thủ đô....

Trong 6 tháng đầu năm 2026, kinh tế Thủ đô tiếp tục duy trì đà tăng trưởng; GRDP quý I tăng **7,87%,** Quý II/2026, **ước tăng 8,5%**; thu ngân sách đạt khoảng **410 nghìn tỷ đồng**; thu hút FDI đạt khoảng **3,2 tỷ USD**; giải ngân đầu tư công đạt kết quả tích cực.

Những kết quả đó cho thấy cải cách tổ chức bộ máy không tách rời phát triển kinh tế - xã hội, mà chính là một động lực phát triển.

Qua thực tiễn triển khai, Hà Nội rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng:

Một là, đổi mới tổ chức bộ máy phải đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp và thống nhất của Đảng; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu có ý nghĩa quyết định.

Hai là, không thể chỉ sắp xếp tổ chức mà phải đồng thời đổi mới thể chế, phân cấp, phân quyền, phương thức điều hành và cơ chế kiểm soát.

Ba là, chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ mà là cuộc đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị của cả hệ thống chính trị.

Bốn là, cán bộ vẫn là yếu tố quyết định. Mô hình mới đòi hỏi đội ngũ cán bộ có tư duy đổi mới, năng lực quản trị hiện đại, tinh thần trách nhiệm và khả năng tổ chức thực hiện.

Bên cạnh kết quả đạt được, Hà Nội cũng nhận thấy còn một số vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện, nhất là về đồng bộ thể chế; cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp với quy mô, đặc điểm từng địa bàn; nâng cao năng lực thực thi ở cơ sở; xây dựng hệ sinh thái dữ liệu thống nhất và tiếp tục đổi mới công tác cán bộ.

Từ thực tiễn Thủ đô, chúng tôi đề nghị Trung ương tiếp tục quan tâm hoàn thiện thể chế về tổ chức chính quyền địa phương, phân cấp, phân quyền; có cơ chế phù hợp đối với các đô thị đặc biệt; hoàn thiện chính sách về biên chế, nguồn lực, dữ liệu số và đội ngũ cán bộ để mô hình mới vận hành ổn định, bền vững hơn.

Với trách nhiệm của Thủ đô, Hà Nội xác định sẽ tiếp tục là địa phương tiên phong trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới quản trị chính quyền và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Hà Nội không chỉ thực hiện mô hình mới cho riêng mình, mà còn có trách nhiệm cung cấp thực tiễn, mô hình, kinh nghiệm để Trung ương tiếp tục hoàn thiện lý luận, thể chế và phương thức tổ chức hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

Thành phố cam kết tiếp tục xây dựng một hệ thống chính trị tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại; một chính quyền kiến tạo phát triển, gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân; góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới.

14. BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH:

Đổi mới tổ chức bộ máy gắn với đổi mới phương thức quản trị - Thực tiễn vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 321-QĐ/TW về việc thành lập Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, Đảng bộ tỉnh Bình Dương và Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp chính thức được triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Sau sắp xếp, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích hơn 6.772 km², quy mô dân số trên 14 triệu người, gồm 168 đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường và đặc khu), với địa bàn rộng lớn, đa dạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, bao gồm khu vực đô thị, nông thôn, công nghiệp, cảng biển và hải đảo. Đảng bộ Thành phố hiện có 173 tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy, 2.455 tổ chức cơ sở đảng (975 đảng bộ cơ sở và 1.480 chi bộ cơ sở) với trên 390.000 đảng viên.

Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp được thực hiện trong điều kiện đặc thù của một siêu đô thị, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ lớn nhất cả nước, với quy mô dân số rất lớn, phạm vi quản lý rộng, trình độ phát triển không đồng đều giữa các địa bàn và khối lượng công việc hành chính phát sinh rất cao. Thành phố hiện tiếp nhận, giải quyết trên 20% tổng số hồ sơ thủ tục hành chính của cả nước, trong khi dân số chỉ chiếm khoảng 10% dân số toàn quốc. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi mô hình diễn ra trong thời gian ngắn; nhiều cơ chế, chính sách mới được ban hành và triển khai đồng thời, đòi hỏi vừa tổ chức vận hành bộ máy mới, vừa tiếp tục hoàn thiện thể chế, quy trình và kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

Tuy nhiên, với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan Trung ương; cùng với sự đoàn kết, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân, sau 1 năm vận hành, mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản ổn định, hoạt động thông suốt, bảo đảm tính liên tục trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành. Hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị từng bước được nâng cao; công tác phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh; chất lượng

phục vụ người dân, doanh nghiệp tiếp tục được cải thiện, tạo nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong giai đoạn mới.

1. Kết quả đạt được

Sau 1 năm triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, thực tiễn vận hành tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy nhiều kết quả tích cực, bước đầu khẳng định tính đúng đắn của chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả, cụ thể:

Thứ nhất, bộ máy mới hoạt động tốt hơn, tinh gọn hơn, giảm tầng nấc trung gian và tăng cường tính chủ động của cơ sở, việc bỏ cấp chính quyền trung gian đã góp phần giảm đáng kể tầng nấc quản lý, rút ngắn khoảng cách từ cấp Thành phố đến cơ sở, giúp các chủ trương, chính sách được triển khai nhanh chóng, trực tiếp và thống nhất hơn. Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở nhanh hơn, rõ trách nhiệm hơn và hạn chế tình trạng phải xin ý kiến qua nhiều tầng nấc. Nhờ đó, nhiều chủ trương, chính sách của Trung ương được triển khai kịp thời đến xã, phường, đặc khu; các khó khăn, vướng mắc phát sinh từ cơ sở cũng được phản ánh nhanh hơn về cấp Thành phố để xem xét, tháo gỡ.

Bộ máy mới được kiện toàn theo hướng giảm đầu mối, giảm khâu trung gian nhưng vẫn bảo đảm tính liên thông, đồng bộ giữa các thành tố trong hệ thống chính trị. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy được tăng cường; chính quyền cấp xã được xác định rõ hơn là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ công và giải quyết các vấn đề phát sinh hằng ngày của người dân, doanh nghiệp. Mối quan hệ phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở ngày càng chặt chẽ, thực chất hơn, nhất là trong nắm tình hình Nhân dân, tuyên truyền vận động, giám sát, phản biện xã hội và tham gia giải quyết các vấn đề từ cơ sở.

Tính chủ động của cấp xã được nâng lên rõ hơn thông qua việc được giao nhiều nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm trực tiếp hơn trong quản lý địa bàn. Chính quyền cơ sở không chỉ là cấp tiếp nhận, chuyển tải chủ trương từ cấp trên mà từng bước trở thành cấp chủ động điều hành, xử lý công việc tại chỗ, nhất là trong các lĩnh vực gần dân, sát dân như thủ tục hành chính, quản lý đô thị, đất đai, xây dựng, an sinh xã hội, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp. Nhờ đó, nhiều hồ sơ, thủ tục của người dân và doanh nghiệp được tiếp nhận, xử lý nhanh hơn, kịp thời hơn, giảm thời gian chờ đợi, giảm chi phí đi lại và hạn chế tình trạng hồ sơ phải chuyển qua nhiều cấp, nhiều đầu mối.

Đối với doanh nghiệp và nhà đầu tư, bộ máy tinh gọn, thẩm quyền rõ hơn và quy trình xử lý công việc thông suốt hơn đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

của Thành phố. Việc giải quyết nhanh hơn các thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, đăng ký kinh doanh, cấp phép và hỗ trợ doanh nghiệp tạo điều kiện để các dự án được triển khai thuận lợi hơn, giảm điểm nghẽn trong quá trình chuẩn bị và thực hiện đầu tư. Qua đó, mô hình mới không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp mà còn góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư, tăng sức hấp dẫn của Thành phố Hồ Chí Minh trong thu hút nguồn lực phát triển.

Thứ hai, bộ máy vận hành thông suốt và linh hoạt hơn và thích ứng nhanh hơn với yêu cầu quản trị hiện đại. Sau 1 năm triển khai, hoạt động của hệ thống chính trị cơ bản được duy trì liên tục, không để xảy ra gián đoạn trong giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp. Các khó khăn phát sinh trong giai đoạn đầu chuyển đổi từng bước được tháo gỡ thông qua cơ chế điều hành linh hoạt theo phương châm "vừa làm, vừa hoàn thiện; vừa vận hành, vừa đánh giá, điều chỉnh".

Chuyển đổi số được xác định là trụ cột quan trọng trong vận hành bộ máy mới, Thành phố đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành; 100% văn bản chỉ đạo, điều hành được xử lý trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); triển khai đồng bộ các nền tảng điều hành số, họp trực tuyến, theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ và tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; vận hành hệ thống tiếp nhận phản ánh 1022 đã giúp nâng cao đáng kể năng lực điều hành của chính quyền các cấp.

Thứ ba, quyền hạn giữa các cấp đã được phân định rõ ràng hơn, theo hướng trao quyền thực chất cho cơ sở. Thành phố thực hiện phân cấp, ủy quyền 1.008 nhiệm vụ, gồm 900 nhiệm vụ của các sở, ngành và 108 nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cho chính quyền cấp xã; tiếp tục rà soát để phân cấp, ủy quyền thêm khoảng 410 nhiệm vụ trên 09 lĩnh vực. Thực hiện giao quyền đi đôi với giao trách nhiệm và bảo đảm điều kiện, nguồn lực thực thi; góp phần nâng cao tính chủ động của chính quyền cơ sở, giảm tầng nấc trung gian, rút ngắn thời gian giải quyết công việc và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thứ tư, trách nhiệm của từng cấp, từng cá nhân ngày càng được cụ thể hóa trên cơ sở thực hiện nguyên tắc "06 rõ: *rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền*", đã góp phần nâng cao trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị. Việc giảm một cấp chính quyền trung gian tạo điều kiện để các chủ trương của Thành ủy được triển khai trực tiếp hơn đến cơ sở, đồng thời phát huy rõ hơn vai trò, trách nhiệm của từng cấp, từng cá nhân trong lãnh đạo, thực thi nhiệm vụ chính trị. Phương thức lãnh đạo tiếp tục được đổi mới theo hướng tăng cường phân cấp, giao quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; công tác kiểm tra, giám

sát từng bước chuyển từ kiểm tra việc chấp hành sang giám sát quá trình vận hành của bộ máy, kịp thời phát hiện những vướng mắc để kiến nghị hoàn thiện cơ chế.

Trong bối cảnh triển khai cuộc cải cách tổ chức bộ máy có quy mô lớn, phạm vi tác động rộng và tính chất đặc biệt phức tạp, Thành phố đã thể hiện rõ quyết tâm trong tổ chức thực hiện, xây dựng cơ chế điều hành tập trung, phân công rõ trách nhiệm, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ; đồng thời thành lập các tổ công tác trực tiếp theo dõi, kiểm tra, giám sát, tháo gỡ khó khăn trong quá trình vận hành mô hình tại cơ sở. Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước thích ứng với yêu cầu của mô hình mới; chủ động hơn trong xử lý công việc, chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy quản trị, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số, tinh thần trách nhiệm và chất lượng phục vụ Nhân dân.

Thứ năm, nhiều kết quả đạt được đã khẳng định chất lượng dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, chuyển mạnh từ nền hành chính quản lý sang nền hành chính phục vụ. Với đặc thù là đô thị lớn nhất cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh hiện tiếp nhận và giải quyết trên 20% tổng số hồ sơ thủ tục hành chính của cả nước; nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp, Thành phố đã cung cấp trên 2.170 dịch vụ công trực tuyến; hơn 93% thủ tục hành chính có thể thực hiện trên môi trường điện tử; tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt trên 99,5%; hồ sơ trực tuyến đạt trên 88%; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt trên 96%. Hệ thống phản ánh 1022 với tỷ lệ xử lý đạt gần 99% đã từng bước xây dựng chính quyền phản hồi nhanh, nâng cao trách nhiệm giải trình và tăng cường tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp.

Thứ sáu, mô hình mới bước đầu tạo ra động lực phát triển mới, cấp xã trở thành trung tâm điều hành, quản trị và cung cấp dịch vụ công trực tiếp cho người dân, trên cơ sở được Thành phố trao quyền nhiều hơn, được bổ sung nguồn lực, tăng cường cán bộ chuyên môn, tiếp cận các nền tảng số dùng chung đã giúp chính quyền cấp xã nâng cao tính tự chủ và năng lực xử lý công việc ngay tại địa bàn; khoảng cách giữa chính quyền với người dân được rút ngắn; nhiều công việc được giải quyết trực tiếp tại cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

Mô hình mới cũng tạo ra không gian phát triển rộng lớn hơn cho Thành phố Hồ Chí Minh sau hợp nhất, phát huy lợi thế về quy mô thị trường, kết nối hạ tầng, chuỗi cung ứng, thu hút đầu tư và nâng cao vị thế cạnh tranh quốc tế. Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, giải ngân đầu tư công, thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển hạ tầng tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, tạo cơ sở để Thành phố hướng tới mục tiêu tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn tới.

Tổng thể sau 1 năm vận hành, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh nâng cao hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính

trị; tạo chuyển biến tích cực trong quản trị đô thị, cải cách hành chính và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; đồng thời mở ra động lực phát triển mới cho Thành phố trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

2. Về hạn chế, vướng mắc

Nhìn chung, những khó khăn, vướng mắc phát sinh chủ yếu mang tính chất chuyển tiếp trong quá trình đổi mới mô hình tổ chức bộ máy. Các vấn đề này không làm ảnh hưởng đến sự ổn định, thông suốt của hệ thống chính trị, nhưng cho thấy yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế phân cấp, phân quyền, đầu tư hạ tầng số và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhằm phát huy đầy đủ hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trong giai đoạn phát triển mới.

Áp lực về nguồn nhân lực và định mức biên chế tại cơ sở

Qua thực tiễn vận hành cho thấy đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm bộ máy hoạt động ổn định, liên tục, không làm gián đoạn việc phục vụ người dân và doanh nghiệp. Phần lớn cán bộ đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, chủ động thích ứng với mô hình tổ chức mới và khối lượng công việc gia tăng sau khi thực hiện sắp xếp bộ máy. Tuy nhiên, đặc điểm của Thành phố Hồ Chí Minh là sự chênh lệch rất lớn giữa các địa bàn về diện tích, dân số và mức độ phát triển đô thị. Nhiều xã, phường có quy mô dân số đặc biệt lớn, tương đương hoặc vượt quy mô dân số của một quận, huyện trước đây. Điển hình như phường Chánh Hưng quản lý trên 280.000 dân; xã Đông Thạnh trên 271.000 dân; xã Bà Điểm trên 262.000 dân; phường Dĩ An trên 259.000 dân; xã Tân Vĩnh Lộc trên 256.000 dân. Các địa bàn này vừa phải giải quyết khối lượng lớn thủ tục hành chính, vừa đảm nhiệm các nhiệm vụ quản lý đô thị, đất đai, xây dựng, an sinh xã hội và chuyển đổi số trong điều kiện tốc độ đô thị hóa cao.

Trong khi đó, việc bố trí biên chế hiện nay được thực hiện theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa cao gắn với vị trí việc làm. Đây là chủ trương đúng, góp phần nâng cao chất lượng thực thi công vụ. Tuy nhiên, ở nhiều lĩnh vực chuyên môn sâu chỉ bố trí một cán bộ phụ trách chính, chưa hình thành được đội ngũ kế cận hoặc thay thế. Khi phát sinh biến động về nhân sự hoặc yêu cầu nhiệm vụ đột xuất, việc duy trì tính liên tục và ổn định của công việc gặp không ít khó khăn.

Thực tiễn cho thấy áp lực công việc tại cấp xã tăng đáng kể sau khi thực hiện mô hình mới, trong khi khung biên chế hiện hành chưa phản ánh đầy đủ đặc thù của đô thị đặc biệt có quy mô dân số lớn như Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện trong thời gian tới thông qua việc điều chỉnh cơ chế quản lý biên chế, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số nhằm hỗ trợ cán bộ thực hiện nhiệm vụ.

Cơ sở dữ liệu và tính liên thông của các hệ thống thông tin

Thành phố xác định chuyển đổi số là một trong những nền tảng quan trọng để vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đến nay, công tác số hóa hồ sơ, tài liệu đã đạt nhiều kết quả tích cực, với tỷ lệ số hóa đạt trên 93%. Tuy nhiên, quá trình triển khai cũng cho thấy một số hạn chế liên quan đến tính liên thông và đồng bộ của các hệ thống thông tin. Hiện nay, cán bộ cấp xã phải sử dụng đồng thời nhiều hệ thống phần mềm khác nhau do các bộ, ngành Trung ương và địa phương quản lý. Các hệ thống này chưa được kết nối, chia sẻ dữ liệu đầy đủ, dẫn đến tình trạng cùng một thông tin phải nhập nhiều lần trên nhiều nền tảng khác nhau, làm gia tăng khối lượng công việc hành chính và ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý hồ sơ điện tử. Bên cạnh đó, một số hệ thống chuyên ngành của Trung ương còn phát sinh lỗi kỹ thuật trong quá trình vận hành như mất đồng bộ dữ liệu, lỗi chữ ký số, sai khác biểu mẫu điện tử hoặc chậm cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ. Những tồn tại này ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và việc khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Thực tiễn trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện kiến trúc tổng thể các hệ thống thông tin; đẩy mạnh kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu giữa Trung ương và địa phương; từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu thống nhất phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Về hoàn thiện thể chế và cơ chế phân cấp, phân quyền

Quá trình vận hành mô hình mới cho thấy một số quy định pháp luật, quy định chuyên ngành và văn bản hướng dẫn hiện hành chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn phát sinh; một số quy định về phân định thẩm quyền còn có điểm chưa thống nhất giữa các luật và văn bản dưới luật. Trong một số lĩnh vực như giáo dục, lao động, an toàn thực phẩm và quản lý hành chính nhà nước, vẫn còn tình trạng chồng chéo hoặc chưa thống nhất trong xác định thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Điều này ảnh hưởng nhất định đến quá trình tổ chức thực hiện và xử lý công việc tại cơ sở. Bên cạnh đó, với đặc thù là đô thị lớn nhất cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh hiện tiếp nhận và giải quyết trên 20% tổng số hồ sơ thủ tục hành chính của cả nước. Khối lượng hồ sơ rất lớn nhưng nhiều thủ tục vẫn áp dụng thời hạn giải quyết theo mặt bằng chung của cả nước. Điều này tạo áp lực đáng kể đối với đội ngũ cán bộ, công chức và ảnh hưởng đến khả năng xử lý các hồ sơ có tính chất phức tạp hoặc liên quan nhiều cơ quan.

Thực tiễn vận hành cho thấy cần tiếp tục hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền theo hướng rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự thống nhất giữa các luật chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn thi hành; nghiên cứu cơ chế đặc

thù phù hợp với quy mô, tính chất và yêu cầu quản trị của đô thị đặc biệt như Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những bài học, kinh nghiệm cốt lõi, phát huy hiệu quả trong quá trình vận hành

Qua 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã tích lũy nhiều kinh nghiệm thực tiễn có giá trị. Đây không chỉ là cơ sở để Thành phố tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, phương thức lãnh đạo và quản trị địa phương, mà còn cung cấp thêm luận cứ thực tiễn phục vụ quá trình nghiên cứu, hoàn thiện thể chế và tổ chức thực hiện trong phạm vi cả nước.

Thứ nhất, sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy đảng, gắn với làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, là nhân tố quyết định thành công của quá trình chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy. Thực tiễn cho thấy, mọi chủ trương đổi mới chỉ được triển khai đồng bộ, hiệu quả khi có sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, bảo đảm sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị. Đồng thời, cần chủ động làm tốt công tác tuyên truyền, định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; kiên trì phương châm "vừa làm, vừa hoàn thiện, vừa tổng kết thực tiễn", kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai.

Thứ hai, phân cấp, phân quyền phải gắn với phân bổ nguồn lực, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực và nâng cao năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ. Việc giao thẩm quyền cần đi đôi với bảo đảm nguồn lực về nhân sự, tài chính, cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên. Cùng với đó, phải chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và khả năng thích ứng thông qua rà soát, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và biệt phái phù hợp với yêu cầu của mô hình mới.

Thứ ba, chuyển đổi số và quản trị dựa trên dữ liệu là phương thức vận hành cơ bản của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đối với đô thị đặc biệt như Thành phố Hồ Chí Minh, việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan, số hóa quy trình xử lý công việc và điều hành dựa trên dữ liệu là điều kiện quan trọng để nâng cao năng suất lao động, giảm áp lực hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Thứ tư, phải lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của quá trình đổi mới. Mọi chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính và chuyển đổi số đều phải hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ, tạo thuận lợi

cho người dân và doanh nghiệp. Hiệu quả của mô hình mới được đo bằng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và chất lượng cung ứng dịch vụ công.

Thứ năm, cần xây dựng cơ chế quản trị linh hoạt, sát cơ sở và có khả năng phản ứng nhanh trước các vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Kinh nghiệm của Thành phố cho thấy việc duy trì các tổ công tác theo khu vực, cơ chế giao ban chuyên đề, kiểm tra, đôn đốc thường xuyên và tiếp nhận kịp thời phản ánh từ cơ sở đã góp phần phát hiện, xử lý nhanh các khó khăn, vướng mắc, bảo đảm bộ máy vận hành liên tục, ổn định và hiệu quả.

4. Một số nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới

Qua thực tiễn 1 năm triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh, bên cạnh những kết quả bước đầu tích cực, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức cần tiếp tục tháo gỡ. Trên tinh thần phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế và hướng tới mục tiêu xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, Thành phố xác định một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới như sau:

Một là, rà soát, đánh giá toàn diện việc tổ chức bộ máy sau sắp xếp để kịp thời điều chỉnh những bất cập phát sinh trong quá trình vận hành; bảo đảm sự đồng bộ giữa tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền cấp xã theo hướng phù hợp với quy mô dân số, diện tích tự nhiên, tính chất đô thị, đặc điểm kinh tế - xã hội và áp lực quản lý thực tế của từng địa phương; tránh áp dụng cứng nhắc, bình quân về tổ chức bộ máy và biên chế. Đồng thời, củng cố vai trò của cấp xã như một trung tâm quản trị, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tiếp cho người dân, doanh nghiệp; hình thành mô hình chính quyền cơ sở hiện đại, chuyên nghiệp và phục vụ.

Hai là, rà soát toàn bộ nhiệm vụ quản lý nhà nước để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền thực chất cho cấp xã. Hoàn thiện hệ thống quy chế phối hợp giữa Thành phố, sở ngành và chính quyền cơ sở; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan và từng cá nhân; hạn chế tình trạng chồng chéo, đùn đẩy hoặc né tránh trách nhiệm. Thực hiện nghiêm nguyên tắc quản trị "06 rõ": rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả phát triển địa phương. Triển khai chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát theo hướng đánh giá hiệu quả đầu ra, lấy kết quả thực chất làm tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức.

Ba là, hoàn thiện kho dữ liệu dùng chung của Thành phố; xây dựng hệ thống quản trị số tích hợp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, dự báo và hoạch định chính

sách; phát triển các nền tảng điều hành tập trung, hệ thống giám sát trực tuyến, trung tâm điều hành đô thị thông minh; nâng cao khả năng phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo phục vụ quản trị công. Phát huy hiệu quả thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới hành chính, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, giảm tối đa thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho người dân và doanh nghiệp.

Bốn là, xây dựng phương án tổng thể về quản lý, sử dụng và điều tiết biên chế; triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng sát thực tiễn, chú trọng kỹ năng quản trị địa phương, xử lý tình huống, chuyển đổi số, quản lý đầu tư công, tài chính công và kỹ năng phục vụ người dân. Nghiên cứu ban hành các chính sách đặc thù để thu hút nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhà khoa học, sinh viên xuất sắc tham gia khu vực công, đặc biệt tại cấp xã. Đồng thời, thay thế, điều chuyển những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, năng lực hạn chế, né tránh công việc hoặc không đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

Năm là, xây dựng nền hành chính phục vụ lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý và phản hồi kiến nghị của người dân thông qua các nền tảng số; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống tổng đài, trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm quy trình trung gian, đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, đăng ký kinh doanh và an sinh xã hội.

Sáu là, chủ động tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành mô hình mới để đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện. Đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù về tài chính, ngân sách, đầu tư, tổ chức bộ máy, quản lý đất đai, phát triển hạ tầng và chuyển đổi số phù hợp với đặc điểm của Thành phố Hồ Chí Minh. Khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, phát huy lợi thế của một siêu đô thị hơn 14 triệu dân, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, thu hút đầu tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số, kinh tế xanh.

5. Đề xuất, kiến nghị

Qua thực tiễn 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy việc đổi mới tổ chức bộ máy không chỉ là quá trình sắp xếp lại đầu mối tổ chức mà thực chất là quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị và tổ chức thực hiện. Bộ máy tinh gọn chỉ là điều kiện cần; để phát huy đầy đủ hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động cần đồng

thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện thể chế và xây dựng hạ tầng dữ liệu thống nhất phục vụ quản trị hiện đại. Từ thực tiễn vận hành mô hình mới, Thành phố đề xuất, kiến nghị Trung ương xem xét một số nội dung trọng tâm sau:

- Về hoàn thiện thể chế, đề xuất Trung ương chỉ đạo rà soát, tổng kết toàn diện việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên phạm vi cả nước, đặc biệt tại các đô thị đặc biệt và siêu đô thị như Thành phố Hồ Chí Minh; kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định phát sinh bất cập trong quá trình thực hiện, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và ổn định lâu dài của mô hình tổ chức mới; đồng thời, nghiên cứu cơ chế điều phối liên ngành, liên cấp đủ thẩm quyền để xử lý những vấn đề vượt quá phạm vi giải quyết của từng bộ, ngành riêng lẻ.

Đối với các đô thị đặc biệt, cần tiếp tục nghiên cứu mở rộng không gian thể chế phù hợp nhằm tạo điều kiện cho địa phương chủ động thử nghiệm các mô hình quản trị tiên tiến, các phương thức huy động nguồn lực mới và các giải pháp quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Về cơ chế tổ chức bộ máy, kiến nghị Trung ương chỉ đạo nghiên cứu giao Thành phố Hồ Chí Minh quyền chủ động xác định số lượng biên chế, vị trí việc làm và cơ cấu tổ chức của chính quyền cấp xã trên cơ sở dân số, diện tích, đặc điểm địa bàn và khối lượng công việc thực tế. Đối với các xã, phường có quy mô dân số rất lớn hoặc có tính chất đặc thù, đề nghị cho phép bố trí tăng số lượng lãnh đạo, công chức chuyên môn phù hợp với yêu cầu quản lý. Ban hành chính sách đặc thù về thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ thông tin và cán bộ trẻ có năng lực tham gia làm việc tại chính quyền cơ sở.

- Về hệ thống cơ sở dữ liệu, Thành phố đề xuất Trung ương chỉ đạo nghiên cứu xây dựng kiến trúc dữ liệu thống nhất cho toàn bộ hệ thống chính trị, bảo đảm nguyên tắc dữ liệu được chuẩn hóa, dùng chung và khai thác hiệu quả giữa các cấp, các ngành. Đồng thời, cần chuyển mạnh từ số hóa quy trình sang tái thiết kế quy trình quản trị trên môi trường số; từ ứng dụng công nghệ thông tin đơn lẻ sang quản trị dựa trên dữ liệu thời gian thực; từ phương thức điều hành dựa trên báo cáo sang điều hành dựa trên dữ liệu có khả năng phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định.

- Đề xuất Trung ương chỉ đạo xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thống nhất trên phạm vi cả nước về hiệu quả vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tập trung vào các chỉ số về hiệu lực quản trị, chất lượng phục vụ người dân, mức độ hài lòng của doanh nghiệp, chuyển đổi số, hiệu quả sử dụng ngân sách và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

* * *

Sau 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy chủ trương của Trung ương là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ Nhân dân trong giai đoạn phát triển mới.

Thực tiễn triển khai tại Thành phố cho thấy mô hình mới đã tạo điều kiện rút ngắn tầng nấc trung gian, tăng cường phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động của cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số và từng bước hình thành phương thức quản trị hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đồng thời, thực tiễn cũng đặt ra những yêu cầu mới về hoàn thiện thể chế, phân bổ nguồn lực, xây dựng đội ngũ cán bộ và phát triển hạ tầng dữ liệu số đồng bộ để mô hình tiếp tục phát huy hiệu quả trong thời gian tới. Thành phố Hồ Chí Minh kiên định thực hiện chủ trương của Trung ương; tiếp tục vận hành mô hình theo phương châm "vừa làm, vừa tổng kết thực tiễn, vừa hoàn thiện thể chế"; chủ động nhận diện những vấn đề mới phát sinh, kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ nhằm nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị.

Với vị thế là đô thị đặc biệt, trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, cực tăng trưởng quốc gia và đầu mối hội nhập quốc tế quan trọng, Thành phố xác định trách nhiệm không chỉ là phát triển nhanh và bền vững, mà còn phải tiên phong đổi mới, tích cực tổng kết thực tiễn, cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ quá trình hoàn thiện thể chế, phương thức lãnh đạo của Đảng, phương thức quản trị của Nhà nước và xây dựng nền hành chính hiện đại.

Những nội dung, kiến nghị được Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất trong tham luận này xuất phát từ thực tiễn vận hành của một siêu đô thị đặc biệt, với mong muốn đóng góp thêm cơ sở thực tiễn để Trung ương tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, góp phần xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

15. BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY ĐỒNG NAI:

Thực trạng tổ chức vận hành chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, việc tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là bước cải cách có ý nghĩa chiến lược, thể hiện tư duy đổi mới của Đảng trong xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại. Mô hình mới không chỉ sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn tổ chức và phân định lại thẩm quyền giữa các cấp chính quyền mà còn đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện theo hướng quản trị hiện đại, lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm thước đo.

Đối với thành phố Đồng Nai, mô hình được triển khai trong điều kiện khi thành phố được hình thành trên cơ sở hợp nhất tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước, có diện tích 12.737,18 km², dân số trên 5 triệu người, gồm 95 xã, phường, 99 đảng bộ trực thuộc Thành ủy; 44 khu công nghiệp với hơn 1,3 triệu công nhân; GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 152,29 triệu đồng, thu ngân sách nhà nước trên 100.000 tỷ đồng, đứng thứ tư cả nước. Đồng Nai đồng thời là địa phương có quy mô quản trị lớn, không gian phát triển rộng, hội tụ đầy đủ các đặc điểm của đô thị, nông thôn, miền núi, biên giới, công nghiệp, dịch vụ và logistics và triển khai nhiều công trình trọng điểm quốc gia, nhất là Cảng hàng không quốc tế Long Thành cùng các tuyến giao thông chiến lược kết nối vùng.

Sau một năm triển khai, bộ máy chính quyền các cấp của Thành phố cơ bản hoạt động ổn định, thông suốt, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; chất lượng phục vụ Nhân dân được nâng lên rõ rệt. Thực tiễn vận hành đã tạo được sự đồng thuận và thống nhất cao trong xã hội, nhận được sự ủng hộ, phấn khởi và tin tưởng của đông đảo quần chúng Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp. Đây là minh chứng thực tiễn có sức thuyết phục cho tính đúng đắn và hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đồng thời, cho thấy yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế phân cấp, phân quyền, phân bổ nguồn lực, dữ liệu quản trị, chất lượng đội ngũ cán bộ để mô hình chính quyền địa phương 02 cấp phát huy đầy đủ hiệu quả. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Nai xin trao đổi một số kết quả, khó khăn, bài học kinh nghiệm và kiến nghị, giải pháp trong thời gian tới.

I. THỰC TIỄN VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP ĐÃ TẠO RA NHỮNG CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Bộ máy của hệ thống chính trị được tổ chức tinh gọn hơn, vận hành thông suốt hơn và từng bước hình thành phương thức quản trị phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Qua một năm triển khai, bộ máy của hệ thống chính trị thành phố Đồng Nai đã nhanh chóng ổn định, vận hành thông suốt, bảo đảm hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp không bị gián đoạn. Quá trình chuyển đổi được thực hiện đồng bộ giữa tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cấp, từng cơ quan được phân định rõ hơn; nhiều tầng nấc trung gian được cắt giảm; cơ chế phối hợp được hoàn thiện theo hướng thống nhất, minh bạch và gắn với trách nhiệm của từng chủ thể.

Thành phố đã rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống quy chế làm việc, quy chế phối hợp và quy trình xử lý công việc theo nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả", tạo nền tảng để bộ máy vận hành thống nhất ngay từ khi thực hiện mô hình mới. Ban Thường vụ Thành ủy ban hành 119 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, quy định, đề án, kế hoạch; Hội đồng nhân dân thành phố ban hành 175 văn bản phục vụ tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền và bảo đảm điều kiện vận hành; Đảng ủy UBND thành phố, UBND thành phố ban hành 70 văn bản chỉ đạo, thực hiện 18 quyết định phân cấp và 34 quyết định, văn bản ủy quyền; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố ban hành 48 văn bản hướng dẫn kiện toàn tổ chức, quy chế hoạt động và cơ chế phối hợp.

Việc hoàn thiện đồng bộ thể chế nội bộ đã tạo nền tảng để bộ máy vận hành ổn định, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm giữa các cấp; phát huy vai trò của cấp xã trong phục vụ Nhân dân, cấp thành phố tập trung vào hoạch định chủ trương, điều phối phát triển, kiểm tra, giám sát và xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng. Thực tiễn một năm vận hành cho thấy, giá trị của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp không chỉ ở việc tinh gọn tổ chức bộ máy mà còn ở việc đổi mới phương thức quản trị, nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị.

2. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy tiếp tục được đổi mới, năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng từng bước được nâng lên

Một trong những chuyển biến quan trọng sau một năm thực hiện mô hình mới là phương thức lãnh đạo của các cấp ủy được đổi mới theo hướng tập trung hơn vào các nhiệm vụ chiến lược, trọng tâm, tăng cường kiểm tra, giám sát; từng bước chuyển từ lãnh đạo trực tiếp từng công việc sang lãnh đạo bằng chủ trương, nghị quyết, quy chế, chương trình công tác gắn với kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

Cùng với việc hoàn thiện các quy chế làm việc, quy định phân công, phân cấp và quy chế phối hợp, công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường theo hướng bám sát cơ sở, kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ngay từ khi mới phát sinh. Ban Thường vụ Thành ủy thành lập **08** đoàn khảo sát tại các xã, phường; UBND thành phố thành lập **05** tổ công tác khảo sát tại **32** xã, phường; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị để kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, bất cập trong quá trình vận hành mô hình mới.

Thực tiễn cho thấy, đổi mới tổ chức bộ máy phải gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Khi cấp ủy tập trung vào hoạch định chủ trương, hoàn thiện thể chế, kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò của chính quyền, hiệu quả lãnh đạo được nâng lên, kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường, trách nhiệm người đứng đầu được đề cao, hạn chế tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Năng lực quản trị của chính quyền có bước chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ

Một trong những kết quả nổi bật sau một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là phương thức quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từng bước chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển. Chính quyền thành phố tập trung hơn vào hoạch định chính sách, điều phối nguồn lực, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cơ sở; đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền, trao quyền nhiều hơn cho cấp xã trong tổ chức thực hiện.

Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và ủy quyền đã tạo chuyển biến rõ nét trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Đến nay, khối chính quyền thực hiện 784 nhiệm vụ phân cấp, phân quyền và ủy quyền, trong đó 643 nhiệm vụ giao các sở, ngành và 141 nhiệm vụ giao cấp xã; khối Đảng thực hiện 49 nhiệm vụ; Hội đồng nhân dân 06 nhiệm vụ; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội 04 nhiệm vụ theo thẩm quyền. Việc phân định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm từng bước hình

thành cơ chế quản trị mới, phát huy vai trò của cấp xã là cấp trực tiếp phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời để cấp thành phố tập trung các nhiệm vụ chiến lược, liên ngành và liên vùng. Phân cấp, phân quyền không chỉ đổi mới quy trình xử lý công việc mà còn nâng cao tính chủ động, trách nhiệm giải trình và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại, kiến tạo phát triển và phục vụ Nhân dân.

Cùng với đó, thành phố xác định cải cách hành chính và chuyển đổi số là nền tảng đổi mới phương thức quản trị. Hiện toàn thành phố thực hiện 2.139 thủ tục hành chính, trong đó 1.365 thủ tục được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 507 thủ tục trực tuyến một phần. Hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số, Trung tâm Phục vụ hành chính công và các nền tảng số được triển khai đồng bộ, từng bước hình thành phương thức điều hành dựa trên dữ liệu, nâng cao tính công khai, minh bạch, hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Thực tiễn đó đã góp phần từng bước hình thành phương thức điều hành hiện đại, hiệu quả hơn trong bộ máy chính quyền địa phương.

4. Đội ngũ cán bộ từng bước thích ứng với yêu cầu mới, năng lực tổ chức thực hiện được nâng lên nhưng cũng đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với công tác cán bộ trong giai đoạn tới

Cùng với đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức quản trị, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước trưởng thành qua thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Quá trình hợp nhất địa giới hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và mở rộng phạm vi quản lý vừa tạo áp lực lớn, vừa là môi trường để đội ngũ cán bộ rèn luyện, thích ứng và nâng cao năng lực công tác. Đa số cán bộ, đảng viên đã nhận thức đầy đủ ý nghĩa của việc đổi mới tổ chức bộ máy; chấp hành nghiêm sự phân công của tổ chức; sẵn sàng nhận nhiệm vụ tại địa bàn mới, lĩnh vực mới; nhanh chóng ổn định tổ chức, bảo đảm bộ máy mới đi vào hoạt động ngay từ những ngày đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Thực tiễn cho thấy, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đặt ra yêu cầu cao hơn đối với đội ngũ cán bộ. Bên cạnh chuyên môn nghiệp vụ, cán bộ phải có năng lực quản trị, tư duy đổi mới, kỹ năng phối hợp liên ngành, khả năng ứng dụng công nghệ số, khai thác dữ liệu và xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Hiệu quả vận hành của mô hình vì vậy phụ thuộc trước hết vào năng lực tổ chức thực hiện và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu. Từ thực tiễn Đồng Nai có thể khẳng định, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng

lực, tư duy quản trị hiện đại và khả năng tổ chức thực hiện là nhân tố quyết định nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy trong giai đoạn tới.

II. THỰC TIỄN VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP ĐÃ KIỂM CHỨNG MỘT SỐ VƯỚNG MẮC CẦN TIẾP TỤC HOÀN THIỆN

Qua một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thực tiễn thành phố Đồng Nai tiếp tục khẳng định chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy quá trình đổi mới càng đi vào chiều sâu thì càng xuất hiện những vấn đề mới đặt ra đối với công tác lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện. Đây không phải là những hạn chế của chủ trương, mà chủ yếu là những vướng mắc của quá trình chuyển đổi từ mô hình quản lý cũ sang mô hình quản trị mới; đồng thời cũng là những vấn đề cần tiếp tục được tổng kết, hoàn thiện về thể chế, cơ chế vận hành và điều kiện bảo đảm thực hiện.

1. Thể chế từng bước được hoàn thiện nhưng chưa theo kịp yêu cầu đổi mới mô hình tổ chức bộ máy

Thực tiễn Đồng Nai cho thấy, việc tổ chức lại bộ máy được triển khai quyết liệt, đồng bộ, trong khi quá trình sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật cần nhiều thời gian hơn. Vì vậy, ở một số lĩnh vực, mô hình tổ chức mới đã được vận hành nhưng cơ sở pháp lý vẫn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Một số quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư công, quy hoạch, xây dựng, tài nguyên và môi trường, nội vụ, tài chính công, tổ chức bộ máy... chưa đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; việc phân định thẩm quyền giữa cấp thành phố và cấp xã ở một số lĩnh vực còn chồng chéo hoặc chưa được hướng dẫn đầy đủ. Mặc dù địa phương đã chủ động ban hành nhiều quy định cụ thể hóa, vẫn còn những nội dung phải vừa thực hiện vừa xin ý kiến hướng dẫn, ảnh hưởng đến tính chủ động của cơ sở.

Bên cạnh đó, sự khác biệt lớn giữa các đơn vị hành chính cấp xã về quy mô dân số, diện tích, mức độ đô thị hóa, cơ cấu kinh tế, số lượng doanh nghiệp, khu công nghiệp, đặc điểm dân tộc, tôn giáo, biên giới và khối lượng công việc chưa được phản ánh đầy đủ trong việc bố trí tổ chức bộ máy, biên chế và vị trí việc làm. Thực tế có địa bàn khối lượng công việc rất lớn nhưng cơ cấu tổ chức, biên chế vẫn áp dụng như các địa bàn khác với quy mô nhỏ hơn nhiều lần **(xã, phường trên 150.000 dẫn và dưới 10.000 dân thì mô hình cơ cấu tổ chức vẫn áp dụng chung)**. Qua thống kê, **một công chức Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường phải xử**

lý từ 18-21 đầu việc/ngày, chưa bao gồm thời gian họp, kiểm tra thực địa, tiếp dân, phối hợp liên ngành, cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nhiệm vụ đột xuất.

Từ thực tiễn đó, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn lực, phân loại đơn vị hành chính theo quy mô quản trị và đặc điểm phát triển, làm cơ sở xác định tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm và phân bổ nguồn lực phù hợp.

2. Phân cấp, phân quyền đã tạo động lực đổi mới nhưng cần tiếp tục gắn với phân bổ nguồn lực và điều kiện bảo đảm thực hiện

Thực tiễn Đồng Nai khẳng định, phân cấp, phân quyền là một trong những kết quả nổi bật của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, chuyển mạnh tư duy quản lý từ "cấp trên làm thay cấp dưới" sang "cấp trên kiến tạo, hướng dẫn, kiểm tra; cấp dưới chủ động tổ chức thực hiện".

Tuy nhiên, việc chuyển giao thẩm quyền ở nhiều lĩnh vực chưa đồng bộ với nguồn lực, nhân lực, ngân sách, dữ liệu và các điều kiện bảo đảm thực hiện. Sau phân cấp, khối lượng công việc của cấp xã tăng nhanh, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, tài chính, nội vụ, an sinh xã hội và giải quyết thủ tục hành chính, trong khi năng lực đội ngũ cán bộ còn chênh lệch, nhiều xã, phường mới thành lập vừa phải ổn định tổ chức, vừa tiếp nhận thêm nhiều nhiệm vụ mới. Bên cạnh đó, cơ chế phân bổ nguồn lực vẫn chủ yếu dựa trên đơn vị hành chính, chưa phản ánh đầy đủ quy mô dân số, khối lượng công việc, mức độ đô thị hóa và yêu cầu quản trị của từng địa phương, làm hạn chế hiệu quả phân cấp, phân quyền.

Thực tiễn cho thấy, phải chuyển từ tư duy "phân cấp thẩm quyền" sang "phân quyền đầy đủ", phân cấp chỉ phát huy hiệu quả khi được thực hiện đồng bộ với phân quyền, phân bổ nguồn lực và tăng cường trách nhiệm giải trình; mỗi nhiệm vụ được giao phải gắn với nhân lực, ngân sách, hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và cơ chế kiểm tra, giám sát phù hợp để chính quyền cơ sở chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

3. Năng lực quản trị và chất lượng đội ngũ cán bộ giữa các địa phương còn có sự chênh lệch, đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao năng lực thực thi của chính quyền cơ sở

Sau một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khó khăn chủ yếu không còn nằm ở việc sắp xếp tổ chức bộ máy mà chuyển sang năng lực tổ chức thực hiện của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức. Việc đẩy mạnh phân cấp cho cấp xã làm thay đổi căn bản vai trò của chính quyền

cơ sở, đòi hỏi đội ngũ cán bộ không chỉ nắm vững chuyên môn mà còn có năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện, phối hợp liên ngành, xử lý tình huống và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử, đặc điểm địa bàn và chất lượng nguồn nhân lực khác nhau, năng lực quản trị và chất lượng đội ngũ cán bộ giữa các xã, phường vẫn còn chênh lệch. Thực tiễn cho thấy có trường hợp chưa phát huy đầy đủ vai trò hạt nhân lãnh đạo, chưa thực sự chủ động trong định hướng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; năng lực điều hành, xử lý các vấn đề phát sinh ở cơ sở còn phụ thuộc nhiều vào bộ máy tham mưu, chưa hình thành được phương pháp lãnh đạo, điều hành độc lập, toàn diện theo yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Bên cạnh đó, việc chuyển từ môi trường công tác cấp huyện (cấp trung gian) sang trực tiếp lãnh đạo, điều hành ở cơ sở đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải có kiến thức tổng hợp, kỹ năng quản trị địa phương, khả năng xử lý tình huống thực tiễn, đối thoại với Nhân dân và giải quyết các vấn đề phát sinh trên địa bàn. Mặt khác, cơ chế đánh giá cán bộ hiện nay vẫn còn nặng về quy trình, chưa thật sự lấy kết quả đầu ra, chất lượng phục vụ người dân và hiệu quả phát triển làm tiêu chí chủ yếu

Do đó, giai đoạn tới cần chuyển trọng tâm từ kiện toàn tổ chức bộ máy sang nâng cao năng lực quản trị và năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức trực tiếp giải quyết công việc ở cơ sở, tạo nền tảng để mô hình chính quyền địa phương 02 cấp phát huy hiệu quả.

4. Hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và phương thức quản trị số chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu điều hành của mô hình mới

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp làm gia tăng khối lượng thông tin cần xử lý, yêu cầu phối hợp giữa các cơ quan và tốc độ ra quyết định, đòi hỏi hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và phương thức quản trị phải được hoàn thiện đồng bộ.

Mặc dù đạt nhiều kết quả trong cải cách hành chính và chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu của nhiều ngành, lĩnh vực vẫn chưa được chuẩn hóa, kết nối đồng bộ; việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan còn hạn chế; một số quy trình vẫn phải xử lý song song trên môi trường điện tử và hồ sơ giấy; việc khai thác dữ liệu phục vụ dự báo, phân tích và hỗ trợ ra quyết định chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Qua thống kê, bình quân mỗi xã, phường phải sử dụng **từ 8 - 9 phần mềm chuyên ngành** để giải quyết nhiệm vụ chuyên môn.

Do đó, yêu cầu quản trị của thành phố Đồng Nai đòi hỏi phải chuyển mạnh từ "xây dựng phần mềm" sang "xây dựng hệ sinh thái dữ liệu"; từ "ứng dụng công nghệ thông tin" sang "quản trị bằng dữ liệu thời gian thực"; từng bước xây dựng hệ

thống điều hành số thống nhất, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảng điều hành (dashboard) theo thời gian thực và các công cụ phân tích, cảnh báo sớm, đưa chuyển đổi số trở thành phương thức quản trị của toàn bộ hệ thống chính trị.

5. Sau một năm vận hành, trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện năng lực quản trị của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Qua một năm triển khai, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã cơ bản hoàn thành giai đoạn sắp xếp tổ chức, ổn định bộ máy và chuyển sang giai đoạn nâng cao chất lượng hoạt động. Những yêu cầu đặt ra hiện nay là tiếp tục hoàn thiện thể chế, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực quản trị, chất lượng đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm các điều kiện thực thi.

Thực tiễn Đồng Nai cho thấy, hiệu quả của mô hình được đánh giá không phải bằng số lượng đầu mối được tinh gọn hay số nhiệm vụ được phân cấp mà bằng chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; hiệu quả quản trị, tốc độ xử lý công việc, khả năng huy động và sử dụng nguồn lực, mức độ hài lòng của người dân và kết quả phát triển kinh tế - xã hội.

Vì vậy, giai đoạn tới cần tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng hiện đại, hiệu quả; lấy quản trị phát triển làm trung tâm, dữ liệu làm nền tảng, người dân và doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ, hiệu quả thực thi và kết quả phát triển làm thước đo chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị.

III. TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, MỘT SỐ BÀI HỌC CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO TRONG TIẾP TỤC HOÀN THIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

Qua một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thực tiễn thành phố Đồng Nai tiếp tục khẳng định chủ trương của Trung ương là đúng đắn, đồng thời đúc kết một số bài học có giá trị tham khảo trong quá trình tiếp tục hoàn thiện mô hình.

Thứ nhất, đổi mới tổ chức bộ máy phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo. Thực tiễn cho thấy, việc hợp nhất địa phương có quy mô lớn và triển khai đồng thời mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chỉ đạt kết quả khi cấp ủy giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo, kịp thời định hướng, tháo gỡ khó khăn, tăng cường kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện.

Thứ hai, hiệu quả của mô hình không được quyết định bởi số lượng đầu mối được tinh gọn mà bởi chất lượng quản trị sau sắp xếp. Trọng tâm của giai đoạn hiện nay cần chuyển từ "sắp xếp tổ chức" sang "nâng cao chất lượng quản trị", lấy

hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và kết quả phát triển kinh tế - xã hội làm thước đo.

Thứ ba, phân cấp, phân quyền chỉ phát huy hiệu quả khi được thực hiện đồng bộ với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm soát quyền lực. Mỗi nhiệm vụ được giao phải gắn với thẩm quyền, nguồn lực, trách nhiệm và cơ chế giám sát phù hợp để phát huy tính chủ động của địa phương, đồng thời bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện.

Thứ tư, chuyển đổi số phải trở thành phương thức quản trị của toàn bộ hệ thống chính trị. Giá trị cốt lõi của chuyển đổi số không chỉ là số hóa quy trình mà là xây dựng hệ thống dữ liệu dùng chung, kết nối liên thông và điều hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và trách nhiệm giải trình.

Thứ năm, đội ngũ cán bộ và năng lực tổ chức thực hiện là yếu tố quyết định thành công của mô hình. Trong điều kiện cùng một thể chế và cơ chế phân cấp, hiệu quả hoạt động giữa các địa phương phụ thuộc chủ yếu vào chất lượng đội ngũ cán bộ. Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới công tác cán bộ theo hướng lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng phục vụ Nhân dân và hiệu quả phát triển làm tiêu chí đánh giá chủ yếu.

Những bài học trên cho thấy mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã bước qua giai đoạn ổn định tổ chức để chuyển sang giai đoạn nâng cao chất lượng quản trị. Trọng tâm thời gian tới không còn là tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy mà là hoàn thiện thể chế, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực quản trị, phát triển đội ngũ cán bộ và đẩy mạnh chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT NHẰM TIẾP TỤC HOÀN THIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP TRONG GIAI ĐOẠN MỚI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI VÀ THỰC HIỆN THẮNG LỢI HAI MỤC TIÊU 100 NĂM

Từ thực tiễn một năm tổ chức vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn thành phố Đồng Nai, Ban Thường vụ Thành ủy nhận thấy, giai đoạn tiếp theo cần tập trung hoàn thiện mô hình theo hướng nâng cao chất lượng quản trị, phát huy tối đa hiệu quả của việc phân cấp, phân quyền và xây dựng nền hành chính hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Trên cơ sở đó, xin kiến nghị một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, bảo đảm thống nhất với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Đề nghị Trung ương tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật chuyên ngành theo hướng đồng bộ với mô hình tổ chức mới; kịp thời tháo gỡ những nội dung còn chồng chéo, giao thoa hoặc chưa phân định rõ thẩm quyền giữa các cấp chính quyền. Việc hoàn thiện thể chế cần bảo đảm nguyên tắc "một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và một cấp chịu trách nhiệm chính", hạn chế tối đa tình trạng xin ý kiến nhiều cấp hoặc trùng lặp trong tổ chức thực hiện.

Thứ hai, nghiên cứu hoàn thiện cơ chế tổ chức chính quyền cơ sở theo quy mô quản trị và đặc điểm phát triển của từng địa phương.

Thực tiễn Đồng Nai cho thấy sự khác biệt rất lớn giữa các đơn vị hành chính cấp xã về dân số, diện tích, mức độ đô thị hóa, số lượng doanh nghiệp, khu công nghiệp, khối lượng công việc và yêu cầu quản trị. Do đó, đề nghị Trung ương nghiên cứu hoàn thiện cơ chế phân bổ nguồn lực không chỉ dựa trên tiêu chí dân số và diện tích mà cần bổ sung các tiêu chí về quy mô quản trị, trình độ phát triển, mức độ đô thị hóa, đặc điểm kinh tế - xã hội và khối lượng nhiệm vụ thực tế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cơ chế bố trí tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, số lượng cấp phó, phân bổ ngân sách và đầu tư hạ tầng theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng nhóm địa phương, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực và nâng cao chất lượng quản trị.

Đối với những địa phương đã vận hành ổn định mô hình mới, đề nghị Trung ương cho phép tiếp tục rà soát, đánh giá tổng thể để nghiên cứu điều chỉnh những đơn vị hành chính chưa thật sự phù hợp về quy mô quản trị, không gian phát triển hoặc điều kiện tổ chức thực hiện, trên cơ sở bảo đảm ổn định chính trị, xã hội và sự đồng thuận của Nhân dân.

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và tăng cường trách nhiệm giải trình.

Đề nghị tiếp tục rà soát toàn bộ danh mục nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa Trung ương, thành phố và cấp xã theo nguyên tắc: việc gì địa phương làm tốt hơn thì giao địa phương; việc gì cấp xã làm hiệu quả hơn thì mạnh dạn giao cấp xã; cấp trên tập trung vào hoạch định chính sách, kiểm tra, giám sát và điều phối phát triển. Cùng với đó, cần xây dựng cơ chế phân bổ nguồn lực theo khối lượng nhiệm vụ, quy mô dân số, đặc điểm phát triển và yêu cầu quản trị của từng địa phương, thay vì chủ yếu dựa trên đơn vị hành chính. Đối với các đô thị lớn, địa bàn công nghiệp, logistics, khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc các địa phương thực hiện

nhiều dự án trọng điểm quốc gia, cần có cơ chế đặc thù về biên chế, ngân sách và đầu tư hạ tầng để đáp ứng yêu cầu quản lý. Đồng thời, tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực thông qua hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy trình, thanh tra, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; bảo đảm phân quyền mạnh nhưng không buông lỏng quản lý.

Thứ tư, coi chuyển đổi số và dữ liệu là nền tảng của mô hình quản trị hiện đại.

Chuyển đổi số cần được xác định không chỉ là nhiệm vụ về công nghệ mà là phương thức quản trị mới của cả hệ thống chính trị, góp phần nâng cao chất lượng quyết định, tăng tính công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đối với thành phố, tiếp tục đầu tư đồng bộ hạ tầng số, xây dựng hệ thống điều hành thông minh, trung tâm dữ liệu, bảng điều hành số (dashboard), các công cụ phân tích và cảnh báo sớm, tạo điều kiện để từng bước chuyển từ điều hành dựa trên báo cáo sang điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực.

Đề nghị Trung ương sớm hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; xây dựng nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ Trung ương đến địa phương.

Thứ năm, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của nền quản trị hiện đại.

Tiếp tục hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá cán bộ theo hướng gắn chặt với yêu cầu của mô hình mới. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cán bộ theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, mức độ hoàn thành mục tiêu, tiến độ công việc và hiệu quả thực thi; từng bước chuyển từ đánh giá theo quá trình sang đánh giá theo kết quả đầu ra và giá trị tạo ra cho xã hội.

Cùng với đó, tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy đổi mới, bản lĩnh, trách nhiệm, khả năng ứng dụng công nghệ số, kỹ năng phối hợp liên ngành và năng lực xử lý các vấn đề phát sinh trong điều kiện quản trị hiện đại; coi đây là nhân tố quyết định nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian tới. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đồng thời xử lý nghiêm các biểu hiện né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, làm việc cầm chừng, thiếu tinh thần phục vụ.

Qua một năm vận hành mô hình tổ chức mới của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương, thực tiễn Thành phố Đồng Nai tiếp tục khẳng định chủ trương của Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Quan trọng hơn, thực tiễn cho thấy mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã cơ bản hoàn thành giai đoạn sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy để chuyển sang giai đoạn nâng cao chất lượng quản trị. Trọng tâm trong thời gian tới là tiếp tục hoàn thiện thể chế, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực quản trị, phát huy hiệu quả phân cấp, phân quyền, đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển.

Với quy mô quản trị lớn, địa bàn rộng và nhiều đặc thù phát triển, những kết quả và kinh nghiệm từ thực tiễn thành phố Đồng Nai là cơ sở tham khảo để tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian tới.

Thành phố Đồng Nai tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự điều hành của Quốc hội và Chính phủ, cùng với sự đồng lòng, phát huy tinh thần đoàn kết, đổi mới, sáng tạo của cả hệ thống chính trị xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại; tạo động lực mạnh mẽ để đất nước phát triển nhanh, bền vững, thực hiện thắng lợi hai mục tiêu 100 năm mà Đảng ta đã xác định.

16. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LÀO CAI:

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hệ thống chính trị, xây dựng cấp xã thành trung tâm vận hành mới ở cơ sở qua thực tiễn tỉnh Lào Cai

Thực hiện chủ trương lớn của Trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tỉnh Lào Cai triển khai đồng thời hai nhiệm vụ rất lớn, chưa có tiền lệ: hợp nhất tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái; đồng thời tổ chức vận hành chính quyền địa phương 02 cấp trong cấu trúc mô hình chính quyền 3 cấp của cả nước.

Sau 01 năm triển khai, với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Trung ương, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương; sự hướng dẫn, hỗ trợ của các ban, bộ, ngành Trung ương; sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, mô hình mới tại Lào Cai cơ bản vận hành ổn định, thông suốt, bước đầu tạo chuyển biến rõ về phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành, phục vụ Nhân dân và kiến tạo phát triển.

Thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai, tôi xin tham luận một số nội dung trọng tâm sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Lào Cai là tỉnh miền núi, biên giới, có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng trung du, miền núi phía Bắc; địa bàn rộng, địa hình chia cắt, dân cư phân bố không đồng đều, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, nhiều xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, điều kiện hạ tầng và khả năng tiếp cận dịch vụ công giữa các khu vực còn chênh lệch. Sau hợp nhất tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái, tỉnh Lào Cai mới có diện tích tự nhiên trên 13.256 km², dân số trên 1,8 triệu người; có 99 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 89 xã, 10 phường. Đảng bộ tỉnh có 103 đảng bộ trực thuộc, 1.759 tổ chức cơ sở đảng và trên 122 nghìn đảng viên.

Trong bối cảnh đó, Lào Cai là một trong những địa phương triển khai đồng thời nhiều nhiệm vụ lớn, có tính chất rất mới và khối lượng công việc đặc biệt lớn: hợp nhất địa giới hành chính cấp tỉnh; kết thúc hoạt động của cấp huyện; sắp xếp mạnh đơn vị hành chính cấp xã; kiện toàn tổ chức bộ máy trong toàn hệ thống chính trị; phân định lại thẩm quyền, trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp xã; đồng thời bảo đảm hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành, cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp không bị gián đoạn.

Đặc điểm nổi bật của Lào Cai sau sắp xếp là vừa có không gian phát triển rộng hơn, dư địa liên kết vùng lớn hơn, vừa phải xử lý nhiều vấn đề thực tiễn phát sinh từ mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là yêu cầu xây dựng cấp xã đủ mạnh để trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở. Đối với một tỉnh miền núi, biên giới, nhiều dân tộc, địa bàn phân tán như Lào Cai, việc vận hành mô hình mới không chỉ là yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, mà còn là phép thử về năng lực lãnh đạo của cấp ủy, hiệu quả quản lý của chính quyền, chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, mức độ đồng bộ của hạ tầng số và khả năng phục vụ Nhân dân.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Bộ máy mới được hình thành nhanh, vận hành ổn định, giảm tầng nấc trung gian

Sau sắp xếp, tỉnh kết thúc hoạt động của 18 đơn vị hành chính cấp huyện; sắp xếp từ 319 xã, phường, thị trấn xuống còn 99 xã, phường, giảm 220 đơn vị cấp xã, tương đương gần 69%; đồng thời giảm 292 đầu mối cơ quan, đơn vị. 100% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã được kiện toàn các chức danh lãnh đạo, quản lý chủ chốt; 100% bí thư cấp ủy cấp xã và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp xã được bố trí không phải người địa phương.

Qua thực tiễn 01 năm vận hành cho thấy, việc kết thúc hoạt động cấp huyện đã giảm đáng kể tầng nấc trung gian; nhiều công việc được giải quyết trực tiếp giữa cấp tỉnh và cấp xã; chỉ đạo của tỉnh đến cơ sở nhanh hơn, thông tin phản hồi từ cơ sở lên tỉnh kịp thời hơn. Hoạt động của hệ thống chính trị không bị gián đoạn, không để khoảng trống trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đoàn kết nội bộ và đồng thuận xã hội cơ bản ổn định.

Có thể khẳng định, bộ máy mới đã thể hiện ưu thế ban đầu so với mô hình cũ ở ba điểm: giảm trung gian trong chỉ đạo, điều hành; nâng trách nhiệm trực tiếp của cấp xã trong phục vụ Nhân dân; tạo điều kiện để cấp tỉnh tập trung hơn vào kiến tạo phát triển, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cơ sở.

2. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và thể chế hóa được đổi mới theo hướng rõ việc, rõ trách nhiệm

Ngay sau khi vận hành mô hình mới, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung hoàn thiện quy chế làm việc, cơ chế phối hợp, phân công nhiệm vụ; ban hành trên 3.500 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, trong đó có 652 văn bản trọng tâm được rà soát, thống kê phục vụ trực tiếp việc vận hành mô hình mới, gồm cấp ủy cấp tỉnh 159 văn bản, HĐND 167 văn bản, UBND 303 văn bản, MTTQ và các đoàn thể 23 văn bản. Các nội dung thuộc thẩm

quyền của tỉnh cơ bản được cụ thể hóa đầy đủ; không có nội dung lớn chưa triển khai do thiếu văn bản của tỉnh.

Tỉnh chỉ đạo thực hiện phương châm "rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm"; phê duyệt vị trí việc làm, bản mô tả công việc cho hầu hết cơ quan, đơn vị; đưa 100% quy trình tác nghiệp lên môi trường số để lưu vết, giám sát tiến độ và sản phẩm đầu ra. Phương thức lãnh đạo của cấp ủy chuyển mạnh hơn sang định hướng chiến lược, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện; chính quyền chuyển sang quản trị theo dữ liệu, tiến độ, kết quả, sản phẩm và chất lượng phục vụ.

Nhờ đó, quyền hạn và trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp xã từng bước được phân định rõ hơn; trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu, được cụ thể hóa hơn; nhiều công việc phát sinh ở cơ sở được xử lý nhanh hơn, giảm tình trạng đẩy việc lên cấp trung gian như trước đây.

3. Hiệu quả quản lý, điều hành, phục vụ Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội được duy trì, có mặt chuyển biến tích cực

Trong điều kiện cùng lúc triển khai hợp nhất tỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính, kiện toàn bộ máy và vận hành mô hình mới, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn duy trì kết quả tích cực. Năm 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 8,14%, đứng thứ 2 trong vùng và xếp thứ 17 toàn quốc; quý I/2026 đạt 8,03%, cao hơn bình quân chung cả nước. Thu ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 21.689 tỷ đồng, bằng 160% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 12.657 tỷ đồng, bằng 53,9% kế hoạch. Giải ngân vốn đầu tư công thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Những kết quả trên cho thấy việc sắp xếp tổ chức bộ máy không làm chậm nhịp phát triển, mà bước đầu tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả quản trị, khai thông nguồn lực, mở rộng không gian phát triển sau hợp nhất. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để khẳng định mô hình mới, nếu tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ, sẽ tạo động lực mới cho phát triển nhanh, bền vững, hướng tới mục tiêu tăng trưởng cao trong giai đoạn tới.

4. Chất lượng dịch vụ công, cải cách hành chính và chuyển đổi số có chuyển biến rõ

Hiện nay, toàn tỉnh có 02 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và 99 trung tâm cấp xã, phường. Toàn tỉnh có 2.105 thủ tục hành chính, trong đó 1.407 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 509 dịch vụ công trực tuyến một phần, 189 thủ tục còn lại phải thực hiện trực tiếp do liên quan giấy tờ gốc; cấp tỉnh giải quyết 1.792 thủ tục, cấp xã giải quyết 313 thủ tục.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, cấp xã đã tiếp nhận 533.405 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó phần lớn được tiếp nhận qua hình thức trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt khoảng 98%. Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh tăng 05 bậc, đứng thứ 21/34 tỉnh, thành phố; chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đứng thứ 09/34 tỉnh, thành phố, đứng thứ 02/09 tỉnh miền núi phía Bắc; tỉnh xếp thứ 13/34 trong Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử năm 2025, trong đó chỉ số mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt 18 điểm, đứng đầu cả nước.

Về hạ tầng số, tỉnh đã cơ bản hình thành hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ từ tỉnh đến xã; 100% cơ quan hành chính sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số; 100% quy trình tác nghiệp được đưa lên môi trường số. Toàn tỉnh đã số hóa khoảng 15,19 triệu trang tài liệu; hạ tầng công nghệ thông tin được tăng cường với 11.503 máy tính để bàn, 1.598 máy tính xách tay, 578 trạm phát sóng 5G; 100% đường truyền cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành. Hạ tầng viễn thông có 5.059 trạm BTS, phủ sóng di động đạt 99,3%, internet cáp quang đạt 99% thôn, bản. Tài liệu lưu trữ khối nhà nước đã số hóa đạt 91,8%, tỷ lệ khai thác và sử dụng lại thông tin từ dữ liệu số hóa đạt trên 80%.

Thực tiễn này cho thấy cấp xã mới đang từng bước trở thành nơi trực tiếp cung ứng dịch vụ công, tiếp nhận phản ánh, xử lý công việc hằng ngày của người dân, doanh nghiệp; đồng thời là "điểm chạm" quan trọng nhất để đánh giá chất lượng vận hành mô hình mới.

5. Công tác cán bộ và tổ chức lực lượng ở cơ sở được tập trung chỉ đạo

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh hiện có là 46.827 người, gồm 9.388 cán bộ, công chức và 37.439 viên chức. Theo quyết định mới nhất của Trung ương, tỉnh được giao 47.856 biên chế, gồm 8.694 biên chế cán bộ, công chức và 39.162 biên chế viên chức. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, tỉnh tổ chức 258 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 25.878 lượt cán bộ, công chức, viên chức; điều động, tăng cường, biệt phái 147 cán bộ, công chức, viên chức từ cấp tỉnh về cấp xã để hỗ trợ cơ sở trong giai đoạn đầu vận hành.

Tỉnh xác định cán bộ là khâu then chốt của vận hành mô hình mới, nhất là cán bộ cấp xã. Việc bố trí cán bộ cơ bản bám sát yêu cầu nhiệm vụ, địa bàn, lĩnh vực; đồng thời chuẩn bị thí điểm đánh giá cán bộ, công chức theo KPI, gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với sản phẩm, tiến độ, chất lượng và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức.

Cùng với đó, sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh tiếp tục triển khai

sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố. Theo phương án tổng thể, toàn tỉnh dự kiến giảm từ 2.906 xuống còn 1.624 thôn, tổ dân phố, giảm 1.282 đơn vị, tương đương 44,12%; qua đó đồng bộ không gian quản trị ở cơ sở, giảm đầu mối, giảm kinh phí hoạt động, đồng thời đặt ra yêu cầu thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và bố trí đội ngũ ở thôn, tổ dân phố có uy tín, trách nhiệm, năng lực vận động quần chúng.

Từ những kết quả trên có thể nhận định: mô hình mới tại Lào Cai bước đầu tốt hơn mô hình cũ ở việc giảm tầng nấc trung gian, rút ngắn quan hệ chỉ đạo giữa tỉnh và cơ sở, phân định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm và nâng cao tính chủ động của cấp xã. Cấp xã đang từng bước trở thành trung tâm vận hành mới ở cơ sở, là nơi trực tiếp tiếp nhận, xử lý công việc, cung ứng dịch vụ công và phản ánh hiệu quả phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp. Mặc dù tăng trưởng kinh tế chưa đạt mức hai con số, nhưng trong điều kiện đồng thời hợp nhất tỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình mới, việc duy trì GRDP năm 2025 đạt 8,14%, quý I/2026 đạt 8,03%, thu ngân sách và giải ngân đầu tư công đạt kết quả tích cực cho thấy mô hình mới không làm chậm nhịp phát triển, mà bước đầu tạo nền tảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị và hướng tới mục tiêu tăng trưởng cao trong giai đoạn tới.

III. HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC

1. Khung tổ chức cấp xã chưa phân hóa đủ theo quy mô, tính chất và điều kiện phát triển

Sau sắp xếp, quy mô các xã, phường chênh lệch rất lớn về diện tích, dân số, mức độ đô thị hóa, điều kiện hạ tầng, khả năng tự cân đối nguồn lực và khối lượng công việc phát sinh, nhưng khung tổ chức bộ máy, số lượng phòng chuyên môn và định mức biên chế cơ bản vẫn tương đối giống nhau. Ví dụ, phường Cam Đường có diện tích khoảng 59,9 km², dân số 67.877 người, là địa bàn đô thị có áp lực lớn về quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng, dân cư, dịch vụ công; xã A Mú Sung có diện tích 104,44 km² nhưng dân số chỉ 5.955 người, là xã biên giới, dân cư phân tán, đi lại khó khăn; xã Mậu A có diện tích 144,52 km², dân số 40.652 người, là xã trung tâm có quy mô dân số lớn, nhiều thôn, tổ dân phố; trong khi xã Tà Xi Láng là xã không thực hiện sắp xếp, có diện tích khoảng 88,54 km² dân số chỉ khoảng 2.441 người, dân cư thưa, giao thông khó khăn, yêu cầu quản lý cơ sở, tiếp cận người dân và cung ứng dịch vụ công rất khác biệt so với các phường đô thị và xã trung tâm. Thực tế này cho thấy cần tiếp tục phân loại cấp xã sâu hơn theo dân số, diện tích, mức độ đô thị hóa, số lượng thôn, tổ dân phố, quy mô thu ngân sách, khối lượng hồ sơ hành chính và yếu tố đặc thù về dân tộc, tôn giáo, biên giới, quốc phòng, an ninh để bố trí tổ chức bộ máy, biên chế và nguồn lực phù hợp.

2. Một số nội dung phân cấp, phân quyền chưa đi kèm đầy đủ nguồn lực và công cụ thực thi

Qua rà soát, có 45 nhiệm vụ cấp tỉnh đã được Trung ương phân cấp, phân quyền nhưng khi thực hiện vẫn phải xin ý kiến hoặc có văn bản thống nhất của cơ quan cấp trên, gồm khối Đảng 08 nhiệm vụ, khối UBND 37 nhiệm vụ; trong đó khối UBND tập trung ở các lĩnh vực chuyên sâu như văn hóa, thể thao và du lịch 14 nhiệm vụ, khoa học và công nghệ 13 nhiệm vụ, công thương 09 nhiệm vụ, tài nguyên - môi trường 01 nhiệm vụ. Ở cấp xã, có 71 nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền hoặc phân định thẩm quyền nhưng vẫn phải xin ý kiến cấp trên, gồm khối Đảng 16 nhiệm vụ, HĐND 04 nhiệm vụ, UBND 43 nhiệm vụ, MTTQ và các đoàn thể 08 nhiệm vụ.

Đáng chú ý, phân cấp, phân quyền chưa thật sự gắn chặt với nguyên tắc "nhiệm vụ đi đôi với nguồn lực". Hiện cấp tỉnh thực hiện 1.002 nhiệm vụ, 1.820 thủ tục hành chính. Khối lượng nhiệm vụ của UBND cấp xã tăng từ 136 lên 321 nhiệm vụ, tăng 185 nhiệm vụ, khoảng 136%; thủ tục hành chính cấp xã tăng từ 131 lên 313 thủ tục, tăng 182 thủ tục, khoảng 139%. Tuy nhiên, đối với 57 nhiệm vụ từ cấp tỉnh chuyển về cấp xã, đến nay tỉnh mới điều động, tăng cường, biệt phái được 147 cán bộ cấp tỉnh về hỗ trợ cấp xã. Nhiều nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực khó như đất đai, xây dựng, quy hoạch, tài chính - kế hoạch, tư pháp, giáo dục, lao động - xã hội, tổ chức cán bộ, kiểm soát thủ tục hành chính nhưng chưa đi kèm đầy đủ thẩm quyền quyết định, quy trình nghiệp vụ, dữ liệu nền, phần mềm xử lý, kinh phí và cơ chế hướng dẫn chuyên môn thống nhất; do đó cấp xã vừa phải trực tiếp xử lý công việc, vừa phải xin ý kiến cấp trên, ảnh hưởng đến tính chủ động và tiến độ giải quyết công việc.

3. Năng lực thực thi của cấp xã chưa đồng đều, một số lĩnh vực thiếu cán bộ chuyên sâu

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cơ bản được hình thành từ đội ngũ cấp xã trước đây, nay phải tiếp nhận thêm nhiều nhiệm vụ vốn thuộc cấp huyện, trong khi năng lực thực thi giữa các địa bàn, lĩnh vực chưa đồng đều. Khối chính quyền cấp xã được giao 4.398 biên chế nhưng hiện có 3.703 người, thiếu 695 người, khoảng 15,8%; riêng công chức chuyên môn, nghiệp vụ cấp xã được giao 2.889 biên chế, hiện có 2.622 người, thiếu 267 người, khoảng 9,2%. Trong 2.622 công chức chuyên môn cấp xã hiện có, chỉ có 552 người từ cấp tỉnh, cấp huyện cũ, chiếm 21,05%; còn lại 2.008 người, chiếm 76,6%, chủ yếu là cán bộ, công chức cấp xã trước đây.

Một số lĩnh vực chuyên sâu còn thiếu cán bộ và nguồn cán bộ từ cấp tỉnh, cấp huyện cũ chuyển về còn ít: nông nghiệp và môi trường hiện có 355/452 công chức, thiếu 97 người, chỉ có 74 người từ cấp tỉnh, cấp huyện cũ; xây dựng có 145/184 công chức, thiếu 39 người, chỉ có 68 người từ cấp tỉnh, cấp huyện cũ; toàn tỉnh mới

có 58 cán bộ có chuyên môn CNTT, còn thiếu khoảng 163 người so với nhu cầu. Trong khi đó, cấp xã đã tiếp nhận 533.405 hồ sơ thủ tục hành chính, đã giải quyết 525.177 hồ sơ; vẫn còn 7.390 hồ sơ đã giải quyết quá hạn và 752 hồ sơ đang giải quyết quá hạn, tập trung ở các lĩnh vực phát sinh thường xuyên như chứng thực, hộ tịch, đất đai, thành lập và hoạt động doanh nghiệp, bảo trợ xã hội. Điều này tạo áp lực lớn cho đội ngũ công chức chuyên môn, nhất là ở các lĩnh vực đất đai, xây dựng, nông nghiệp - môi trường, tư pháp, tài chính - kế hoạch, khoa học - công nghệ và chuyển đổi số.

4. Hạ tầng số, dữ liệu và phần mềm chuyên ngành còn thiếu đồng bộ

Một số hệ thống thông tin của bộ, ngành chưa ổn định; quy trình, biểu mẫu, luồng xử lý chưa thống nhất; liên thông dữ liệu giữa các hệ thống còn hạn chế; có thủ tục vẫn phải xử lý trên nhiều phần mềm, phát sinh lỗi thanh toán trực tuyến, phí, lệ phí hoặc kho lưu trữ dữ liệu số hóa. Đặc thù miền núi, biên giới cũng đặt ra khó khăn lớn cho Lào Cai khi toàn tỉnh còn 22 thôn chưa tiếp cận được internet băng rộng cố định, 04 thôn lõm sóng, 02 thôn trắng sóng di động hoàn toàn và 35 thôn chưa có điện lưới quốc gia.

Nguồn lực chuyển đổi số cấp xã chưa theo kịp yêu cầu phân cấp. Khối UBND cấp xã chưa được giao biên chế riêng về công nghệ thông tin; hiện mới có 58 cán bộ có chuyên môn CNTT, còn thiếu khoảng 163 người so với nhu cầu. Khối Đảng cấp xã được giao 99 biên chế CNTT nhưng mới có mặt 54 người, thiếu 45 người. Cấp xã còn thiếu khoảng 645 thiết bị đầu cuối; tỷ lệ máy tính cài Windows bản quyền đạt 62,52%, Microsoft Office bản quyền đạt 60,13%, phần mềm bảo mật đạt khoảng 62,52%. Trong khi đó, cấp xã trực tiếp xử lý 314 thủ tục hành chính, tiếp nhận khối lượng lớn hồ sơ trực tuyến, sử dụng chữ ký số, khai thác dữ liệu số và vận hành các phần mềm chuyên ngành. Nếu không bổ sung kịp thời nhân lực CNTT, thiết bị, phần mềm dùng chung, dữ liệu nền và kinh phí chuyển đổi số, cấp xã khó đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại, an toàn thông tin và phục vụ người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

5. Cơ sở vật chất, tài sản công và tổ chức lực lượng ở thôn, tổ dân phố còn nhiều việc phải tiếp tục xử lý

Đến ngày 31/5/2026, toàn tỉnh có 4.029 cơ sở nhà, đất cần sắp xếp, xử lý; 3.762 cơ sở đã có phương án bố trí, còn 267 cơ sở dôi dư cần tiếp tục xử lý. Nhiều trụ sở xã được xây dựng theo mô hình cũ, chưa phù hợp với quy mô xã mới; một số trụ sở xuống cấp, phân tán, phải duy trì nhiều địa điểm làm việc. Việc chuyển đổi công năng trụ sở dôi dư còn vướng về quy hoạch ngành, tiêu chuẩn kỹ thuật, nguồn vốn cải tạo và cơ chế quản lý tài sản công.

Đối với sắp xếp thôn, tổ dân phố, tỉnh phải bảo đảm hài hòa giữa tiêu chí quy mô với yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, địa hình, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân. Chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố còn có nội dung cần được hướng dẫn thống nhất, nhất là chính sách nghỉ việc đối với người có thời gian công tác lâu năm, đã quá tuổi nghỉ hưu nhưng không hưởng lương hưu; cách xác minh thời gian công tác đối với trường hợp thất lạc hồ sơ.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM, CÁCH LÀM SÁNG TẠO

Một là, lãnh đạo, chỉ đạo phải tập trung, thống nhất, quyết liệt và dựa trên đồng thuận chính trị, đồng thuận xã hội. Ở những nơi cấp ủy sâu sát, người đứng đầu gương mẫu, công tác tư tưởng đi trước một bước, việc lấy ý kiến, đối thoại, giải quyết chính sách được thực hiện công khai, minh bạch thì quá trình sắp xếp thuận lợi hơn, hạn chế phát sinh phức tạp.

Hai là, tinh gọn bộ máy phải được đo bằng chất lượng phục vụ và kết quả phát triển. Giảm đầu mối chỉ là điều kiện ban đầu; mục tiêu cuối cùng là công việc nhanh hơn, trách nhiệm rõ hơn, người dân và doanh nghiệp được phục vụ tốt hơn, địa phương có thêm động lực tăng trưởng. Vì vậy, mọi sắp xếp phải gắn với dữ liệu, sản phẩm, tiến độ, chất lượng dịch vụ công và mức độ hài lòng của Nhân dân.

Ba là, với địa bàn miền núi, biên giới, phải có phương thức hỗ trợ cơ sở rất cụ thể, sát việc, sát người. Lào Cai đã tổ chức giao ban, làm việc trực tuyến với 99 xã, phường; thành lập 13 tổ công tác liên ngành do lãnh đạo các sở, ban, ngành làm tổ trưởng trực tiếp xuống địa bàn hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn; đồng thời điều động, tăng cường, biệt phái 147 cán bộ cấp tỉnh về cấp xã. Cách làm "cầm tay chỉ việc" giúp rút ngắn thời gian thích ứng của cấp xã và tạo kênh phản hồi hai chiều giữa tỉnh và cơ sở.

Bốn là, công tác cán bộ là điều kiện quyết định để mô hình mới vận hành hiệu quả. Cán bộ phải được bố trí đúng người, đúng việc, đúng năng lực, đúng địa bàn; được đào tạo, bồi dưỡng liên tục; có công cụ thực hiện; có cơ chế bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; và được đánh giá công bằng bằng kết quả, sản phẩm, dữ liệu, mức độ hài lòng của người dân.

Năm là, chuyển đổi số phải trở thành phương thức quản trị mới. Trong mô hình không còn cấp huyện ở địa phương, nếu không có dữ liệu dùng chung, phần mềm liên thông, chữ ký số, hệ thống giao việc, giám sát tiến độ và dịch vụ công trực tuyến thì cấp xã rất dễ quá tải. Đầu tư hạ tầng số, chuẩn hóa dữ liệu, kết nối hệ thống và ứng dụng trí tuệ nhân tạo là điều kiện căn bản để vận hành mô hình mới hiệu quả.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện mô hình cấp xã theo hướng phân loại rõ, không áp dụng cứng nhắc một khung chung

Cần tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp xã theo hướng tạo quy mô đủ lớn, có dư địa phát triển, nhưng phải tính đầy đủ yếu tố miền núi, vùng cao, biên giới, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, hạ tầng và khả năng ứng dụng chuyển đổi số. Việc xác định khung tổ chức cấp xã cần căn cứ quy mô dân số, diện tích, số lượng thôn, tổ dân phố, mức độ đô thị hóa, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và tính chất quản lý. Trên cơ sở đó, phân loại cấp xã để thiết kế tổ chức bộ máy, biên chế, thẩm quyền và nguồn lực tương ứng.

2. Phân cấp, phân quyền đồng bộ với nguồn lực, công cụ thực thi và kiểm soát quyền lực

Những nhiệm vụ đã giao cho địa phương, cho cấp xã cần được giao đủ thẩm quyền quyết định, đủ nguồn lực tài chính, biên chế, dữ liệu, hạ tầng và hướng dẫn chuyên môn; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, trách nhiệm giải trình. Cần rà soát những nhiệm vụ đã phân cấp nhưng vẫn phải xin ý kiến cấp trên để phân định lại cho rõ; nhiệm vụ nào cấp xã thực hiện thì phải có quy trình nghiệp vụ mẫu, biểu mẫu thống nhất, dữ liệu nền, phần mềm dùng chung và cơ chế hỏi - đáp chuyên môn kịp thời.

3. Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã

Tiếp tục rà soát, đánh giá thực chất năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo vị trí việc làm; bố trí, sắp xếp đúng người, đúng việc, đúng năng lực, đúng địa bàn; tăng cường điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ có năng lực về hỗ trợ cơ sở, nhất là các xã vùng cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, đổi mới đào tạo, bồi dưỡng theo hướng thiết thực, sát yêu cầu nhiệm vụ mới, tập trung vào các lĩnh vực còn thiếu, yếu như đất đai, xây dựng, tài chính, tư pháp, chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính và xử lý tình huống ở cơ sở; từng bước chuyển từ quản lý biên chế sang quản trị năng lực, từ đánh giá theo quy trình sang đánh giá bằng kết quả, sản phẩm và mức độ hài lòng của Nhân dân.

4. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, chính quyền dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Cần ưu tiên hoàn thiện hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính thống nhất, bảo đảm cán bộ cấp xã xử lý công việc trên một giao diện thuận lợi, hạn chế sử dụng song song nhiều phần mềm. Đồng thời, thống nhất chuẩn dữ liệu dùng chung, mở kết nối tự động giữa phần mềm chuyên ngành với hệ thống thông tin giải

quyết thủ tục hành chính của địa phương; hoàn thiện VNeID thành nền tảng số đa tiện ích; ưu tiên đầu tư hạ tầng số, điện lưới, viễn thông cho vùng sâu, vùng xa, biên giới; tổ chức đào tạo kỹ năng số cho cán bộ cơ sở và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

5. Sắp xếp thôn, tổ dân phố gắn với củng cố lực lượng gần dân, sát dân ở cơ sở

Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố phải bảo đảm đúng tiêu chí, quy trình, tiến độ; đồng thời tính đến yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, địa hình, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân; lấy ý kiến Nhân dân công khai, dân chủ, thực chất. Cùng với sắp xếp, cần thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; lựa chọn đội ngũ ở thôn, tổ dân phố có uy tín, trách nhiệm, năng lực vận động quần chúng, từng bước trẻ hóa, nâng cao kỹ năng quản trị cộng đồng, giữ vững ổn định ngay từ cơ sở.

6. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình mới

Bộ tiêu chí cần lượng hóa được chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo; mức độ thông suốt của bộ máy; năng lực thực thi của cấp xã; chất lượng dịch vụ công; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; hiệu quả sử dụng nguồn lực; kết quả chuyển đổi số; năng lực phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh ở cơ sở. Đây là cơ sở để đánh giá thực chất, tránh hình thức; phát hiện sớm nơi làm tốt để nhân rộng, nơi còn hạn chế để hỗ trợ, chấn chỉnh kịp thời.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về hoàn thiện thể chế và khung tổ chức bộ máy: Đề nghị Trung ương tiếp tục hoàn thiện quy định về mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong cấu trúc mô hình chính quyền 3 cấp; nghiên cứu tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp xã theo hướng quy mô đủ lớn, có dư địa phát triển, đồng thời có cơ chế đặc thù cho miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sau khi điều chỉnh quy mô cấp xã phù hợp, nghiên cứu khung tổ chức cấp xã theo nhóm loại hình; đối với xã, phường quy mô lớn, nhiệm vụ phức tạp, có thể tổ chức từ 5 đến 7 phòng chuyên môn, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp xã tối đa 04 cơ quan, bảo đảm tinh gọn nhưng đủ sức tham mưu và tổ chức thực hiện.

2. Về phân cấp, phân quyền và nguồn lực: Đề nghị rà soát toàn diện các nhiệm vụ đã phân cấp nhưng vẫn phải xin ý kiến cấp trên; nhiệm vụ đã giao cho cấp xã cần giao đủ thẩm quyền, quy trình, dữ liệu, phần mềm, biên chế và kinh phí thực hiện. Đối với các lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài chính, đầu tư công, tư pháp, môi

trường, cần sớm ban hành quy trình nghiệp vụ mẫu, biểu mẫu thống nhất, cơ chế phối hợp và hướng dẫn chuyên ngành để cấp xã thực hiện thống nhất, đúng thẩm quyền, hạn chế rủi ro.

3. Về cán bộ, biên chế và chính sách cơ sở: Đề nghị Trung ương xem xét giao biên chế sát thực tế số có mặt tại địa phương và sớm giao biên chế giai đoạn 2026-2030 để địa phương chủ động cơ cấu lại đội ngũ theo lộ trình; ban hành khung chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo nhóm vị trí việc làm; hoàn thiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; quan tâm chính sách nhà ở, đi lại, đào tạo đối với cán bộ công tác ở vùng cao, biên giới, địa bàn khó khăn.

4. Về chuyển đổi số và hệ thống thông tin: Đề nghị Trung ương sớm hoàn thiện hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia; thống nhất danh mục thủ tục thực hiện trên hệ thống của bộ và hệ thống của địa phương; chuẩn hóa dữ liệu, mở kết nối tự động giữa các phần mềm chuyên ngành với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương; ưu tiên nguồn lực xóa vùng trắng sóng, lõm sóng, kéo điện lưới, internet băng rộng đến các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, biên giới.

5. Về tài sản công, đơn vị sự nghiệp và tổ chức lực lượng ở cơ sở: Đề nghị có hướng dẫn, cơ chế linh hoạt để xử lý, chuyển đổi công năng trụ sở, nhà đất dôi dư sau sắp xếp; nghiên cứu cho phép tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã theo hướng đa chức năng, giảm phân tán đầu mối, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công. Đồng thời, đề nghị Bộ Nội vụ tiếp tục hướng dẫn tháo gỡ khó khăn về chế độ, chính sách nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và các chức danh tham gia hoạt động ở cơ sở, nhất là trường hợp có thời gian công tác lâu năm nhưng hồ sơ không đầy đủ hoặc đã quá tuổi nghỉ hưu nhưng không hưởng lương hưu.

6. Về cơ chế theo dõi sau sơ kết: Đề nghị sau Hội nghị, Trung ương tiếp tục duy trì cơ chế theo dõi, giám sát chuyên đề về vận hành mô hình mới, nhất là đối với các địa phương miền núi, biên giới, quy mô lớn sau sáp nhập; thiết lập cơ chế phản hồi nhanh giữa Trung ương và địa phương để tháo gỡ các vướng mắc phát sinh; định kỳ đánh giá chất lượng phục vụ, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, tình trạng quá tải cán bộ cấp xã, chất lượng dữ liệu, hạ tầng số và hiệu quả phân cấp, phân quyền.

VII. KẾT LUẬN

Từ thực tiễn Lào Cai có thể khẳng định: mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 3 cấp là chủ trương lớn, đúng đắn, tạo bước

chuyển quan trọng trong tinh gọn bộ máy, đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị, điều hành và phục vụ Nhân dân. Đối với địa phương, vận hành chính quyền địa phương 02 cấp đã bước đầu phát huy hiệu quả, nhưng để mô hình thật sự hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, cần tiếp tục hoàn thiện đồng bộ về thể chế, tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, nguồn lực, dữ liệu, hạ tầng số và đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp xã.

Tỉnh Lào Cai xác định cấp xã là trung tâm vận hành mới ở cơ sở, là nơi trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời là nơi trực tiếp phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp và kiến tạo phát triển. Trong thời gian tới, Lào Cai sẽ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, điều hành; xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; đẩy mạnh chuyển đổi số, quản trị bằng dữ liệu; hoàn thiện mô hình tổ chức cấp xã phù hợp với đặc thù miền núi, biên giới; quyết tâm xây dựng bộ máy tinh gọn, thông suốt, gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

17. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ:

Thực tiễn vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở tỉnh Quảng Trị sau một năm triển khai thực hiện

I. Về đặc điểm, tình hình

Tỉnh Quảng Trị được thành lập theo Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH15, ngày 12/6/2025 của Quốc hội trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số tỉnh Quảng Bình (cũ) và tỉnh Quảng Trị (cũ). Tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Nam giáp thành phố Huế, phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh. Diện tích tự nhiên 12.699,99 km^2; quy mô dân số 1.870.845 người. Tỉnh có 78 đơn vị hành chính cấp xã (08 phường, 69 xã và đặc khu Cồn Cỏ); 1.922 thôn, tổ dân phố. Đảng bộ tỉnh hiện có 82 đảng bộ trực thuộc (gồm: Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Uỷ ban nhân dân tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh và 78 đảng bộ xã, phường, đặc khu); có 786 tổ chức cơ sở đảng gồm 390 đảng bộ cơ sở và 396 chi bộ cơ sở; 40 đảng bộ bộ phận; 4.556 chi bộ trực thuộc với 130.902 đảng viên.

Xác định sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và vận hành có hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp là chủ trương mang tính chiến lược của Đảng, là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng đặt ra đối với cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh. Với sự điều chỉnh nhanh chóng, tổng thể về tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, cùng sự thay đổi lớn trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp đặt ra nhiều thách thức chưa từng có, nhất là trong giai đoạn đầu thực hiện. Tuy nhiên, với quyết tâm chính trị cao, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát, đồng bộ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đặc biệt là đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, tỉnh Quảng Trị đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp theo các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, mang lại những hiệu quả tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

II. Kết quả đạt được

Sau một năm sắp xếp, vận hành tổ chức bộ máy mới và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Quảng Trị đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

(1) Có thể khẳng định rằng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Quảng Trị đã được sắp xếp tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, giảm cấp trung gian, thực sự gần dân, sát dân để phục vụ Nhân dân theo đúng định hướng của Trung ương. Hệ thống chính trị tỉnh được sắp xếp lại ổn định, các cơ quan, đơn vị, địa phương không bị gián đoạn trong thực thi nhiệm vụ; việc giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp, cởi mở và chuyên nghiệp hơn, giảm thiểu thời gian chờ đợi; việc phân cấp mạnh cho cấp xã gắn liền với trách nhiệm của người đứng đầu đòi hỏi cán bộ cơ sở phải nâng cao năng lực và hiểu biết sâu sắc về địa bàn mình phụ trách. So với thời điểm 30/6/2025, Khối Đảng đã giảm 10 cơ quan, đơn vị, 38 tổ chức bên trong; Khối HĐND giảm 04 cơ quan, đơn vị, 03 tổ chức bên trong; Khối Mặt trận Tổ quốc giảm 11 cơ quan, đơn vị, 28 tổ chức bên trong; Khối UBND giảm 15 cơ quan, đơn vị, 88 tổ chức bên trong. Thực hiện việc sắp xếp thôn, bản, khu dân cư theo đúng tiến độ đề ra; giảm từ 1.922 còn 916 thôn, tổ dân phố (giảm 1.006); trong đó, số thôn, tổ dân phố đảm bảo tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình 774, đạt 84,98%, bình quân quy mô số hộ/thôn, tổ dân phố là 507. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng kịp thời ban hành đầy đủ các quy định, quy chế về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị tỉnh ngay sau khi thành lập; tạo hành lang pháp lý để vận hành thông suốt tổ chức bộ máy mới. Vì vậy, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng vị trí lãnh đạo; cơ chế chịu trách nhiệm của người đứng đầu được xác định cụ thể, rõ ràng, hạn chế tình trạng đùn đẩy, né tránh hoặc trùng lắp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

(2) Quyền hạn và trách nhiệm thực hiện theo nguyên tắc 6 rõ: Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian và rõ kết quả; từng đầu việc đều gắn với một đầu mối duy nhất chịu trách nhiệm xuyên suốt; do đó đã giúp xóa bỏ tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc chồng chéo chức năng giữa các tầng nấc hành chính vốn thường xảy ra khi còn cấp huyện. Cấp tỉnh không còn làm thay cấp dưới mà chuyển sang vai trò kiến tạo, ban hành các quy định, quy trình để cấp xã thực thi, đồng thời hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ và điều phối để giải quyết những vấn đề vướng mắc vượt thẩm quyền của cấp xã, bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, không để tồn đọng.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết liệt đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy các cấp; thực hiện việc phân cấp, phân quyền triệt để; nâng cao hiệu quả, năng lực cầm quyền; giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Đã ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, trong đó thực hiện giao quyền chủ động tối đa cho cấp ủy cơ sở quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền; khắc phục tình trạng phải trình xin ý kiến nhiều lần, qua nhiều tầng nấc

trung gian như trước đây. Chuyển từ đánh giá quá trình sang đánh giá kết quả thông qua việc giao chỉ tiêu, đánh giá sản phẩm đầu ra. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo hướng đồng bộ, xuyên suốt, rõ ràng, bám sát thực tiễn, có tính dự báo, tính khả thi cao. Phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên phụ trách địa bàn các xã, phường, đặc khu, gắn trách nhiệm cá nhân của từng đồng chí, của người đứng đầu đối với địa bàn, lĩnh vực được giao phụ trách. Đã chỉ đạo đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp tổ chức các cuộc họp, hội nghị của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo hướng ngắn gọn, hiệu quả, đi vào trọng tâm; số hóa tài liệu và triển khai mô hình phòng họp không giấy. Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động của cấp ủy các cấp; nghiêm túc, chủ động thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trong công tác tổ chức xây dựng Đảng. Ban hành đề án, kế hoạch và triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phát triển đảng viên (đến nay đã kết nạp 1.976 đảng viên mới, đạt 64,03% chỉ tiêu năm 2026), góp phần củng cố, tăng cường năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp. Chủ động tổ chức các hội nghị chuyên đề để sơ kết, đánh giá tình hình hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp sau 04 tháng, 01 năm vận hành; xác định cụ thể nhóm vấn đề khó khăn, vướng mắc và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết, tháo gỡ. Tổ chức 10 đoàn kiểm tra của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với 78 xã, phường, đặc khu nhằm đánh giá tổng thể, toàn diện tình hình thực tiễn ở các địa phương.

- Cấp ủy cấp xã đã tập trung nâng cao tinh thần chủ động, bám dân, sát dân theo mô hình "chính quyền phục vụ". Bí thư, phó bí thư đảng ủy cấp xã đã trực tiếp xuống địa bàn tham gia vào tổ "Công nghệ số cộng đồng", "Chính quyền lưu động" để hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến; phân công cấp ủy cấp xã phụ trách địa bàn, khu dân cư để nắm tình hình tư tưởng của người dân sau sáp nhập, không để xảy ra điểm nóng về an ninh trật tự hay đơn thư khiếu nại vượt cấp.

- Chính quyền các cấp đã bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; từng bước nâng cao năng lực quản lý, điều hành, phù hợp với tư duy quản trị mới. Đã giao quyền tối đa cho cấp cơ sở các nhiệm vụ trước đây thuộc cấp huyện; đặc biệt cấp xã được tự chủ quyết định trong các lĩnh vực về quản lý đất đai, tư pháp, quản lý ngân sách địa phương... đưa cấp xã trở thành trung tâm vận hành mới, giải quyết cơ bản yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Đi đôi với việc giao quyền, chủ tịch UBND cấp xã phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước cấp có thẩm quyền và pháp luật về toàn bộ kết quả điều hành tại địa phương, loại bỏ hoàn toàn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

(3) Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đã giải quyết cơ bản các hồ sơ, thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp tại chỗ, hạn chế tình trạng phải đi nhiều nơi, nhiều lần, tiết kiệm thời gian và chi phí; không gian làm việc, môi trường giao dịch chuyên nghiệp, hiện đại; thái độ phục vụ, kỹ năng giao tiếp và trách nhiệm giải trình được nâng lên; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, trước hạn ở Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường cơ bản đều trên 99%; qua đó khẳng định chất lượng dịch vụ công đã được nâng lên so với mô hình cũ. Đối với những địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, chính quyền cấp xã đã tổ chức các tổ lưu động đến các thôn, bản để giải quyết thủ tục hành chính, giúp người dân tiếp cận, sử dụng các ứng dụng công nghệ số. Trung tâm điều hành thông tin tỉnh tiếp nhận các ý kiến người dân trên môi trường số và chuyển đến chính quyền địa phương xử lý; kết quả xử lý được công khai để Nhân dân giám sát.

Qua điều tra xã hội học đo lường chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đối với các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh, mức độ hài lòng của người dân ở mức tương đối cao, tất cả các địa phương đạt trên 81%, nhiều đơn vị đạt trên 90% (07/78 xã, phường), trung bình chỉ số hài lòng của 78 xã, phường, đặc khu đạt 86,13%, phản ánh sự chuyển biến tích cực trong cải cách hành chính ở cấp xã sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

(4) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã bắt nhịp được với mô hình, yêu cầu nhiệm vụ mới; chất lượng từng bước nâng lên; năng lực tổ chức thực hiện, năng lực sử dụng công nghệ số có bước chuyển biến tích cực, từ tư duy quản lý sang phục vụ và kiến tạo; nêu cao tinh thần trách nhiệm, vận hành thông suốt các thủ tục hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 11-CTr/TU, ngày 12/02/2026 với những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã một cách bài bản, căn cơ, lâu dài, phù hợp với thực tiễn của tỉnh Quảng Trị. Chỉ đạo khảo sát nhu cầu để xây dựng và ban hành Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 26/5/2026 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị tỉnh giai đoạn 2026 - 2031; chú trọng thực hiện các giải pháp để khắc phục tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực ở một số chuyên ngành ở cấp xã hiện nay như công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tài chính - kế toán, xây dựng - quản lý đất đai, nông nghiệp - môi trường. Chủ động chỉ đạo xây dựng phương án; quyết liệt thực hiện việc điều động cán bộ, công chức từ nơi thừa sang nơi thiếu, đảm bảo thực hiện đồng thời 02 mục tiêu "vừa sắp xếp cán bộ, công chức dôi dư so với biên chế, khắc phục thừa, thiếu cục bộ; vừa đảm bảo sự hài hòa về chất lượng nguồn cán bộ giữa các xã, phường, đặc khu"; dự kiến hoàn thành việc sắp xếp trước

31/7/2026. Chú trọng chỉ đạo kiện toàn cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp; đến nay đã bố trí đủ số lượng các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cấp xã, trong đó 100% bí thư đảng ủy, chủ nhiệm UBKT đảng ủy, 85,6% chủ tịch UBND cấp xã không là người địa phương.

(5) Sau một năm triển khai và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở tỉnh Quảng Trị một lần nữa khẳng định đây là chủ trương đúng đắn. Hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đang tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành bám sát thực tiễn để tiếp tục phân bổ nguồn lực, nhân lực và đẩy mạnh số hóa nhằm hỗ trợ tối đa cho cấp xã, đảm bảo bộ máy vận hành ngày càng thông suốt, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo quan trọng nhất cho hiệu quả của mô hình này. Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp loại bỏ cấp trung gian, trách nhiệm trực tiếp là ở cấp xã, tạo ra sự chủ động nhất định trong việc xử lý các vấn đề nóng tại cơ sở, làm giảm tình trạng đùn đẩy trách nhiệm và rút ngắn thời gian xử lý các quyết định hành chính. Mô hình này đóng vai trò "gỡ nút thắt" giúp khơi thông các nguồn lực bị kìm hãm trước đây do thủ tục hành chính rườm rà. Nếu tận dụng và thực hiện tốt, đây chính là "cú hích" cần thiết để tỉnh Quảng Trị bứt phá, là điều kiện cần để đạt tăng trưởng 02 con số.

Kết quả, năm 2025, tất cả 17/17 chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đều đạt và vượt kế hoạch; tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 8%; mục tiêu 06 tháng đầu năm 2026 phấn đấu tăng trưởng trên 8%. Cơ bản các xã, phường, đặc khu đều hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; các lĩnh vực văn hóa - xã hội, an sinh xã hội được quan tâm; quốc phòng - an ninh được giữ vững; đời sống Nhân dân được cải thiện.

III. Một số khó khăn, vướng mắc và hướng tháo gỡ của tỉnh

Bên cạnh những ưu điểm, kết quả đạt được, với một mô hình tổ chức mới, quá trình vận hành đang đặt ra một số vướng mắc, tập trung vào 04 nhóm vấn đề:

Thứ nhất, tỉnh Quảng Trị có 09 xã diện tích, dân số chưa đảm bảo theo quy định; một số nơi địa bàn chia cắt, phân tán; địa giới hành chính nhỏ làm hạn chế không gian phát triển, thiếu sự đồng bộ trong công tác quy hoạch, liên kết vùng và kết nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Có sự chênh lệch về khối lượng công việc giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy; giữa các xã, phường có quy mô, dân số, trình độ phát triển, số lượng tổ chức đảng và đảng viên khác nhau; giữa vùng đồng bằng và vùng núi.

Để khắc phục sự chênh lệch này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng phương án giao biên chế năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên tinh thần không cào bằng, tính toán đầy đủ các thành tố ảnh hưởng đến số lượng biên chế, đảm bảo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc thù của các xã, phường, đặc khu.

Thứ hai, việc phân cấp, phân quyền chưa thực sự gắn với phân bổ nguồn lực, điều kiện đảm bảo để thực thi nhiệm vụ dẫn đến chính quyền cấp xã lúng túng, bị động trong thực hiện. Một số nhiệm vụ được phân cấp có khối lượng lớn, tính chất phức tạp, yêu cầu chuyên môn sâu, trong khi cấp xã chưa có đủ nguồn nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm chuyên ngành, kinh phí và dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ chưa đáp ứng đầy đủ... dẫn đến nguy cơ phát sinh sai sót pháp lý.

Nhận diện đầy đủ khó khăn này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động rà soát, đánh giá hiệu quả các nội dung được phân cấp, phân quyền; đồng thời tích cực hướng dẫn, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các công việc cấp xã xin ý kiến thẩm định, phê duyệt. Điều động cán bộ, công chức ở các sở, ngành cấp tỉnh để hỗ trợ trên một số lĩnh vực nguồn nhân lực ở cấp xã còn thiếu như quản lý đất đai, môi trường (48 trường hợp); kế toán, xây dựng, giao thông, công nghệ thông tin, giáo dục (110 trường hợp).

Thứ ba**,** điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc còn khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là ở các xã vùng sâu, vùng xa. Trụ sở làm việc của nhiều cơ quan, đơn vị ở cấp xã đã xuống cấp, đa số phân tán, ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ. Công tác chuyển đổi số hiện nay mới chỉ chủ yếu ở mức độ số hóa quy trình, thủ tục; chưa thực sự trở thành nền tảng cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và đánh giá cán bộ. Khó khăn lớn nhất chủ yếu ở nguồn lực tài chính; dữ liệu chưa liên thông; thiếu nhân lực số chuyên sâu ở hầu hết các xã, phường, cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương phát huy tính chủ động, sáng tạo, hình thành các mô hình hay để nâng cao chất lượng công tác chuyển đổi số và giải quyết thủ tục hành chính như: Mô hình "Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị"; Mô hình "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Robot Lễ tân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh"; thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng; "Khu dân cư số"…

Thứ tư, thực hiện kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện, sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trong cùng một thời điểm đã dẫn đến khó khăn trong công tác chuẩn bị, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; khó đảm bảo

được chất lượng theo yêu cầu ở tất cả các lĩnh vực, địa bàn dẫn đến chất lượng nguồn nhân lực còn chưa đồng đều giữa các khu vực, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sự chênh lệch về trình độ, năng lực, tác phong, lề lối làm việc giữa cán bộ cấp huyện và cấp xã (cũ) còn tương đối lớn. Tình trạng thừa, thiếu cục bộ diễn ra ở hầu hết các xã, phường; nhiều nơi dôi dư cán bộ ở một số vị trí nhưng lại thiếu cán bộ ở những lĩnh vực chuyên môn đặc thù. Bên cạnh đó, trong điều kiện khối lượng công việc nhiều, áp lực lớn song chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ cấp xã có mặt chưa thực sự tương xứng đã tác động không nhỏ đến tâm tư của cán bộ, công chức; nảy sinh tâm lý sợ sai, sợ chịu trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ cấp xã, nhất là các lĩnh vực liên quan đến quản lý kinh tế, đất đai...

Trước thực trạng trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết liệt chỉ đạo điều hòa lại đội ngũ cán bộ để nhanh chóng ổn định bộ máy trước mốc Trung ương giao. Trong đó, ở giai đoạn 1 đã điều động được 58 trường hợp từ xã thừa sang xã thiếu; tiếp tục hoàn thành giai đoạn 2 trước ngày 31/7/2026. Đồng thời, đã ban hành và triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực ở các vị trí việc làm chuyên môn đặc thù.

IV. Một số bài học kinh nghiệm và cách làm mới, hiệu quả của tỉnh

Qua thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo vận hành mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại tỉnh Quảng Trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy rút ra 03 bài học kinh nghiệm lớn và chia sẽ một số mô hình, cách làm hiệu quả như sau:

1. Về bài học kinh nghiệm:

***Một là*,** phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, xây dựng được sự đoàn kết, thống nhất trong cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương, qua đó lan tỏa, tạo sự thống nhất trong tư tưởng, hành động vì lợi ích chung.

Hai là, phải có được sự đồng thuận, ủng hộ Nhân dân, đây là yếu tố quyết định thành công của mô hình mới; thực hiện đồng bộ các giải pháp để Nhân dân nhìn nhận đầy đủ, đúng đắn về mục tiêu, ý nghĩa, tính tất yếu của việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Ba là, đặc biệt quan tâm xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là cấp xã, đảm bảo năng lực thực thi nhiệm vụ và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Chất lượng nguồn nhân lực ở cấp xã là yếu tố quyết định hiệu lực, hiệu quả hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Qua thực tế vận hành, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã có nhiều sáng kiến, sáng tạo với 18 mô hình, cách làm hay. Trong nội dung tham luận, tỉnh Quảng Trị xin chia sẽ 05 mô hình nổi bật như sau:

(1). Mô hình "Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh".

(2). Mô hình "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Robot Lễ tân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh" hỗ trợ người dân tra cứu, hỏi - đáp thủ tục hành chính 24/7 tại Trung tâm hành chính công; tích hợp ứng dụng AI hỗ trợ thủ tục hành chính trên các nền tảng số; qua đó, nâng cao hiệu quả xử lý công việc của cán bộ; đồng thời góp phần tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

(3). Chiến dịch truyền thông "Quảng Trị on the map - Khám phá 78 xã, phường, đặc khu tỉnh Quảng Trị": Mỗi tổ chức đoàn cấp xã xây dựng một clip giới thiệu tổng quan về các xã, phường, đặc khu sau sáp nhập, bao gồm: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cảnh quan, di tích, bản sắc văn hóa, con người và định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

(4). Mô hình "Ngày thứ 7: Chính quyền tận tâm - Người dân thuận tiện: Mục đích của mô hình nhằm nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đặc biệt là người lao động, người cao tuổi, công dân không có điều kiện thực hiện thủ tục hành chính trong giờ hành chính.

(5). Mô hình "Chính quyền lưu động vì Nhân dân phục vụ": Mục đích nhằm bảo đảm mọi người dân, đặc biệt là những người thuộc nhóm đối tượng yếu thế ở các địa bàn xa trung tâm xã được tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ hành chính công một cách bình đẳng và nhanh chóng.

V. Nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình mới trong thời gian tới

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những khó khăn, vướng mắc và vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian tới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị tập trung chỉ đạo thực hiện và đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, tiếp tục tuyên truyền, quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương. Nắm chắc tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; nâng cao hơn nữa sự ủng hộ, đồng thuận của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Chú trọng công tác cụ thể hóa các chỉ đạo của Trung ương thành các chương trình, kế hoạch cụ thể; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành các quy định về chức

năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị tỉnh, nhất là quy định cụ thể thẩm quyền của UBND cấp xã trong các lĩnh vực như quản lý đất đai, môi trường, quy hoạch, đầu tư... Làm rõ nội dung nào cấp xã tự quyết định, nội dung nào liên thông đến cấp tỉnh, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc lạm quyền.

Hai là, tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức, hoàn thiện bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Căn cứ chủ trương của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư để triển khai việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, nhất là các xã chưa đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích, dân số nhằm mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, đồng bộ về quy hoạch vùng, địa phương.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, quản lý, điều hành của chính quyền theo hướng quản trị hiện đại, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu. Nhân rộng mô hình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phục vụ hành chính công đến các xã, phường, ưu tiên các địa phương có khối lượng thủ tục hành chính lớn. Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương, hình thành các mô hình mới, cách làm hay nhằm cải tiến quy trình, giảm thời gian xử lý công việc, giảm chi phí hành chính, phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả các nội dung được phân cấp, phân quyền theo hướng phân cấp, phân quyền cho cấp xã đối với các nhiệm vụ, thủ tục phát sinh thường xuyên, gắn trực tiếp với người dân và địa bàn cơ sở; chuyển một số nhiệm vụ chuyên môn sâu, yêu cầu cao về kỹ thuật, pháp lý hoặc nguồn lực lớn từ cấp xã lên cấp tỉnh trực tiếp thực hiện. Tăng cường tính tự chủ của cấp xã; phân định, ban hành danh mục rõ các đầu việc, các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền và nguồn lực thực hiện, đảm bảo cấp xã chủ động quyết định và chịu trách nhiệm về các công việc thuộc thẩm quyền. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách phù hợp với điều kiện, đặc thù, yêu cầu phát triển của từng xã, phường, đặc khu.

- Tập trung xây dựng, chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là ở cấp xã phù hợp với nền hành chính hiện đại; chuyển từ tư duy quản lý sang phục vụ và kiến tạo, từ quản lý lãnh thổ sang quản trị phát triển. Trước mắt, tập trung lựa chọn, điều động cấp phó các sở, ban, ngành dôi dư so với quy định để bố trí giữ các chức danh chủ chốt cấp xã theo tinh thần Chỉ thị số 18/CT-TTg, ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục rà soát, điều động cán bộ, công chức từ nơi thừa sang nơi thiếu gắn với cân bằng, hài hòa chất lượng nguồn nhân lực giữa các xã, phường, đặc khu. Thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đồng bộ, liên thông các khâu trong công

tác cán bộ. Xây dựng và triển khai thực hiện Bộ công cụ đánh giá hiệu quả công việc (KPI) đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị tỉnh, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong đánh giá cán bộ. Quyết liệt thực hiện chủ trương "có ra, có vào, có lên, có xuống" trong công tác cán bộ; kịp thời thay thế những cán bộ không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là cán bộ chủ chốt cấp xã.

Ba là, tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống chính trị; nhân rộng mô hình mới, cách làm hay; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia, đóng góp ý kiến của Nhân dân trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành bộ máy của hệ thống chính trị. Chủ động, thường xuyên theo dõi, sơ kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của mô hình tổ chức hiện nay để đề xuất phương án sắp xếp, điều chỉnh, hoàn thiện tổ chức bộ máy cho phù hợp.

Bốn là**,** tập trung thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số trên cơ sở phát triển bền vững, nâng cao năng suất lao động, đầu tư hiệu quả và phát triển các động lực tăng trưởng mới. Xây dựng kịch bản điều hành cụ thể theo tháng, quý, từng ngành, dự án, địa bàn; xác định rõ nguồn lực, điểm nghẽn và trách nhiệm để thực hiện. Xác định đầu tư công là động lực dẫn dắt, tập trung vào các dự án hạ tầng trọng điểm, kết nối chiến lược; cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân; hỗ trợ nâng cao quản trị, chuyển đổi số, tiếp cận vốn, đất đai, thị trường, lao động có kỹ năng cao, hình thành những doanh nghiệp mạnh của địa phương, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và động lực cho sự phát triển của địa phương.

VI. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Quảng Trị có 03 đề xuất như sau:

(1) Đề nghị Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu, xây dựng mô hình tổng thể của hệ thống chính trị nói chung và cấp xã nói riêng theo hướng thống nhất nhưng có tính linh hoạt trên cơ sở các tiêu chí: Quy mô dân số; diện tích tự nhiên; khối lượng công việc; điều kiện địa lý, địa bàn miền núi, đồng bằng, biên giới, hải đảo; mức độ đô thị hóa; trình độ phát triển kinh tế - xã hội; yêu cầu chuyển đổi số; nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố đặc thù của từng địa phương. Trong đó, nghiên cứu, cho chủ trương tiếp tục sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính đối với các xã chưa đảm bảo các tiêu chí về dân số, diện tích theo quy định, đồng thời mở rộng không gian phát triển của các địa phương.

(2) Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương sớm nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, công bằng giữa các cấp, các ngành, các địa phương, tạo động lực cho cán bộ, công chức yên tâm công tác, phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp.

(3) Đề nghị Chính phủ hỗ trợ để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện làm việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho cấp ủy, chính quyền cấp xã, nhất là các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, địa bàn còn nhiều khó khăn; khắc phục dần tình trạng phân tán, thiếu đồng bộ về trụ sở làm việc, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã chỉ đạo: Đổi mới tổ chức bộ máy không chỉ để giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian mà quan trọng là tạo ra không gian phát triển mới, giải phóng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị và phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn. Với những kết quả đã đạt được qua 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã từng bước hiện thực hóa tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của người đứng đầu Đảng, Nhà nước; tạo ra những nền tảng ban đầu để tiếp tục xây dựng nền hành chính hiện đại, vì Nhân dân phục vụ, góp phần đưa tỉnh Quảng Trị phát triển nhanh, bền vững, cùng với cả nước hoàn thành các mục tiêu chiến lược hướng tới 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập nước.

18. ĐẢNG ỦY PHƯỜNG DƯƠNG NỘI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI:

Thực tiễn vận hành mô chính quyền địa phương 2 cấp tại phường Dương Nội, thành phố Hà Nội - Kết quả, hạn chế, vướng mắc và các giải pháp đột phá nhìn từ 4 trục cốt lõi

Sau một năm triển khai vận hành mô hình tại phường Dương Nội cho thấy chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp của Trung ương là hoàn toàn đúng đắn, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp.

Điều nổi bật nhất qua quá trình tổ chức thực hiện ở cơ sở là mô hình mới không chỉ tạo sự thay đổi về tổ chức bộ máy, mà quan trọng hơn đã tạo chuyển biến về chất trong phương thức lãnh đạo, quản trị và tổ chức thực hiện. Thẩm quyền được phân định rõ hơn; trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan và người đứng đầu được xác định cụ thể hơn; nhiều nhiệm vụ được giải quyết ngay tại cơ sở; chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tiếp tục được nâng lên; vai trò của chính quyền cấp xã từng bước được khẳng định là trung tâm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trên cơ sở kết quả đạt được, phường Dương Nội xin báo cáo với Hội nghị một số kết quả nổi bật, chia sẻ cách làm, sáng kiến đã được kiểm chứng trong thực tiễn; đồng thời đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện mô hình theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, góp phần xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

Phường Dương Nội, thành phố Hà Nội được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; có diện tích 7,77 km², dân số 65.819 người, gồm **21** tổ dân phố, **54** tổ chức đảng và hơn **6.000** doanh nghiệp, hộ kinh doanh đang hoạt động.

Là địa bàn cửa ngõ phía Tây của Thủ đô Hà Nội, có tốc độ đô thị hóa nhanh, nhiều khu đô thị mới, dân số cơ học tăng cao và hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển mạnh, Dương Nội vừa có nhiều điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra yêu cầu cao đối với công tác quản lý đô thị, quản lý dân cư, cải cách hành chính, chuyển đổi số, bảo đảm an sinh xã hội và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã tạo bước chuyển quan trọng về tổ chức và phương thức hoạt động của chính quyền cơ sở, đồng thời đặt ra yêu cầu phải nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ, công chức, đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị và đáp ứng yêu cầu quản lý trên một địa bàn đô thị phát triển nhanh. Trên cơ sở đó, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân phường Dương Nội đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Trung ương và Thành phố, tạo nền tảng để mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vận hành ổn định và từng bước phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Có thể khái quát kết quả đạt được trên năm phương diện nổi bật sau:

(1) Bộ máy được tổ chức tinh gọn hơn, vận hành thông suốt hơn

Ngay sau khi đi vào hoạt động, phường đã kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ theo phương châm "6 rõ, 1 xuyên suốt", bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa cấp ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Mặc dù tiếp nhận **999** nhiệm vụ và **423 t**hủ tục hành chính, trong đó có nhiều nhiệm vụ mới được chuyển giao từ cấp huyện và cấp tỉnh, bộ máy của phường vẫn duy trì hoạt động liên tục, không để gián đoạn việc giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp. Điều này cho thấy mô hình mới đã giúp chính quyền cấp xã nâng cao năng lực tiếp nhận, tổ chức thực hiện và xử lý khối lượng công việc lớn ngay từ cơ sở.

(2) Thẩm quyền được phân định rõ hơn, trách nhiệm được xác lập cụ thể hơn

Việc phân cấp, phân quyền được triển khai đồng bộ đã tạo điều kiện để nhiều công việc trước đây phải giải quyết qua nhiều cấp nay được xử lý trực tiếp tại phường, rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao trách nhiệm giải trình của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu. Đảng ủy đã ban hành **12** đề án, chương trình và kế hoạch, kịp thời cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và Thành phố; chuẩn hóa phương thức lãnh đạo, phân định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân, tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, qua đó nâng cao kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả điều hành của cả hệ thống chính trị ở cơ sở.

(3) Chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp được nâng lên rõ rệt

Trong năm đầu vận hành, phường đã tiếp nhận và giải quyết trên **13.000** hồ sơ hành chính, đạt 100% đúng và trước hạn; đồng thời được ủy quyền giải quyết **84** thủ tục hành chính cấp tỉnh và xử lý gần **53.000** hồ sơ thuộc lĩnh vực tư pháp - hộ tịch. Các mô hình như *"Tổ xung kích hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại nhà", Chatbot trợ lý ảo tại Bộ phận Một cửa, "Mỗi đoàn viên - một trợ lý số cho đảng*

viên", các điểm hỗ trợ chuyển đổi số cộng đồng và *"Tổ ứng cứu công nghệ"* đã góp phần đưa dịch vụ công đến gần người dân hơn. Qua đó từng bước hình thành nền hành chính phục vụ, lấy sự hài long của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng hoạt động của chính quyền.

(4) Đổi mới quản trị và chuyển đổi số tạo động lực mới cho phát triển địa phương

Năm 2025, thu ngân sách của phường đạt gần 300% dự toán Thành phố giao; 6 tháng đầu năm 2026 đạt **2.327** tỷ đồng, bằng 93% dự toán năm, tạo thêm nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế và an sinh xã hội. Đồng thời, 100% cán bộ, công chức được đào tạo kỹ năng số; 100% văn bản (trừ văn bản mật) được xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hóa **11.252** thửa đất và kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành; áp dụng KPI, OKR trong theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Những kết quả này từng bước chuyển phương thức quản trị từ kinh nghiệm sang quản trị dựa trên dữ liệu, nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành và hiệu quả sử dụng nguồn lực công.

(5) Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tiếp tục được nâng lên

Thực tiễn sau một năm vận hành, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại phường Dương Nội đã tạo chuyển biến rõ nét về tổ chức bộ máy, phương thức lãnh đạo, quản trị và chất lượng phục vụ Nhân dân. Những kết quả đạt được không chỉ khẳng định tính đúng đắn của chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng mà còn cho thấy, khi được triển khai đồng bộ, quyết liệt, gắn với phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số, mô hình đã từng bước phát huy hiệu quả, nâng cao năng lực quản trị địa phương và khẳng định vai trò trung tâm của chính quyền cấp xã trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tuy nhiên, với tinh thần nhìn thẳng vào kết quả tổ chức thực hiện, đánh giá khách quan, toàn diện và cầu thị, quá trình vận hành cũng cho thấy một số khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện. Đây chủ yếu là những vấn đề mang tính chuyển tiếp của giai đoạn đầu triển khai mô hình mới, khi phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền và yêu cầu quản trị của chính quyền cấp xã được mở rộng nhanh, trong khi thể chế, quy trình nghiệp vụ, cơ chế phối hợp, hệ thống dữ liệu dùng chung, nguồn nhân lực và các điều kiện bảo đảm thực hiện vẫn đang từng bước được hoàn thiện, đồng bộ hóa. Đối với các địa bàn đô thị phát triển nhanh như phường Dương Nội, quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa cao, số lượng doanh nghiệp và khối lượng công việc phát sinh ngày càng tăng cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, năng lực thực thi và khả năng thích ứng của chính quyền cơ sở.

Từ thực tiễn đó, phường Dương Nội nhận thấy một số hạn chế, vướng mắc chủ yếu sau:

Thứ nhất, việc mở rộng thẩm quyền của chính quyền cấp xã đã tạo điều kiện nâng cao tính chủ động trong giải quyết công việc. Tuy nhiên, ở một số lĩnh vực, khối lượng nhiệm vụ được giao tăng nhanh hơn khả năng đáp ứng về nguồn nhân lực, hướng dẫn chuyên môn, dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả tổ chức thực hiện.

Thứ hai, mặc dù chuyển đổi số được triển khai ở các lĩnh vực, song việc xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành vẫn chưa thật sự đồng bộ, thông suốt; một số quy trình xử lý công việc còn thực hiện trên nhiều nền tảng, làm giảm hiệu quả khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và phục vụ nhân dân.

Thứ ba, đối với địa bàn có tốc độ đô thị hóa cao như phường Dương Nội, yêu cầu quản lý dân cư, quản lý đô thị, bảo đảm an sinh xã hội và cung cấp dịch vụ công ngày càng lớn, trong khi mô hình tổ chức mới vẫn đang trong quá trình tiếp tục hoàn thiện. Điều đó đòi hỏi phải tiếp tục tổng kết thực tiễn, hoàn thiện cơ chế, chính sách và các điều kiện bảo đảm để mô hình phát huy hiệu quả cao hơn trong thời gian tới.

Những khó khăn, vướng mắc nêu trên không làm thay đổi những kết quả tích cực đã đạt được, nhưng là những vấn đề thực tiễn cần tiếp tục được nghiên cứu, tháo gỡ trong quá trình hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp**. Qua quá trình triển khai, phường Dương Nội rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:**

Bài học thứ nhất: Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu là nhân tố quyết định hiệu quả vận hành của mô hình. Thực tiễn cho thấy, khi cấp ủy tập trung lãnh đạo bằng chủ trương, định hướng; phân công rõ trách nhiệm; tăng cường kiểm tra, giám sát và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu thì bộ máy vận hành đồng bộ, thông suốt, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị.

Bài học thứ hai: Phân cấp, phân quyền phải đi đôi với phân bổ nguồn lực và các điều kiện bảo đảm thực hiện. Việc giao thêm thẩm quyền cho chính quyền cấp xã chỉ phát huy hiệu quả khi đồng thời được bảo đảm về thể chế, quy trình nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu, hạ tầng số, đội ngũ cán bộ và cơ chế phối hợp. Đây là điều kiện quan trọng để chính quyền cơ sở chủ động, tự tin và thực hiện tốt các nhiệm vụ.

Bài học thứ ba: Đổi mới quản trị phải gắn với chuyển đổi số và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Việc ứng dụng công nghệ số, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc không

chỉ nâng cao hiệu quả quản trị mà còn tăng tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Đây là thước đo quan trọng đối với chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương.

Bài học thứ tư: Hoàn thiện mô hình phải bắt đầu từ tổng kết thực tiễn và không ngừng đổi mới từ cơ sở. Mỗi khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành đều là nguồn thông tin thực tiễn quý báu để tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách. Đồng thời, cần chủ động phát hiện, tổng kết và nhân rộng các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả đã được kiểm chứng trong thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Từ những bài học kinh nghiệm nêu trên, phường Dương Nội đã từng bước hình thành một số cách làm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Điểm nổi bật không nằm ở từng giải pháp riêng lẻ mà ở việc tổ chức thực hiện đồng bộ giữa đổi mới tổ chức bộ máy, đổi mới phương thức quản trị và chuyển đổi số, qua đó tạo hiệu quả cộng hưởng, tăng tính minh bạch, nâng cao năng lực quản trị, chất lượng phục vụ và sự hài lòng của Nhân dân.

Đây là kinh nghiệm bước đầu có thể nghiên cứu, tham khảo đối với các địa phương có điều kiện tương đồng, nhất là những địa bàn đô thị có tốc độ phát triển nhanh và khối lượng công việc lớn.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện kết quả đạt được, những bài học kinh nghiệm và các cách làm đã được kiểm chứng trong thực tiễn, phường Dương Nội xác định tiếp tục tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, đồng thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc, góp phần tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian tới.

(1) Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền của địa phương, triển khai thực hiện ngay. Đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, chất lượng điều hành và hiệu quả phục vụ nhân dân, phát huy tối đa những kết quả bước đầu của mô hình.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành theo hướng quản trị hiện đại, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo; hoàn thiện quy chế làm việc, chuẩn hóa quy trình xử lý đối với các nhóm công việc phát sinh thường xuyên; áp dụng cơ chế theo dõi tiến độ giải quyết công việc theo thời gian thực; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao năng lực quản trị, chủ động rà soát các lĩnh vực có áp lực quản lý lớn như quản lý dân cư, trật tự xây dựng, đất đai, hạ tầng đô thị và an sinh xã hội;

xây dựng cơ chế phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ dân phố và ban quản trị các khu chung cư nhằm phát hiện sớm, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở.

- Phát triển chính quyền số trên nền tảng dữ liệu phục vụ quản trị và phục vụ Nhân dân. Tiếp tục chuẩn hóa, cập nhật và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu hiện có; mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công cụ hỗ trợ điều hành trong giải quyết công việc; đồng thời phân tích, dự báo các vấn đề phát sinh để chủ động nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

(2) Nhóm nhiệm vụ cần có lộ trình và sự phối hợp của các cơ quan có thẩm quyền. Đây là những nội dung vượt quá thẩm quyền, cần được tiếp tục tổng kết thực tiễn, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và các điều kiện bảo đảm để mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vận hành đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

- Phối hợp hoàn thiện cơ chế phân cấp gắn với các điều kiện bảo đảm thực hiện. Chủ động tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Thành phố rà soát, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn chuyên môn và cơ chế phối hợp, bảo đảm việc phân cấp đi đôi với nguồn lực, dữ liệu và điều kiện thực hiện.

- Thường xuyên đánh giá kết quả vận hành mô hình, kịp thời phát hiện những vấn đề mới phát sinh; chủ động đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn phục vụ quá trình hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Những nhiệm vụ, giải pháp trên được xác định trên cơ sở yêu cầu thực tiễn của địa phương và định hướng chỉ đạo của Trung ương, hướng tới mục tiêu xây dựng chính quyền cấp xã thực sự là trung tâm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, phục vụ Nhân dân ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả.

Qua 1 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại phường Dương Nội, để tiếp tục phát huy hiệu quả mô hình và tháo gỡ những khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, phường xin đề xuất một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền gắn với các điều kiện bảo đảm thực hiện.

Thực tiễn tại phường Dương Nội cho thấy, việc mở rộng thẩm quyền đã giúp chính quyền cấp xã chủ động hơn trong giải quyết công việc, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Tuy nhiên, để việc phân cấp thực sự phát huy hiệu quả, đề nghị Trung ương tiếp tục chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các quy định về

phân cấp, phân quyền theo hướng đồng bộ giữa thẩm quyền, vị trí việc làm, quy trình nghiệp vụ, nguồn nhân lực, hạ tầng số và cơ chế kiểm tra, giám sát, bảo đảm chính quyền cấp xã có đủ điều kiện để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Thứ hai, quan tâm hoàn thiện cơ chế quản trị đối với các địa bàn đô thị có tốc độ phát triển nhanh.

Đề nghị Trung ương tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các tiêu chí về vị trí việc làm, phân bổ biên chế, cơ chế phân bổ nguồn lực và tiêu chuẩn hạ tầng quản trị theo quy mô dân số, mức độ đô thị hóa, khối lượng công việc và đặc điểm từng loại hình xã, phường, tạo điều kiện để chính quyền cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ ba, tiếp tục chỉ đạo tổng kết thực tiễn và nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả.

Qua quá trình triển khai, nhiều mô hình đổi mới về quản trị, chuyển đổi số và phục vụ Nhân dân tại cơ sở đã bước đầu phát huy hiệu quả. Đề nghị Trung ương tiếp tục chỉ đạo tổng kết toàn diện quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên phạm vi cả nước; kịp thời hoàn thiện các quy định còn bất cập; đồng thời xây dựng cơ chế phát hiện, đánh giá và nhân rộng các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả từ cơ sở, tạo điều kiện để các địa phương học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Sau 1 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại phường Dương Nội, chúng tôi nhận thức rõ rằng, khi chủ trương đúng được tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, gắn với phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số và phát huy vai trò chủ động của chính quyền cơ sở thì sẽ tạo chuyển biến rõ nét về năng lực quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp.

Kết quả năm đầu vận hành mô hình mới là nền tảng để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực quản trị, chủ động tổng kết quá trình triển khai, kịp thời phát hiện những vấn đề mới phát sinh và tích cực đóng góp những kinh nghiệm từ cơ sở vào quá trình tiếp tục hoàn thiện mô hình trong thời gian tới.

Với tinh thần đoàn kết, đổi mới và trách nhiệm, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân phường Dương Nội quyết tâm tiếp tục thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không ngừng nâng cao chất lượng quản trị, xây dựng chính quyền cơ sở thực sự gần dân, sát dân, lắng nghe dân, phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn, góp phần cùng cả nước thực hiện thành công mục tiêu xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

19. ĐẢNG ỦY PHƯỜNG HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG:

Phát huy vai trò chủ động của cơ sở, đổi mới tư duy quản trị, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả từ thực tiễn phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Nhận thức sâu sắc chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm: *sơ kết không chỉ để đánh giá đã giảm bao nhiêu đầu mối, đã sắp xếp bao nhiêu tổ chức hay đã chuyển giao bao nhiêu nhiệm vụ, mà quan trọng hơn là phải trả lời được câu hỏi: bộ máy mới có vận hành thông suốt hơn không? quyền hạn có rõ hơn không? trách nhiệm có cụ thể hơn không? phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp có tốt hơn không? có tạo thêm không gian, động lực phát triển hay không?*

Từ thực tiễn phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, chúng tôi xin báo cáo kết quả sau 01 năm vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, cụ thể như sau:

Trước hết, phải khẳng định rằng, chủ trương của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là một quyết sách rất đúng đắn, có ý nghĩa chiến lược trong tiến trình đổi mới hệ thống chính trị, hướng đến xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Đây không chỉ là việc thay đổi mô hình tổ chức, điều chỉnh địa giới hay sắp xếp bộ máy, mà quan trọng hơn là cuộc đổi mới căn bản về tư duy lãnh đạo, quản trị và phương thức phục vụ Nhân dân; chuyển mạnh từ tư duy "quản lý hành chính" sang "quản trị phát triển", từ giải quyết công việc theo quy trình sang điều hành bằng kết quả, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của chính quyền.

I. VỀ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Phường Hải Châu được thành lập trên cơ sở hợp nhất 05 phường của quận Hải Châu trước đây, với tổng diện tích 7,5 km^2, dân số hơn 131 nghìn người. Đảng bộ phường hiện có 259 tổ chức đảng trực thuộc với hơn 07 nghìn đảng viên. Tổng biên chế toàn phường được giao là 188 người. Là phường nằm ở vị trí tâm hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại và dịch vụ của thành phố Đà Nẵng. Với những đặc điểm nêu trên và đặc thù của đô thị trung tâm nên khối lượng công việc phát sinh hằng ngày rất lớn đã đặt ra áp lực chưa từng có đối với bộ máy chính quyền cơ sở khi triển khai mô hình mới.

Tuy nhiên, cũng chính từ áp lực đó đã tạo động lực để Đảng bộ, chính quyền phường Hải Châu đổi mới tư duy, đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành, từng bước xây dựng mô hình quản trị địa phương hiện đại, chuyên nghiệp, lấy người dân làm trung tâm phục vụ.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Sau gần một năm vận hành, điều mà phường Hải Châu rút ra không chỉ là bộ máy hoạt động thông suốt, mà quan trọng hơn là khẳng định: hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp được quyết định bởi chất lượng quản trị, bởi năng lực của đội ngũ cán bộ và bởi mức độ chủ động của cấp cơ sở khi được phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm, thể hiện trên 05 nhóm kết quả sau:

Thứ nhất, bộ máy được tổ chức tinh gọn, vận hành thông suốt, bảo đảm không gián đoạn nhiệm vụ chính trị và phục vụ Nhân dân

Sau khi kiện toàn tổ chức bộ máy sau sắp xếp, phường còn 03 cơ quan quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy; Hội đồng nhân dân gồm 02 ban chuyên trách; Ủy ban nhân dân phường gồm 03 phòng chuyên môn, 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công, 01 Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và mới thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng vận hành theo cơ chế tự chủ; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và 05 tổ chức chính trị - xã hội. Với sự sắp xếp này, hệ thống chính trị phường được kiện toàn theo hướng tinh gọn hơn, giảm đầu mối trung gian, tăng tính liên thông, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành, chủ động giải quyết ngay các vấn đề phát sinh từ cơ sở

Đặc biệt, việc Trung ương và thành phố đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đã tạo điều kiện để chính quyền cơ sở phát huy tính chủ động. Sau khi thực hiện mô hình mới, cấp phường được giao 1.038 nhiệm vụ *(nhiệm vụ theo các quy định Trung ương: 79; nhiệm vụ thành phố phân cấp, phấn quyền: 100; cấp quận cũ chuyển về: 859 nhiệm vụ)*, theo đó, địa phương chủ động triển khai toàn diện các nhiệm vụ được giao, không để bỏ trống, bỏ sót, gián đoạn nhiệm vụ.

Thứ hai, việc phân công, phân quyền được gắn chặt với trách nhiệm, qua đó, nâng cao năng lực điều hành của chính quyền cơ sở

Ngay từ những ngày đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Đảng ủy phường xác định phải thay đổi tư duy điều hành và phương thức tổ chức thực hiện để đáp ứng với mô hình mới. Trên tinh thần đó, Đảng ủy đã rà soát toàn diện chức năng, nhiệm vụ, ban hành đồng bộ quy chế làm việc, quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, từng tập thể và từng cá nhân; phân công nhiệm vụ lấy phương châm 6 rõ làm nguyên tắc xuyên suốt trong lãnh đạo, điều hành. Phương

thức này đã tạo sự chuyển biến rõ nét trong thực thi công vụ. Mỗi nhiệm vụ đều được giao đến đúng người, xác định rõ thời hạn hoàn thành và sản phẩm đầu ra; đồng thời gắn với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu; song song với đó, tăng cường chế độ kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thứ ba, quy trình giải quyết nhanh hơn, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, kịp thời hơn, đánh giá mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt tỷ lệ cao

Với quan điểm "mọi sự thay đổi của bộ máy không được làm phát sinh khó khăn cho người dân", Hải Châu tập trung cải cách hành chính đồng bộ ngay từ đầu; cùng với ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc, phường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản trị, điều hành, trong giải quyết hồ sơ, thủ tục.

Ngoài ra, một trong những yêu cầu lớn nhất của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là phải xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong quá trình sắp xếp, phường ưu tiên ổn định trước đội ngũ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính, cán bộ xử lý các lĩnh vực có tác động thường xuyên đến người dân và doanh nghiệp; đồng thời, thực hiện thận trọng việc sắp xếp nhân sự quản lý, nhân sự gián tiếp, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và phát huy được năng lực, sở trường của từng cán bộ, qua đó, cán bộ được sắp xếp đúng vị trí việc làm, đảm bảo chất lượng, cơ cấu hợp lý; 100% cán bộ, công chức toàn phường thực hiện xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường mạng và áp dụng chữ ký số cá nhân đạt tỷ lệ 100%.

Sau gần một năm triển khai, Trung tâm Phục vụ hành chính công của phường đã tiếp nhận hơn 40.000 hồ sơ (nhiều nhất trong 93 phường xã), trong đó, 99,63% hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn, tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt 100% theo đánh giá trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết quả đánh giá năm 2025, Trung tâm phục vụ hành chính công được công nhận là đơn vị dẫn đầu trong khối thi đua.

Thứ tư, chính quyền cơ sở từng bước thực sự trở thành trung tâm quản trị đô thị hiện đại, chủ động giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn địa bàn

Mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đặt ra yêu cầu rất cao đối với cấp cơ sở. Phường không chỉ là cấp trực tiếp triển khai chủ trương, chính sách, mà phải thực sự là trung tâm tổ chức thực hiện, quản trị, điều phối các nguồn lực và xử lý những

vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội. Theo đó, phường trung đổi mới phương thức quản lý theo hướng chủ động, dựa trên dữ liệu, bám sát địa bàn, lấy hiệu quả thực chất làm tiêu chí đánh giá. Phường tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản trị, điều hành như việc: xử lý, phản ứng nhanh qua nền tảng phần mềm Đô thị thông minh Hải Châu, Trung tâm tiếp nhận, xử lý thông tin IOC; tiếp nhận, đưa vào vận hành Ứng dụng quản lý đô thị tích hợp phường Hải Châu (SIMP). Từ ngày 01/7/2025 đến nay, phường tiếp nhận, xử lý **955** ý kiến phản ánh, kiến nghị qua nền tảng số.

Bên cạnh đó, phường đặc biệt chú trọng công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết kiến nghị, phản ánh ngay từ cơ sở. Người đứng đầu cấp ủy và chính quyền đã tổ chức 199 cuộc tiếp công dân trực tiếp; tiếp nhận 196 đơn thư khiếu nại phản ánh, giải quyết dứt điểm 175 vụ việc (đạt 88,8%), số còn lại đang trong thời hạn xử lý; không để vụ việc kéo dài, không để hình thành điểm nóng.

Thứ năm, hệ thống chính trị hoạt động đồng bộ, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền

Trong quá trình vận hành mô hình mới, Đảng ủy phường luôn xác định sự đồng thuận trong Nhân dân là điều kiện có ý nghĩa quyết định. Chủ trương đúng chỉ thực sự đi vào cuộc sống khi được người dân hiểu, đồng tình, hưởng ứng và tích cực tham gia thực hiện. Vì vậy, công tác tuyên truyền, vận động, dân vận chính quyền, nắm bắt dư luận xã hội được Đảng ủy chỉ đạo thực hiện thường xuyên, bằng nhiều giải pháp như: thông qua hội họp, sinh hoạt của các kênh đảng, chính quyền, mặt trận, tổ chức chính trị-xã hội; tiếp xúc, đối thoại; qua các nền tảng số… Phát huy vài trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tập hợp, vận động Nhân dân; tăng cường giám sát, phản biện xã hội; tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; kịp thời phản ánh những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân đến cấp ủy, chính quyền. Đảng ủy phường chú trọng phát huy dân chủ, tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến Nhân dân; đồng thời, thực hiện nghiêm nguyên tắc công khai, minh bạch trong những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân. Những phản ánh, kiến nghị chính đáng được xem xét, giải quyết hoặc trả lời kịp thời; những việc chưa thể giải quyết ngay được thông tin rõ nguyên nhân, lộ trình và trách nhiệm thực hiện.

Hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, tinh thần đồng thuận của cán bộ, đảng viên và Nhân dân thời gian qua được thể hiện cụ thể với những chỉ tiêu cụ thể như: **(1)** Phát triển đảng viên mới năm 2025 đạt **101%**; 6 tháng đầu năm đạt gần **50%**; **(2)** Thu ngân sách năm 2025 đạt **137,27%** dự toán giao, 6 tháng đầu năm 2026 đạt **99,62%. (3)** Giải ngân vốn đấu tư công 6 tháng đầu năm **đạt 55,26%; (4)** Công

tác chăm lo an sinh xã hội, giảm nghèo được chú trọng, phường còn nhà tạm, nhà dột nát; **(5)** Quốc phòng, an ninh giữ vững; giao quân đạt 100% chỉ tiêu. **Năm 2025,** Đảng bộ phường được công nhận là Đảng bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; UBND phường được Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Sau sáp nhập, phường Hải Châu là đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số lớn (hơn 131.000 dân), khối lượng công việc hành chính phát sinh tại cơ sở tăng đột biến, nhất là đối với đặc thù của đô thị trung tâm; đội ngũ cán bộ phải gánh vác, xử lý nhiều nhiệm vụ chuyên môn và các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân.

2. Một số quy định, hướng dẫn chuyên ngành chưa đồng bộ; việc phân cấp, phân quyền chưa triệt để, phân bổ nguồn lực đi cùng còn hạn chế.

3. Số lượng định biên biên chế phân bổ cho địa phương theo các quy định chung hiện hành chưa tương xứng so với quy mô dân số, số lượng tổ chức đảng, đảng viên và áp lực quản lý thực tế của một phường trung tâm đặc thù, gây tình trạng quá tải và áp lực lớn cho đội ngũ công chức chuyên môn.

4. Hạ tầng dữ liệu chưa liên thông, chưa đồng bộ gây khó khăn cho quá trình ứng dụng, sử dụng của cán bộ cơ sở. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân còn khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ số.

IV. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM, MÔ HÌNH, VIỆC LÀM SÁNG TẠO

Từ quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại phường Hải Châu, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm và một số mô hình, cách làm sáng tạo, cụ thể như sau:

Một là, phải bám sát tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của thành phố phù hợp theo từng giai đoạn. Tập trung đổi mới tư duy quản trị, đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Từ nhận thức đó, địa phương chú trọng lãnh đạo, phân công nhiệm vụ theo tinh thần "6 rõ", việc thực hiện "6 rõ" được gắn với quy chế làm việc, phân công cấp ủy viên phụ trách địa bàn, lĩnh vực, tổ chức đảng. Qua đó, hạn chế tình trạng chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ, đùn đẩy trách nhiệm hoặc xử lý công việc theo kiểu "nhiều người cùng biết nhưng không ai chịu trách nhiệm đến cùng".

Hai là, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản trị, điều hành. Phường xác định chuyển đổi số không chỉ là trang bị phần mềm mà phải thay đổi phương thức làm việc, cách tiếp cận người dân và cách giải quyết vấn đề ở cơ sở. Trong nội bộ hệ thống chính trị, phường triển khai mô hình *"phòng họp không giấy"* tại các cuộc họp của Đảng ủy, HĐND, các phòng, ban, ngành; tăng cường sử dụng tài liệu điện tử, mã QR, chữ ký số và hệ thống điều hành tác nghiệp. Việc này giúp giảm văn bản giấy, rút ngắn thời gian chuẩn bị tài liệu, nâng cao tính chủ động và chất lượng thảo luận, quyết định.

Tại khu dân cư, phường triển khai qua nền tảng mạng xã hội như: nhóm Zalo; xây dựng các Infographich để tuyên truyền... Đây là cách làm phù hợp với địa bàn đô thị trung tâm, dân cư đông, người dân có nhu cầu tiếp cận thông tin nhanh, công khai và thuận tiện.

Đối với phản ánh hiện trường, phường tổ chức tiếp nhận thông tin qua phần mềm Quản lý đô thị thông minh, cài đặt, sử dụng ứng dụng Trios phục vụ trao đổi thông tin nội bộ, điều hành công việc và triển khai nền tảng Hải Châu Connect trên Zalo,... phường Hải Châu cũng là địa phương được chọn làm điểm thực hiện "Bản sao số" đô thị, góp phần hỗ trợ quản trị, điều hành.

Ba là, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, làm thước đo cho mọi cải cách. Mọi quy trình, thủ tục, ứng dụng công nghệ hay đổi mới tổ chức đều phải hướng đến mục tiêu cuối cùng là phục vụ tốt hơn cho Nhân dân. Ngay sau sắp xếp, phường xác định việc quan trọng nhất là không để ách tắc ở Bộ phận Một cửa, các lĩnh vực hộ tịch, chứng thực, đất đai, đăng ký kinh doanh, an sinh xã hội, quản lý đô thị và phản ánh dân sinh. Theo đó, việc bố trí, phân công cán bộ được thực hiện trên cơ sở yêu cầu công việc, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và khả năng thích ứng với môi trường công tác mới.

Thứ tư là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự phối hợp đồng bộ của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong tuyên truyền, vận động, tạo đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị ở cơ sở. Phường tổ chức nhiều hoạt động đối thoại với chủ đề "Lắng nghe dân nói" các tổ chức chinh trị-xã hội tổ chức "lắng nghe hội viên nói" bằng các hình thức trực tiếp kể cả trực tuyến.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN ĐẾN

1. Bám sát các chỉ đạo của Trung ương về kiện toàn, sắp xếp bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, nhất là các kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước

Tô Lâm tại các phiên họp Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 01 năm về vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 3 cấp. Trước hết là việc sắp xếp, kiện toàn, tổ chức vận hành tốt hoạt động của chi bộ và hệ thống chính trị khu dân cư - đây được xem là cánh tay nối dài của cấp ủy, chính quyền địa phương ở cấp xã. Đồng thời, chủ động triển khai các chỉ đạo mới của Trung ương, Thành ủy về sắp xếp, mở rộng địa giới hành chính cấp xã đáp ứng yêu cầu mở rộng không gian, dư địa phát triển của địa phương.

2. Thực hiện tốt các nhiệm vụ địa phương, nhất là các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền trên các lĩnh vực; thực hiện đạt mục tiêu, chỉ tiêu trên các lĩnh vực, nhất là mục tiêu tăng trưởng "2 con số" năm 2026 và các năm tiếp theo. Đồng thời, rà soát, kiến nghị thành phố tiếp tục phân cấp, phân quyền, gắn với phân bổ nguồn lực để địa phương chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, nhất là trên lĩnh vực đầu tư xây dựng, quy hoạch, chỉnh trang đô thị.

3. Rà soát phân công, phân nhiệm trên tinh thần "06 rõ": Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền trong từng bước triển khai và phải quyết liệt, sâu sát trong lãnh đạo, tổ chức triển khai thực hiện với kết quả, sản phẩm cụ thể. Hằng tháng, đánh giá kết quả thực hiện của từng cá nhân, đơn vị gắn với trách nhiệm được phân công; thực hiện luân chuyển, sắp xếp đối với cán bộ không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu cải cách hành chính, gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. Trong đó, tập trung hoàn thiện hạ tầng CNTT, mua sắm trang thiết bị, nâng cấp đường truyền, đưa vào ứng dụng các phần mềm quản trị thông minh (bản sao số, Ứng dụng quản lý đô thị tích hợp phường Hải Châu (SIMP), hoàn thiện dữ liệu số, đưa vào ứng dụng 04 thủ tục hành chính trong công tác Đảng,… Rà soát, cắt giảm tối đa quy trình trong nội bộ, rút ngắn thời gian tiếp nhận, xử lý hồ sơ, mở các "luồng xanh" trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; chuẩn hóa quy trình công việc, bảo đảm giải quyết nhanh gọn, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Duy trì chất lượng phong trào "bình dân học vụ số", mở các lớp bồi dưỡng về ứng dụng phần mềm số cho cán bộ, công chức, người dân, hỗ trợ người dân tiếp cận nhanh với dịch vụ số; phấn đấu giữ vị trí là phường dẫn đầu trong cải cách hành chính, trong Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Từ thực tiễn 01 năm vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, phường Hải Châu kính đề xuất một số nội dung sau:

1. Với mô hình chính quyền cấp xã như hiện nay vừa mang dáng dấp của cấp huyện và cấp xã trước đây. Vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền, nhất là khi được phân cấp, ủy quyền thì nhiều nội dung nhiều hơn, cao hơn cấp huyện trước đây. Với tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tô Lâm - Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại cuộc làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 01 năm về vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 3 cấp (Thông báo số 100-TB/VPTW ngày 19/6/2026) và thực tiễn của thành phố Đà Nẵng, địa phương đề xuất xem xét, cho chủ trương và định hướng sắp xếp, điều chỉnh lại một số đơn vị hành chính cấp xã có quy mô nhỏ; điều chỉnh địa giới hành chính nhằm mở rộng không gian phát triển, tạo thêm dư địa phát triển cho các địa phương; thuận lợi trong quy hoạch hạ tầng, nâng cao khả năng kết nối vùng, thu hút đầu tư và triển khai các dịch vụ công trực tuyến.

2. Hiện nay, theo Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, bình quân mỗi phường, xã không vượt quá 4,5 tổ chức *(bao gồm các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công)*. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy có trường hợp một phòng chuyên môn phải chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của 06 sở, ngành *(như Phòng Kinh tế - Hạ tầng),* thậm chí có phòng chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo về chuyên môn của 08 sở, ngành *(như Phòng Văn hóa - Xã hội).* Điều này làm tăng yêu cầu đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp phòng trong việc bao quát nhiều lĩnh vực công tác, ảnh hưởng nhất định đến khả năng chuyên sâu về chuyên môn, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu và hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Do đó, đề xuất Trung ương nghiên cứu tăng thêm các phòng chuyên môn để tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ với khối lượng lớn như hiện nay.

3. Đề nghị Trung ương nghiên cứu điều chỉnh khung biên chế của khối Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã theo hướng phân định khung biên chế phù hợp với phân loại đơn vị hành chính, quy mô dân số, tổ chức đảng và số lượng đảng viên nhằm giảm áp lực cho đội ngũ cán bộ, công chức ở những xã, phường có tính chất đặc thù.

4. Hiện nay khối lượng và áp lực công việc ở cấp xã rất lớn, trong khi đó chế độ chính sách thấp, chưa tương xứng, chưa khuyến khích cán bộ yên tâm trong công tác. Do đó, đề nghị Trung ương xem xét nâng chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp cho cán bộ cấp xã nhằm động viên đội ngũ yên tâm công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Hiện nay, việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung của các bộ, ngành theo quy định tại Nghị định số 367/2025/NĐ-CP, Quyết định số 766/QĐ-TTg và chỉ đạo của Trung ương đã được các địa phương nghiêm túc thực hiện. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai bước đầu cho thấy còn tồn tại một số khó khăn, bất cập, cụ thể: hiện có tới 16 bộ, ngành tương ứng với 16 hệ thống riêng biệt, thiếu tính liên thông và đồng bộ dữ liệu. Điều này khiến cán bộ phải thường xuyên thao tác trên nhiều hệ thống khác nhau như hệ thống của thành phố, hệ thống của bộ, ngành, hệ thống điều phối và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Việc đồng bộ dữ liệu từ cổng của bộ, ngành lên Cổng Dịch vụ công quốc gia cũng chưa kịp thời.

Trên cơ sở đó, kiến nghị Chính phủ và các ban, bộ, ngành liên quan thống nhất xây dựng một cổng tiếp nhận và xử lý TTHC trên phạm vi toàn quốc, bảo đảm đồng bộ, liên thông dữ liệu; khắc phục tình trạng hệ thống phân tán, thiếu đồng bộ hiện nay đang gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát và làm gia tăng áp lực đối với đội ngũ cán bộ, công chức.

Thực tiễn phường Hải Châu cho thấy, khi cấp cơ sở được trao quyền, được tin tưởng và được tạo điều kiện, cùng với tinh thần đổi mới, trách nhiệm và quyết tâm chính trị cao, thì mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hoàn toàn có thể vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phục vụ Nhân dân. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là đồng chí Tô Lâm - Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự đồng hành của các cấp, các ngành và sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ cơ sở trên cả nước, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp sẽ ngày càng hoàn thiện, trở thành nền tảng quan trọng để xây dựng nền hành chính hiện đại, kiến tạo, phục vụ, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

20. ĐẢNG ỦY XÃ VÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ:

Đẩy mạnh chuyển đổi số, gắn với phát triển kinh tế - xã hội tại Đảng bộ xã Vân Sơn, tỉnh Phú Thọ

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Xã Vân Sơn được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của ba xã vùng cao trước đây gồm Vân Sơn, Quyết Chiến và Ngổ Luông. Sau sáp nhập, xã có diện tích tự nhiên 120,5 km², dân số trên 9.100 người, trong đó đồng bào dân tộc Mường chiếm trên 99%.

Nằm ở độ cao trung bình trên 1.000 mét so với mực nước biển, Vân Sơn được thiên nhiên ưu đãi khí hậu ôn hòa quanh năm, độ che phủ rừng khoảng 80%, cùng nhiều danh lam thắng cảnh còn giữ được vẻ đẹp nguyên sơ như Thác Thung, Bãi Pặng, động Nam Sơn, Hang Núi Kiến, quần thể cây Nghiến di sản... Đây là những tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và kinh tế xanh.

Tuy nhiên, khi chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025, Đảng uỷ xã cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức đặc thù. Địa bàn rộng, địa hình chia cắt mạnh, giao thông còn nhiều hạn chế; trụ sở làm việc của Đảng ủy và UBND xã hiện vẫn phải bố trí tại nhiều địa điểm hành chính cũ; đội ngũ cán bộ, công chức còn thiếu ở một số lĩnh vực chuyên môn như đất đai, xây dựng, quy hoạch, kinh tế... Trong khi đó, yêu cầu quản lý nhà nước ngày càng cao, khối lượng công việc tăng lên đáng kể sau sáp nhập.

Trong nhiều khó khăn, thử thách của năm đầu vận hành mô hình mới, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Vân Sơn đã từng bước tháo gỡ khó khăn, khơi thông các nguồn lực để tổ chức bộ máy hoạt động ổn định, bảo đảm không gián đoạn việc phục vụ Nhân dân và đạt được những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ.

Trong quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tỉnh đã kịp thời chỉ đạo, cụ thể hóa nhiều nội dung quan trọng về chuyển đổi số, tập trung vào sáu nhóm nhiệm vụ trọng tâm gồm: (1) hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; (2) dữ liệu, chuẩn hóa và số hóa hồ sơ; (3) phần mềm, nền tảng số dùng chung; (4) hoàn thiện thể chế, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ; (5) cơ chế đầu tư, bố trí nguồn lực; (6) phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ đã xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ đột phá, động lực quan trọng để đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị và điều hành trong giai đoạn mới. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, tỉnh đang tập trung xây dựng ***"Hệ thống quản trị, điều hành dựa trên dữ liệu" đảm bảo thông suốt, dọc ngang theo 4 trục: Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị -xã hội***, từng bước hình thành nền tảng quản trị và điều hành dựa trên dữ liệu số, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, hướng tới quản trị, điều hành trên cơ sở dữ liệu số theo thời gian thực, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Cùng với đó, các cấp, các ngành trong tỉnh đã chủ động cụ thể hóa chương trình chuyển đổi số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng lĩnh vực. Trong đó, ngành Tổ chức xây dựng Đảng đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm chuẩn hóa dữ liệu, chỉnh lý hồ sơ, số hóa tài liệu, phát triển các nền tảng số dùng chung; trọng tâm là triển khai chiến dịch cao điểm **"45 ngày đêm tháo gỡ điểm nghẽn chuyển đổi số"**, qua đó góp phần để tỉnh Phú Thọ tiếp tục thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước trong xây dựng Cơ sở dữ liệu đảng viên, triển khai ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử và nhiều nền tảng số phục vụ công tác xây dựng Đảng.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Bộ máy nhanh chóng ổn định, vận hành thông suốt; chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ Nhân dân

Chính sự định hướng đồng bộ về thể chế, hạ tầng, dữ liệu, công nghệ và nguồn nhân lực từ tỉnh đã tiếp thêm niềm tin, động lực để một xã vùng cao như Vân Sơn mạnh dạn đổi mới phương thức quản trị, khai thác hiệu quả các nền tảng số, quyết tâm xây dựng một **"chính quyền hành động, gần dân, sát dân và phục vụ Nhân dân"**.

Để hiện thực hóa quyết tâm đó, Ban Thường vụ Đảng uỷ xã Vân Sơn đã xác định cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số là giải pháp đột phá, là công cụ hữu hiệu nhất để rút ngắn khoảng cách địa lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị ở cơ sở và phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

Trên nền tảng những chủ trương, định hướng và điều kiện đã được Trung ương, Tỉnh ủy và các cấp quan tâm tạo dựng, địa phương đã từng bước tạo được những chuyển biến tích cực trong chuyển đổi số.

Ban Thường vụ Đảng uỷ đã lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới toàn diện phương thức làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức; quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chiến dịch cao điểm "45 ngày đêm tháo gỡ điểm nghẽn chuyển đổi số". Đến nay, 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện trên môi trường mạng; 100% cán bộ, công chức được cấp và sử dụng thành thạo chữ ký số, hộp thư điện tử công vụ; việc xử lý công việc hằng ngày cơ bản được thực hiện trên các hệ thống dùng chung, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết công việc, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan.

Cùng với đó, địa phương tập trung nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân thông qua chuyển đổi số. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã cung cấp hơn 210 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Trung tâm đã tiếp nhận và giải quyết gần 3.000 hồ sơ thủ tục hành chính; tỷ lệ tiếp nhận trực tuyến đạt 100%, tỷ lệ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt trên 99,9%; hoàn toàn không để xảy ra tình trạng hồ sơ quá hạn.

2. Đổi mới phương thức tuyên truyền, ứng dụng chuyển đổi số để phát huy bản sắc văn hóa Mường gắn với phát triển du lịch cộng đồng

Bên cạnh việc nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, Ban Thường vụ Đảng uỷ xã Vân Sơn xác định chuyển đổi số không chỉ phục vụ cải cách hành chính mà còn phải góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

Với những lợi thế rất lớn về danh thắng, cảnh quan thiên nhiên và kho tàng văn hóa Mường đặc sắc chưa được khai thác; nhiều sản phẩm nông nghiệp đặc trưng chưa tìm được đầu ra ổn định; quê hương chưa được nhiều người biết đến. Vì vậy, Ban Thường vụ Đảng uỷ xã đã xác định phải đổi mới tư duy, nhất quán quan điểm chỉ đạo, thực hiện đó là: **"Không đợi đủ điều kiện mới làm, hãy dùng tư duy mới để tạo ra điều kiện",** phải đổi mới từ chính đội ngũ cán bộ, công chức; từ tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo và dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; phải bắt đầu từ những việc làm nhỏ nhất, thiết thực nhất, cụ thể nhất với phương châm: **"Muốn dân tin, hãy bắt đầu từ chiếc áo lấm bùn và những hành động cầm tay chỉ việc."**

Cán bộ, đảng viên phải trực tiếp xuống từng xóm, từng hộ dân để tuyên truyền, hướng dẫn, khơi dậy niềm tự hào về quê hương, giúp người dân hiểu rằng mỗi người đều có thể trở thành một "đại sứ" quảng bá hình ảnh Vân Sơn.

Bản thân tôi cũng trực tiếp sử dụng các nền tảng mạng xã hội để giới thiệu cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa Mường, các điểm du lịch, sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương; đồng thời, kết nối với các nhà sáng tạo nội dung,

các câu lạc bộ du lịch và doanh nghiệp lữ hành nhằm lan tỏa hình ảnh Vân Sơn đến đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh.

Trong lãnh đạo, điều hành, Ban Thường vụ Đảng uỷ xã xác định rõ mục tiêu: lấy chuyển đổi số và truyền thông số làm công cụ đột phá để giải quyết bài toán sinh kế cốt lõi của người dân, biến những giá trị bản địa thành nguồn lực phát triển kinh tế, từng bước xây dựng du lịch cộng đồng theo hướng bền vững.

Nhờ sự đồng thuận của Nhân dân và cách làm phù hợp, nhận thức, tư duy của người dân đã từng bước thay đổi rõ rệt, từ tâm lý trông chờ, thụ động sang chủ động tham gia phát triển kinh tế, quảng bá hình ảnh quê hương và khai thác lợi thế bản địa một cách hiệu quả.

Kết quả rõ nét nhất là ngay sau các đợt truyền thông và hướng dẫn trực tiếp, đã có 05 hộ dân mạnh dạn đăng ký đầu tư xây dựng mô hình homestay để đón khách.

Sức mạnh của truyền thông số đã nhanh chóng lan tỏa hình ảnh Thác Thung, Bãi Pặng, động Nam Sơn cùng nhiều điểm đến đặc sắc của Vân Sơn đến đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh. Chỉ tính riêng từ đầu tháng 6 đến nay, lượng khách đến địa phương tăng mạnh, đạt khoảng 10.000 đến 12.000 lượt khách.

Du lịch phát triển đã kéo theo nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế địa phương; các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng được tiêu thụ thuận lợi hơn; nhiều hộ dân có thêm việc làm và thu nhập; từng bước hình thành tư duy làm du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc Mường.

III. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại xã Vân Sơn vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc.

1. Địa bàn rộng, giao thông còn khó khăn, dân cư phân tán, trong khi hạ tầng số và hạ tầng phục vụ phát triển du lịch chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; đội ngũ cán bộ, công chức ở một số lĩnh vực chuyên môn còn mỏng; kỹ năng số của một bộ phận cán bộ và người dân cần tiếp tục được nâng cao.

2. Trong lĩnh vực chuyển đổi số, việc chuẩn hóa dữ liệu, chỉnh lý và số hóa hồ sơ chuyên ngành vẫn gặp những khó khăn nhất định do chưa có hướng dẫn chuyên ngành thống nhất đối với một số loại hồ sơ đặc thù; việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các hệ thống cần tiếp tục được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành trên nền tảng dữ liệu số trong thời gian tới.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ CÁCH LÀM SÁNG TẠO

Qua thực tiễn một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Đảng bộ, chính quyền xã Vân Sơn rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của cấp ủy Đảng; xác định rõ mục tiêu của việc sắp xếp tổ chức bộ máy không chỉ là tinh gọn đầu mối mà quan trọng hơn là nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng chính quyền gần dân, sát dân và phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Thứ hai, phải đặc biệt coi trọng công tác cán bộ; chủ động bố trí, sắp xếp đội ngũ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của cán bộ, công chức cơ sở.

Thứ ba, cải cách hành chính phải gắn chặt với chuyển đổi số; chuyển đổi số phải gắn với phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương thì mới tạo được sự đồng thuận và sức lan tỏa trong Nhân dân.

Từ những bài học đó, địa phương xác định cách làm sáng tạo là lấy chuyển đổi số và truyền thông số làm công cụ để phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường, quảng bá hình ảnh quê hương, phát triển du lịch cộng đồng và tạo sinh kế bền vững cho người dân. Thay vì chờ đủ điều kiện về nguồn lực, địa phương chủ động thay đổi tư duy, bắt đầu từ những việc làm cụ thể, thiết thực; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, trực tiếp đồng hành cùng Nhân dân trong ứng dụng công nghệ số, tạo sự lan tỏa và đồng thuận trong toàn xã hội.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong thời gian tới, xã Vân Sơn tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các chủ trương của Trung ương và của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Ban Thường vụ Đảng uỷ xác định tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực số, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Chủ động phối hợp triển khai các chương trình chuyển đổi số của tỉnh; thực hiện tốt công tác chuẩn hóa dữ liệu, chỉnh lý, số hóa hồ sơ; khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung và các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

3. Tiếp tục phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc Mường gắn với phát triển du lịch cộng đồng, khai thác hiệu quả tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, văn hóa và nông nghiệp đặc trưng; tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư hạ tầng số, hạ tầng giao thông và các công trình thiết yếu, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Vân Sơn trở thành khu du lịch cấp tỉnh vào năm 2030 theo Nghị quyết của tỉnh và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Vân Sơn lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh chuyển đổi số và phát huy tiềm năng của địa phương, Đảng uỷ xã kính đề xuất Trung ương và tỉnh một số nội dung sau:

1. Tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh cơ chế phân cấp, phân quyền cho cấp xã; đồng thời, có cơ chế bố trí nguồn lực đặc thù đối với các xã miền núi sau sáp nhập có diện tích rộng, dân cư phân tán để tạo sự chủ động trong quản lý, điều hành.

2. Quan tâm xem xét điều chỉnh định mức biên chế phù hợp với khối lượng công việc thực tế sau sáp nhập; tiếp tục mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng số, quản trị công hiện đại và năng lực khai thác dữ liệu số cho đội ngũ cán bộ cơ sở; đồng thời, nghiên cứu xây dựng hệ thống phần mềm hoặc nền tảng số dùng chung trong toàn Đảng để thực hiện việc lập, cập nhật bản kiểm điểm và tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân, góp phần giảm khối lượng công việc thủ công, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác dữ liệu.

3. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số dùng chung của hệ thống chính trị; ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu thống nhất từ Trung ương đến địa phương, tạo điều kiện để các địa phương phát huy hiệu quả mô hình quản trị, điều hành trên nền tảng dữ liệu số.

4. Sớm ban hành hướng dẫn chuyên ngành về chỉnh lý, phân loại, chuẩn hóa và số hóa hồ sơ thuộc lĩnh vực tổ chức xây dựng Đảng; quy định thống nhất danh mục hồ sơ, thành phần hồ sơ, trường thông tin, tiêu chuẩn dữ liệu và quy trình số hóa đối với các loại hồ sơ đặc thù; đồng thời tiếp tục hỗ trợ các địa phương hoàn thiện dữ liệu, số hóa hồ sơ và triển khai đồng bộ các nền tảng số, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện hiệu quả các chương trình chuyển đổi số.

5. Sớm xây dựng và đưa vào sử dụng nền tảng AI dùng chung; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung; tiếp

tục đơn giản hóa, chuẩn hóa quy trình, thành phần hồ sơ phải số hóa, bảo đảm thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

6. Quan tâm hỗ trợ nguồn lực đầu tư hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số và liên thông dữ liệu chuyên ngành; đồng thời đầu tư hạ tầng giao thông, điện, trường học, cơ sở y tế và các công trình phục vụ phát triển du lịch cộng đồng, tạo điều kiện để Vân Sơn khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và phát triển bền vững.

Thực tiễn một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại xã Vân Sơn khẳng định rằng: Nếu có sự lãnh đạo đúng đắn, quyết liệt của cấp ủy; sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị; sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân, thì ngay cả những địa bàn còn nhiều khó khăn cũng có thể tổ chức bộ máy ổn định, vận hành hiệu quả, tạo động lực phát triển mới từ cơ sở. Chúng tôi tin tưởng rằng, với tổ chức bộ máy tinh gọn, chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thì chắc chắn chúng ta sẽ thành công.

21. ĐẢNG ỦY XÃ ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG:

Đổi mới phương thức lãnh đạo, xây dựng chính quyền phục vụ, đẩy mạnh chuyển đổi số - kinh nghiệm qua 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; sau 01 năm triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng được đại diện cho 124 xã, phường, đặc khu trong tỉnh tham luận tại Hội nghị toàn quốc. Đây là niềm vinh dự, đồng thời là trách nhiệm chính trị lớn đối với Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân xã Đức Trọng trong việc báo cáo kết quả bước đầu, chia sẻ cách làm, bài học kinh nghiệm và đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp góp phần tiếp tục hoàn thiện mô hình trong thời gian tới.

Trước tiên, tôi bày tỏ sự thống nhất cao với dự thảo Báo cáo trình bày tại Hội nghị hôm nay. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, quyết sách, chiến lược, tư duy, tầm nhìn mới. Trong đó, việc lãnh đạo tổ chức, vận hành mô hình chính quyền 3 cấp là một bước đi mang tính đột phá, nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy, cán bộ, nâng cao tính tự chủ và phục vụ Nhân dân tốt hơn, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới.

Đối với xã Đức Trọng được thành lập trên cơ sở sáp nhập 02 đơn vị hành chính thuộc huyện Đức Trọng trước đây *(gồm: thị trấn Liên Nghĩa và xã Phú Hội)*, với diện tích tự nhiên 148,78 km², dân số trên 88.900 người, trong đó tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 33,8%. Đảng bộ xã có 86 tổ chức đảng với 2.129 đảng viên, 790 cán bộ, công chức, viên chức. Đây là quy mô tương đối lớn đối với một đơn vị hành chính cấp xã, đặt ra yêu cầu cao về lãnh đạo tổ chức, điều hành, phân công nhiệm vụ và kiểm soát tiến độ công việc.

Là địa bàn có vị trí quan trọng, giữ vai trò động lực phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trung tâm tỉnh Lâm Đồng, xã Đức Trọng có nhiều tiềm năng và lợi thế nổi bật để phát triển theo hướng đô thị hiện đại, đồng bộ. Trên địa bàn tập trung nhiều hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, logistics nông sản và nông nghiệp công nghệ cao; có Chợ đầu mối nông sản chất lượng cao, Khu công nghiệp Phú Hội, dự án Khu Công nghiệp Phú Bình; là cửa ngõ giao thương quốc tế như Cảng Hàng không quốc tế Liên Khương, các trục giao thông huyết mạch *(Quốc lộ 20, 27, cao tốc Liên Khương - Prenn hiện hữu; cao tốc Bảo*

Lộc - Liên Khương đã khởi công và các tuyến cao tốc: Liên Khương - Buôn Ma Thuột, Nha Trang - Liên Khương sẽ đầu tư trong tương lai). Đây là điều kiện thuận lợi để kết nối giao thương, thu hút đầu tư và mở rộng không gian phát triển đô thị.

Bên cạnh những tiềm năng, lợi thế, xã Đức Trọng cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức như: Địa hình rộng và mật độ dân cư phân bố không đều, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh theo định hướng trở thành trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh. Quá trình sắp xếp đơn vị hành chính làm gia tăng quy mô quản lý, khối lượng công việc của chính quyền cơ sở, trong khi việc hoàn thiện tổ chức bộ máy và đồng bộ quy hoạch cần thêm thời gian. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa tương xứng với tiềm năng; công nghiệp chế biến, dịch vụ logistics và dịch vụ chất lượng cao phát triển còn chậm; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu mới. Công tác quản lý đất đai, quy hoạch, bảo vệ môi trường và huy động nguồn lực đầu tư tiếp tục là những thách thức lớn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(1) Ngay sau khi đi vào hoạt động *(ngày 01/7/2025)*, Đảng ủy xã Đức Trọng đã tập trung quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Công tác tuyên truyền, quán triệt được Đảng ủy xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức phù hợp, lồng ghép trong sinh hoạt chi bộ định kỳ, các cuộc họp cơ quan, đơn vị, họp thôn. Nội dung tuyên truyền tập trung làm rõ ý nghĩa, mục tiêu, yêu cầu của việc sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, qua đó nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong Nhân dân. Đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ đã tích cực, nghiêm túc tham gia các lớp tập huấn, quán triệt chuyên đề do cấp trên tổ chức, từ đó trình độ nhận thức và năng lực công tác được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trên cơ sở các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận và các văn bản của cấp trên, Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, cụ thể hóa các văn bản gắn với tình hình thực tiễn của địa phương; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

(2) Sau khi thành lập, Đảng ủy xã Đức Trọng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền cấp xã theo đúng chủ trương, quy định của Trung ương và tỉnh. Thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Trung tâm Chính trị, các Ban của HĐND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND xã *(Trung tâm Phục*

vụ hành chính công, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, Trạm Y tế); đồng thời, tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục, bảo đảm hoạt động ổn định, không làm gián đoạn việc phục vụ Nhân dân. Vai trò lãnh đạo của Đảng ủy, sự điều hành của chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được phân định cụ thể, bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Sau kiện toàn, tổ chức bộ máy theo 4 trục của xã *(khối Đảng, khối HĐND, khối UBND, khối MTTQ và các đoàn thể)* từng bước đi vào hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

(3) Công tác bố trí, sắp xếp, điều động, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp được thực hiện dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, đúng quy trình, gắn với yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu; việc phân công, điều động, bổ nhiệm, bố trí kiêm nhiệm được thực hiện linh hoạt, góp phần làm cho bộ máy vận hành ổn định, thông suốt.

(4) Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được xác định là điểm tiếp xúc trực tiếp giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp. Xã đã niêm yết, công khai thủ tục hành chính, danh sách cán bộ, công chức, số điện thoại liên hệ, lĩnh vực phụ trách; tổ chức hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, hạn chế tối đa tình trạng người dân phải đi lại nhiều lần hoặc bị hướng dẫn thiếu thống nhất. Tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức chuyển biến tích cực theo hướng tận tình, trách nhiệm, gần dân, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo. 100% TTHC thuộc thẩm quyền được tiếp nhận và giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã. Kết quả *(từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/6/2026)* xã đã tiếp nhận và giải quyết 21.866 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó đã giải quyết 21.754 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,7%.

(5) Với sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, được sự hỗ trợ của các ban, sở, ngành tỉnh, sự đồng thuận và nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân; sau 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã Đức Trọng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện, cụ thể:

- Cuối năm 2025, xã đã hoàn thành 15/15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong đó có 5 chỉ tiêu vượt kế hoạch; thu ngân sách đạt trên 111 tỷ đồng, vượt kế hoạch tỉnh giao, giải ngân vốn đầu tư đạt 100% kế hoạch *(11 tỷ 946 triệu đồng)*. Kết nạp mới 51 đảng viên *(riêng 6 tháng cuối năm, kết nạp 22/22 đảng viên)*, đạt chỉ tiêu tỉnh giao.

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, các chỉ tiêu nhiệm vụ cơ bản bảo đảm tiến độ, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 10,59%, tổng thu NSNN trên địa bàn trên 325 tỷ đồng, đạt 54% dự toán giao *(trong đó thu NSNN do xã quản lý 237,3 tỷ đồng, đạt 52% dự toán giao)*; giải ngân vốn đầu tư công đạt trên 50% kế hoạch *(vốn bố trí là 34 tỷ 830 triệu đồng)*; phát triển đảng viên đạt 70,3% kế hoạch *(45/64 đảng viên)*; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, nhất là tuyến cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương *(đoạn qua địa bàn xã)*[27]. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đạt 100% kế hoạch; các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương được triển khai đồng bộ, hiệu quả; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội cơ bản ổn định, không để xảy ra vụ việc phức tạp.

(6) Công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp năm 2025 trên địa bàn xã được triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả. Có 96,47% tổ chức đảng được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Có 98% đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 14,58% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có tổ chức đảng vi phạm phải xử lý kỷ luật.

Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý quý I năm 2026: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 33/203 đồng chí, đạt 16,25%; hoàn thành tốt nhiệm vụ 170/203 đồng chí, đạt 83,75%. Qua kết quả đánh giá, xếp loại không có trường hợp cán bộ phải điều chuyển, bố trí công tác khác do có vi phạm, khuyết điểm hoặc không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. Hiện nay, xã đang thực hiện đánh giá quý II theo Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn số 11-HD/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

(7) Về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố theo chủ trương của Trung ương: Trên cơ sở Phương án tổng thể của Ủy ban nhân dân tỉnh và Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã của Ủy ban nhân dân xã, Phương án sắp xếp Chi bộ và Ban công tác Mặt trận thôn của Ban Thường vụ Đảng ủy và Mặt trận Tổ quốc xã; xã Đức Trọng đã sắp xếp 48 thôn trên địa bàn xã để thành lập mới 23 thôn, giữ nguyên 01 thôn, sau khi sắp xếp xã có 24 thôn, giảm 25 thôn. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy đã kịp thời ban hành các Quyết định kết thúc hoạt động đối với các chi bộ; ban hành quyết định thành lập các chi bộ mới; chỉ định nhân sự chi ủy, bí thư, phó bí thư các chi bộ và kiện toàn các chức danh chủ chốt ở thôn mới sau sắp xếp.

Những kết quả trên phản ánh tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong việc thích ứng mô hình tổ chức mới. Song, điều mà

---

[27] Đạt tỷ lệ giải phóng mặt bằng cao trên toàn tuyến cao tốc Bảo Lộc -Liên Khương *(diện tích bàn giao mặt bằng là 62,72ha/66,95ha, đạt 93,68%, số tiền đã chi trả là 394,103/433,142 tỷ đồng, đạt 90,99%, số hộ đã nhận tiền là 317/334 hộ, đạt 95%)*.

xã Đức Trọng tâm đắc nhất không chỉ là những con số hay các chỉ tiêu hoàn thành, mà chính là quá trình đổi mới tư duy lãnh đạo, phương thức điều hành và cách thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ để bộ máy mới thực sự hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Xuất phát từ thực tiễn địa phương sau sắp xếp với địa bàn rộng, dân số đông, khối lượng công việc tăng lên trong khi biên chế được thực hiện tinh gọn, xã Đức Trọng xác định phải lựa chọn cách tiếp cận mới, không chỉ tập trung sắp xếp tổ chức mà còn tập trung đổi mới cách vận hành bộ máy. Đảng ủy xã thống nhất xác định 03 trụ cột trong quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đó là: Đổi mới tư duy lãnh đạo; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu và lấy chuyển đổi số làm động lực đổi mới phương thức quản trị.

Một là, đổi mới tư duy lãnh đạo, chuyển mạnh từ "hành chính quản lý" sang "hành chính phục vụ".

Đây là chuyển biến quan trọng nhất của xã Đức Trọng trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Đảng ủy xã xác định, khi cấp xã được giao nhiều nhiệm vụ hơn thì yêu cầu đặt ra không chỉ là thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, mà còn phải chủ động giải quyết công việc nhanh, hiệu quả và thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp. Vì vậy, cùng với việc hoàn thiện quy chế làm việc, chúng tôi đã thực hiện rà soát, phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, bộ phận và cá nhân; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; thực hiện phương châm *"rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian hoàn thành"*, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, yêu cầu mỗi cán bộ, công chức thay đổi nhận thức và phương pháp làm việc; chuyển từ tư duy giải quyết công việc theo quy trình hành chính đơn thuần sang tư duy phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng thực thi công vụ.

Quá trình thực hiện cho thấy, khi nhận thức thống nhất thì phương thức làm việc cũng thay đổi theo hướng chủ động, linh hoạt hơn; nhiều công việc được giải quyết ngay từ cơ sở, hạn chế tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm hoặc chờ xin ý kiến nhiều cấp như trước đây.

Hai là, xây dựng mô hình "Cán bộ, đảng viên xã Đức Trọng tiên phong gương mẫu, lan tỏa hành động vì Nhân dân phục vụ" để tạo chuyển biến từ đội ngũ

Đây là mô hình được Đảng ủy xã triển khai từ ngày 01/01/2026 với mục tiêu không chỉ phát động phong trào thi đua, mà hướng đến xây dựng văn hóa công vụ dựa trên tinh thần trách nhiệm, ý thức nêu gương và sự tận tâm phục vụ Nhân dân.

Điểm mới của mô hình là gắn việc nêu gương của cán bộ, đảng viên với những hành động cụ thể trong thực hiện nhiệm vụ hằng ngày. Mỗi cán bộ, đảng viên đăng ký nội dung đổi mới hoặc giải pháp nâng cao hiệu quả công việc; chủ động đề xuất sáng kiến, cải tiến quy trình xử lý hồ sơ, tăng cường hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và phối hợp giải quyết các công việc liên quan nhiều lĩnh vực. Đồng thời, việc thực hiện mô hình được lồng ghép với công tác đánh giá cán bộ theo Hướng dẫn 02-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn 11-HD/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ đó bảo đảm thực chất trong đánh giá cán bộ, tạo động lực để mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng rèn luyện, phấn đấu, đổi mới phương pháp làm việc và nâng cao chất lượng thực thi công vụ.

Mặc dù mô hình mới được triển khai trong thời gian chưa dài và địa phương đang tiếp tục tổ chức đánh giá, nhưng bước đầu đã tạo được chuyển biến tích cực về ý thức trách nhiệm, tinh thần và thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức đối với người dân, doanh nghiệp.

Ba là, lấy chuyển đổi số làm động lực đổi mới phương thức quản trị trong điều kiện bộ máy tinh gọn.

Thực tiễn cho thấy, nếu chỉ tăng khối lượng công việc mà không thay đổi phương thức quản lý thì khó nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã. Xuất phát từ yêu cầu đó, xã Đức Trọng xác định chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ thông tin, mà là giải pháp đổi mới toàn diện phương thức điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Xã đã chủ động đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng nội bộ, đường truyền internet; khai thác hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh và các phần mềm chuyên ngành trong quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp, giải quyết thủ tục hành chính, quản lý hộ tịch, đất đai, tài chính, an sinh xã hội, quản lý cán bộ, công chức, viên chức và quản lý đảng viên.

Quan trọng hơn, xã tập trung thay đổi thói quen làm việc của đội ngũ cán bộ theo hướng ưu tiên xử lý công việc trên môi trường số; tăng cường trao đổi, chỉ đạo, điều hành thông qua các nền tảng số; giảm tối đa hồ sơ giấy, cắt giảm các khâu trung gian, rút ngắn thời gian xử lý công việc và nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền. Nhờ đó, năng suất lao động của đội ngũ cán bộ từng bước được nâng lên; nhiều quy trình xử lý công việc được đơn giản hóa; áp lực đối với đội ngũ công chức trong điều kiện khối lượng công việc tăng lên giảm đáng kể.

Từ thực tiễn triển khai, xã Đức Trọng rút ra một bài học có ý nghĩa quan trọng là: Tinh gọn tổ chức bộ máy là điều kiện cần, nhưng đổi mới tư duy lãnh đạo,

xây dựng đội ngũ cán bộ có trách nhiệm, tận tâm và ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số mới là điều kiện đủ để mô hình chính quyền địa phương 02 cấp phát huy hiệu quả. Khi người đứng đầu quyết liệt, đội ngũ cán bộ đồng thuận, phương thức quản trị được đổi mới và mọi hoạt động đều hướng tới phục vụ Nhân dân, thì bộ máy dù tinh gọn vẫn có thể vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng tốt yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở xã Đức Trọng vẫn còn một số khó khăn, hạn chế đó là:

(1) Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đồng đều; một bộ phận còn hạn chế về năng lực chuyên môn, kỹ năng giải quyết công việc, chậm thích ứng với mô hình mới phân cấp mạnh với nhiều nhiệm vụ được giao thêm, nhất là năng lực tự học, tự nghiên cứu của cán bộ để đáp ứng phương thức quản trị hiện đại, yêu cầu nhiệm vụ mới, cũng như việc thay đổi nhận thức và hành động khi chuyển từ phương thức hành chính quản lý sang hành chính phục vụ, kiến tạo phát triển vì lợi ích chung của một số cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân còn hạn chế.

(2) Khối lượng công việc ở xã tăng đáng kể do tiếp nhận nhiệm vụ từ cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện *(trước đây)*, một công chức phải kiêm nhiệm phụ trách nhiều lĩnh vực, dễ dẫn đến quá tải, sai sót khi thực hiện nhiệm vụ trong khi biên chế chưa được điều chỉnh phù hợp và thực hiện tinh giản, siết chặt.

(3) Hệ thống văn bản pháp luật chưa đồng bộ, một số quy định chưa được cụ thể hóa kịp thời dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai ở các cấp. Một số quy định, hướng dẫn của Trung ương trong một số lĩnh vực chuyên ngành chưa kịp thời ban hành hoặc chưa thống nhất, nhất là các nội dung liên quan đến phân cấp, phân quyền, quy trình xử lý nghiệp vụ…

(4) Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc ở một số bộ phận còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Khối lượng hồ sơ, tài liệu lưu trữ của các cơ quan, đặc biệt là khối tài liệu của cấp huyện trước khi sắp xếp đơn vị hành chính còn lớn và chưa được số hóa đầy đủ, gây khó khăn cho công tác quản lý, khai thác, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số.

(5) Một số cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn, nhất là về biên chế, chế độ đãi ngộ, phụ cấp đối với công chức cấp xã; việc phân bổ nguồn lực chưa tương xứng nhiệm vụ được giao, trong đó việc phân bổ nguồn lực tài chính cho xã sau sắp xếp ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu giải quyết khối lượng nhiệm vụ được giao, gây khó khăn trong thu hút, ổn định và phát triển đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

Từ thực tiễn quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, xã Đức Trọng xin đề xuất một số giải pháp chủ yếu để thực hiện có hiệu quả trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền. Phát huy trách nhiệm người đứng đầu; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; bảo đảm mọi hoạt động của chính quyền cấp xã được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, thông suốt.

Thứ hai, tiếp tục rà soát, sắp xếp, phân công nhiệm vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, bảo đảm khoa học, hợp lý, phù hợp với năng lực, sở trường; khắc phục tình trạng chồng chéo, quá tải trong thực hiện nhiệm vụ. Chủ động điều tiết công việc, nâng cao chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thứ ba, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân; khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính; cắt giảm các khâu trung gian không cần thiết; giảm bớt chế độ báo cáo trùng lặp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, xử lý công việc nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm áp lực cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Thứ năm, tăng cường phối hợp và chủ động nắm chắc tình hình địa bàn; chủ động phối hợp các cơ quan cấp trên và đơn vị liên quan trong giải quyết công việc; phát huy vai trò các tổ chức đoàn thể trong tuyên truyền, vận động, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh và giải quyết những vấn đề từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Thứ sáu, quan tâm bảo đảm các điều kiện hoạt động cho chính quyền cấp xã; sử dụng hiệu quả nguồn lực được giao; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là về biên chế, cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc.

Thứ bảy, Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại cơ sở; chủ động tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.

22. BÁO CÁO SƠ KẾT 1 NĂM VẬN HÀNH BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thực hiện Kết luận số 16-KL/TW, ngày 31/3/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Công văn số 08-CV/BCĐ, ngày 19/5/2026 của Ban Chỉ đạo sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy báo cáo kết quả 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Khái quát đặc điểm, tình hình

Hà Nội là Thủ đô, trung tâm chính trị - hành chính quốc gia; đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế; giữ vai trò đầu tàu phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng và là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của cả nước. Với vị thế đặc biệt đó, Hà Nội vừa là địa phương trực tiếp triển khai nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách lớn của Trung ương, vừa là nơi kiểm nghiệm thực tiễn, góp phần hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy, cơ chế quản trị và chính sách phát triển để nghiên cứu nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp từ 526 xã, phường, thị trấn xuống còn 126 xã, phường (giảm 76%); kết thúc hoạt động của 30 quận, huyện, thị xã; chuyển từ mô hình quản trị địa phương 03 cấp sang 02 cấp. Sau sắp xếp, Thành phố còn 126 xã, phường và 5.463 thôn, tổ dân phố; diện tích trên 3.344,70 km²; dân số 8,8 triệu người. Đảng bộ Thành phố hiện có 132 đảng bộ trực thuộc Thành ủy; 4.650 tổ chức cơ sở đảng; 14.173 chi bộ trực thuộc và hơn 508 nghìn đảng viên, chiếm khoảng 9% tổng số đảng viên toàn quốc. Toàn Thành phố có gần 130 nghìn cán bộ, công chức, viên chức. Đây là địa phương có quy mô tổ chức đảng, số lượng đảng viên, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và khối lượng công việc lớn nhất cả nước.

Đặc điểm đặc thù nổi bật của Hà Nội là việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp diễn ra đồng thời với quá trình thực hiện những nhiệm vụ chiến lược có ý nghĩa quyết định đối với tương lai phát triển của Thủ đô. Thành phố tập trung triển khai đồng bộ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm; tổ chức thực hiện mô hình phát triển mới theo định hướng ***"03 trụ cột, 05 động lực phát triển, 04 không gian phát triển"***, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số; đồng thời triển khai nhiều công trình, dự án chiến lược quốc gia và của Thành phố với khối lượng giải phóng mặt bằng lớn nhất từ trước tới nay. Đây là điều kiện đặc biệt mà hầu hết các địa phương không gặp phải trong quá trình vận hành mô hình mới.

Đặc biệt, việc sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, quản lý được thực hiện đồng thời với việc vận hành mô hình mới. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự đoàn kết, thống nhất trong Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy, các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các chương trình chiến lược của Thành phố luôn được giữ vững và triển khai xuyên suốt. Thay đổi về tổ chức bộ máy và nhân sự nhưng không thay đổi định hướng phát triển; không gián đoạn trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân; không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chương trình, dự án trọng điểm và các mục tiêu phát triển dài hạn của Thủ đô.

Sau 01 năm vận hành, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp bước đầu phát huy hiệu quả; bộ máy cơ bản hoạt động ổn định, thông suốt; giảm tầng nấc trung gian; tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của cấp xã; nhiều nhiệm vụ được giải quyết trực tiếp tại cơ sở; chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp từng bước được nâng lên; phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính và chuyển đổi số được đẩy mạnh hơn. Tuy nhiên, chất lượng đội ngũ cán bộ giữa các địa bàn còn chưa đồng đều; năng lực quản trị địa bàn và năng lực số của một bộ phận cán bộ còn hạn chế; hạ tầng dữ liệu, phần mềm chuyên ngành và một số điều kiện bảo đảm cho phân cấp, phân quyền chưa thật sự đồng bộ.

Thực tiễn tại Hà Nội cho thấy việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp không chỉ là sắp xếp lại tổ chức bộ máy mà là quá trình tái cấu trúc đồng thời mô hình chính quyền, mô hình quản trị và mô hình phát triển của Thủ đô. Kết quả bước đầu của Hà Nội có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với quá trình tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp trên phạm vi cả nước.

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Hà Nội là Thủ đô, trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi tập trung các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước, thường xuyên nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Chính phủ; đồng thời là địa phương được giao thực hiện nhiều cơ chế, chính sách đặc thù và nhiệm vụ tiên phong, tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Quy hoạch Thủ đô tổng thể tầm nhìn 100 năm, cùng các chủ trương lớn của Trung ương đã mở ra không gian phát triển mới, tạo cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng để Thành phố đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đổi mới quản trị, phát huy tính chủ động của cơ sở và khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển.

- Hà Nội có quy mô kinh tế lớn, nguồn lực tương đối dồi dào, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và năng lực quản trị từng bước được hoàn thiện; Đảng bộ Thành phố là Đảng bộ lớn nhất cả nước với hơn 508 nghìn đảng viên; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, kinh nghiệm thực tiễn và tinh thần trách nhiệm cao, Nhân dân đồng thuận, ủng hộ chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

2.2. Khó khăn, thách thức

- Hà Nội là địa phương có quy mô dân số, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và khối lượng công việc lớn nhất cả nước; đồng thời là đô thị đặc biệt với yêu cầu quản trị tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực và mức độ phức tạp cao nhất. Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên quy mô 8,8 triệu dân, hơn 508 nghìn đảng viên và 126 xã, phường là thách thức chưa có tiền lệ.

- Khác với nhiều địa phương, Hà Nội triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong điều kiện đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ chiến lược có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển dài hạn của Thủ đô và đất nước; vừa tổ chức lại bộ máy, vừa triển khai Luật Thủ đô, Quy hoạch Thủ đô, các chủ trương lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; vừa tập trung thực hiện các dự án hạ tầng chiến lược, công trình trọng điểm quốc gia và của Thành phố với khối lượng giải phóng mặt bằng lớn nhất từ trước đến nay.

- Sự chênh lệch rất lớn giữa các xã, phường về quy mô dân số, diện tích, mật độ dân cư, mức độ đô thị hóa, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khối lượng công việc đặt ra yêu cầu rất cao đối với việc tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, phân bổ nguồn lực, thực hiện phân cấp, phân quyền và xây dựng mô hình quản trị phù hợp với từng loại địa bàn.

- Quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn đội ngũ cán bộ và vận hành mô hình mới được thực hiện trong điều kiện yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao; nhiều nhiệm vụ được chuyển giao trực tiếp cho cấp xã trong khi năng lực quản trị địa bàn, năng lực số, chất lượng đội ngũ và điều kiện bảo đảm thực hiện giữa các địa phương còn chưa đồng đều; hạ tầng dữ liệu và một số hệ thống phần mềm chuyên ngành chưa thật sự đồng bộ.

- Là địa bàn trung tâm chính trị của cả nước, Hà Nội thường xuyên phải bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn

khách quốc tế và các sự kiện chính trị, đối ngoại quan trọng; đồng thời giải quyết nhiều vấn đề phức tạp về quản lý đô thị, đất đai, trật tự xây dựng, môi trường, an sinh xã hội và khiếu nại, tố cáo. Đây là áp lực đặc thù mà ít địa phương phải đối mặt trong quá trình vận hành mô hình mới.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận về việc hoàn thiện, vận hành mô hình tổ chức mới của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp; công tác chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân sau khi hợp nhất, sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính

Công tác quán triệt, thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận về sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp được Ban Thường vụ Thành ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam, Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo triển khai khẩn trương, đồng bộ, thống nhất từ Thành phố đến cơ sở. Thành phố xác định đây là nhiệm vụ đi trước một bước, giữ vai trò quyết định trong việc tạo sự thống nhất nhận thức, tư tưởng và hành động trong toàn hệ thống chính trị, bảo đảm quá trình chuyển đổi mô hình diễn ra ổn định, thông suốt và hiệu quả.

Thành phố đã tổ chức quán triệt, phổ biến kịp thời các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các văn bản của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy bằng nhiều hình thức linh hoạt, trực tiếp kết hợp với trực tuyến từ Thành phố đến cơ sở[28]; tổ chức 12 hội nghị quán triệt với 44.703 lượt cán bộ, đảng viên tham dự; tổ chức 62 lớp tập huấn với 30.766 lượt cán bộ tham gia. 100% cấp ủy, cơ quan, đơn vị và 126 xã, phường tổ chức sinh hoạt chuyên đề, tập huấn, phổ biến quy trình vận hành mô hình mới, bảo đảm 100% cán bộ chủ chốt, đảng viên được tiếp cận đầy đủ các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương và Thành ủy[29]. Nội dung quán triệt tập trung làm rõ yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị

---

[28] Kết luận số 174-KL/TW ngày 04/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính02 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả; Kết luận 176-KL/TW ngày 04/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện nội dung, nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của tổ chức cơ sở đảng thời gian tới; Kết luận số 177-KL/TW ngày 11/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính02 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả; Kết luận số 178-KL/TW ngày 17/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục triển khai các nhiệm vụ bảo đảm tổ chức bộ máy của đơn vị hành chính02 cấp hoạt động thông suốt, hiệu quả; Kết luận số 179-KL/TW ngày 25/7/2025 của Bộ Chính trị, Bạn Bí thư về tiếp tục triển khai các nhiệm vụ hoàn thiện tổ chức bộ máy và hoạt động của mô hình chính quyền địa phương02 cấp; Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tích cực triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương02 cấp, chuyển mạnh cấp cơ sở sang chủ động nắm, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh; Kết luận số 186-KL/TW ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương02 cấp; Kết luận số 187-KL/TW ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Kết luận số 195-KL/TW ngày 26/9/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương02 cấp; Kết luận số 202-KL/TW ngày 31/10/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương02 cấp; Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới; Kết luận số 221-KL/TW, ngày 28/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương02 cấp; Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18, ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước.

[29] Cấp xã tổ chức 2.016 tổ chức hội nghị quán triệt; tổ chức 6.300 lớp tập huấn.

địa bàn, phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số, trách nhiệm người đứng đầu trong điều kiện không còn tổ chức chính quyền cấp huyện.

Công tác thông tin, tuyên truyền được triển khai đồng bộ trên các loại hình báo chí, cổng thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở, các nền tảng số và mạng xã hội[30]. Các cơ quan báo chí Thành phố đã đăng tải, phát sóng trên 10.000 tin, bài, phóng sự, chuyên đề; đẩy mạnh truyền thông trên nền tảng iHanoi, infographic, video ngắn và các nền tảng tương tác trực tuyến, góp phần tạo sự lan tỏa rộng khắp và tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy.

Công tác nắm tình hình, định hướng dư luận xã hội được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua hệ thống báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội, các kênh tương tác số, hoạt động tiếp xúc, đối thoại và nắm tình hình tại cơ sở. Thành phố chủ động cung cấp thông tin, giải thích, định hướng đối với những vấn đề được cán bộ, đảng viên và Nhân dân quan tâm liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, cung cấp dịch vụ công và vận hành mô hình mới; qua đó hạn chế thông tin sai lệch, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Công tác chính trị tư tưởng được triển khai đồng bộ gắn với công tác dân vận và giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở. Hệ thống iHanoi đã tiếp nhận và xử lý trên 107.620 phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp; nhiều vụ việc được giải quyết ngay từ cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả tương tác giữa chính quyền với Nhân dân và tăng tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành. Công tác dân vận tiếp tục được đổi mới theo hướng sát dân, bám địa bàn, lấy kết quả giải quyết các vấn đề thực tiễn của người dân làm thước đo hiệu quả; nhiều địa phương chuyển mạnh từ tuyên truyền, vận động theo diện rộng sang phương thức *"đến từng hộ dân, giải quyết từng việc cụ thể"*. Phong trào thi đua *"Dân vận khéo"* phát triển sâu rộng với 11.935 mô hình năm 2025 và 18.249 mô hình năm 2026, nhiều mô hình tập trung giải quyết hiệu quả các vấn đề về giải phóng mặt bằng, quản lý đô thị, cải cách hành chính và chuyển đổi số, và bảo đảm an sinh xã hội.

Thông qua công tác quán triệt, tuyên truyền, định hướng dư luận và công tác chính trị tư tưởng, nhận thức trong toàn hệ thống chính trị được thống nhất từ Thành phố đến cơ sở về mục tiêu, yêu cầu và phương thức vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; cơ bản khắc phục tâm lý băn khoăn trong giai đoạn đầu chuyển đổi, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất và ổn định tư tưởng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp. Đồng thời góp phần chuyển đổi tư duy "*quản lý theo cấp hành chính"* sang *"quản trị địa bàn, phục vụ người dân và doanh nghiệp"*.

Kết quả khảo sát dư luận xã hội cho thấy 90,58% cán bộ, đảng viên và Nhân dân quan tâm, theo dõi việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

[30] Thành phố ban hành 36 văn bản chỉ đạo báo chí; tổ chức 12 hội nghị giao ban báo chí và ban hành 52 văn bản định hướng tuyên truyền chuyên đề, định kỳ, bảo đảm thông tin chính thống, kịp thời, thống nhất trong toàn hệ thống chính trị và xã hội.

84,22% đánh giá bộ máy vận hành ổn định, thông suốt phát huy hiệu quả. Đây là minh chứng khẳng định chủ trương của Trung ương và Thành phố nhận được sự đồng thuận xã hội cao, tạo nền tảng chính trị - xã hội vững chắc để mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vận hành ổn định, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

(Phụ lục biểu 01B kèm theo)

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện

Bám sát các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với tinh thần nghiêm túc, chủ động, bài bản, khoa học và bám sát thực tiễn Thủ đô; xác định rõ việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp không đơn thuần là sắp xếp lại đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy mà là quá trình tái cấu trúc mô hình quản trị, phân bổ lại nguồn lực và đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành trong toàn hệ thống chính trị.

Trong quá trình triển khai, Thành phố đã kịp thời cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương thành hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo: Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành 321 văn bản; HĐND Thành phố ban hành 92 văn bản; UBND Thành phố và các sở, ngành ban hành 422 văn bản[31], MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ban hành 39 văn bản; các cấp ủy, chính quyền cơ sở ban hành trên 35.000 văn bản để tổ chức thực hiện. Các văn bản được ban hành bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và bám sát thực tiễn; tập trung giải quyết những vấn đề cốt lõi của quá trình chuyển đổi mô hình như tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số, cải cách hành chính, quản lý tài chính, tài sản công và tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị trong điều kiện không còn cấp huyện. Đây là cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng bảo đảm toàn bộ quá trình sắp xếp và vận hành mô hình mới được triển khai thống nhất trên phạm vi toàn Thành phố.

Cùng với việc cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, Thành phố đã tiến hành rà soát toàn diện hệ thống văn bản, quy định, quy chế và quy trình công tác; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới 163 văn bản; bãi bỏ 07 văn bản không còn phù hợp; ban hành 29 quy chế làm việc và 42 quy trình nội bộ theo nguyên tắc *"6 rõ"*. 126/126

[31] Thành phố ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 12/5/2025 về triển khai một số nhiệm vụ bảo đảm công tác chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước Thành phố khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương02 cấp; Công văn số 4414/UBND-ĐMPT ngày 05/8/2025 về triển khai, quản lý chữ ký số chuyên dùng công vụ; Công văn số 4641/UBND-ĐMPT ngày 18/8/2025 về bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số; Công văn số 4369/UBND-ĐMPT ngày 31/7/2025 về đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số cơ bản và Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 24/7/2025 về Chiến dịch 45 ngày đêm ra quân hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số tại các xã, phường trong giai đoạn đầu vận hành mô hình mới. Sở Công Thương tham mưu UBND Thành phố ban hành 05 văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công thương; Sở Du lịch tham mưu 02 quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động quản lý nhà nước về du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở, đồng thời tham mưu HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 về bố trí lực lượng và chế độ chính sách cho nhân viên chăn nuôi thú y các xã, phường; Sở Quy hoạch - Kiến trúc ban hành 11 văn bản hướng dẫn; Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng, Sở Y tế đã tham mưu, ban hành nhiều văn bản theo lĩnh vực quản lý để đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình mới. Thành phố đã tham mưu HĐND Thành phố ban hành 09 nghị quyết quy phạm pháp luật, UBND Thành phố ban hành 23 văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ và các lĩnh vực có liên quan đến tổ chức, vận hành mô hình mới; đồng thời ban hành các báo cáo định kỳ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

đảng ủy xã, phường hoàn thành việc ban hành quy chế làm việc của cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và các quy chế phối hợp liên quan. Việc rà soát, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác đã góp phần phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị; khắc phục cơ bản tình trạng chồng chéo, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm sự liên thông, thống nhất và thông suốt trong hoạt động của toàn hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở.

Đối với công tác phân cấp, ủy quyền và phân định thẩm quyền, Thành phố chủ động rà soát các lĩnh vực quản lý nhà nước, hoàn thiện các quy định liên quan đến công tác cán bộ, quản lý ngân sách, đầu tư công, tài sản công, giải quyết thủ tục hành chính, đất đai, xây dựng, giáo dục, y tế và các lĩnh vực chuyên ngành; từng bước chuyển giao nhiệm vụ gắn với tăng cường trách nhiệm, thẩm quyền và tính tự chủ của cấp xã. Song song với đó, Thành phố duy trì cơ chế giao ban 04 trục "Đảng - HĐND - UBND - MTTQ"; phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy viên và lãnh đạo sở, ngành trực tiếp theo dõi địa bàn[32]; tổ chức 1.073 hội nghị tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; tiếp nhận 825 kiến nghị, đề xuất của các địa phương, đơn vị và đã giải quyết dứt điểm 801 nội dung, đạt tỷ lệ 97,1%. Qua đó, nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh trong giai đoạn đầu vận hành được tháo gỡ kịp thời ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nghẽn kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động của bộ máy và việc phục vụ Nhân dân.

Có thể khẳng định, thành công lớn nhất sau gần 01 năm không phải ở số lượng văn bản hay cơ chế được ban hành, mà là từng bước chuyển hóa chủ trương của Trung ương thành kết quả thực tiễn; hình thành phương thức quản trị trực tiếp từ Thành phố đến xã, phường; nâng cao tính chủ động của cơ sở và tạo nền tảng cho chuyển đổi từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, điều hành trên cơ sở dữ liệu. Đồng thời, Hà Nội đã chủ động đổi mới phương thức tổ chức thực hiện phù hợp với đặc thù của Thủ đô, góp phần nâng cao chất lượng quản trị địa phương và cung cấp thêm cơ sở thực tiễn để tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

(Phụ lục biểu 02B kèm theo)

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai đồng bộ trên cả 04 trục của hệ thống chính trị, gắn với yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ sau sắp xếp tổ chức bộ máy. Cấp ủy các cấp tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kết luận, quy chế làm việc, công tác cán bộ và trách nhiệm người đứng đầu; HĐND các cấp đẩy mạnh giám sát chuyên thực hiện các nghị quyết sau sắp xếp, phân cấp, ủy quyền,

[32] Thường trực HĐND Thành phố đã tổ chức 17 đoàn công tác gồm lãnh đạo HĐND, lãnh đạo chuyên trách các Ban của HĐND Thành phố trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra và tham dự kỳ họp thứ Nhất của HĐND một số xã, phường; UBND Thành phố lập 11 Tổ công tác chỉ đạo, hướng dẫn công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

giải quyết thủ tục hành chính, đầu tư công, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, tài chính, ngân sách và giải quyết kiến nghị cử tri; UBND các cấp tăng cường kiểm tra công vụ, kiểm tra tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ sau phân cấp, ủy quyền; MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung giám sát xã hội, nắm tình hình Nhân dân, tham gia phản biện và giám sát việc giải quyết các kiến nghị, phản ánh ngay từ cơ sở.

Từ 01/7/2025 đến nay, Ban Thường vụ Thành ủy đã tổ chức 04 cuộc kiểm tra, giám sát với 58 đoàn công tác đối với các cấp ủy, cơ quan, đơn vị và 126 xã, phường; UBKT Thành ủy, HĐND Thành phố và MTTQ Việt Nam Thành phố tổ chức 38 cuộc giám sát chuyên đề. Nội dung tập trung vào việc triển khai các nghị quyết, kết luận của Trung ương và Thành phố; vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; công tác cán bộ, quản lý biên chế, phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải ngân đầu tư công, quản lý đất đai, trật tự xây dựng và công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031[33].

Đặc biệt, thực hiện Quyết định số 332-QĐ/TU, ngày 01/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy, 20 đoàn giám sát do các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy viên làm trưởng đoàn đã trực tiếp làm việc với các sở, ngành, và xã, phường để đánh giá toàn diện việc tổ chức và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sau sắp xếp. Đây là đợt giám sát có quy mô lớn, được triển khai đồng bộ trên toàn Thành phố, cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành phố. UBKT Thành ủy thực hiện giám sát thường xuyên đối với 21 nội dung trọng tâm, tập trung vào tiến độ xử lý các điểm nghẽn lớn của Thành phố, công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, các công trình theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 của Quốc hội và các nhiệm vụ cấp bách về quản lý đô thị, phòng chống ngập úng.

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban Thường vụ Thành ủy và các cấp ủy đã chỉ đạo rà soát, đôn đốc thực hiện 90 nhiệm vụ trọng tâm; tiếp nhận, xử lý 825 kiến nghị, đề xuất của địa phương, đơn vị, trong đó đã giải quyết dứt điểm 801 nội dung. Nhiều quy chế phối hợp, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và quy trình công tác được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện trong điều kiện mô hình mới.

Ở cấp cơ sở, các đảng ủy trực thuộc đã tổ chức 530 cuộc kiểm tra, 1.386 cuộc giám sát gắn với trách nhiệm người đứng đầu và việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền. Thông qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh

---

[33] Quyết định số 332-QĐ/TU ngày 01/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thành lập 20 Đoàn giám sát chuyên đề trọng tâm năm 2025; Quyết định số 342-QĐ/TU ngày 05/12/2025 về thành lập 16 Đoàn công tác chỉ đạo bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Quyết định số 1221-QĐ/TU ngày 09/3/2026 về thành lập 12 Đoàn kiểm tra công tác quán triệt, triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ Thành phố và xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; Quyết định số 1658-QĐ/TU ngày 28/4/2026 về thành lập 10 Đoàn giám sát việc vận hành mô hình chính quyền địa phương02 cấp, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và công tác kiểm điểm, đánh giá tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý.

những hạn chế trong quản lý đất đai, trật tự xây dựng, cải cách hành chính, đầu tư công và thực thi công vụ, góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, hạn chế vi phạm từ sớm, từ cơ sở và giữ vững ổn định địa bàn.

Công tác kiểm tra, giám sát từng bước được đổi mới theo hướng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị địa phương; góp phần kiểm soát quyền lực, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và bảo đảm mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

(Phụ lục biểu 03B kèm theo)

III. KẾT QUẢ SAU 01 NĂM VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

1. Về đơn vị hành chính cấp xã, tổ chức bộ máy, biên chế hiện nay ở cấp Thành phố, cấp xã

1.1. Về số lượng, phân loại đơn vị hành chính cấp xã

Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thành phố Hà Nội đã giảm từ 526 xã, phường, thị trấn xuống còn 126 xã, phường; giảm 400 đơn vị hành chính cấp xã, tương ứng khoảng 76%; đồng thời kết thúc hoạt động của 30 quận, huyện, thị xã. Cấp xã sau sắp xếp trực tiếp quản lý 5.463 thôn, tổ dân phố; toàn Thành phố có diện tích 3.334,70 km², dân số 8.855.946 người, mật độ bình quân chung khoảng 2.647,8 người/km².

Theo Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của UBND Thành phố về phân loại đơn vị hành chính cấp xã, Hà Nội hiện có 51 phường và 75 xã, trong đó 109 đơn vị hành chính loại I, 16 đơn vị hành chính loại II, 01 đơn vị hành chính loại III[34]. Kết quả phân loại cho thấy quy mô, tính chất và yêu cầu quản trị giữa các xã, phường có sự khác biệt rất lớn.

Về dân số, đơn vị có quy mô nhỏ nhất là xã Minh Châu với 6.702 người, trong khi đơn vị có quy mô lớn nhất là phường Hà Đông với 211.572 người, chênh khoảng 31,6 lần. Về diện tích tự nhiên, đơn vị nhỏ nhất là phường Cửa Nam với 1,68 km², đơn vị lớn nhất là xã Ba Vì với 81,28 km², chênh khoảng 48,4 lần. Về mật độ dân số, thấp nhất là xã Yên Bài với khoảng 317,2 người/km², cao nhất là phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám với khoảng 58.074,1 người/km², chênh khoảng 183,1 lần.

Mức độ đô thị hóa và cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa bàn cũng có sự khác biệt rõ nét. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp dao động từ 13,7 đến 100%; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ thấp nhất là 54,4% đến 100,0%. Các chỉ

[34](i) 51 phường có: 47 phường loại I [34]; 04 phường loại II[34]; (ii) 75 xã có: 62 xã loại I[34]; 12 xã loại II[34]; 01 xã loại III[34]..

tiêu này phản ánh rõ sự phân hóa giữa các khu vực lõi, khu vực đô thị hóa nhanh, khu vực ven đô và khu vực nông thôn, miền núi, sinh thái.

Từ thực tiễn đó, các xã, phường của Thành phố có thể được phân thành 04 nhóm địa bàn cơ bản:

(1) Nhóm 1- Phường trung tâm đô thị (đô thị lõi): Là địa bàn trung tâm đô thị đặc biệt, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa và dịch vụ của Thủ đô; có quy mô dân số lớn, mật độ dân cư cao, tập trung nhiều hoạt động kinh tế - xã hội và giao dịch hành chính; yêu cầu quản trị đô thị và cung ứng dịch vụ công ở mức cao.

(2) Nhóm 2 - Xã, phường đô thị hóa nhanh, khu vực phát triển mới, trung tâm động lực: Là địa bàn có tốc độ đô thị hóa và tăng dân số cơ học cao; tập trung nhiều dự án đầu tư, phát triển hạ tầng và khu đô thị mới; khối lượng nhiệm vụ về quy hoạch, đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng và quản lý phát triển đô thị phát sinh lớn, đòi hỏi năng lực tổ chức thực hiện, điều phối phát triển và quản trị tăng trưởng hiệu quả.

(3) Nhóm 3 - Xã ven đô, vùng chuyển tiếp giữa đô thị và nông thôn: Là địa bàn chuyển tiếp giữa đô thị và nông thôn, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ quản lý đô thị, phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nông nghiệp, làng nghề, môi trường, hạ tầng dân sinh; có cơ cấu nhiệm vụ đa dạng, đan xen, đòi hỏi mô hình quản trị linh hoạt, phù hợp với quá trình chuyển đổi không gian phát triển.

(4) Nhóm 4 - Địa bàn đặc thù: Gồm các xã đảo, xã miền núi, xã bãi sông, địa bàn dân cư phân tán hoặc có điều kiện quản lý đặc thù; yêu cầu trọng tâm là bảo đảm tiếp cận dịch vụ công, tăng cường hỗ trợ chuyên môn, dữ liệu đất đai, môi trường, đê điều, nông nghiệp và cơ chế nguồn lực phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn.

Việc hình thành 04 nhóm địa bàn nêu trên cho thấy các xã, phường của Hà Nội sau sắp xếp có sự khác biệt rất lớn về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, mật độ dân cư, mức độ đô thị hóa, đặc điểm kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước. Đây là một đặc điểm nổi bật của Hà Nội sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Qua quá trình vận hành cho thấy việc phân loại đơn vị hành chính theo các tiêu chí hiện hành chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt về quy mô và đặc điểm quản lý giữa các nhóm xã, phường. Đây là một trong những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, tổng kết và đánh giá trong quá trình hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, không chỉ đối với Hà Nội mà còn đối với các đô thị lớn và các địa phương có sự khác biệt lớn về điều kiện phát triển giữa các đơn vị hành chính cấp xã.

1.2. Về tổ chức bộ máy cấp Thành phố và cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Thành phố đã hoàn thành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm bám sát chủ trương của Trung ương và phù hợp với yêu cầu quản trị Thủ đô và đặc điểm của đô thị đặc biệt. Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến xã, phường được kiện toàn đồng bộ, thống nhất và đưa vào vận hành ổn định ngay từ thời điểm thực hiện mô hình.

Biểu: Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Thành phố theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Trục tổ chức	**Cấp Thành phố**	**Cấp xã**
Khối Đảng	05 cơ quan tham mưu, giúp việc; 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy; 132 đảng bộ trực thuộc Thành ủy (126 đảng bộ xã, phường, 02 đảng bộ lực lượng vũ trang và 04 đảng bộ cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp)	126 đảng bộ xã, phường; 378 cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng; 30 Trung tâm chính trị tại 30 xã, phường nơi đặt trụ sở trung tâm chính trị của cấp huyện trước đây.
Khối HĐND	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố; 05 Ban HĐND Thành phố	126 Thường trực HĐND; 252 Ban HĐND cấp xã
Khối UBND	15 sở; 01 cơ quan tương đương sở; 09 chi cục; 167 phòng thuộc sở; 290 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; 19 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố	126 Văn phòng HĐND và UBND; 378 phòng chuyên môn; 126 điểm phục vụ hành chính công; các đơn vị sự nghiệp thiết yếu
Khối MTTQ và các tổ chức CTXH	Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố; 05 tổ chức chính trị - xã hội; 06 hội quần chúng; 10 đơn vị sự nghiệp trực thuộc	126 Ủy ban MTTQ cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Kết quả rà soát cho thấy mô hình chính quyền địa phương 02 cấp của Thành phố cơ bản bảo đảm sự thống nhất giữa hệ thống tổ chức Đảng và hệ thống chính quyền; giữa cấp lãnh đạo của Đảng với cấp quản lý của chính quyền; giữa tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành của toàn hệ thống chính trị. Việc thành lập đồng thời 126 đảng bộ xã, phường tương ứng với 126 đơn vị hành chính cấp xã mới đã bảo đảm sự thống nhất giữa địa bàn lãnh đạo của Đảng và địa bàn quản lý của chính

quyền; đồng thời tăng tính trực tiếp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Biểu: Rà soát mức độ đồng bộ giữa khung chính quyền địa phương 02 cấp với khung tổ chức Đảng tại Thành phố

Tiêu chí đánh giá	**Kết quả sau 01 năm vận hành**
Mô hình tổ chức của hệ thống chính trị	Chính quyền địa phương và tổ chức đảng được tổ chức thống nhất theo mô hình 02 cấp (Thành phố - xã, phường); đồng thời kết thúc hoạt động của cấp huyện và cấp ủy cấp huyện
Sự tương ứng giữa tổ chức đảng và đơn vị hành chính	Thành lập, kiện toàn đồng thời 126 đảng bộ xã, phường tương ứng với 126 đơn vị hành chính cấp xã mới, bảo đảm thống nhất giữa tổ chức đảng và đơn vị hành chính trên cùng địa bàn quản lý
Quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo và cấp quản lý trực tiếp	Thành ủy trực tiếp lãnh đạo 126 đảng bộ xã, phường; UBND Thành phố trực tiếp quản lý 126 xã, phường
Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cấp xã	Tổ chức Đảng, HĐND, UBND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội được kiện toàn đồng bộ theo đơn vị hành chính mới, bảo đảm hoạt động thống nhất trên cùng một địa bàn quản lý
Cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị	126 Đảng ủy xã, phường thực hiện cơ chế lãnh đạo toàn diện đối với HĐND, UBND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp.
Kết quả vận hành thực tiễn	Không phát sinh khoảng trống trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý tổ chức thực hiện nhiệm vụ sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện; bộ máy của 126 xã, phường và đảng bộ xã phường cơ bản ổn định, thông suốt

Trên cơ sở đó, Thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, tăng tính trực tiếp trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

(1) Đối với khối Đảng: Trước sắp xếp, Thành phố có 50 đảng bộ trực thuộc *(30 quận, huyện, thị ủy, 20 đảng ủy trực thuộc)* cùng các đảng đoàn, ban cán sự đảng hoạt động theo mô hình nhiều tầng nấc trung gian. Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Thành phố kết thúc hoạt động của 09 đảng đoàn, 03 ban cán sự đảng, 03 đảng ủy khối và 30 quận, huyện, thị ủy; thành lập Đảng ủy các cơ quan

Đảng Thành phố và Đảng ủy UBND Thành phố trên cơ sở sắp xếp các đảng ủy khối trực thuộc, giảm 01 đầu mối cấp trên cơ sở, tương ứng 33%[35]. Đồng thời, thành lập cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội trên cơ sở sáp nhập 06 cơ quan báo chí Thành phố, giảm 05 đầu mối, tương ứng 83,3%. Sau kiện toàn, Thành ủy trực tiếp lãnh đạo 132 đảng bộ trực thuộc Thành ủy *(gồm126 đảng bộ xã, phường, 05 cơ quan tham mưu, giúp việc và 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy[36]).* Hệ thống tổ chức đảng được sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy đối với cơ sở.

Tại cấp xã, mô hình được tổ chức thống nhất với 03 cơ quan tham mưu, giúp việc *(Văn phòng; Ban Xây dựng Đảng; cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy)* và duy trì 30 trung tâm chính trị cấp xã, bảo đảm yêu cầu lãnh đạo toàn diện của Đảng trong điều kiện không tổ chức cấp huyện.

(2) Đối với khối HĐND: Tổ chức bộ máy được kiện toàn đồng bộ từ Thành phố đến cơ sở, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và phù hợp với cơ chế đặc thù của Luật Thủ đô năm 2024. Ở cấp Thành phố, HĐND Thành phố tiếp tục tổ chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố; 05 Ban chuyên trách[37] (trong đó có Ban Khoa học Công nghệ và Môi trường theo quy định của Luật Thủ đô). Ở cấp xã, 126/126 xã, phường đã kiện toàn Thường trực HĐND; thành lập 252 Ban HĐND cấp xã, bảo đảm thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền.

(3) Đối với khối UBND: Trước sắp xếp, Thành phố có 30 quận, huyện, thị xã; 526 xã, phường, thị trấn; 21 sở và cơ quan tương đương sở cùng hệ thống phòng chuyên môn cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Sau sắp xếp, Thành phố còn 126 xã, phường, giảm 400 đơn vị hành chính cấp xã (76%) và kết thúc hoạt động của 30 quận, huyện, thị xã. Khối sở, ngành được sắp xếp từ 21 sở và cơ quan tương đương sở xuống còn 15 sở và 01 cơ quan tương đương sở, giảm 06 đầu mối cấp sở (28,6%)[38]; đồng thời giảm 09 chi cục và tiếp tục cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, chuyên sâu, hiệu quả. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy được thực hiện đồng bộ với việc chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, tổ chức lại

---

[35] Đảng đoàn HĐND, MTTQ, LĐLĐ TP, Hội CCB Thành phố, Hội LHPN Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật; Ban cán sự Đảng UBND TP, Viện Kiểm sát Nhân dân, Toà án Nhân dân Thành phố. Sáp nhập và tổ chức lại Đảng ủy Khối các cơ quan Thành phố, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp và Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

[36] 126 đảng bộ xã, phường; 04 đảng bộ trực thuộc; 05 ban xây dựng Đảng và Văn phòng Thành ủy; 02 đơn vị sự nghiệp (Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong; Báo và Phát thanh - Truyền hình Hà Nội).

[37] Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố; 05 Ban của HĐND Thành phố gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách; Ban Văn hóa - Xã hội; Ban Đô thị; Ban Khoa học -Công nghệ và Môi trường.

[38] Các Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương; Sở Dân tộc Tôn giáo; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và môi trường; Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Xây dựng; Sở Y tế; Văn phòng UBND Thành phố; Thanh tra Thành phố; Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Ban Quản lý khu Công nghệ cao Hòa Lạc. Các đơn vị sự nghiệp: Ban Quản lý đường sắt đô thị; BQLDA ĐTXD công trình dân dung; BQLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông; Viện nghiên cứu Phát triển kinh tế xã hội; Viện Quy hoạch xây dựng ; Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long; Quỹ Đầu tư PTTP; Trường Đại học Thủ đô; Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông; Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc; Trường Cao đẳng thương mại du lịch; Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp HN; Trường Cao đẳng Điện tử - Điện Lạnh; Trường Cao đẳng Công nghệ cao; Trường Cao đẳng cộng đồng Hà Nội; Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây; Trường Cao đẳng y tế Hà Nội; Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội.

hệ thống thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và các đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong điều kiện không tổ chức cấp huyện.

Tại cấp xã, 126/126 xã, phường đã hoàn thành việc thành lập cơ quan chuyên môn, tiếp nhận đầy đủ chức năng, nhiệm vụ từ cấp huyện chuyển về và đưa bộ máy vào vận hành ngay từ ngày đầu hoạt động. Mô hình tổ chức thống nhất 03 phòng chuyên môn *(Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Kinh tế đối với xã hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với phường; Phòng Văn hóa - Xã hội),* tổng số có 378 phòng chuyên môn trên toàn Thành phố; đồng thời bố trí 126 điểm tiếp nhận, phục vụ hành chính công tại 126 xã, phường. Qua thực tiễn vận hành, bộ máy cấp xã cơ bản đáp ứng yêu cầu tiếp nhận các nhiệm vụ quản lý nhà nước từ cấp huyện, góp phần rút ngắn quy trình xử lý công việc, nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và năng lực quản trị của chính quyền cơ sở.

Về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp xã, Thành phố thực hiện chuyển giao các đơn vị sự nghiệp công lập cơ bản, thiết yếu gắn với trực tiếp địa bàn dân cư về UBND xã, phường quản lý theo quy định và phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau sắp xếp, 100% xã, phường đã thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao, Trạm Y tế, Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng; đồng thời tiếp nhận, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, kinh tế, giáo dục và giáo dục nghề nghiệp theo đơn vị hành chính mới. Việc sắp xếp cơ bản bảo đảm duy trì ổn định hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân trong điều kiện không còn cấp huyện.

(4) Đối với khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội: Thành phố thực hiện sắp xếp theo hướng tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả phối hợp và phát huy vai trò đại diện, tập hợp Nhân dân. Các cơ quan tham mưu, giúp việc được hợp nhất theo hướng chung một đầu mối, giảm 05 tổ chức cấp Thành phố (83,3%[39]); tổ chức MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội được kiện toàn đồng bộ từ Thành phố đến 126 xã, phường, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt sau sắp xếp.

Qua gần 01 năm vận hành, mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Thành phố cơ bản phù hợp với yêu cầu của chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện; góp phần tăng tính trực tiếp trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, sự khác biệt về quy mô dân số, diện tích, mức độ đô thị hóa và khối lượng công việc giữa các xã, phường đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ chế phân bổ nguồn lực và bố trí đội ngũ cán bộ phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn trong thời gian tới.

---

[39] Ủy ban MTTQ Thành phố, Liên đoàn Lao động Thành phố, Hội Cựu chiến binh Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Thành đoàn Hà Nội, Hội Nông dân Thành phố.

1.3. Về công tác cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị

1.3.1. Về số lượng, cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Thành phố đã rà soát, cơ cấu lại và phân bổ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng giảm đầu mối trung gian, tăng cường nguồn lực cho cấp trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Việc sắp xếp được thực hiện đồng bộ với kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu đặt ra trong vận hành mô hình mới.

Đến tháng 5/2026, toàn Thành phố có 128.795 cán bộ, công chức, viên chức; trong đó cấp xã có 109.800 người, chiếm khoảng 85% tổng số cán bộ, công chức, viên chức toàn Thành phố. Cơ cấu được điều chuyển theo hướng tăng cường cho cơ sở, phù hợp với yêu cầu tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Biểu: Biên chế, số lượng người làm việc theo 04 trục cấp Thành phố

Trục tổ chức	**Biên chế, số lượng người làm việc**
Khối Đảng	Năm 2026, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khối Đảng, đoàn thể cấp Thành phố được giao 803 biên chế, gồm 660 công chức và 143 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước; hiện có mặt là 634 người *(508 công chức và 126 viên chức)*
Khối HĐND	Bộ phận tham mưu, phục vụ được tổ chức tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố, bảo đảm phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND và 05 Ban của HĐND Thành phố.
Khối UBND	Năm 2026, các cơ quan chuyên môn, cơ quan tương đương sở và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành phố được giao 19.378 biên chế, gồm 4.000 công chức và 15.378 viên chức; hiện có mặt 18.367 người *(3.493 công chức và 14.874 viên chức)*
Khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	Biên chế được bố trí theo mô hình cơ quan tham mưu, giúp việc dùng chung của Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, bảo đảm thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội, tập hợp và vận động các tầng lớp Nhân dân.

Biểu: Biên chế, số lượng người làm việc theo 04 trục cấp xã

Trục tổ chức	Biên chế, số lượng người làm việc
Khối Đảng	Hiện có 4.394 người thuộc các cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, bảo đảm thực hiện chức năng lãnh đạo, tham mưu, kiểm tra, giám sát và vận động quần chúng tại cơ sở.
Khối HĐND	Bộ phận tham mưu, giúp việc được bố trí trong Văn phòng HĐND và UBND cấp xã, bảo đảm phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND và 02 Ban của HĐND cấp xã theo quy định.
Khối UBND	Năm 2026, Thành phố giao 110.066 biên chế và số lượng người làm việc cho khối chính quyền và đơn vị sự nghiệp trực thuộc 126 xã, phường *(gồm 9.251 công chức và 100.815 viên chức).* Hiện có mặt 105.288 người *(gồm 7.718 công chức và 97.570 viên chức).*
Khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	Biên chế được bố trí thống nhất trong tổng số 4.394 người thuộc khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động Nhân dân và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Về chất lượng đội ngũ, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đại học và sau đại học đạt trên 94%; đội ngũ lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên môn cơ bản được bố trí đúng chuyên ngành, lĩnh vực công tác[40]. Đáng chú ý, mặc dù số lượng công chức hiện có mới đạt khoảng 88,8% biên chế được giao[41], song đội ngũ công chức trong hệ thông chính trị cấp xã cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Kết quả rà soát cho thấy có 7.892/7.938 công chức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, đạt khoảng 99,42%[42].

Nhìn chung, việc cơ cấu lại và phân bổ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp đã cơ bản bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức mới; cơ cấu nguồn nhân lực giữa các cấp, các khối công tác và các địa bàn được kiện toàn đồng bộ, tạo nền tảng nhân lực để các cơ quan trong hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

---

[40] Đối với công chức: (i) Trình độ chuyên môn: Sau đại học 3.482 cán bộ (29%); Đại học 7.826 cán bộ (65%); Cao đẳng, Trung cấp 804 cán bộ (6%); (ii) Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 1.842 cán bộ (15%); Trung cấp 5.890 cán bộ (49%).

Đối với viên chức: (i) Trình độ chuyên môn: Sau đại học 11.625 cán bộ (12%); Đại học 81.374 cán bộ (83%); Cao đẳng, Trung cấp 4.689 cán bộ (5%); (ii) Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 977 cán bộ; Trung cấp 10.843 cán bộ (11%).

[41] Thành phố giao tạm giao biên chế công chức Khối Đảng, đoàn thể cấp xã 5.113, số hiện có 4.394 (đạt 85,9%); Khối chính quyền 9.251 biên chế, số hiện có 8.359 công chức (đạt 90,4%).

[42] Khối Đảng, đoàn thể có 10/1.270 công chức chuyên môn, nghiệp vụ chưa phù hợp với yêu cầu VTVL; Khối chính quyền có 36/6.668 chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ của vị trí việc làm.

1.3.2. Về công tác cán bộ, chế độ, chính sách, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Ban Thường vụ Thành ủy xác định công tác cán bộ là khâu then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng và hiệu quả vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Trên cơ sở rà soát tổng thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Thành phố đã chủ động xây dựng và thực hiện phương án bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển cán bộ đồng bộ với tổ chức bộ máy mới, bảo đảm giữ vững sự ổn định, liên tục trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân.

- Về công tác cán bộ: Thành phố đã hoàn thành kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp xã với 2.935 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, 1.324 Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, 126 Bí thư Đảng ủy, 252 Phó Bí thư Đảng ủy, 126 Chủ tịch và 247 Phó Chủ tịch UBND xã, phường; đồng thời thực hiện chuyển đổi 1.890 cán bộ, công chức cấp xã cũ sang thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức thuộc khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định. Thông qua điều động, luân chuyển, bố trí lại nguồn nhân lực và tăng cường cán bộ từ Thành phố về cơ sở, Thành phố cơ bản khắc phục tình trạng thiếu hụt cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên môn tại các xã, phường mới thành lập, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành liên tục, không để gián đoạn công việc.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng đội ngũ, Ban Thường vụ Thành ủy đã kịp thời ban hành đồng bộ các quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ; hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, tiêu chuẩn chức danh và cơ chế quản lý cán bộ theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Đây là bước chuyển quan trọng từ quản lý theo biên chế sang quản trị nguồn nhân lực theo vị trí việc làm, năng lực thực tiễn và kết quả thực hiện nhiệm vụ[43].

- Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**,** thực hiện Kế hoạch số 70-KHU/TU của Ban Thường vụ Thành ủy, Thành phố đã tập trung đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng gắn với yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nâng cao năng lực thực thi công vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển của Thủ đô trong giai đoạn mới[44]. Kết quả, Thành phố đã tổ chức 62 lớp tập huấn với 30.766 lượt cán bộ tham gia; 22 lớp bồi dưỡng chuyên đề cho gần 4.000 lượt cán bộ, công chức; triển khai 27 lớp Trung cấp lý luận chính trị với 1.890 học viên và cử 282 cán bộ tham gia xét tuyển Cao cấp lý luận chính trị năm 2026. Nội dung đào tạo tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như tổ chức bộ máy, phân cấp, ủy quyền, quản lý nhà nước ở cơ sở, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quản lý đất

---

[43] Quy định số 05-QĐ/TU ngày 05/12/2025 về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ; Quy định số 06-QĐ/TU, 05/12/2025, về danh mục vị trí chức danh, chức vụ lãnh đạo của thành phố Hà Nội; Quy định số 07-QĐ/TU, ngày 05/12/2025 về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

[44] Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành và chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng khi vận hành mô hình chính quyền 02 cấp[44]; UBND Thành phố chỉ đạo các sở, ngành tham mưu điều chỉnh các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để phù hợp với mô hình chính quyền 02 cấp.

đai, đầu tư công, tài chính - ngân sách, quản lý đô thị, kỹ năng lãnh đạo, điều hành và xử lý tình huống thực tiễn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng từng bước được đổi mới theo hướng gắn với vị trí việc làm, nhóm chức danh và yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường tính thực tiễn, phát triển năng lực thực thi, năng lực quản trị và khả năng thích ứng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Công tác đánh giá cán bộ tiếp tục được đổi mới theo hướng thực chất, lấy hiệu quả công việc, sản phẩm đầu ra, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm thước đo chủ yếu; gắn đánh giá cán bộ với việc thực hiện Quy định 03-QĐ/TU, Quy định số 11-QĐ/TU và phương pháp quản trị theo KPI, OKR trong hệ thống chính trị Thành phố[45]. Kết quả, năm 2025 có 121/691 cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (17,51%); 691/691 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; quý I/2026 có 71/647 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (11%) và 574/647 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ (88,7%). Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn Thành phố, có 9.734 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 88.672 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Về chế độ, chính sách**,** Thành phố đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện sắp xếp, tinh giản theo quy định Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; phê duyệt danh sách đối với 4.310 trường hợp với tổng kinh phí 4.175 tỷ đồng[46], đạt tỷ lệ chi trả 100%. Đồng thời, triển khai thực hiện chủ trương kết thúc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch và ổn định tình hình cơ sở.

Nhìn chung, công tác cán bộ được triển khai đồng bộ với quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Việc tăng cường nguồn nhân lực cho cấp xã, gắn với đào tạo, bồi dưỡng và hoàn thiện chính sách cán bộ đã góp phần nâng cao năng lực thực thi của cơ sở, bảo đảm bộ máy mới hoạt động ổn định, liên tục và thông suốt ngay từ năm đầu triển khai.

(Phụ lục biểu 03B,04B,05B,06B,07B,08B,09B kèm theo)

2. Về nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền và ủy quyền

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cấp xã trở thành cấp trực tiếp tổ chức thực hiện phần lớn nhiệm vụ của hệ thống chính trị trên địa

---

[45] Quy định số 03-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên trong hệ thống chính trị và tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị Thành phố; Quy định số 11-QĐ/TU về đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng gắn với phương pháp đánh giá đo lường bằng OKR/KPI trong hệ thống chính trị Thành phố.

[46] Gồm 1.308 cán bộ, 2.424 công chức, 389 viên chức, 161 người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động và 28 người làm việc tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

bàn; đồng thời, là cấp trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc phục vụ người dân và doanh nghiệp. Chức năng, nhiệm vụ của cấp xã được tổ chức theo 04 trục Đảng - HĐND - UBND - MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền, phát huy dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân.

Biểu: Chức năng, nhiệm vụ theo 04 trục của hệ thống chính trị

Trục tổ chức	**Chức năng, nhiệm vụ**
Khối Đảng	Là hạt nhân lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị ở địa phương; lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra, giám sát, dân vận, tuyên giáo, nội chính; đồng thời lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.
Khối HĐND	Thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo thẩm quyền; giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, việc thực hiện nghị quyết của HĐND và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.
Khối UBND	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của HĐND; quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, cải cách hành chính, quản lý đô thị và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
Khối MTTQ và các tổ chức CTXH	Thực hiện chức năng tập hợp, vận động Nhân dân; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nắm bắt, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trên địa bàn.

Qua quá trình triển khai cho thấy đây là thay đổi căn bản về vị trí, vai trò của cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Nếu trước đây nhiều nhiệm vụ được thực hiện thông qua cấp huyện thì nay phần lớn nhiệm vụ được tổ chức thực hiện trực tiếp tại cấp xã hoặc do Thành phố chỉ đạo, điều hành trực tiếp đến cấp xã.

2.1. Về kết quả phân cấp, phân quyền, ủy quyền của Thành phố

Thành phố đã triển khai đồng bộ công tác phân định thẩm quyền, phân cấp và phân quyền theo phương châm *"địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"*; đồng thời quán triệt nguyên tắc việc gì cơ sở làm tốt hơn, sát thực tiễn hơn và phục vụ người dân, doanh nghiệp hiệu quả hơn thì giao cơ sở quyết định và chịu trách nhiệm. Công tác phân cấp, ủy quyền được thực hiện trên cơ sở bảo đảm thống nhất giữa nhiệm vụ, thẩm quyền, nguồn lực, dữ liệu, quản trị và trách nhiệm giải trình, gắn với kiểm soát quyền lực, đánh giá kết quả đầu ra và năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ của từng địa phương, từng lĩnh vực.

Trên cơ sở rà soát toàn diện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, Thành phố đã hoàn thành việc phân định nhiệm vụ thuộc 04 trục của hệ thống chính trị; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố và cấp xã để, bảo đảm bộ máy hoạt động đồng bộ, thống nhất.

Biểu: Kết quả phân cấp nhiệm vụ theo 04 trục của hệ thống chính trị

TT	Trục tổ chức	Số nhiệm vụ phân cấp	Cơ cấu nhiệm vụ
1	Khối Đảng	53	Bao gồm 53 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công tác tổ chức xây dựng Đảng, trọng tâm là công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức và thực hiện chế độ chính sách theo Quy đinh số 05-QĐ/TU của Thành ủy và các quy định có liên quan của Ban Thường vụ Thành ủy.
2	Khối HĐND	06	Bao gồm 06 nhiệm vụ được phân định cho HĐND cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tập trung vào các lĩnh vực quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát, công tác nhân sự và tiếp xúc cử tri theo quy định của pháp luật.

TT	Trục tổ chức	Số nhiệm vụ phân cấp	Cơ cấu nhiệm vụ
3	Khối UBND	471	Bao gồm 471 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân cấp giữa UBND Thành phố với các sở, ngành và chính quyền cấp xã trên các lĩnh vực tư pháp, nội vụ, tài nguyên và môi trường, văn hóa và thể thao, du lịch, quy hoạch kiến trúc, giáo dục và đào tạo, y tế, tài chính và các lĩnh vực chuyên ngành.
3.1	*UBND Thành phố phân cấp cho sở, ngành Thành phố*	297	UBND Thành phố phân cấp cho sở, ngành Thành phố 297 nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực: Nội vụ (11); Nông nghiệp và Môi trường (04); Xây dựng (15); Giáo dục và Đào tạo (04); Y tế (16); Văn hóa và Thể thao (139); Du lịch (23); Tư pháp (69); Tài chính (08); Quy hoạch, kiến trúc (08).
3.2	*Chủ tịch UBND phân cấp cho sở, ngành Thành phố*	21	Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho sở, ngành Thành phố 21 nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường (04); Du lịch (02); Tài chính (15).
3.3	*UBND Thành phố phân cấp cho UBND cấp xã*	98	UBND Thành phố phân cấp cho UBND xã, phường 98 nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực: Nội vụ (19); Công thương (01); Xây dựng (27); Giáo dục và Đào tạo (03); Văn hóa và Thể thao (09); Tư pháp (02); Tài chính (08); Quy hoạch - kiến trúc (04).

TT	Trục tổ chức	Số nhiệm vụ phân cấp	Cơ cấu nhiệm vụ
3.4	*Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã*	55	Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã 55 nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường (27); Y tế (12); Văn hóa và Thể thao (01); Tài chính (15).
4	Khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	04	Bao gồm 04 nội dung, nhóm nhiệm vụ được phân định cho MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, tập trung vào các công tác giám sát, phản biện xã hội, tiếp xúc cử tri, lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và nắm bắt, phản ánh tình hình Nhân dân, dư luận xã hội.

Riêng đối với Khối chính quyền, Trung ương đã phân quyền cho Thành phố 273 nhiệm vụ và phân quyền trực tiếp cho cấp xã 768 nhiệm vụ thông qua Luật Thủ đô, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật chuyên ngành. Việc phân quyền đã tạo cơ sở pháp lý để mở rộng thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Thành phố và của cấp xã, giảm đáng kể các nội dung phải xin ý kiến hoặc trình cấp trên xem xét, quyết định.

Trên cơ sở phân quyền của Trung ương, Thành phố tiếp tục thực hiện phân cấp, ủy quyền phù hợp với yêu cầu vận hành chính quyền 02 cấp. Hiện nay cấp xã thực hiện 933 nhiệm vụ quản lý nhà nước, tăng 165 nhiệm vụ so với trước khi vận hành mô hình. Trong đó, UBND Thành phố phân cấp 153 nhiệm vụ, ủy quyền 12 nhiệm vụ. Các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền chủ yếu thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước gắn trực tiếp với địa bàn dân cư và hoạt động quản lý thường xuyên của chính quyền cơ sở như đất đai, xây dựng, môi trường, văn hóa - xã hội và một số lĩnh vực chuyên ngành khác. *(Chi tiết có phụ lục kèm theo).*

Kết quả phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền đã từng bước hình thành cơ chế quản lý trực tiếp từ Thành phố đến cơ sở; đồng thời tạo điều kiện để cấp xã chủ động hơn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, xử lý công việc và giải quyết vấn đề phát sinh trên địa bàn.

2.2. Kết quả ủy quyền thủ tục hành chính của Thành phố

Cùng với phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước, Thành phố đã thực hiện ủy quyền 644 thủ tục hành chính theo 11 hình thức khác nhau, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý của từng lĩnh vực. Trong đó, nhóm UBND Thành phố và Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho các sở, ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất với 529/644 thủ tục hành chính, tương đương 82,1% tổng số thủ tục hành chính được ủy quyền. Đồng thời, Thành phố từng bước mở rộng ủy quyền cho cấp xã đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện tại cơ sở, góp phần đưa việc giải quyết thủ tục hành chính đến gần người dân và doanh nghiệp hơn.

Biểu: Kết quả tổng số thủ tục hành chính được ủy quyền

STT	**Hình thức ủy quyền**	**Số TTHC**
1	Từ Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền Giám đốc Sở	158
2	Từ UBND Thành phố ủy quyền Giám đốc Sở	09
3	UBND Thành phố ủy quyền cho Sở	362
4	UBND Thành phố ủy quyền cho UBND cấp xã	01
5	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền Chủ tịch UBND cấp xã	01
6	UBND Thành phố ủy quyền đồng thời về Sở và UBND cấp xã, phường	21
7	Sở ủy quyền về các cơ quan, đơn vị chuyên môn	35
8	Sở ủy quyền đồng thời về đơn vị chuyên môn và UBND cấp xã, phường	01
9	Sở ủy quyền về UBND cấp xã, phường	52
10	Sở ủy quyền về đơn vị khác	02
11	Cấp xã ủy quyền về đơn vị khác	02
	Tổng cộng	**644**

2.3. Kết quả bước đầu của công tác phân cấp, phân quyền và ủy quyền

Sau 01 năm triển khai, việc phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền và ủy quyền cơ bản đã hình thành khung nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp, các cơ quan, đơn vị; góp phần khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của từng cấp trong tổ chức thực hiện.

Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/5/2026, các xã, phường đã tiếp nhận và giải quyết 2.268.401 hồ sơ thuộc các nhiệm vụ được phân cấp, điều chuyển từ cấp Thành phố và cấp huyện trước đây. Phần lớn các nhiệm vụ được chuyển giao đã được tiếp nhận, tổ chức thực hiện ổn định tại cấp xã; các quy trình, quy chế phối hợp, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và cơ chế kiểm tra, giám sát từng bước được rà soát, hoàn thiện phù hợp với yêu cầu mới của mô hình. Đối với thủ tục hành chính, việc phân cấp, ủy quyền đã góp phần rút ngắn thời gian giải quyết nhiều thủ tục từ 03 đến 05 ngày; ước tính tiết kiệm khoảng 571.925 giờ công xã hội, tương đương khoảng 63,48 tỷ đồng chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

Kết quả triển khai cho thấy việc phân cấp, phân quyền và ủy quyền không chỉ tạo điều kiện để nhiều nhiệm vụ được giải quyết trực tiếp tại cơ sở, giảm tầng nấc trung gian trong quá trình xử lý công việc mà còn góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị. Qua đó, từng bước hình thành phương thức lãnh đạo theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm; phát huy tính chủ động của cơ sở, đồng thời đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Thành phố và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn.

(Phụ lục biểu 10B kèm theo)

3. Kết quả cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp

Về hoàn thiện thể chế, quy trình và mở rộng cung ứng dịch vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Thành phố tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; tập trung rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính và mở rộng cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử. Đến nay, Thành phố đã công bố, công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền; triển khai 2.077 thủ tục hành chính, trong đó có 1.118 thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 925 dịch vụ công trực tuyến một phần và 34 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến.

Hoàn thành tái cấu trúc 1.172 thủ tục hành chính, chuẩn hóa trên 2.000 quy trình nội bộ, quy trình điện tử; 100% thủ tục hành chính được phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử và cấu hình thực hiện trên môi trường điện tử. Việc chuẩn hóa quy trình, dữ liệu và hồ sơ điện tử đã tạo cơ sở để tổ chức thống nhất hoạt động giải quyết thủ tục hành chính trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Về kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số: Năm 2025, toàn Thành phố tiếp nhận mới 3.571.311 hồ sơ hành chính, trong đó có 2.102.939 hồ sơ trực tuyến; đã giải quyết 4.350.397 hồ sơ, trong đó 4.146.182 hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn.

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/5/2026, Thành phố tiếp nhận 1.152.242 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến đạt 91,42%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 95,9%; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 98,22%; tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,49%. Đặc biệt, Thành phố đã giải quyết 619.214 hồ sơ không phụ thuộc địa giới hành chính, góp phần giảm thời gian đi lại, giảm chi phí thực hiện thủ tục và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công.

Việc đưa vào vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố cùng hệ thống chi nhánh, điểm phục vụ hành chính công tại 126 xã, phường đã hình thành mạng lưới phục vụ thống nhất từ Thành phố đến cơ sở, bảo đảm yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính trong điều kiện không còn cấp huyện[47].

Biểu: Một số kết quả nổi bật về cải cách hành chính và chuyển đổi số

[47]Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 25/5/2026: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 3.034.248 hồ sơ, tổng số hồ sơ đã giải quyết: 2.932.658 hồ sơ, trong đó: Giải quyết trước hạn: 989.717 hồ sơ, đạt tỷ lệ 33.75%; Giải quyết đúng hạn: 1.927.789 hồ sơ, chiếm 65.74%; Giải quyết quá hạn: 15.152 hồ sơ, đạt tỷ lệ 0.51%. Tổng số hồ sơ đang giải quyết: 101.590 hồ sơ, trong đó: Đang giải quyết đúng hạn: 89.449 hồ sơ, đạt tỷ lệ: 88.05%; Đang giải quyết quá hạn: 12.141 hồ sơ, đạt tỷ lệ: 11.95%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 95,9%, tỷ lệ số hóa hồ sơ trung bình đạt 98,22%.

Nội dung	**Số lượng /kết quả**	**Đánh giá**
Tổng số thủ tục hành chính đang triển khai	2.077	Đã công bố, công khai và cấu hình trên môi trường điện tử
Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	1.118	Nhóm có khả năng xử lý dựa trên dữ liệu, giảm tiếp xúc trực tiếp
Dịch vụ công trực tuyến một phần	925	Còn phụ thuộc hồ sơ giấy, xác minh, đối chiếu hoặc dữ liệu chuyên ngành
Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến	34	Cần rà soát mức độ cung cấp dịch vụ nếu đủ điều kiện
Thủ tục được tái cấu trúc	1.172	Tạo nền tảng xử lý điện tử phi địa giới
Quy trình giải quyết thủ tục hành chính được chuẩn hóa	Trên 2.000	
Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn	99,49%	Cần gắn với chất lượng xử ký, mức độ hài lòng và chi phí xã hội
Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	98,22%	Cần chuyển mạnh sang tái sử dụng dữ liệu
Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	95,9%	Chuyển biến tích cực trong phục vụ người dân và doanh nghiệp
Hồ sơ giải quyết không phụ thuộc địa giới	619.214 hồ sơ	Tăng thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp
Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	91,42%	Mức cao, nhưng cần tăng tỷ lệ sử dụng thực chất
Phản ánh, kiến nghị tiếp nhận và xử lý qua iHanoi	Trên 107.620	
Mức độ hài lòng của người dân	99,2%	
Mức độ hài lòng của doanh nghiệp	96,85%	

Về phát triển các nền tảng số và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ công của người dân: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố được kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VNeID và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Ứng dụng Công dân Thủ đô số iHanoi đạt 6,21 triệu tài khoản đăng ký, 186 triệu lượt truy cập; tiếp nhận 107.620 phản ánh, kiến nghị của người dân.

Bên cạnh đó, Thành phố duy trì Tổng đài 1022, Tổng đài thông minh 19001009, chatbot, các điểm hỗ trợ dịch vụ công số và Tổ chuyển đổi số cộng đồng; đồng thời công khai quy trình, thủ tục và tài liệu hướng dẫn trên môi trường số, tạo điều kiện để người dân chủ động tiếp cận sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2025 đạt 92,90 điểm, xếp thứ 5/34 tỉnh, thành phố; Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp đạt 96,85 điểm, tăng 22 bậc so với đầu năm 2026; tỷ lệ hài lòng và rất hài lòng của người dân đạt 99,2%.

Nhìn chung, cải cách hành chính và chuyển đổi số đã tạo chuyển biến rõ nét trong phương thức cung cấp dịch vụ công và tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp. Việc chuẩn hóa quy trình, mở rộng dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ và kết nối dữ liệu đã góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tăng tính công khai, minh bạch và giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho người dân, doanh nghiệp. Kết quả đạt được cho thấy chuyển đổi số đang từng bước trở thành phương thức quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công của các cơ quan trong hệ thống chính trị Thành phố; góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính.

(Phụ lục biểu 11B kèm theo)

4. Về tình hình, kết quả bố trí trụ sở, cơ sở vật chất, tài sản công và phương tiện phục vụ hoạt động

Cùng với việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy, Thành phố triển khai đồng bộ công tác rà soát, kiểm kê, bàn giao, tiếp nhận và xử lý trụ sở, tài sản công; bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa sắp xếp tổ chức bộ máy với bố trí nguồn lực, điều kiện làm việc của cơ quan, đơn vị trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Đến nay, Thành phố đã cơ bản hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận trụ sở, tài sản, hồ sơ, tài liệu giữa các cơ quan, đơn vị; đồng thời phê duyệt phương án xử lý đối với 100% cơ sở nhà, đất thuộc diện sắp xếp. Trong tổng số 1.010 cơ sở nhà, đất được rà soát, có 583 cơ sở tiếp tục sử dụng làm trụ sở xã, phường; 418 cơ sở thực hiện phương án sắp xếp, xử lý; 09 cơ sở có quy mô lớn trên 10.000m² sàn được xây dựng phương án xử lý riêng.

Đối với các cơ sở không tiếp tục sử dụng làm trụ sở xã, phường, Thành phố ưu tiên điều chuyển, chuyển đổi công năng phục vụ các mục tiêu dân sinh và phát triển xã hội. Trong tổng số 418 cơ sở thuộc diện xử lý, có 69 cơ sở chuyển đổi làm

cơ sở giáo dục và đào tạo; 45 cơ sở chuyển đổi làm cơ sở y tế; 180 cơ sở chuyển đổi hoặc điều chuyển làm thiết chế văn hóa, thể thao, nhà sinh hoạt cộng đồng và công trình công cộng; 100 cơ sở điều chuyển cho các cơ quan Trung ương và Thành phố sử dụng; 11 cơ sở giao đơn vị có chức năng quản lý, khai thác; 13 cơ sở thực hiện thu hồi theo quy định của pháp luật để phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Kết quả rà soát cho thấy có 294 cơ sở được chuyển đổi phục vụ trực tiếp các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và công trình công cộng, chiếm khoảng 70,3% số cơ sở thuộc diện xử lý. Tỷ lệ này cho thấy định hướng ưu tiên khai thác tài sản công sau sắp xếp để phục vụ trực tiếp người dân và cộng đồng được thực hiện tương đối hiệu quả.

Biểu: Kết quả sắp xếp, xử lý trụ sở tài sản công và bảo đảm điều kiện vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

TT	**Nội dung**	**Kết quả**
1.	Tổng số trụ sở thuộc diện rà soát, sắp xếp	1.010
2.	Trụ sở tiếp tục sử dụng làm trụ sở xã, phường	583
3.	Trụ sở không tiếp tục sử dụng làm trụ sở xã, phường	418
4.	Trụ sở có quy mô lớn trên 10.000m2 sàn thực hiện phương án riêng[48].	09
5.	Đối với 418 trụ sở không còn nhu cầu làm trụ sở xã, phường, Thành phố định hướng xử lý theo các nhóm:	
5.1.	Trụ sở chuyển đổi công năng làm cơ sở giáo dục và đào tạo	69
5.2.	Trụ sở điều chuyển, chuyển đổi công năng làm cơ sở y tế	45
5.3.	Trụ sở chuyển đổi công năng hoặc điều chuyển làm thiết chế văn hóa - thể thao, nhà văn hóa, thư viện, nhà sinh hoạt cộng đồng, sân thể thao và công trình công cộng thuộc xã	180
5.4.	Trụ sở điều chuyển cho cơ quan Trung ương, Thành phố sử dụng	100
5.5.	Trụ sở chuyển giao cho Tổ chức kinh doanh nhà Thành phố quản lý, khai thác	

[48] Đảng ủy UBND Thành phố đã ban hành Nghị quyết 05-NQ/ĐU và các văn bản hướng dẫn kiểm kê, sắp xếp tài sản công; bố trí trụ sở 126 xã, phường theo nguyên tắc 01-02 trụ sở *(công bố tại Thông báo 729/TB-UBND và 763/TB-UBND)*

TT	Nội dung	Kết quả
		11
5.6.	Trụ sở thu hồi theo pháp luật về đất đai, phục vụ dự án phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	13
6.	Kết quả tổng số trụ sở chuyển đổi phục vụ trực tiếp người dân, giáo dục, y tế, văn hóa, công cộng *(tỷ lệ chuyển đổi phục vụ trực tiếp người dân 70,3%)*	**294**

Song song với việc sắp xếp trụ sở, Thành phố đã thực hiện điều chuyển, bố trí 153 xe ô tô phục vụ công tác chung từ cấp huyện về cấp xã; bổ sung phương tiện, trang thiết bị đối với các địa bàn còn thiếu; ưu tiên sử dụng tối đa cơ sở vật chất hiện có, hạn chế đầu tư mới, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công và tiết kiệm ngân sách nhà nước.

Đến nay, 100% cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được bảo đảm trụ sở làm việc và các điều kiện kỹ thuật cần thiết; hệ thống hạ tầng số, hội nghị trực tuyến, quản lý văn bản và điều hành điện tử, chữ ký số chuyên dùng, Trung tâm phục vụ hành chính công và các nền tảng dùng chung của Thành phố được duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Qua rà soát và đánh giá bước đầu, công tác sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công và bảo đảm điều kiện hoạt động của các cơ quan, đơn vị được triển khai chủ động, đồng bộ, đúng quy định và gắn với yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Việc ưu tiên chuyển đổi công năng các cơ sở dôi dư sang mục đích giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và các công trình phục vụ cộng đồng không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản nhà nước mà còn góp phần bổ sung nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng dịch vụ công và đời sống Nhân dân trên địa bàn Thành phố.

5. Về phân bổ ngân sách, nguồn lực (kinh phí, con người) bảo đảm cho cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền

Thành phố đã thực hiện đồng bộ việc phân cấp, phân quyền với điều chỉnh cơ chế phân bổ ngân sách và các nguồn lực bảo đảm thực hiện nhiệm vụ cho cấp xã. Trên cơ sở rà soát chức năng, nhiệm vụ của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, HĐND Thành phố đã ban hành các nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân

sách; đồng thời điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ lại nguồn lực phù hợp với tổ chức bộ máy và yêu cầu quản lý mới[49].

Các nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện trước đây được chuyển giao cho ngân sách cấp xã; định mức phân bổ ngân sách được điều chỉnh theo hướng gắn với khối lượng nhiệm vụ thực hiện và yêu cầu quản trị tại cơ sở. Trong đó, định mức chi thường xuyên đối với cán bộ, công chức cấp xã được nâng tương đương định mức áp dụng đối với cấp huyện trước đây, tạo điều kiện để cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được giao trong điều kiện không còn cấp trung gian.

Để bảo đảm nguồn lực, Thành phố đã rà soát gần 27.000 nhiệm vụ, dự án nhằm điều chỉnh chủ đầu tư, giao kế hoạch vốn hoặc bàn giao theo thẩm quyền; ban hành Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND, theo đó bổ sung 797,8 tỷ đồng chi thường xuyên và điều chỉnh tăng 8.977,9 tỷ đồng chi đầu tư xây dựng cơ bản cho ngân sách xã, phường năm 2026[50].

Cùng với nguồn lực tài chính, Thành phố thực hiện điều chỉnh, bố trí lại nguồn nhân lực theo hướng tăng cường cho cấp xã. Đến tháng 5/2026, cấp xã được bố trí 109.800 cán bộ, công chức, viên chức, chiếm khoảng 85% tổng số cán bộ, công chức, viên chức toàn Thành phố; trong đó khối chính quyền được giao 9.251 công chức và 100.815 viên chức. Thành phố đồng thời điều động 1.200 cán bộ từ cấp huyện trước đây và các cơ quan Thành phố về cơ sở, ưu tiên các lĩnh vực đất đai, quản lý đô thị, giải phóng mặt bằng, cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Việc phân bổ nguồn lực được thực hiện trên cơ sở quy mô dân số, đặc điểm địa bàn, mức độ đô thị hóa, khối lượng công việc và yêu cầu quản lý của từng xã, phường; bảo đảm sự tương thích giữa nhiệm vụ được giao cho cấp xã cơ bản đều được bảo đảm điều kiện triển khai, góp phần nâng cao tính chủ động cho chính quyền cơ sở trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Kết quả thực hiện cho thấy việc điều chỉnh cơ chế phân bổ ngân sách và nguồn lực đã tạo điều kiện để cấp xã tiếp nhận và thực hiện khối lượng lớn nhiệm vụ được chuyển giao từ cấp huyện mà không làm gián đoạn hoạt động của bộ máy. Đây là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vận hành ổn định, liên tục và phát huy hiệu quả ngay từ giai đoạn đầu triển

[49] Thành phố đã phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thông qua Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 và Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND; ban hành Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách; đồng thời sau một thời gian thực hiện đã tiếp tục trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 để điều chỉnh một số định mức và tỷ lệ phân chia nhằm phù hợp hơn với yêu cầu điều hành của cấp xã.

[50] Trong quá trình triển khai, Thành phố đã ban hành Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 và Quyết định số 69/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 sửa đổi, bổ sung quy định về phân cấp quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực; đồng thời ban hành các cơ chế điều hành linh hoạt nhằm tháo gỡ khó khăn cho cơ sở trong quản lý đầu tư công, điều hành ngân sách và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sau phân cấp, phân quyền.

khai. Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố đạt 714.413 tỷ đồng, bằng 139,0% dự toán; chi ngân sách địa phương đạt 180.171 tỷ đồng, bằng 97,5% dự toán. Lũy kế đến ngày 05/6/2026, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 375.890 tỷ đồng, bằng 57,8% dự toán; chi ngân sách địa phương đạt 83.779 tỷ đồng, bằng 35,5% dự toán Chính phủ giao[51].

(Phụ lục biểu 12B kèm theo)

6. Về việc đẩy mạnh các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường xã hội hóa những công việc dịch vụ mà khu vực tư nhân có thể thực hiện tốt, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục

Ban Thường vụ Thành ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn đầu mối, nâng cao mức độ tự chủ, giảm chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công. Đồng thời, chỉ đạo đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực khu vực ngoài nhà nước có khả năng tham gia hiệu quả, nhất là y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và một số dịch vụ công thiết yếu.

Đến nay, hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố cơ bản được sắp xếp phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; quyền tự chủ được mở rộng gắn với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, chất lượng, hiệu quả cung ứng dịch vụ. Thành phố tiếp tục thực hiện lộ trình nâng mức tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời rà soát, sắp xếp các đơn vị theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả.

Đến hết năm 2025, toàn Thành phố có 2.912 đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; trong đó có 625 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, 864 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 1.422 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Riêng cấp xã, phường có 2.573 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó 394 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và 798 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 1.381 đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

Biểu: Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ các các đơn vị sự nghiệp công lập

Mức tự chủ ĐVSN công lập	**Toàn Thành phố**	**Trong đó cấp xã, phường**
Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	01	0

[51] Trong đó: Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 17.591 tỷ đồng, đạt 47,6% dự toán, tăng 33,8% so với cùng kỳ năm 2025; Thu dầu thô 1.141 tỷ đồng, đạt 32,6% dự toán, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2025; Thu nội địa 339.456 tỷ đồng, đạt 55,6% dự toán, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2025; trong đó: Chi đầu tư phát triển là 41.400 tỷ đồng, đạt 26,5% dự toán, tăng 177,3% so với cùng kỳ năm 2025; Chi thường xuyên là 31.622 tỷ đồng, đạt 39,4% dự toán, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2025.

Mức tự chủ ĐVSN công lập	Toàn Thành phố	Trong đó cấp xã, phường
Tự bảo đảm chi thường xuyên	625	394
Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	864	798
NSNN bảo đảm chi thường xuyên	1.422	1.381
Tổng cộng	**2.912**	**2.573**

Trong lĩnh vực giáo dục, việc mở rộng cơ chế tự chủ đã tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục chủ động hơn trong quản trị, sử dụng nguồn lực và nâng cao chất lượng đào tạo. Đến cuối năm 2025, có 139/168 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tự bảo đảm chi thường xuyên[52]; 285 cơ sở giáo dục công lập được nâng mức tự chủ. Chất lượng giáo dục tiếp tục được duy trì ở nhóm dẫn đầu cả nước, với tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 đạt 99,91%, đứng thứ hai toàn quốc.

Trong lĩnh vực y tế, có 40/58 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tự bảo đảm chi thường xuyên. Việc mở rộng quyền tự chủ gắn với đổi mới quản trị bệnh viện và huy động các nguồn lực hợp pháp đã góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Đến nay, 100% bệnh viện công lập trực thuộc Thành phố đã triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử quản lý trên 8,4 triệu hồ sơ, đạt khoảng 97,4% dân số Thành phố. Nhiều cơ sở y tế đã triển khai hiệu quả các mô hình hợp tác, liên kết trong đầu tư trang thiết bị và phát triển dịch vụ kỹ thuật cao, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn và giảm áp lực đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Cùng với việc nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, Thành phố tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế và dịch vụ công thiết yếu. Thành phố đã ban hành danh mục ưu tiên thu hút đầu tư đối với 14 dự án trong lĩnh vực giáo dục và y tế; đồng thời hoàn thiện các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức xã hội và nhà đầu tư tham gia phát triển hệ thống trường học, cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập và các dịch vụ chất lượng cao phục vụ người dân. Khu vực ngoài công lập tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước bổ sung nguồn lực quan trọng cho hệ thống cung ứng dịch vụ công của Thành phố.

[52] Trong đó tự bảo đảm chi thường xuyên là 139 đơn vị, gồm 124 trường THPT, 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Đông Anh, 03 trường khuyết tật, 09 trường trung cấp và 02 trường mầm non. Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế là 58 đơn vị; trong đó 40 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, 06 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, 11 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và 01 đơn vị không phân loại tự chủ là Làng trẻ em SOS. Tính đến ngày 30/4/2026.

Qua thực tiễn triển khai, việc đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa đã tạo chuyển biến tích cực trong cung ứng các dịch vụ thiết yếu. Mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập từng bước được nâng lên; chất lượng giáo dục, y tế tiếp tục được cải thiện; nguồn lực xã hội được huy động ngày càng nhiều hơn cho đầu tư phát triển dịch vụ công. Qua đó, từng bước giảm áp lực chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của người dân về giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội cơ bản.

7. Về hạ tầng công nghệ thông tin và kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với vận hành chính quyền địa phương 02 cấp

Ban Thường vụ Thành ủy xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ là động lực phát triển mà còn là điều kiện nền tảng bảo đảm mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vận hành hiệu quả. Ngay từ khi triển khai mô hình mới, Thành phố đã ban hành 286 văn bản tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số[53].

Sau 01 năm triển khai, hạ tầng số được đầu tư tương đối đồng bộ, tạo nền tảng kết nối trực tiếp từ Thành phố tới 126 xã, phường. Thành phố đã hoàn thành kết nối mạng diện rộng (WAN) tới 126/126 UBND xã, phường và 126/126 Đảng ủy xã, phường; bảo đảm 188/188 điểm kết nối Internet cáp quang tốc độ cao; bổ sung 7.411 máy tính, 414 máy photocopy và xây dựng mạng lưới điểm hỗ trợ dịch vụ công số tại 126 xã, phường, bảo đảm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền; triển khai trên 5.500 trạm BTS 5G, phủ sóng khoảng 55% dân số; kết nối đồng bộ các điểm phục vụ hành chính công và các hệ thống dùng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành trên môi trường số.

Thành phố triển khai Không gian làm việc số HanoiWork tại 153 cơ quan, đơn vị với khoảng 37.300 tài khoản; đồng thời là địa phương đầu tiên triển khai quản trị công việc theo OKR/KPI, cụ thể hóa 20 nhóm nhiệm vụ trọng tâm thành 138 nhiệm vụ, 148 nhiệm vụ chuyển đổi số và 110 chỉ tiêu đánh giá. Qua đó từng bước chuyển từ phương thức giao việc hành chính sang quản trị theo mục tiêu, kết quả, tăng cường kiểm đếm tiến độ và trách nhiệm giải trình trong toàn hệ thống chính trị. Kết quả cụ thể như sau:

(1) Khối Đảng: Chuyển đổi số được triển khai gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và quản trị trong Đảng, đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Các nền tảng số dùng chung, hệ thống quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp, hội nghị trực tuyến, chữ ký số và cơ sở dữ liệu đảng viên được

[53] Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy (92 văn bản); Đảng ủy HĐND Thành phố (20 văn bản), UBND Thành phố (132 văn bản), Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố (42 văn bản).

triển khai thống nhất từ Thành phố đến cơ sở; 100% cơ quan Đảng sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số chuyên dùng công vụ và các nền tảng số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát.

Thành phố đã hoàn thành Chiến dịch *"10 ngày đêm"* làm sạch dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ; cập nhật thông tin cho 98,9% đảng viên, đồng thời hoàn thành việc số hóa, chuẩn hóa dữ liệu đảng viên, dẫn đầu 04 địa phương thí điểm của Trung ương. Cùng với đó, Thành phố đẩy mạnh xây dựng dữ liệu số trong Đảng, triển khai thí điểm mô hình *"Đảng viên số, Chi bộ số",* từng bước hướng tới xây dựng *"Đảng bộ số"; gắn* chuyển đổi số với nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và triển khai sâu rộng phong trào "*Bình dân học vụ số*".

Thực tiễn triển khai cho thấy chuyển đổi số đã góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng dựa trên dữ liệu, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; tăng tính trực tiếp trong lãnh đạo, chỉ đạo từ Thành phố đến 126 xã, phường; nâng cao khả năng theo dõi, kiểm đếm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chất lượng công tác xây dựng Đảng trong điều kiện không tổ chức cấp huyện.

(2) Khối HĐND: Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, gắn với đổi mới phương thức hoạt động của cơ quan dân cử trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Các hoạt động chuẩn bị kỳ họp, thẩm tra, giám sát, chất vấn, tiếp xúc cử tri và theo dõi việc thực hiện nghị quyết từng bước được số hóa và thực hiện trên môi trường điện tử; 100% tài liệu phục vụ kỳ họp (trừ văn bản mật) được xử lý trên môi trường mạng và ký số điện tử; 100% đại biểu HĐND Thành phố và HĐND cấp xã được trang bị thiết bị phục vụ hoạt động số. Việc vận hành nền tảng điều hành tập trung đã góp phần rút ngắn khoảng 40% thời gian xử lý công việc, nâng cao chất lượng tham mưu, tổng hợp và phục vụ hoạt động của HĐND các cấp.

Việc ứng dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu và công nghệ mới đã hỗ trợ HĐND nâng cao năng lực phân tích, giám sát, theo dõi và kiểm đếm kết quả thực hiện nhiệm vụ; đồng thời tăng cường kết nối giữa đại biểu dân cử với cử tri và Nhân dân. Các kênh tiếp nhận, theo dõi và đôn đốc giải quyết kiến nghị cử tri được tích hợp trên môi trường số, thu hút trên 1,5 triệu lượt truy cập và hỗ trợ xử lý dứt điểm 766 kiến nghị của cử tri trong 5 tháng đầu năm 2026.

Thực tiễn triển khai cho thấy chuyển đổi số đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả hơn; tăng cường khả năng giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền cho cơ sở; đồng thời nâng cao chất lượng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương trong điều kiện không tổ chức cấp huyện.

(3) Khối UBND: Chuyển đổi số được triển khai toàn diện, gắn trực tiếp với yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và đổi mới phương thức quản trị hành chính nhà nước. Thành phố đã hình thành môi trường điều hành số

thống nhất từ Thành phố đến 126 xã, phường; thực hiện quản lý, chỉ đạo, điều hành và kiểm đếm gần 2.000 nhiệm vụ trọng tâm trên môi trường số; 100% cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp và họp trực tuyến. Hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị và các nền tảng dùng chung tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện, tạo điều kiện để cấp xã thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền và ủy quyền.

Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ với cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công. Toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Thành phố được thực hiện theo nguyên tắc không phụ thuộc địa giới hành chính; tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt 99,2%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu đều đạt trên 95%. Việc tái cấu trúc quy trình, khai thác dữ liệu số và giảm thành phần hồ sơ giấy ước tiết kiệm khoảng 1.652 tỷ đồng chi phí xã hội mỗi năm.

Các cơ sở dữ liệu trọng yếu của Thành phố từng bước được chuẩn hóa, kết nối và khai thác phục vụ công tác quản lý, điều hành; nền tảng iHanoi phát triển thành kênh tương tác số quan trọng giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp và doanh nghiệp với 6,21 triệu tài khoản đăng ký và 107.620 phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, xử lý. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo từng bước được triển khai trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công. AI được tích hợp trên HanoiWork phục vụ xử lý công việc hằng ngày, chatbot dịch vụ công xử lý gần 400.000 lượt hỏi đáp, tổng đài AI ghi nhận hơn 117.000 cuộc gọi thành công; AI hỗ trợ hộ kinh doanh khai thuế tiếp nhận trên 58.000 lượt truy vấn và hơn 14.500 lượt tương tác. Thành phố bước đầu hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo với Trung tâm Đổi mới sáng tạo, Sàn giao dịch công nghệ, Chợ chuyển đổi số, Quỹ đầu tư mạo hiểm và các khu công nghệ số tập trung.

Thực tiễn vận hành cho thấy chuyển đổi số đã góp phần khắc phục khoảng cách quản lý phát sinh khi không tổ chức cấp huyện; tăng tính trực tiếp trong chỉ đạo, điều hành từ Thành phố đến cơ sở; đồng thời nâng cao năng lực quản trị, khả năng kiểm đếm nhiệm vụ, trách nhiệm giải trình và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Qua đó, từng bước hình thành phương thức quản trị dựa trên dữ liệu số, tạo nền tảng quan trọng để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

(4) Khối MTTQ: Chuyển đổi số được triển khai gắn với đổi mới phương thức tập hợp, vận động Nhân dân và phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền 02 cấp. Các nền tảng số dùng chung của Thành phố từng bước khai thác để tăng cường kết nối giữa MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội với đoàn viên, hội viên và Nhân dân; đồng thời hỗ trợ nắm bắt tình hình cơ sở, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và theo dõi việc giải quyết kiến nghị, phản ánh trên địa bàn.

Đến tháng 5/2026, đã thiết lập và kích hoạt 1.535 tài khoản MTTQ tại 126 xã, phường trên hệ thống HanoiWork; chuẩn hóa dữ liệu 2.163.123 đoàn viên, hội viên và cập nhật 1.406.661 dữ liệu lên ứng dụng iHanoi. Nhiều mô hình chuyển đổi số cộng đồng được triển khai tại cơ sở, gắn với hoạt động của các tổ chuyển đổi số cộng đồng, phong trào *"Bình dân học vụ số"* và khai thác ứng dụng iHanoi trong tiếp nhận, phản ánh và tương tác với người dân. Kết quả cho thấy chuyển đổi số đã góp phần đổi mới phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng chủ động hơn, kịp thời hơn và sát dân hơn; đồng thời, tăng cường khả năng nắm bắt tình hình Nhân dân, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và củng cố mối liên hệ giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân.

Nhìn chung, chuyển đổi số đã tạo chuyển biến rõ nét trong phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị; góp phần khắc phục khoảng cách quản lý phát sinh khi không tổ chức cấp huyện, bảo đảm thông tin, dữ liệu và chỉ đạo điều hành được truyền đạt kịp thời, thống nhất từ Thành phố đến cơ sở. Thực tiễn Hà Nội cho thấy chuyển đổi số đã trở thành một trong những điều kiện nền tảng quyết định hiệu quả vận hành của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

8. Kết quả công tác số hóa tài liệu, lưu trữ và tạo lập dữ liệu

Thành phố xác định số hóa tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu và quản trị dữ liệu là một trong những nhiệm vụ nền tảng bảo đảm vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Ngay từ khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và kết thúc hoạt động của 30 quận, huyện, thị xã, Thành phố đã tập trung chỉ đạo rà soát, chỉnh lý, số hóa, bàn giao và tiếp nhận hồ sơ, tài liệu; đồng thời chuẩn hóa, tích hợp và khai thác dữ liệu phục vụ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành từ Thành phố đến cơ sở.

Khối lượng hồ sơ, tài liệu được rà soát, chỉnh lý và số hóa rất lớn, bao gồm hồ sơ đảng viên, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, hồ sơ đất đai, đầu tư, xây dựng, tài chính, tư pháp, hộ tịch và các lĩnh vực quản lý nhà nước khác. Đến nay, Thành phố đã hoàn thành số hóa trên 24.168.221 trang tài liệu tại cấp xã; 100% thủ tục hành chính được cấu hình thực hiện trên môi trường điện tử và phê duyệt quy trình điện tử; tỷ lệ số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt gần 98,22%.

Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được chuẩn hóa, kết nối và khai thác phục vụ công tác quản lý, điều hành. Trong lĩnh vực y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử đã quản lý trên 8,4 triệu hồ sơ, đạt khoảng 97,4% dân số Thành phố; trên 26,9 triệu lượt khám chữa bệnh từ 850 cơ sở y tế được liên thông dữ liệu. Trong lĩnh vực Đảng, Thành phố đã hoàn thành chuẩn hóa dữ liệu của gần 500 nghìn đảng viên; trong lĩnh vực cán bộ, công chức, viên chức đã cập nhật và quản lý trên 129 nghìn hồ sơ cán bộ; lĩnh vực tư pháp cơ bản bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", hình thành cơ

sở dữ liệu hộ tịch điện tử liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư[54]; hệ thống MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đã chuẩn hóa dữ liệu của trên 2,16 triệu đoàn viên, hội viên, trong đó hơn 1,4 triệu dữ liệu đã được cập nhật lên các nền tảng số dùng chung của Thành phố.

Thực tiễn triển khai cho thấy công tác số hóa tài liệu, lưu trữ điện tử và tạo lập dữ liệu không chỉ bảo đảm việc chuyển giao, tiếp nhận nhiệm vụ thông suốt sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện mà còn từng bước hình thành nền tảng dữ liệu phục vụ lãnh đạo, quản lý và điều hành dựa trên dữ liệu số. Đây là một trong những điều kiện quan trọng giúp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vận hành ổn định, thông suốt; đồng thời tạo cơ sở để đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản trị của toàn hệ thống chính trị.

9. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị sau khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp

Thời gian qua, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được duy trì ổn định, không để gián đoạn do sắp xếp tổ chức bộ máy; trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục được nâng cao. Thành phố và các xã, phường đã thực hiện nghiêm chế độ tiếp công dân định kỳ, đột xuất; tập trung giải quyết các vụ việc ngay từ cơ sở, hạn chế phát sinh điểm nóng và đơn thư vượt cấp.

Từ ngày 01/7/2025 đến tháng 5/2026, các cơ quan Đảng, chính quyền Thành phố đã tiếp trên 69.700 lượt công dân; tiếp nhận khoảng 71.100 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và thực hiện xử lý 100% đơn thư theo quy định. Thành phố tập trung rà soát, giải quyết các vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài; triển khai Đợt cao điểm 45 ngày kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc phức tạp; tập trung xử lý các vụ việc liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, trật tự xây dựng và các lĩnh vực phát sinh nhiều khiếu kiện. Qua rà soát 75 vụ việc phức tạp, kéo dài theo các kế hoạch của Trung ương và Thành ủy, đến nay đã giải quyết xong 40 vụ việc; các vụ việc còn lại đã được xây dựng lộ trình, phân công trách nhiệm và thời hạn xử lý cụ thể.

---

[54] Một số kết quả nổi bật gồm: dữ liệu tài sản công với hơn 543.000 tài sản được cập nhật, chuẩn hóa; dữ liệu quản lý dự án đầu tư với hơn 27.000 dự án; dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức với 129.098 hồ sơ đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia; dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên với trên 500 nghìn đảng viên đã được làm sạch đồng bộ trên Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng đảng, Cổng dịch vụ công của Đảng và ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử; dữ liệu quy hoạch - kiến trúc đã chuẩn hóa khoảng 24 đồ án quy hoạch phân khu thành cơ sở dữ liệu GIS; dữ liệu giáo dục đã đồng bộ với Cơ sở dữ liệu dân cư và khai thác qua hơn 100 dashboard phục vụ chỉ đạo, điều hành đến 126 xã, phường. Đối với y tế, hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử đã kết nối, cập nhật dữ liệu khám chữa bệnh của 850 cơ sở y tế, với hơn 26,9 triệu lượt khám chữa bệnh liên thông; hơn 8,4 triệu người dân được chuẩn hóa trên tổng số 10,5 triệu người dân được khởi tạo, trong đó 6,8 triệu người dân đã được xác minh tự động với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Giáo dục là ngành tiên phong với độ hoàn thiện cao: dữ liệu của 100% học sinh (hơn 2,3 triệu hồ sơ) được định danh, đồng bộ với cơ sở dữ liệu Giáo dục và Đào tạo Quốc gia và cơ sở dữ liệu Dân cư; trên 98% thông tin học sinh đã được xác thực định danh với cơ sở dữ liệu dân cư (VneID). Đẩy mạnh, hiện quản lý trên 129.098 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức điện tử; triển khai đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nội vụ quản lý.

Công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư tiếp tục được gắn với chuyển đổi số và nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị. Thành phố đã triển khai đồng bộ Nền tảng quản lý công tác khiếu nại, tố cáo quốc gia; 100% sở, ngành, xã, phường tham gia vận hành hệ thống với gần 6.000 tài khoản sử dụng, tiếp nhận và xử lý gần 5.900 hồ sơ trên môi trường số. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần nâng cao hiệu quả theo dõi, kiểm đếm tiến độ giải quyết vụ việc, tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình xử lý đơn thư.

Thực tiễn cho thấy mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã góp phần phát huy vai trò của cấp xã trong giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở; việc phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường trách nhiệm giải trình đã giúp rút ngắn quy trình xử lý, giảm khâu trung gian, nâng cao hiệu quả giải quyết vụ việc ngay từ cơ sở, hạn chế phát sinh khiếu kiện đông người, vượt cấp và góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

(Phụ lục biểu 13B kèm theo)

10. Tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

Trong năm đầu vận hành mô hình chính quyền 02 cấp, Thành phố Hà Nội cơ bản duy trì ổn định tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; đồng thời bước đầu tạo chuyển biến rõ nét trong phương thức quản trị, cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền và tổ chức thực hiện nhiệm vụ từ Thành phố đến cơ sở.

- *Kinh tế Thủ đô tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực*. Năm 2025, GRDP tăng 8,16%, mức cao nhất trong nhiều năm gần đây; tổng thu ngân sách nhà nước đạt trên 711 nghìn tỷ đồng, bằng 138,4% dự toán, tăng 38,4%; tổng chi ngân sách địa phương đạt 161,2 nghìn tỷ đồng; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 68 tỷ USD; vốn FDI đăng ký đạt 4,4 tỷ USD, tăng 169%; có 32,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới. GRDP quý I/2026 tiếp tục tăng 7,87%; tổng thu ngân sách đạt 255 nghìn tỷ đồng; tổng vốn đầu tư phát triển đạt 102,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ. Kết quả trên cho thấy việc đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, phân cấp, phân quyền và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp bước đầu góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả điều hành và tạo động lực phát triển mới cho Thủ đô.

- *Cùng với phát triển kinh tế, công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số tiếp tục tạo chuyển biến rõ nét trong phục vụ người dân, doanh nghiệp*. Thành phố đã thực hiện ủy quyền 644 thủ tục hành chính; tái cấu trúc 1.172 thủ tục hành chính; hỗ trợ người dân thực hiện khoảng 76.000 hồ sơ trực tuyến; tiếp nhận, xử lý trên 107.620 phản ánh, kiến nghị qua ứng dụng iHanoi. Việc triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung, kết nối dữ liệu và xử lý công việc trên môi trường điện tử từng bước nâng cao hiệu quả quản trị, tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị.

- Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Thành phố tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn, nổi bật là sự kiện A80 và Festival Thăng Long - Hà Nội 2025; đón trên 33,7 triệu lượt khách du lịch, doanh thu đạt 134,5 nghìn tỷ đồng. Công tác an sinh xã hội được bảo đảm; đã trao trên 688 nghìn suất quà cho các đối tượng chính sách; hỗ trợ tu sửa 222 nhà ở cho người có công; giải quyết việc làm cho 195,5 nghìn lao động; giải quyết chế độ đối với trên 4.300 trường hợp theo các nghị định của Chính phủ với tổng kinh phí trên 4.175 tỷ đồng, góp phần ổn định tư tưởng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững; năng lực quản trị, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của hệ thống chính trị Thành phố được nâng lên rõ nét sau 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Phương thức lãnh đạo, điều hành từng bước chuyển từ quản lý theo quy trình sang quản trị theo mục tiêu, sản phẩm và kết quả cụ thể; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với ứng dụng dữ liệu số, trách nhiệm người đứng đầu và cơ chế điều hành theo nguyên tắc "6 rõ", "1 xuyên suốt".

- Thực tiễn vận hành bộ máy mới tiếp tục khẳng định năng lực tổ chức các nhiệm vụ chính trị lớn của Thành phố. Thành phố đã tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030; đồng thời triển khai và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 bảo đảm đúng quy trình, tiến độ, dân chủ, an toàn. Tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,57%; bầu đủ 125 đại biểu HĐND Thành phố và 3.160/3.163 đại biểu HĐND cấp xã theo quy định. Ngay sau bầu cử, HĐND các xã, phường hoàn thành tổ chức Kỳ họp thứ nhất trước ngày 31/3/2026; Thường trực HĐND Thành phố ban hành 252 nghị quyết phê chuẩn các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã, bảo đảm bộ máy đi vào hoạt động liên tục, tuyệt đối không để xảy ra khoảng trống lãnh đạo.

- Tập trung xử lý các điểm nghẽn lớn, kéo dài của Thủ đô theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, gắn với trách nhiệm cụ thể và đã đạt kết quả bước đầu tích cực: xử lý 6.224 trường hợp vi phạm giao thông, 126 xã, phường thành lập mạng lưới giám sát an toàn thực phẩm; triển khai 19 dự án, công trình trọng điểm, dự án khẩn cấp nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ theo "đường găng" đã xác định. Thành phố đồng thời hoàn thành phân loại, xây dựng phương án xử lý các dự án chậm triển khai; tập trung khơi thông nguồn lực đất đai, đầu tư công, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Thực tiễn 01 năm vận hành mô hình tại Hà Nội bước đầu khẳng định tính phù hợp của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đối với một đô thị đặc biệt có quy mô lớn, yêu cầu quản trị phức tạp và tốc độ đô thị hóa cao. Việc giảm cấp trung gian đã nâng cao tính trực tiếp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tăng tính chủ động của cấp xã; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao chất lượng phục vụ người

dân, doanh nghiệp. Trong điều kiện khối lượng công việc lớn và nhiều nhiệm vụ chiến lược được triển khai đồng thời, bộ máy vẫn vận hành ổn định, thông suốt, khẳng định tính đúng đắn và hiệu quả của mô hình mới đối với yêu cầu quản trị của Thủ đô.

11. Cách làm hay, mô hình sáng tạo

Từ thực tiễn vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, Thành phố xuất hiện nhiều sáng kiến, giải pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, chuyển đổi số và giải quyết các vấn đề dân sinh. Đây là những kinh nghiệm thực tiễn quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở và tạo cơ sở để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, nhân rộng trong thời gian tới.

(có Phụ lục 01A kèm theo)

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA SAU 01 NĂM VẬN HÀNH

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, thực tiễn vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại Hà Nội đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết và hoàn thiện. Đây không chỉ là những vấn đề của riêng Thủ đô mà còn có ý nghĩa đối với quá trình hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên phạm vi cả nước trong giai đoạn tới. Các vấn đề đặt ra tập trung vào tổ chức bộ máy, cơ chế, chính sách, thể chế quản trị, nguồn nhân lực, năng lực thực thi của cấp xã và yêu cầu thích ứng với không gian phát triển mới của Thủ đô.

1. Về khung tổ chức bộ máy cấp Thành phố; quy mô, phạm vi, khung tổ chức bộ máy cấp xã

1.1. Đối với cấp Thành phố

- Khung tổ chức bộ máy cấp Thành phố hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, hiệu lực quản lý nhà nước và hoạt động thông suốt của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, cùng với việc kết thúc hoạt động của 30 quận, huyện, thị xã, nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước, điều phối phát triển, hướng dẫn chuyên môn và hỗ trợ cơ sở được chuyển trực tiếp lên cấp Thành phố và cấp xã, làm gia tăng đáng kể khối lượng công việc, phạm vi quản lý và yêu cầu điều hành.

Hiện nay, Thành phố trực tiếp quản lý 126 xã, phường; hơn 5.463 thôn, tổ dân phố; khoảng 8,8 triệu dân; hơn 508 nghìn đảng viên và gần 130 nghìn cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, Thành phố đang triển khai nhiều nhiệm vụ chiến lược theo Luật Thủ đô, Quy hoạch Thủ đô, Nghị quyết số 15-NQ/TW và Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chương trình phát triển lớn của Thủ đô. Qua thực tiễn vận hành cho thấy quy mô quản trị, phạm vi điều hành và yêu cầu phối hợp liên ngành của cấp Thành phố đã tăng lên đáng kể so với trước đây; nhiều vấn đề

phát sinh đòi hỏi năng lực điều phối thống nhất trên phạm vi toàn Thành phố trong các lĩnh vực quy hoạch, phát triển đô thị, giao thông, môi trường, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị dữ liệu và phát triển vùng.

Trong khi đó, khung tổ chức bộ máy cấp Thành phố hiện vẫn được tổ chức trên cơ sở mô hình chung của cả nước với 15 sở và 01 cơ quan tương đương sở. Thực tiễn này cho thấy khung tổ chức hiện nay tuy cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành trước mắt nhưng đang chịu áp lực ngày càng lớn về hoạch định chính sách, điều phối liên ngành, quản trị phát triển, quản trị dữ liệu và hỗ trợ cơ sở trong điều kiện không còn cấp trung gian. Việc Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 trao thẩm quyền cho Thành phố quyết định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố cho thấy ngay trong thiết kế thể chế đã đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy phù hợp với tính chất của một đô thị đặc biệt và trung tâm chính trị - hành chính quốc gia.

Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung tổ chức bộ máy cấp Thành phố theo hướng nâng cao năng lực hoạch định chính sách, quản trị phát triển, điều phối liên ngành, quản trị dữ liệu và hỗ trợ cơ sở; đồng thời tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan theo nguyên tắc một việc chỉ giao một đầu mối chủ trì, một đầu mối chịu trách nhiệm, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và khắc phục tình trạng chồng chéo trong tổ chức thực hiện.

- Đối với Đảng bộ UBND Thành phố và Đảng bộ các cơ quan Đảng Thành phố, hai tổ chức đảng được thành lập theo mô hình mới khi kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng và các đảng ủy khối, bô máy bước đầu hoạt động ổn định, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Thành ủy đối với các cơ quan trong hệ thống chính trị Thành phố. Tuy nhiên, đây là mô hình tổ chức mới nên một số nội dung liên quan đến cơ chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo, mối quan hệ công tác giữa cấp ủy với tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; giữa các tổ chức đảng trực thuộc và giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Đây là những vấn đề tiếp tục được tổng kết, đánh giá từ thực tiễn, hoàn thiện để nâng cao hiệu quả hoạt động.

1.2. Đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội được thành lập theo mô hình thí điểm một cấp từ năm 2024 và chính thức vận hành tập trung, thống nhất từ ngày 01/01/2026. Hiện Trung tâm gồm Ban Giám đốc, 04 phòng chuyên môn, 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, 12 chi nhánh và 131 điểm hỗ trợ dịch vụ công số trên toàn Thành phố; hoạt động chủ yếu trên môi trường số, thực hiện tiếp nhận, giải quyết và giám sát thủ tục hành chính theo cơ chế tập trung, thống nhất.

Qua vận hành, Trung tâm đã góp phần quan trọng trong thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; giảm đầu mối trung gian, tăng tính thống nhất trong

tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; tạo điều kiện triển khai hiệu quả dịch vụ công phi địa giới hành chính, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp; đồng thời tăng cường công khai, minh bạch và giám sát chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Căn cứ vào định hướng phát triển của Thủ đô và các cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Hà Nội trước mắt được nghiên cứu hoàn thiện và kiện toàn theo mô hình 02 cấp nhằm tinh gọn bộ máy, bảo đảm hiệu lực - hiệu quả, giảm tầng nấc trung gian và thực sự "sát dân, gần dân". Sau khi hệ thống cơ sở dữ liệu được đồng bộ, số hóa toàn diện và liên thông triệt để với các nền tảng của bộ, ngành Trung ương, Thành phố sẽ tiến tới những bước đột phá về chiều sâu trong công tác tổ chức bộ máy và cung ứng dịch vụ công của Trung tâm Phục vụ hành chính công.

1.3. Đối với cấp xã

Khung tổ chức bộ máy cấp xã hiện nay đã cơ bản đảm bảo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ Thành phố đến cơ sở; đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong giai đoạn đầu. Tuy nhiên, quá trình vận hành cũng cho thấy đây là nội dung cần nghiên cứu, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn của Thủ đô.

Hiện nay, 126 xã, phường của Thành phố cơ bản được tổ chức theo một khung bộ máy tương đối thống nhất. Trong khi đó, quy mô giữa các địa bàn có sự khác biệt rất lớn: Dân số giữa các đơn vị nhỏ nhất và lớn nhất chênh lệch khoảng 31,6 lần; diện tích tự nhiên chênh lệch khoảng 48,4 lần, mật độ dân số chênh khoảng 183,1 lần. Khối lượng công việc phát sinh cũng có sự chênh lệnh đáng kể; qua thống kê hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh trong những tháng đầu năm 2026, đơn vị có số lượng hồ sơ thủ tục hành chính cao nhất tiếp nhận trên 20.000 nghìn hồ sơ, trong khi đơn vị thấp nhất chỉ khoảng hơn 1.000 nghìn hồ sơ, chênh lệch khoảng 20 lần. Thực tế cho thấy một số phường trung tâm hiện có quy mô dân số, số lượng doanh nghiệp, khối lượng hồ sơ hành chính và yêu cầu quản lý tương đương, thậm chí cao hơn nhiều đơn vị hành chính cấp huyện trước đây. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy, cơ cấu phòng chuyên môn, biên chế và vị trí việc làm cơ bản vẫn được áp dụng theo một khung tương đối thống nhất giữa các xã, phường. Trong khi đó, áp lực công việc, yêu cầu quản lý và mức độ phức tạp của từng địa bàn lại rất khác nhau.

Qua quá trình vận hành cho thấy vấn đề đặt ra hiện nay không phải là thiếu đầu mối tổ chức mà là việc cùng một khung tổ chức bộ máy đang phải đáp ứng những yêu cầu rất khác nhau giữa các địa bàn. Một số xã, phường có khối lượng công việc và áp lực quản lý rất lớn nhưng cơ chế tổ chức bộ máy, biên chế và vị trí việc làm chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm đó. Điều này ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và khả năng bố trí nguồn lực phù hợp với yêu cầu thực tế.

Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 đã tạo cơ sở pháp lý để Hà Nội đẩy mạnh phân quyền, phân cấp và nâng cao tính chủ động của chính quyền cơ sở. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra là tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy cấp xã theo hướng phù hợp hơn với quy mô dân số, khối lượng nhiệm vụ và yêu cầu quản lý thực tế của từng nhóm địa bàn. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời phát huy đầy đủ các cơ chế, chính sách đặc thù mà Luật Thủ đô đã trao cho Thành phố.

2. Yêu cầu tiếp tục hoàn thiện về thể chế, phân cấp, ủy quyền và phân định thẩm quyền phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện, cấp xã trở thành cấp trực tiếp thực hiện phần lớn nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn. Tổng số nhiệm vụ quản lý nhà nước cấp xã thực hiện là 933 nhiệm vụ, tăng 165 nhiệm vụ so với trước đây; đồng thời nhiều nhiệm vụ chỉ đạo, điều phối, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cơ sở được chuyển trực tiếp lên cấp Thành phố. Điều này làm thay đổi căn bản phương thức quản trị, quan hệ công tác và cơ chế phối hợp giữa các cấp trong toàn hệ thống chính trị.

Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Trung ương đã phân quyền cho Thành phố 273 nhiệm vụ và phân quyền trực tiếp cho cấp xã 768 nhiệm vụ; UBND Thành phố tiếp tục phân cấp 153 nhiệm vụ, ủy quyền 15 nhiệm vụ. Kết quả bước đầu cho thấy chủ trương phân cấp, phần quyền và ủy quyền là đúng hướng. Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/5/2026, các xã, phường đã tiếp nhận và giải quyết 2.268.401 hồ sơ thuộc các nhiệm vụ được chuyển giao cấp huyện và cấp Thành phố; nhiều nhiệm vụ trước đây phải thực hiện qua cấp trung gian nay đã được xử lý trực tiếp tại cơ sở. Điều này cho thấy phần lớn nhiệm vụ chuyển giao đã được tiếp nhận và tổ chức thực hiện ổn định tại cơ sở.

Tuy nhiên, thực tiễn vận hành cho thấy yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế thực thi để tương xứng với mức độ phân quyền, phân cấp đã được chuyển giao. Một số quy định pháp luật chuyên ngành hiện nay vẫn được xây dựng trên nền tảng mô hình chính quyền địa phương 03 cấp trước đây, chưa được điều chỉnh đồng bộ với yêu cầu quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện không còn cấp huyện. Kết quả rà soát cho thấy có 101/126 xã, phường (chiếm 80,2%) đề xuất tạm dừng ít nhất một nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền với tổng số 297 lượt kiến nghị. Các kiến nghị tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực nội vụ (48 lượt), văn hóa (35 lượt), nông nghiệp và môi trường (32 lượt), giáo dục (29 lượt), y tế (18 lượt), khoa học - công nghệ và chuyển đổi số (24 lượt). Đáng chú ý, phần lớn các kiến nghị không xuất phát từ việc thiếu thẩm quyền mà chủ yếu liên quan đến điều kiện bảo đảm thực hiện, hướng dẫn chuyên môn chưa đủ rõ, quy trình nghiệp vụ, nhân lực chuyên môn

và sự chưa đồng bộ giữa các quy định chuyên ngành với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Các kết quả đánh giá từ sở, ngành và các cơ sở cho thấy phần lớn vướng mắc phát sinh tập trung ở những nhiệm vụ có tính chuyên môn sâu, yêu cầu điều kiện hành nghề, điều kiện kỹ thuật hoặc cần sự phối hợp liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện như đất đai, quy hoạch, xây dựng, đầu tư công, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chuyển đổi số, dữ liệu, phần mềm.

Những kết quả trên cho thấy cơ chế phân cấp, phân quyền và ủy quyền của Thành phố về cơ bản là phù hợp và đang phát huy hiệu quả tích cực. Điểm nghẽn của giai đoạn hiện nay không còn chủ yếu nằm ở việc phân định thẩm quyền giữa các cấp mà nằm ở việc hoàn thiện đồng bộ các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ sau phân cấp. Trong khi thẩm quyền đã được giao tương đối đầy đủ thì hệ thống hướng dẫn chuyên môn, quy trình nghiệp vụ, cơ chế phối hợp và một số quy định chuyên ngành chưa được điều chỉnh tương ứng theo yêu cầu vận hành của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Đối với Hà Nội, đây là yêu cầu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Luật Thủ đô đã trao cho Thành phố nhiều cơ chế phân quyền, phân cấp đặc thù. Vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới không phải là tiếp tục mở rộng thẩm quyền đơn thuần mà là hoàn thiện đồng bộ thể chế thực thi, bảo đảm sự thống nhất giữa thẩm quyền được giao với quy trình thực hiện, hướng dẫn chuyên môn, cơ chế phối hợp, trách nhiệm giải trình và các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ. Qua đó phát huy đầy đủ hiệu quả của các cơ chế, chính sách đặc thù, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong giai đoạn tiếp theo.

3. Yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản trị trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Qua quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã có sự thay đổi đáng kể cả về phạm vi, tính chất và yêu cầu của vị trí việc làm. Việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện cơ bản bảo đảm bộ máy vận hành ổn định, thông suốt; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố nhìn chung đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Kết quả rà soát cho thấy 99,4% công chức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng hoặc cơ bản đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, số chưa đáp ứng chỉ chiếm khoảng 0,6%.

Đối với đội ngũ Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường, đa số được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm thực tiễn và bản lĩnh chính trị vững vàng; 100% Bí thư Đảng ủy xã, phường có trình độ đại học trở lên và tình độ cao cấp lý luận chính trị *(có 08 tiến sĩ, 105 thạc sĩ);* khoảng 70% đã kinh qua chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp huyện hoặc tương đương. Đây là nguồn lực lãnh đạo có chất lượng tương đối đồng đều, góp phần quan trọng để bảo đảm sự ổn định của hệ thống chính trị cơ sở trong giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Tuy nhiên, cùng với việc cấp xã trở thành cấp trực tiếp thực hiện phần lớn nhiệm vụ của hệ thống chính trị trên địa bàn, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ cơ sở ngày càng cao, không chỉ về trình độ chuyên môn mà còn về năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện, quản trị địa bàn, ứng dụng công nghệ số và xử lý các vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Chất lượng đội ngũ giữa các địa bàn và giữa các lĩnh vực chuyên môn còn chưa đồng đều. Theo rà soát của các xã, phường, hiện còn thiếu 892 công chức chuyên môn thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước *(đất đai, quy hoạch, xây dựng, tài chính - ngân sách, đầu tư công, chuyển đổi số và quản lý đô thị)*. Đây đều là những lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu, có tác động trực tiếp đến chất lượng quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp ở cơ sở. Điều này cho thấy cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực hiện nay ở một số lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu vị trí việc làm trong điều kiện mới.

Bên cạnh đó, đến ngày 31/5/2026, qua rà soát vẫn còn 46 công chức, chuyên môn, nghiệp vụ chưa đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, tập trung chủ yếu ở lĩnh vực ý tế, quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị; đối với lĩnh vực chuyển đổi số, mặc dù 112/126 xã, phường đã bố trí công chức công nghệ thông tin, song chất lượng nguồn nhân lực chuyên trách vẫn còn là vấn đề cần quan tâm. Thực trạng này cho thấy chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực ở một số lĩnh vực chuyên môn sâu trọng yếu vẫn là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm, hoàn thiện trong giai đoạn tới.

Yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới đang đặt ra đòi hỏi ngày càng cao đối với chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn cao, năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực số và khả năng thích ứng với môi trường quản trị hiện đại ngày càng trở nên cấp thiết. Qua quá trình vận hành cho thấy thách thức về nguồn nhân lực trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay không chủ yếu nằm ở số lượng cán bộ, công chức mà nằm ở chất lượng, cơ cấu và mức độ phù hợp của đội ngũ đối với yêu cầu của từng vị trí việc làm và từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

Do đó, vấn đề đặt ra trong giai đoạn tới không chỉ là bảo đảm đủ số lượng cán bộ, công chức, viên chức mà quan trọng hơn là tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị nguồn nhân lực theo vị trí việc làm và khung năng lực; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ; xây dựng đội ngũ công chức có chuyên môn sâu, năng lực số, tư duy đổi mới và tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng yêu cầu quản trị của Thủ đô trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

4. Về năng lực thực thi và yêu cầu chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị kiến tạo phát triển

Kết quả bước đầu cho thấy bộ máy chính quyền cấp xã cơ bản vận hành ổn định, với 84,22% cán bộ, đảng viên đánh giá ổn định hoặc tương đối ổn định; tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn và trước hạn đạt 97,39%, trên 85% hồ sơ được số hóa trong quá trình tiếp nhận và xử lý. Nhiều nhiệm vụ được giải quyết

nhanh hơn, sát cơ sở hơn và phát huy tốt tính chủ động của địa phương. Tuy nhiên, năng lực thực thi giữa các xã, phường vẫn còn có sự khác biệt. Một số địa phương nhanh chóng thích ứng với mô hình mới, phát huy tốt vai trò người đứng đầu, chủ động xử lý các vấn đề phát sinh, khai thác hiệu quả các công cụ số và tạo chuyển biến rõ nét trong quản trị địa bàn; trong khi ở một số nơi, năng lực điều hành, phối hợp, tổ chức thực hiện và xử lý công việc liên ngành còn chưa theo kịp yêu cầu. Thực tế cho thấy, cùng một hệ thống thể chế, cơ chế và điều kiện bảo đảm tương đối thống nhất nhưng kết quả thực hiện nhiệm vụ giữa các địa phương vẫn có sự khác biệt đáng kể.

Khoảng cách giữa các địa phương hiện nay không còn chủ yếu nằm ở nguồn lực hay cơ chế mà ngày càng thể hiện rõ ở chất lượng tổ chức thực hiện, khả năng chuyển chủ trương thành chương trình hành động, kế hoạch công tác và kết quả cụ thể. Điều đó cho thấy năng lực lãnh đạo, điều hành, tính chủ động, tinh thần trách nhiệm, khả năng phối hợp và vai trò của người đứng đầu đang trở thành yếu tố quyết định hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Đồng thời, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đặt ra yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy quản trị và kiến tạo phát triển. Tinh thần của Nghị quyết số 02-NQ/TW và các cơ chế đặc thù của Luật Thủ đô năm 2026 đều nhấn mạnh việc mở rộng quyền tự chủ, tự quyết, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức bộ máy, quản trị hành chính; lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và kết quả phát triển địa phương làm thước đo. Theo đó, chính quyền cấp xã không chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền mà còn phải chủ động điều phối nguồn lực, phát hiện và tháo gỡ các điểm nghẽn phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ công, giải quyết kịp thời các vấn đề dân sinh và tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở vì vậy không chỉ được đánh giá thông qua việc tuân thủ quy trình hành chính mà ngày càng được đo bằng kết quả phát triển, chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Quá trình vận hành thời gian qua cũng cho thấy yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực quản trị số và quản trị theo dữ liệu. Thành phố hiện đang theo dõi 1.964 nhiệm vụ trọng tâm trên nền tảng HanoiWork; tiếp nhận trên 107.620 phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua nền tảng iHanoi; 100% cơ quan, đơn vị đã sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử, kết nối đồng bộ với 188/188 điểm cầu trực tuyến trên toàn Thành phố. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức không chỉ có năng lực quản lý hành chính truyền thống mà còn phải có khả năng khai thác dữ liệu, ứng dụng công nghệ số và điều hành trên môi trường số.

Trong thời gian tới, yêu cầu đặt ra không chỉ là bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt mà quan trọng hơn là tiếp tục nâng cao năng lực thực thi, tăng cường

trách nhiệm giải trình, xây dựng văn hóa công vụ lấy kết quả làm trung tâm và chuyển mạnh sang mô hình quản trị phát triển. Đây là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với việc phát huy đầy đủ hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của Thủ đô.

5. Về không gian phát triển của xã, phường và yêu cầu hoàn thiện quy mô địa giới của một số xã, phường

Việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức lại 126 xã, phường đã góp phần tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và và tạo điều kiện để bộ máy vận hành ổn định, thông suốt. Tuy nhiên, cùng với việc triển Quy hoạch Thủ đô thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị, yêu cầu phát triển của Hà Nội đang ngày càng vượt ra ngoài phạm vi quản lý hành chính truyền thống, đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện không gian phát triển và quy mô địa giới của một số xã, phường trong dài hạn.

Hiện nay, toàn Thành phố có 25 phường, 08 xã chưa đạt 01 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và 01 xã chưa đạt cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bên cạnh đó, kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã năm 2026 cho thấy có 109 đơn vị loại I, 16 đơn vị loại II và 01 đơn vị loại III. Những số liệu này phản ánh sự khác biệt đáng kể về điều kiện phát triển, chức năng đô thị, quy mô dân cư và yêu cầu quản trị giữa các địa bàn.

Cùng với quá trình đô thị hóa, việc hình thành trục phát triển sông Hồng, trục Nhật Tân - Nội Bài, các đô thị vệ tinh, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các hành lang kinh tế và các cực tăng trưởng mới đang làm thay đổi mạnh mẽ cấu trúc không gian phát triển theo mô hình đô thị đa cực, đa trung tâm, trong đó các khu vực phát triển có mối liên kết ngày càng chặt chẽ và vượt ra ngoài phạm vi quản lý của từng đơn vị hành chính riêng lẻ.

Nhiều xã, phường không còn chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính truyền thống mà đang từng bước trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại, logistics, công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo hoặc cửa ngõ kết nối vùng. Một số địa bàn đang trở thành không gian phát triển mới của Thủ đô, nơi tập trung các dự án hạ tầng chiến lược, các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, dịch vụ chất lượng cao và các động lực tăng trưởng mới của Thành phố. Trong khi đó, nhiều địa bàn khác tiếp tục giữ vai trò phát triển nông nghiệp sinh thái, bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Qua quá trình vận hành cho thấy, một số địa giới hành chính được hình thành chủ yếu trên cơ sở yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy trong giai đoạn đầu, trong khi yêu cầu phát triển hiện nay đang đặt ra bài toán ở tầm cao hơn về tổ chức không gian phát triển, phân bố dân cư, kết cấu hạ tầng, liên kết vùng và

phân bổ nguồn lực. Do đó, việc đánh giá đơn vị hành chính trong thời gian tới không chỉ dựa trên tiêu chí dân số, diện tích tự nhiên mà cần xem xét đầy đủ hơn vai trò, chức năng phát triển, mức độ đô thị hóa, khả năng liên kết không gian và yêu cầu quản trị của từng địa bàn.

Đối với Hà Nội, đây không đơn thuần là vấn đề điều chỉnh địa giới hành chính mà là yêu cầu tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với vị thế của một đô thị đặc biệt, trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cả nước. Vì vậy, một trong những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, tổng kết từ quá trình vận hành là mức độ phù hợp của quy mô, địa giới và không gian phát triển của một số xã, phường trong mối quan hệ với Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến 20265; Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm; các hành lang kinh tế, các cực tăng trưởng và yêu cầu phát triển lâu dài của Thành phố. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm sự thống nhất giữa không gian quản trị và không gian phát triển, đồng thời tạo dư địa cho sự phát triển bền vững của Thủ đô trong thời gian tới.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Sau 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thành phố Hà Nội đã triển khai nghiêm túc, đồng bộ, bài bản các chủ trương, quyết sách của Trung ương; hoàn thành khối lượng công việc rất lớn về sắp xếp đơn vị hành chính, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, phân cấp, phân quyền và tổ chức vận hành mô hình mới. Bộ máy của hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở cơ bản hoạt động ổn định, thông suốt, không làm gián đoạn hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng lên; cải cách hành chính, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực.

Nổi bật là, Hà Nội triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong bối cảnh có yêu cầu, quy mô và áp lực quản trị lớn nhất cả nước. Thành phố đồng thời thực hiện Luật Thủ đô, triển khai Quy hoạch Thủ đô, đẩy nhanh các dự án hạ tầng chiến lược, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy với quy mô lớn chưa từng có, đồng thời bảo đảm các nhiệm vụ chính trị thường xuyên của Thủ đô và trung tâm chính trị - hành chính quốc gia. Mặc dù phải xử lý đồng thời nhiều nhiệm vụ chiến lược, cấp bách và phức tạp, Thành phố vẫn giữ vững ổn định chính trị, đoàn kết, thống nhất trong toàn hệ thống; không để đứt gãy hoạt động quản lý, điều hành; không làm chậm tiến độ các chương trình, dự án trọng điểm và các mục tiêu phát triển dài hạn. Điều đó khẳng định năng lực lãnh đạo, sức tổ chức thực hiện và khả

năng thích ứng của hệ thống chính trị Thủ đô trước những yêu cầu đổi mới lớn chưa có tiền lệ.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện không theo tư duy cơ học, đơn thuần giảm đầu mối mà gắn với tổ chức lại không gian phát triển và tái cấu trúc mô hình quản trị của Thủ đô. Các xã, phường mới được hình thành trong tổng thể chiến lược phát triển dài hạn, phù hợp với Quy hoạch Thủ đô, Luật Thủ đô và đặc điểm từng khu vực. Quá trình sắp xếp không chỉ góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy mà còn tạo lập không gian phát triển mới, mở rộng dư địa tăng trưởng, nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và tạo điều kiện triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù của Thủ đô.

Sau 01 năm vận hành, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã bước đầu tạo chuyển biến từ nền hành chính quản lý sang nền hành chính phục vụ; từ quản lý qua cấp trung gian sang quản trị trực tiếp tại cơ sở; từ tập trung giải quyết công việc nội bộ sang lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền các cấp, nhất là cấp xã, phường có nhiều chuyển biến rõ nét theo hướng gần dân, sát dân, chủ động và phục vụ Nhân dân tốt hơn; đồng thời tạo điều kiện đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò, trách nhiệm của cơ sở.

Những kết quả đạt được trong năm đầu vận hành đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2025, GRDP của Thành phố tăng 8,16%; tổng thu ngân sách nhà nước đạt trên 711 nghìn tỷ đồng, tăng 38,4%; vốn FDI đăng ký đạt 4,4 tỷ USD, tăng 169%; có 32,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới. Quý I/2026, GRDP tiếp tục tăng 7,87%; tổng thu ngân sách đạt 255 nghìn tỷ đồng; tổng vốn đầu tư phát triển đạt 102,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ. Thành phố cũng tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, khẳng định sự ổn định, thông suốt của mô hình tổ chức mới.

Nhìn chung, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại Hà Nội là chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước và yêu cầu phát triển của Thủ đô trong giai đoạn mới. Thực tiễn 01 năm vận hành cho thấy giá trị của mô hình không chỉ ở việc tinh gọn tổ chức bộ máy mà còn tạo điều kiện đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị và phát triển; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện; khơi thông nguồn lực; phát huy tính chủ động, sáng tạo của cơ sở; từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ và kiến tạo phát triển.

Đối với Hà Nội, yêu cầu đặt ra trong thời gian tới không chỉ là tiếp tục hoàn thiện mô hình mà còn phải phát huy vai trò Thủ đô tiên phong trong nghiên cứu, thí điểm và hoàn thiện các mô hình quản trị mới. Với vị thế trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, Hà Nội cần trở thành địa bàn thực tiễn để kiểm chứng, đánh giá và

hoàn thiện các cơ chế, chính sách lớn trước khi tổng kết, nhân rộng trên phạm vi toàn quốc. Trọng tâm là chủ động thí điểm các mô hình mới về tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, quản trị đô thị, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; qua đó tiếp tục khẳng định vai trò đầu tàu, dẫn dắt và đóng góp kinh nghiệm thực tiễn cho quá trình hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp của cả nước.

1.2. Nguyên nhân của ưu điểm, kết quả đạt được

(1) Nguyên nhân khách quan

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao; kịp thời ban hành các chủ trương, nghị quyết, kết luận, quy định và cơ chế, chính sách tạo cơ sở chính trị, pháp lý đầy đủ cho việc tổ chức và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Quá trình đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ số, chính quyền số; việc từng bước hoàn thiện hạ tầng số, cơ sở dữ liệu quốc gia và các nền tảng dùng chung đã tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới phương thức quản trị, điều hành và cung cấp dịch vụ công theo mô hình mới.

- Hà Nội là Thủ đô, trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, có điều kiện thuận lợi về quy mô kinh tế, chất lượng nguồn nhân lực, trình độ quản trị, hạ tầng công nghệ thông tin và khả năng huy động các nguồn lực cho phát triển, tạo nền tảng quan trọng để triển khai các chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy và mô hình quản trị địa phương.

- Sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ, đảng viên, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đối với chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là điều kiện thuận lợi quan trọng, góp phần bảo đảm quá trình triển khai thực hiện diễn ra ổn định, thông suốt.

(2) Nguyên nhân chủ quan

- Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đã chủ động chuẩn bị từ sớm, từ xa; lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, bài bản; kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương thành các chương trình, đề án, kế hoạch và giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô.

- Thành phố đã tập trung chuẩn bị toàn diện các điều kiện bảo đảm vận hành mô hình mới; thực hiện đồng bộ việc sắp xếp đơn vị hành chính, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, chuẩn bị cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, dữ liệu dùng chung và các điều kiện phục vụ hoạt động của 126 xã, phường ngay từ thời điểm bắt đầu vận hành.

- Việc triển khai đồng bộ trên cả 04 trục của hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính; tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn cơ sở và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh đã góp phần bảo đảm bộ máy hoạt động ổn định, thông suốt ngay từ đầu.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ Thành phố đến cơ sở đã phát huy tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chủ động thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới; nhiều cán bộ sẵn sàng nhận nhiệm vụ tại địa bàn mới, khắc phục khó khăn, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc tăng cao và yêu cầu ngày càng lớn.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, dân vận và tạo đồng thuận xã hội được triển khai chủ động, kịp thời; góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố.

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Sau 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bộ máy của hệ thống chính trị Thành phố cơ bản vận hành ổn định, không để gián đoạn hoạt động quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc, bất cập cần tiếp tục tập trung tháo gỡ.

(Phụ lục 02A chi tiết kèm theo)

(1) Về tổ chức bộ máy, biên chế

- Khung tổ chức bộ máy và biên chế cấp xã hiện nay cơ bản được áp dụng tương đối thống nhất, trong khi quy mô dân số, số lượng đảng viên, diện tích tự nhiên, mức độ đô thị hóa và khối lượng công việc giữa các xã, phường có sự chênh lệch rất lớn. Quy mô dân số giữa đơn vị lớn nhất và nhỏ nhất chênh khoảng 31 lần, diện tích tự nhiên chênh khoảng 48 lần, mật độ dân số chênh trên 183 lần, tạo áp lực lớn đối với các địa bàn có quy mô dân số đông và tốc độ đô thị hóa cao[55].

- Sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện, cấp xã thực hiện 933 nhiệm vụ quản lý nhà nước, tăng 165 nhiệm vụ so với trước đây; đồng thời trực tiếp đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, tài chính, đô thị, môi trường và nội vụ. Tuy nhiên, mô hình 03 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã hiện nay chưa thực sự tương thích với phạm vi, tính chất và khối lượng nhiệm vụ

[55] Phường Hà Đông có dân số 196.240 người, cao gấp 4,7 lần phường Tùng Thiện nhưng tổng số công chức được giao chỉ nhiều hơn 02 người; tương tự, xã An Khánh có dân số 117.000 người, cao gấp 2,7 lần xã Phú Cát nhưng số công chức khối Đảng được giao hoàn toàn bằng nhau).

được giao; việc gộp nhiều lĩnh vực có tính chuyên môn sâu trong cùng một phòng làm tăng áp lực tham mưu, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Một số chức năng, nhiệm vụ chuyên ngành trước đây thực hiện ở cấp huyện hiện chưa được hướng dẫn đầy đủ khi chuyển về cấp xã; vẫn còn tình trạng giao thoa trách nhiệm giữa sở, ngành và cấp xã ở một số lĩnh vực chuyên ngành, dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Việc thành lập các tổ chức đảng trong cơ quan Đảng và cơ quan UBND cấp xã là chủ trương đúng, song do thời gian vận hành chưa dài nên chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa phát huy đầy đủ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong các cơ quan chuyên môn.

Nguyên nhân chủ yếu là khung tổ chức bộ máy, biên chế và cơ chế phân bổ nguồn lực hiện nay được áp dụng tương đối thống nhất, trong khi quy mô dân số, mức độ đô thị hóa và khối lượng nhiệm vụ giữa các xã, phường có sự khác biệt rất lớn. Đồng thời, một số quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp chưa được hoàn thiện đồng bộ với yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

(2) Về đội ngũ cán bộ, công chức

- Sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thay đổi căn bản khi trực tiếp tham mưu, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm đối với nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước. Tuy nhiên, chất lượng đội ngũ giữa các địa bàn còn chưa đồng đều. Thực tiễn cho thấy cán bộ có nguồn gốc từ cấp huyện thường có ưu thế về chuyên môn, tham mưu và xử lý công việc nhưng còn hạn chế trong nắm bắt địa bàn; trong khi nhiều cán bộ từ cấp xã có kinh nghiệm thực tiễn, sát cơ sở nhưng còn hạn chế về kỹ năng quản lý tổng hợp, tham mưu và chuyển đổi số.

- Tình trạng thiếu cán bộ chuyên môn sâu vẫn diễn ra ở nhiều địa phương, nhất là các lĩnh vực đất đai, xây dựng, quy hoạch, tài chính, nội vụ, công nghệ thông tin, quản lý đô thị và môi trường, ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu, tiến độ giải quyết công việc và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại một số địa bàn.

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã chưa thực sự theo kịp yêu cầu của mô hình mới. Trong khi cấp xã thực hiện 933 nhiệm vụ quản lý nhà nước, tăng 165 nhiệm vụ so với trước đây thì cơ chế tiền lương, phụ cấp và chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao chưa tương xứng. Bên cạnh đó, việc trên 3.000 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ công tác theo các chính sách sắp xếp tổ chức bộ máy cũng tạo áp lực về nguồn nhân lực ở một số lĩnh vực và địa bàn.

Nguyên nhân chủ yếu là quá trình chuyển giao nhiệm vụ từ cấp huyện về cấp xã diễn ra với quy mô lớn, trong khi công tác đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn bị nguồn nhân lực chưa theo kịp yêu cầu của mô hình mới; cơ chế thu hút, đãi ngộ và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

(3) Về phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền

- Mặc dù Trung ương và Thành phố đã đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, song trong thực tế vẫn còn tình trạng phân cấp nhiệm vụ nhanh hơn phân cấp nguồn lực và điều kiện bảo đảm thực hiện. Một số nhiệm vụ đã chuyển về cấp xã nhưng nhân lực chuyên môn, dữ liệu, hạ tầng công nghệ, quy trình nghiệp vụ và cơ chế phối hợp liên thông chưa được hoàn thiện đồng bộ. Đối với một số lĩnh vực chuyên môn sâu như đất đai, quy hoạch, xây dựng, tài chính - ngân sách, đầu tư công, môi trường, y tế, giáo dục và chuyển đổi số, cấp xã vẫn gặp khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Việc phân định thẩm quyền giữa Thành phố, sở, ngành và cấp xã ở một số lĩnh vực chưa thực sự rõ ràng; vẫn còn những nhiệm vụ phải xin ý kiến hoặc thực hiện nhiều bước thẩm định, xác nhận của cơ quan chuyên môn, làm giảm tính chủ động của cấp cơ sở. Một số quy trình quản lý nhà nước được chuyển giao nhưng chưa được chuẩn hóa đầy đủ theo yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Công tác rà soát, thống kê nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền còn bộc lộ một số bất cập. Một số nội dung chưa được tách bạch rõ giữa nhiệm vụ quản lý nhà nước với thủ tục hành chính hoặc các khâu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính; một số nhiệm vụ được phân tách quá chi tiết, gây khó khăn trong đánh giá thực chất mức độ phân cấp, phân quyền cũng như việc bố trí nguồn lực và xác định trách nhiệm thực hiện.

Nguyên nhân chủ yếu là một số quy định chuyên ngành, quy trình nghiệp vụ và cơ chế phối hợp chưa được điều chỉnh, hoàn thiện đồng bộ theo yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; trong khi nhiều nhiệm vụ mới phát sinh chưa có đủ thời gian để kiểm nghiệm, hoàn thiện qua thực tiễn.

(4) Về cải cách hành chính, chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công

- Chuyển đổi số đã trở thành điều kiện nền tảng bảo đảm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tuy nhiên, việc liên thông dữ liệu và đồng bộ các nền tảng số vẫn là điểm nghẽn lớn; nhiều phần mềm chuyên ngành còn hoạt động độc lập *(bình quân khoảng 28 phần mềm/xã, phường)*, dữ liệu chưa được kết nối đầy đủ, tình trạng nhập liệu nhiều lần và khai thác dữ liệu chưa thống nhất vẫn xảy ra.

- Chuyển đổi số giữa chính quyền số, kinh tế số và xã hội số chưa đồng đều; dữ liệu số chưa thực sự trở thành nguồn lực phục vụ quản trị, điều hành và hoạch định chính sách; mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến giữa các địa bàn còn chênh lệch. - Nguồn nhân lực chuyển đổi số tại cơ sở còn thiếu và chưa đồng đều. Hiện còn 14/126 xã, phường chưa bố trí công chức công nghệ thông tin; năng lực số của một bộ phận cán bộ cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu khi khối lượng nhiệm vụ số tăng mạnh sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện *(tỷ lệ cán bộ có chuyên môn phù hợp chỉ đạt khoảng 57% đối với cán bộ vận hành hệ thống và 41% đối với cán bộ quản lý chuyển đổi số).*

Nguyên nhân chủ yếu là hạ tầng dữ liệu, các hệ thống thông tin và cơ chế chia sẻ dữ liệu chưa được hoàn thiện đồng bộ; nguồn nhân lực chuyển đổi số tại cơ sở chưa theo kịp yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

(5) Về xử lý tài sản công, trụ sở làm việc

- Việc rà soát, sắp xếp, xử lý tài sản công được triển khai đồng bộ, tuy nhiên khối lượng trụ sở, tài sản công cần bố trí, sắp xếp sau sắp xếp đơn vị hành chính còn rất lớn. Một số trụ sở dôi dư chưa được khai thác hiệu quả; việc chuyển đổi công năng còn gặp khó khăn về quy hoạch, thủ tục đầu tư và cơ chế quản lý tài sản công.

- Đến nay còn 87 xã, phường chưa bố trí được trụ sở làm việc tập trung, phải sử dụng từ 02 trụ sở trở lên. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả phối hợp, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; đồng thời làm giảm hiệu quả chuyển đổi số, cải cách hành chính và chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng môi trường làm việc thống nhất của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Nguyên nhân chủ yếu là khối lượng trụ sở, tài sản công cần sắp xếp sau sắp xếp đơn vị hành chính rất lớn, trong khi quỹ đất, nguồn lực đầu tư và cơ chế xử lý tài sản công tại một số địa bàn còn hạn chế.

(6) Về phân bổ ngân sách, quản lý tài chính và đầu tư công

- Khối lượng nhiệm vụ của cấp xã tăng mạnh sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện, trong khi cơ chế phân bổ nguồn lực chưa thực sự theo kịp yêu cầu quản trị mới. Nhiều xã, phường có quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa cao và khối lượng công việc lớn nhưng nguồn lực tài chính, biên chế và điều kiện hoạt động chưa có sự khác biệt tương xứng.

- Công tác quản lý tài chính, ngân sách và đầu tư công ở một số địa phương còn gặp khó khăn khi khối lượng nhiệm vụ tăng nhanh, trong khi năng lực tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Nguyên nhân chủ yếu là hệ thống định mức, tiêu chí phân bổ ngân sách, biên chế và cơ chế quản lý đầu tư công hiện nay chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt về quy mô dân số, mức độ đô thị hóa và khối lượng nhiệm vụ giữa các địa bàn.

(Phụ lục 03A -Tổng hợp các điểm nghẽn)

(7) Về đẩy mạnh tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập

Một số đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao vẫn phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước; mức độ tự chủ giữa các đơn vị chưa đồng đều. Việc huy động nguồn lực xã hội và triển khai các mô hình hợp tác, liên kết còn gặp khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng cung ứng dịch vụ công và khai thác các nguồn lực cho phát triển.

Nguyên nhân chủ yếu là cơ chế, chính sách về tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công còn chưa đồng bộ; một số quy định về quản lý tài sản công, cơ chế tài chính và hợp tác công tư chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

a) Nguyên nhân khách quan

- Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là mô hình mới, phạm vi tác động rộng, liên quan đồng thời đến tổ chức bộ máy, cán bộ, phân cấp, phân quyền, cơ chế vận hành và phương thức quản trị địa phương. Trong khi đó, một số quy định về phân định thẩm quyền, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, cơ chế tài chính, dữ liệu và các điều kiện bảo đảm thực hiện chưa được hoàn thiện đồng bộ.

- Hà Nội là đô thị đặc biệt với quy mô dân số lớn nhất cả nước, địa bàn rộng, tốc độ đô thị hóa nhanh, yêu cầu quản trị phức tạp và có sự khác biệt rất lớn giữa các xã, phường. Trong cùng thời điểm, Thành phố phải đồng thời triển khai nhiều nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng như sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, triển khai Luật Thủ đô, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp; đồng thời tập trung xử lý nhiều tồn tại, điểm nghẽn kéo dài nhiều năm về giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, đầu tư công và các dự án trọng điểm, làm gia tăng áp lực đối với hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ các cấp.

- Hạ tầng dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và nền tảng số dùng chung của nhiều lĩnh vực chưa hoàn thiện đồng bộ; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cấp, các ngành còn phụ thuộc tiến độ triển khai chung của Trung ương và các bộ, ngành.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt đổi mới tư duy lãnh đạo, quản trị và phương thức tổ chức thực hiện; vẫn còn tư duy xử lý công việc theo phương thức hành chính truyền thống, tâm lý trông chờ hướng dẫn, ngại va chạm, ngại trách nhiệm trong xử lý việc mới, việc khó.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ giữa các địa bàn còn chưa đồng đều; một bộ phận cán bộ, nhất là tại các xã, phường mới được hợp nhất từ nhiều đơn vị hành chính, chưa có nhiều kinh nghiệm quản trị địa bàn quy mô lớn, điều hành các nhiệm vụ liên ngành và xử lý các vấn đề phức tạp phát sinh. Việc thực hiện chính sách nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Trung ương đã góp phần sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng đồng thời cũng làm giảm một bộ phận cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn và chuyên môn sâu ở một số lĩnh vực.

- Việc triển khai chuyển đổi số ở một số địa phương còn hình thức; dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành chưa được khai thác hiệu quả; kỹ năng quản trị số và

năng lực sử dụng công nghệ của một bộ phận cán bộ còn hạn chế. Một số cơ chế phân cấp, phân quyền chưa thực sự gắn với phân bổ nguồn lực, dữ liệu, nhân lực và điều kiện thực hiện tương ứng.

3. Bài học kinh nghiệm

Qua thực tiễn 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố Hà Nội, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị thực tiễn đối với quá trình tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên phạm vi toàn quốc như sau:

Thứ nhất, phải giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt của cấp ủy; bảo đảm sự thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành giữa 04 trục Đảng - HĐND - UBND - MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Nơi nào cấp ủy quyết liệt, người đứng đầu sâu sát cơ sở, duy trì tốt cơ chế giao ban, kiểm tra, giám sát và xử lý công việc theo tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ thì nơi đó bộ máy vận hành ổn định, thông suốt, xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở. Thực tiễn cho thấy mọi chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy chỉ thành công khi tạo được sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; công tác tuyên truyền phải đi trước một bước, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, giải quyết kiến nghị từ cơ sở và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với mô hình mới.

Thứ hai, thực tiễn Hà Nội cho thấy giá trị cốt lõi của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp không nằm ở việc giảm một cấp hành chính hay sắp xếp lại tổ chức bộ máy mà ở việc hình thành phương thức quản trị mới theo hướng gần dân, sát cơ sở, phân định rõ trách nhiệm và lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Thành công của mô hình phải được đo bằng năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, chất lượng quản trị địa phương, hiệu quả cung cấp dịch vụ công và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Thứ ba, trong điều kiện không còn cấp huyện, cấp xã phải thực sự trở thành trung tâm quản trị địa bàn. Hiệu quả vận hành của mô hình phụ thuộc trước hết vào chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu. Thực tiễn cho thấy sự khác biệt giữa các địa phương không chủ yếu nằm ở tổ chức bộ máy hay điều kiện nguồn lực mà nằm ở năng lực quản trị địa bàn, năng lực tổ chức thực hiện, khả năng xử lý các vấn đề phức tạp, khả năng huy động sự tham gia của người dân và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Thứ tư, phân cấp, phân quyền chỉ phát huy hiệu quả khi được thực hiện đồng bộ theo nguyên tắc "phân quyền, phân việc, phân tiền, phân dữ liệu, phân trách nhiệm" gắn với phân định rõ thẩm quyền và bảo đảm đầy đủ điều kiện thực hiện. Việc giao quyền phải đi đôi với giao nguồn lực, nhân lực, dữ liệu, hạ tầng công nghệ và cơ chế kiểm tra, giám sát phù hợp; đồng thời bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ

giao một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính. Đây là điều kiện tiên quyết để phát huy tính chủ động, sáng tạo của cơ sở, nâng cao trách nhiệm giải trình và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Thứ năm, tinh gọn bộ máy chỉ thực sự hiệu quả khi đồng thời tinh gọn quy trình và đổi mới phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy mọi nhiệm vụ phải được giao theo nguyên tắc "06 rõ" (*rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả)* gắn với "01 đầu mối xuyên suốt" chịu trách nhiệm chính; qua đó hạn chế chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm, nâng cao chất lượng, tiến độ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Thứ sáu, cải cách hành chính phải được thực hiện đồng thời với phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số. Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình giải quyết công việc trên cơ sở dữ liệu số, giảm tối đa khâu trung gian, thực hiện nguyên tắc "người dân chỉ cung cấp thông tin một lần", "cơ quan nhà nước chủ động khai thác dữ liệu" là điều kiện quan trọng để phát huy hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Mục tiêu cuối cùng của cải cách hành chính là giảm thời gian, chi phí tuân thủ và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thứ bảy, hiệu quả của mô hình phải được kiểm chứng bằng khả năng tháo gỡ các điểm nghẽn phát triển và giải quyết các vấn đề thực tiễn ngay từ cơ sở. Thực tiễn Hà Nội cho thấy khi thẩm quyền được phân định rõ, trách nhiệm được giao cụ thể và cơ sở được trao quyền đầy đủ thì nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai, đầu tư công, trật tự xây dựng, triển khai các dự án trọng điểm và giải quyết các vấn đề dân sinh được xử lý nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Thứ tám, chuyển đổi số phải trở thành phương thức quản trị mới của hệ thống chính trị trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Dữ liệu phải được xác định là nguồn lực chiến lược; quản trị phải dựa trên dữ liệu, điều hành phải dựa trên dữ liệu và đánh giá phải dựa trên dữ liệu. Bài học kinh nghiệm là phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy dữ liệu làm nền tảng; lấy dịch vụ công trực tuyến làm khâu đột phá; đồng thời xây dựng các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu liên thông và cơ chế giám sát theo thời gian thực. Đây là điều kiện nền tảng để bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thông suốt từ Thành phố đến cơ sở, nâng cao chất lượng cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công và xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

Thứ chín, kiểm tra, giám sát phải thực sự trở thành công cụ đồng hành cùng cơ sở. Đối với những việc mới, việc khó và những nhiệm vụ được phân cấp mạnh, kiểm tra, giám sát không chỉ để phát hiện, chấn chỉnh sai sót mà còn để hướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đồng thời phát hiện, nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả. Thực tiễn Hà Nội cho thấy công tác kiểm tra, giám sát còn là kênh quan trọng để phản ánh những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện. Đây

là một trong những yếu tố quan trọng giúp bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt, nâng cao hiệu quả thực thi và tạo sự yên tâm cho đội ngũ cán bộ cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ.

Thực tiễn 01 năm vận hành tại Hà Nội cho thấy mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại, tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời khẳng định muốn mô hình vận hành thành công phải thực hiện đồng bộ giữa hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, phát triển đội ngũ cán bộ, bảo đảm nguồn lực và đẩy mạnh chuyển đổi số. Đây cũng là những vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên phạm vi cả nước trong thời gian tới.

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2031

Quán triệt sâu sắc các chủ trương, định hướng của Trung ương và chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm về xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn; phát huy vai trò tiên phong của Thủ đô trong đổi mới quản trị và phát triển bền vững. Thành phố xác định 03 khâu đột phá: (1) Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cơ sở, có phẩm chất, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; (2) Phát triển đồng bộ hạ tầng số, dữ liệu số và chính quyền số, tạo nền tảng cho chuyển đổi số toàn diện; (3) Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, phân cấp, ủy quyền, quy hoạch, đầu tư, giải phóng mặt bằng và nguồn nhân lực, khơi thông và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thông tin, tuyên truyền, tổ chức thực hiện

1.1. Tiếp tục cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, định hướng của Trung ương về xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tập trung xây dựng chính quyền phục vụ, nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp. Phát huy vai trò tiên phong của Thủ đô trong nghiên cứu, thí điểm các mô hình mới về tổ chức bộ máy, quản trị địa phương, chuyển đổi số và phát triển đô thị; tạo cơ sở thực tiễn để Trung ương tổng kết, hoàn thiện thể chế và nhân rộng phù hợp trong cả nước.

1.2. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, bảo đảm mọi chủ trương, nghị quyết, kết luận được triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả. Tập trung khắc phục khâu yếu là tổ chức thực hiện; cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết thành chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

1.3. Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các cấp ủy, cơ quan, đơn vị tiếp tục đổi mới phương thức

quản trị, điều hành theo hướng số hóa, dựa trên dữ liệu và kết quả thực hiện. Đẩy mạnh phương thức "giao việc điện tử, điều hành theo dữ liệu, kiểm đếm theo kết quả"; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm các nhiệm vụ chậm tiến độ và những vấn đề phát sinh từ cơ sở; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang quản trị địa bàn theo dữ liệu, lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và kết quả phát triển địa phương làm thước đo đánh giá.

1.4. Thành ủy và các cấp ủy trực thuộc tiếp tục hoàn thiện cơ chế giao ban 04 trục Đảng - HĐND - UBND - MTTQ từ Thành phố đến cơ sở; xây dựng và triển khai Đề án thí điểm mô hình "xã, phường xã hội chủ nghĩa" theo hướng quản trị hiện đại, phục vụ Nhân dân, phát triển toàn diện và bền vững. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xã, phường xã hội chủ nghĩa trên các nhóm tiêu chí về tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; chính quyền số, xã hội số; phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế; quản lý đô thị, môi trường sống; an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh; mức độ hài lòng của người dân. Lựa chọn các địa bàn đủ điều kiện để triển khai thí điểm, đánh giá, hoàn thiện và từng bước nhân rộng trên địa bàn Thành phố.

2. Về xây dựng hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền và cải cách hành chính đồng bộ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức bộ máy của hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp

2.1. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành và tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, cải cách hành chính, tinh giản quy trình công việc, giảm khâu trung gian, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đồng bộ các quy định của Đảng, Nhà nước và Thành phố về tổ chức bộ máy, biên chế, phân cấp, phân quyền, quản lý cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm thống nhất giữa chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền với nguồn lực và điều kiện tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn đầu mối, giảm cấp trung gian, khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; thực hiện nhất quán nguyên tắc "một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì, một đầu mối chịu trách nhiệm chính", gắn với kiểm đếm tiến độ, đánh giá bằng sản phẩm và kết quả thực hiện. Đồng thời, phát huy hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô nhằm nâng cao năng lực quản trị, tổ chức thực hiện và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Phát huy vai trò tiên phong của Hà Nội trong hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; chủ động nghiên cứu, thí điểm các mô hình mới để Trung ương tổng kết, hoàn thiện thể chế và nhân rộng phù hợp trong cả nước.

2.2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền theo hướng mạnh hơn, rõ hơn, thực chất hơn; bảo đảm giao nhiệm vụ phải đi đôi với giao thẩm quyền,

nguồn lực, nhân lực, dữ liệu và điều kiện tổ chức thực hiện. Rà soát toàn diện các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền cho cấp xã; phân định rõ những nhiệm vụ cấp xã được quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện, những nhiệm vụ thực hiện theo cơ chế phối hợp liên thông và những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cấp trên; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo, giao thoa trách nhiệm, một việc qua nhiều cấp, nhiều cơ quan xử lý. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, kiểm soát quyền lực và đánh giá kết quả thực hiện; ưu tiên các lĩnh vực gắn trực tiếp với người dân, doanh nghiệp và yêu cầu quản trị đô thị như đất đai, quy hoạch, trật tự xây dựng, đầu tư công, tài chính - ngân sách, tài sản công và dịch vụ công. Phát huy các cơ chế, chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô; chủ động nghiên cứu, đề xuất những nội dung phân cấp, phân quyền mới phù hợp với đặc thù đô thị đặc biệt, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và năng lực quản trị của chính quyền cơ sở.

2.3. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; chuyển mạnh từ nền hành chính quản lý sang nền hành chính phục vụ, kiến tạo phát triển. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, tinh gọn quy trình nội bộ, cắt giảm khâu trung gian, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ và chi phí tuân thủ; đẩy mạnh số hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ gắn với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Mở rộng dịch vụ công phi địa giới hành chính, nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp thuận tiện, nhanh chóng, minh bạch. Rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy trình phối hợp giữa các cơ quan trong 04 trục của hệ thống chính trị; bảo đảm rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, thông suốt trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

3. Về sắp xếp tổ chức bộ máy cấp xã theo hướng mở rộng không gian, dư địa phát triển

3.1. Đánh giá toàn diện, khách quan, thực chất hiệu quả vận hành của 126 xã, phường sau 01 năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; làm rõ những nội dung phù hợp, phát huy hiệu quả và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục hoàn thiện về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, không gian phát triển, mức độ đô thị hóa, cơ cấu kinh tế, khối lượng công việc, yêu cầu quản trị và khả năng cung ứng dịch vụ công của từng địa bàn. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nghiên cứu phân loại xã, phường theo nhóm đặc thù quản trị như đô thị lõi, đô thị phát triển, khu vực ven đô và khu vực nông thôn; rà soát những địa bàn có quy mô dân số rất lớn, tốc độ đô thị hóa cao, nhiều dự án trọng điểm, yêu cầu quản lý phức tạp hoặc có dư địa phát triển mạnh để đề xuất cơ chế tổ chức bộ máy, biên chế, phân cấp, phân quyền và phân bổ nguồn lực phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

Tiếp tục hoàn thiện mô hình đơn vị hành chính cấp xã theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn; bảo đảm sự tương thích giữa quy mô đơn vị hành chính với yêu cầu quản trị, năng lực tổ chức thực

hiện và định hướng phát triển của từng địa bàn. Đồng thời, nghiên cứu các mô hình quản trị phù hợp với đặc thù đô thị đặc biệt của Thủ đô, tạo không gian phát triển mới cho các xã, phường, nâng cao chất lượng quản trị địa phương và hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp. Phát huy vai trò tiên phong của Hà Nội trong nghiên cứu, thí điểm các mô hình tổ chức và quản trị cấp xã phù hợp với đô thị đặc biệt, làm cơ sở thực tiễn để Trung ương tổng kết, hoàn thiện thể chế và xem xét nhân rộng trong cả nước.

3.2. Từng bước hình thành mô hình quản trị Thủ đô hiện đại theo tinh thần Nghị quyết số 02-NQ/TW và Luật Thủ đô; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, lấy dữ liệu và chuyển đổi số làm nền tảng quản trị. Xây dựng đơn vị hành chính cấp xã không chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước mà còn là chủ thể tổ chức phát triển địa phương, chủ động huy động nguồn lực xã hội, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa bàn, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công và năng lực giải quyết các vấn đề từ cơ sở. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cơ sở; tạo không gian phát triển mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và chất lượng sống của người dân. Phát huy vai trò tiên phong của Hà Nội trong nghiên cứu, thí điểm các mô hình quản trị đô thị hiện đại để Trung ương tổng kết, hoàn thiện thể chế và nhân rộng phù hợp trong cả nước.

4. Đổi mới phương thức cung ứng dịch vụ công, đẩy mạnh tự chủ, xã hội hóa và phát triển khu vực ngoài nhà nước

4.1. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu phát triển của Thủ đô. Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường học, cơ sở y tế, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với quy mô dân số, tốc độ đô thị hóa và không gian phát triển của từng địa bàn; nâng cao chất lượng dịch vụ công, khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực và chênh lệch chất lượng phục vụ. Đẩy mạnh tự chủ gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ; mở rộng đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung cấp dịch vụ công; từng bước chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ mà Nhà nước không nhất thiết trực tiếp thực hiện cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đủ điều kiện đảm nhiệm; tăng cường xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, chăm sóc người cao tuổi và môi trường. Phát triển các đơn vị sự nghiệp công lập chất lượng cao, tăng cường liên kết giữa các cơ sở tuyến Thành phố với cơ sở; phát huy vai trò tiên phong của Hà Nội trong đổi mới cơ chế hoạt động, tự chủ và quản trị đơn vị sự nghiệp công lập, tạo cơ sở thực tiễn để Trung ương nghiên cứu, nhân rộng.

4.2. Tiếp tục hoàn thiện mô hình y tế cơ sở phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; củng cố hệ thống trạm y tế xã, phường, trung tâm y tế khu vực và

mạng lưới chăm sóc sức khỏe ban đầu, bảo đảm người dân được tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng ngay từ cơ sở. Rà soát, bổ sung nguồn nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất; đẩy mạnh triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử và kết nối dữ liệu y tế đồng bộ từ cơ sở đến Thành phố. Gắn sắp xếp tổ chức y tế với nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ban đầu, y tế dự phòng, công tác dân số, an toàn thực phẩm và năng lực phòng, chống dịch bệnh; phát huy các mô hình liên kết giữa bệnh viện tuyến Thành phố, Trung ương với y tế cơ sở để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

4.3. Gắn sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập với cơ cấu lại chi ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công và phát huy vai trò của kinh tế tư nhân trong cung ứng dịch vụ công. Đẩy mạnh tự chủ, xã hội hóa và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các dịch vụ công thiết yếu; khai thác hiệu quả tài sản công, giảm áp lực ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội. Phát huy vai trò tiên phong của Hà Nội trong thí điểm các mô hình hợp tác công - tư và cơ chế cung ứng dịch vụ công hiện đại để Trung ương tổng kết, nhân rộng.

5. Tạo đột phá trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương hiện đại

5.1. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đồng bộ các quy định, cơ chế, chính sách về công tác cán bộ phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu phát triển của Thủ đô; bảo đảm thống nhất giữa tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, biên chế và công tác quản lý cán bộ. Tiếp tục quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức chịu tác động từ quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy; đồng thời nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong điều kiện khối lượng công việc, phạm vi quản lý, trách nhiệm và yêu cầu chuyên môn tăng lên đáng kể sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô nhằm thu hút, giữ chân, khuyến khích đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ, yên tâm công tác, gắn bó lâu dài và cống hiến cho sự phát triển của Thủ đô.

5.2. Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm, năng lực, sở trường và yêu cầu nhiệm vụ; ưu tiên khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân lực ở các lĩnh vực chuyên môn sâu và các địa bàn có khối lượng công việc lớn. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ và năng lực tổ chức thực hiện; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh, trách nhiệm, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng với yêu cầu quản trị hiện đại.

5.3. Đổi mới mạnh mẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng thực chất, sát vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ; tập trung nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng số, chuyển đổi số, quản lý đô thị và năng lực thực thi công vụ. Tổng kết, đánh giá

việc thực hiện Nghị định số 179/2024/NĐ-CP; nghiên cứu cơ chế đặc thù của Thủ đô để thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học và nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực trọng điểm.

5.4. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý biên chế theo hướng quản trị hiện đại, dựa trên dữ liệu, vị trí việc làm và hiệu quả thực thi; chuyển mạnh từ quản lý theo số lượng sang quản lý theo chất lượng, hiệu quả hoạt động và kết quả phục vụ Nhân dân. Thực hiện giao biên chế giai đoạn 2027-2031 trên cơ sở khung tổ chức bộ máy của 04 trục trong hệ thống chính trị và phân loại đơn vị hành chính phù hợp với đặc thù từng địa bàn; phát huy vai trò tiên phong của Hà Nội trong thí điểm mô hình quản trị biên chế dựa trên dữ liệu và khối lượng công việc thực tế.

5.5. Hoàn thiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tạo môi trường để cán bộ chủ động đổi mới, đề xuất giải pháp đột phá và xử lý hiệu quả những vấn đề mới, khó, chưa có tiền lệ. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích nổi bật; đồng thời tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng ngừa sai phạm, bảo đảm đổi mới sáng tạo đi đôi với kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm công vụ.

6. Đột phá chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW

6.1. Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, đơn giản hóa và số hóa toàn bộ quy trình công tác, thủ tục hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cắt giảm khâu trung gian, giảm thời gian xử lý hồ sơ và chi phí tuân thủ. Mở rộng thực hiện dịch vụ công phi địa giới hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm người dân, doanh nghiệp được phục vụ thuận tiện, nhanh chóng và minh bạch trên môi trường số.

6.2. Tập trung xây dựng, làm sạch, chuẩn hóa, số hóa và kết nối các cơ sở dữ liệu của hệ thống chính trị Thành phố; ưu tiên hoàn thiện các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, quy hoạch, cán bộ, đảng viên, tài sản công, thủ tục hành chính và các lĩnh vực quản lý trọng yếu. Hoàn thiện các nền tảng số và hệ thống dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm dữ liệu được cập nhật, liên thông, chia sẻ và khai thác thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền và 04 trục trong hệ thống chính trị, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản trị địa bàn.

6.3. Rà soát, nâng cấp đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị và các điều kiện kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, nhất là cấp xã; bảo đảm kết nối ổn định, an toàn, thông suốt và khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung của Thành phố. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có kỹ năng số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin tại những lĩnh vực, địa bàn có khối lượng công việc lớn. Đề cao

trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm đếm kết quả chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Từng bước hình thành mô hình "*Đảng viên số", Chi bộ số" hướng tới "Đảng bộ số"* gắn với đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, quản lý đảng viên và tổ chức thực hiện nghị quyết trên môi trường số.

6.4. Đẩy mạnh khai thác, chia sẻ và sử dụng hiệu quả dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và quản trị địa bàn; hình thành hệ sinh thái dữ liệu dùng chung của Thành phố phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

6.5. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ đất đai, quy hoạch, hộ tịch, tài chính, xây dựng, cán bộ, đảng viên, tài sản công và tài liệu lưu trữ; gắn số hóa với chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và tái sử dụng dữ liệu trong xử lý công việc. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý số, tự động hóa quy trình và các công cụ hỗ trợ công việc trong hoạt động công vụ; ưu tiên hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã tra cứu văn bản, hướng dẫn nghiệp vụ, tổng hợp báo cáo, theo dõi tiến độ xử lý công việc và giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân. Từng bước chuyển từ quản lý dựa trên hồ sơ, báo cáo thủ công sang điều hành, quản trị dựa trên dữ liệu số; triển khai hiệu quả chương trình chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố.

7. Về tháo gỡ điểm nghẽn, giải phóng nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, yêu cầu phát triển và tăng trưởng 02 con số của đất nước trong giai đoạn mới

7.1. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn đang cản trở quá trình phát triển của Thủ đô; trọng tâm là các khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng, đất đai, quy hoạch, đầu tư công, tài sản công, các dự án chậm triển khai và các vụ việc tồn đọng kéo dài. Rà soát, phân loại và xây dựng lộ trình xử lý đối với từng nhóm vấn đề; xác định rõ trách nhiệm, thời hạn hoàn thành và cơ chế kiểm đếm kết quả thực hiện. Tập trung giải quyết dứt điểm các tồn tại kéo dài, đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công, sớm đưa các nguồn lực đất đai, tài sản công và các dự án vào khai thác, sử dụng hiệu quả, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

7.2. Phát huy hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù của Luật Thủ đô; khơi thông và sử dụng hiệu quả các nguồn lực về đất đai, tài chính, tài sản công và không gian phát triển. Đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực phát triển mới và các dự án có sức lan tỏa lớn; tạo dư địa phát triển và các động lực tăng trưởng mới cho Thủ đô. Đồng thời, phát huy mạnh mẽ vai trò của kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư xã hội và huy động hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển nhanh, bền vững.

7.3. Chuyển hóa những kết quả đạt được từ đổi mới tổ chức bộ máy, hoàn thiện thể chế, phân cấp, phân quyền, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW thành năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, chất lượng quản trị và chất lượng sống của Nhân dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững và đóng góp ngày càng lớn hơn vào mục tiêu tăng trưởng 2 con số của đất nước trong giai đoạn mới.

7.4. Phấn đấu xây dựng Hà Nội trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ chất lượng cao và hội nhập quốc tế của cả nước; phát huy vai trò đầu tàu, dẫn dắt và lan tỏa phát triển đối với Vùng Thủ đô, Vùng Đồng bằng sông Hồng và các địa phương phía Bắc. Khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế và các cơ chế, chính sách đặc thù của Luật Thủ đô; mở rộng không gian phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh, sức chống chịu và tính tự chủ của nền kinh tế. Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho tăng trưởng; nâng cao chất lượng sống của Nhân dân và đóng góp ngày càng lớn hơn vào mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn mới.

8. Nâng cao năng lực quản trị địa phương, quản trị địa bàn

8.1. Nâng cao năng lực quản trị địa bàn theo hướng chủ động, kịp thời và hiệu quả; xây dựng hệ thống theo dõi, kiểm đếm, cảnh báo sớm tình hình địa bàn trên nền tảng dữ liệu số. Tăng cường phối hợp giữa các xã, phường trong giải quyết các vấn đề liên địa bàn; nâng cao năng lực phát hiện từ sớm, từ xa và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, không để hình thành điểm nóng hoặc vụ việc phức tạp kéo dài.

8.2. Nâng cao năng lực quản trị phát triển và năng lực tổ chức thực hiện; tăng cường điều phối, quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố và địa phương. Bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư; nâng cao năng lực phối hợp giữa các cấp, các ngành và chính quyền cơ sở trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

8.3. Nâng cao hiệu quả quản trị, phân bổ và sử dụng các nguồn lực phát triển; hoàn thành rà soát, sắp xếp, xử lý trụ sở, nhà đất dôi dư theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích. Ưu tiên bố trí cho giáo dục, y tế, thiết chế văn hóa, không gian sinh hoạt cộng đồng và các nhu cầu dân sinh thiết yếu; tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả tài sản công, không để thất thoát, lãng phí, góp phần tạo nguồn lực cho phát triển Thủ đô.

9. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực

9.1. Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, giám sát theo hướng trọng tâm, trọng điểm, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả vận hành mô hình chính quyền

địa phương 02 cấp. Tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương và Thành phố; việc sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quản lý đất đai, đầu tư công, tài sản công và công tác cán bộ.

9.2. Xây dựng cơ chế theo dõi, kiểm đếm tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trên nền tảng số theo nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, hiệu quả quản trị địa bàn và mức độ hoàn thành các mục tiêu phát triển làm căn cứ đánh giá, xếp loại tổ chức, cán bộ và người đứng đầu.

9.3. Tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các biểu hiện né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính hoặc lạm dụng quyền hạn. Đồng thời, chủ động phát hiện từ sớm, từ xa các khó khăn, vướng mắc và những vấn đề phát sinh từ cơ sở để kịp thời tháo gỡ, không để tồn đọng kéo dài hoặc phát sinh điểm nóng.

9.4. Thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Kiên quyết xử lý các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt yêu cầu hoặc để xảy ra sai phạm theo quy định; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương đi đôi với khuyến khích đổi mới, sáng tạo và trách nhiệm trong thực thi công vụ.

9.5. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; nâng cao năng lực quản trị địa bàn, năng lực xử lý các tình huống quốc phòng, an ninh, phòng thủ dân sự của đội ngũ cán bộ cơ sở; đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

Trên cơ sở thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, Thành phố phấn đấu đến năm 2030 hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện nền quản trị Thủ đô hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân. Cơ bản tháo gỡ các điểm nghẽn phát triển; hoàn thiện hạ tầng số, hệ sinh thái dữ liệu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp. Xây dựng Hà Nội trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ chất lượng cao và đổi mới sáng tạo của cả nước; phát huy vai trò đầu tàu phát triển của Vùng Thủ đô, Vùng Đồng bằng sông Hồng và đóng góp ngày càng lớn hơn vào sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

(Phụ lục 4A kèm theo)

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỚI TRUNG ƯƠNG

Trên cơ sở sơ kết quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và rà soát việc thực hiện Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội nhận thấy quá trình tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong giai đoạn tới cần tập trung giải quyết 04 vấn đề có tính nền tảng: (1) Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực theo quy mô quản trị thực tế; (2) Phân cấp, phân quyền gắn với đầy đủ điều kiện bảo đảm thực hiện; (3) Xây dựng nền tảng dữ liệu và quản trị số thống nhất; (4) Nâng cao năng lực thực thi cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Thành ủy kiến nghị Trung ương xem xét, hoàn thiện một số cơ chế chính sách đối với những nội dung vượt thẩm quyền của Thành phố và liên quan đến thể chế chung của cả nước như sau:

1. Về mô hình tổ chức các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, cấp xã theo 04 trục: Đảng, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội

(1) Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy và cơ quan chuyên môn cấp xã theo quy mô quản trị thực tế

Đề nghị Trung ương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các văn bản quy định về tổ chức cơ quan chuyên môn, vị trí việc làm, biên chế của chính quyền địa phương theo hướng chuyển từ tư duy tổ chức bộ máy chủ yếu dựa trên loại hình đơn vị hành chính sang tổ chức theo quy mô quản trị thực tế; xây dựng khung tiêu chí phân nhóm xã, phường dựa trên dân số, diện tích tự nhiên, mật độ dân cư, mức độ đô thị hóa, số lượng đảng viên, khối lượng nhiệm vụ quản lý nhà nước, số lượng hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh và các yếu tố đặc thù khác.

Qua quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại Hà Nội cho thấy quy mô quản trị giữa các xã, phường có sự chênh lệch rất lớn. Dân số giữa đơn vị lớn nhất và nhỏ nhất chênh lệch trên 31 lần; diện tích tự nhiên chênh lệch trên 48 lần; mật độ dân số chênh lệch trên 183 lần; số lượng hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh chênh lệch khoảng 168 lần. Tuy nhiên, khung tổ chức bộ máy, cơ cấu cơ quan chuyên môn, vị trí việc làm và biên chế hiện nay cơ bản vẫn được áp dụng tương đối thống nhất.

Đề nghị Trung ương nghiên cứu hoàn thiện cơ chế xác định cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn, vị trí việc làm, biên chế và cơ chế phân bổ nguồn lực theo quy mô quản trị thực tế; bảo đảm nguyên tắc nhiệm vụ, thẩm quyền, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và nguồn lực thực hiện phải tương thích với nhau. Đây là điều kiện nền tảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong giai đoạn tới.

(2) Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức đảng trong hệ thống chính trị sau sắp xếp

Đề nghị Trung ương tiếp tục tổng kết quá trình vận hành mô hình tổ chức đagr trong điều kiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; nghiên cứu, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy UBND cấp tỉnh, Đảng ủy các cơ quan Đảng cấp tỉnh, các tổ chức đảng trong hệ thống MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội.

Đồng thời nghiên cứu hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chế độ thông tin, báo cáo và cơ chế phối hợp giữa các tổ chức đảng theo 04 trục của hệ thống chính trị; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy cấp tỉnh, thành ủy đối với cơ sở, đồng thời phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của cấp xã trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp và mối quan hệ công tác giữa các tổ chức đảng trong hệ thống chính trị có ý nghĩa quan trọng nhằm bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, thông suốt và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cấp cơ sở.

(3) Hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của HĐND các cấp

Đề nghị Quốc hội tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định của Hiến pháp và hệ thống pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp; trong đó tập trung hoàn thiện Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND cùng các văn bản có liên quan nhằm nâng cao vai trò của cơ quan dân cử trong hoạt động giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương.

Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghiên cứu xem xét, sửa đổi, thay thế Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 theo hướng hoàn thiện mô hình Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh; tăng tính chủ động cho địa phương trong quyết định cơ cấu và vị trí việc làm và tổ chức bộ máy tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND.

Thực tiễn tại Hà Nội cho thấy, sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phạm vi giám sát của HĐND cấp tỉnh đối với cấp xã được mở rộng đáng kể; đồng thời khối lượng công việc và yêu cầu chuyên môn trong lĩnh vực phân cấp, phân quyền, quản trị đô thị, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, đầu tư công và giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù của Luật Thủ đô. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, công cụ và điều kiện bảo đảm để HĐND thực hiện hiệu quả chức năng, giám sát trong mô hình mới.

(4) Về tổ chức và hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội

Đề nghị Trung ương tiếp tục tổng kết mô hình tổ chức và hoạt động của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; làm rõ hơn vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa MTTQ với cấp ủy, chính quyền cùng cấp; nghiên cứu bổ sung 01 Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã chuyên trách công tác Mặt trận đối với các địa bàn có quy mô lớn, khối lượng công việc cao; hoàn thiện cơ chế giám sát, phản biện

xã hội, cơ chế nắm bắt và phản ánh tình hình Nhân dân, cơ chế phối hợp giữa MTTQ với cấp ủy, chính quyền và các cơ quan trong hệ thống chính trị nhằm phát huy tốt hơn vai trò cầu nối giữa Đảng với Nhân dân.

2. Về phân cấp, phân quyền, ủy quyền

(1) Tổng rà soát hệ thống pháp luật chuyên ngành theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Đề nghị Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo tổng rà soát hệ thống luật chuyên ngành, nghị định, thông tư và quy trình nghiệp vụ hiện hành để sửa đổi, bổ sung các quy định chưa được điều chỉnh đồng bộ sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Mặc dù Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đã chuyển giao phần lớn nhiệm vụ từ cấp huyện về cấp tỉnh và cấp xã, nhưng nhiều quy định chuyên ngành vẫn được xây dựng trên nền tảng mô hình 03 cấp. Những bất cập hiện nay chủ yếu nằm ở trình tự, thủ tục, quy trình nghiệp vụ, chế độ báo cáo, cơ chế phối hợp và hệ thống dữ liệu chưa được điều chỉnh tương ứng với mô hình mới.

Đề nghị Chính phủ xây dựng Đề án tổng rà soát hệ thống pháp luật giai đoạn 2026-2030; đồng thời giao một cơ quan đầu mối chủ trì theo dõi, tổng hợp và đề xuất xử lý các vướng mắc liên ngành phát sinh trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên phạm vi cả nước.

(2) Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên thông và kết nối dữ liệu giữa Trung ương và địa phương.

Đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp tục hoàn thiện cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với hệ thống dữ liệu của địa phương; thống nhất tiêu chuẩn dữ liệu, quy chuẩn kỹ thuật và cơ chế khai thác dữ liệu dùng chung trên phạm vi toàn quốc.

Quá trình triển khai cho thấy nhiều nhiệm vụ đã được phân cấp mạnh cho địa phương nhưng dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và hệ thống thông tin vẫn còn phân tán theo ngành, lĩnh vực; việc khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các cấp chính quyền chưa thực sự đồng bộ. Đây là một trong những điểm nghẽn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng điều hành, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và quá trình chuyển đổi số trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Đề nghị Chính phủ chỉ đạo xây dựng kiến trúc dữ liệu thống nhất từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm nguyên tắc "dữ liệu tạo ra một lần, sử dụng nhiều lần", phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

(3) Thể chế hóa nguyên tắc "phân quyền phải đi đôi với điều kiện bảo đảm thực hiện"

Đề nghị Quốc hội, Chính phủ thể chế hóa thành nguyên tắc bắt buộc trong các luật chuyên ngành và các văn bản về phân cấp, phân quyền: giao nhiệm vụ phải đồng thời giao thẩm quyền, vị trí việc làm, biên chế, nguồn lực tài chính, dữ liệu, hạ tầng số và trách nhiệm giải trình tương ứng. Không thực hiện phân cấp, phân quyền theo cơ chế chỉ chuyển giao nhiệm vụ mà chưa bảo đảm đầy đủ các điều kiện thực hiện. Thực tiễn vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp cho thấy việc giao nhiệm vụ cho cấp xã chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được bảo đảm đồng bộ về nhân lực, nguồn lực tài chính, dữ liệu, hạ tầng số và cơ chế hỗ trợ chuyên môn. Đây là điều kiện có ý nghĩa quyết định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quá trình phân cấp, phân quyền trong giai đoạn tới.

(4) Hoàn thiện cơ chế ủy quyền trong hệ thống hành chính nhà nước

Đề nghị Chính phủ tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về ủy quyền trong hệ thống hành chính nhà nước theo hướng thống nhất, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu vận hành của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Quá trình vận hành cho thấy, cùng với phân quyền và phân cấp, ủy quyền đang trở thành công cụ quản trị quan trọng giúp giảm tầng nấc trung gian, rút ngắn quy trình xử lý công việc, phát huy tính chủ động của cơ sở và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tại Hà Nội, việc ủy quyền thực hiện 644 thủ tục hành chính cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết đã góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, giảm thời gian xử lý hồ sơ và tăng tính chủ động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên, nhiều nhiệm vụ, thủ tục hành chính có tính chất thường xuyên, quy trình xử lý đã được chuẩn hóa và được thực hiện ổn định trong thời gian dài vẫn phải thực hiện theo cơ chế ủy quyền có thời hạn hoặc gia hạn định kỳ. Điều này làm phát sinh thêm thủ tục hành chính nội bộ, tăng khối lượng công việc quản lý và chưa phát huy đầy đủ hiệu quả của cơ chế ủy quyền trong mô hình mới.

Đề nghị Chính phủ nghiên cứu hoàn thiện khung pháp lý về ủy quyền theo hướng phân định rõ: nhóm nhiệm vụ được ủy quyền ổn định, lâu dài; nhóm nhiệm vụ ủy quyền có thời hạn; nhóm nhiệm vụ không được ủy quyền; đồng thời quy định thống nhất về điều kiện, phạm vi, trách nhiệm, cơ chế kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và trách nhiệm giải trình của cơ quan ủy quyền và cơ quan được ủy quyền. Cùng với đó, đề nghị nghiên cứu hoàn thiện cơ chế ủy quyền điện tử gắn với chuyển đổi số, dữ liệu số và quản trị số; bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quyền lực nhưng vẫn phát huy tính chủ động, linh hoạt của cơ sở, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Về đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực

(1) Hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Qua quá trình vận hành cho thấy cấp xã hiện trực tiếp thực hiện phần lớn nhiệm vụ quản lý nhà nước, trong đó nhiều lĩnh vực có tính chuyên môn sâu như đất đai, quy hoạch, xây dựng, đầu tư công, tài chính - ngân sách, chuyển đổi số và quản trị dữ liệu. Tuy nhiên, hệ thống vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và cơ cấu ngạch công chức cấp xã hiện nay cơ bản vẫn được xây dựng trên nền tảng mô hình chính quyền địa phương 03 cấp trước đây, chưa phản ánh đầy đủ vai trò, chức năng và yêu cầu quản trị của cấp xã trong mô hình mới.

Đề nghị Trung ương nghiên cứu hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và cơ chế xác định số lượng cán bộ, công chức theo quy mô quản trị thực tế; cho phép bố trí các vị trí việc làm chuyên sâu đối với các lĩnh vực có yêu cầu chuyên môn cao và khối lượng công việc lớn; bảo đảm nguyên tắc nhiệm vụ, quy mô quản trị và nguồn nhân lực tương thích với nhau.

(2) Hoàn thiện cơ chế xác định số lượng và cơ cấu cán bộ, công chức theo quy mô quản trị thực tế

Thực tiễn cho thấy quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đảng viên, khối lượng thủ tục hành chính và yêu cầu quản trị giữa các xã, phường có sự chênh lệch rất lớn. Riêng tại Hà Nội, dân số giữa xã, phường lớn nhất và nhỏ nhất chênh lệch trên 31 lần; diện tích tự nhiên chênh lệch trên 48 lần; mật độ dân số chênh lệch trên 183 lần; số lượng hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh chênh lệch khoảng 168 lần. Tuy nhiên, cơ chế xác định số lượng cán bộ, công chức và cơ cấu vị trí việc làm hiện nay chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt này.

Đề nghị Trung ương nghiên cứu hoàn thiện cơ chế phân loại đơn vị hành chính cấp xã gắn với quy mô quản trị thực tế; trên cơ sở đó xác định khung số lượng cán bộ, công chức, cơ cấu vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh phù hợp với từng nhóm địa bàn, bảo đảm nguyên tắc nhiệm vụ, quy mô quản trị và nguồn nhân lực tương thích với nhau.

(3) Hoàn thiện cơ chế đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ cấp xã đáp ứng yêu cầu của mô hình mới

Đề nghị Trung ương nghiên cứu xây dựng khung năng lực đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức cấp xã trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tập trung vào năng lực quản trị địa bàn, năng lực tổ chức thực hiện, năng lực phối hợp liên ngành, xử lý tình huống, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và điều hành phát triển địa phương.

Đồng thời đổi mới cơ chế đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá cán bộ theo hướng lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu

quả tổ chức thực hiện làm thước đo chủ yếu; từng bước chuyển từ đánh giá theo quá trình sang đánh giá theo kết quả đầu ra.

Kết quả cho thấy, cùng một cơ chế, cùng một điều kiện nhưng hiệu quả hoạt động giữa các địa phương có sự khác biệt đáng kể. Điều đó cho thấy chất lượng đội ngũ, vai trò người đứng đầu và năng lực tổ chức thực hiện đang trở thành yếu tố quyết định hiệu quả vận hành của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

4. Về chuyển đổi số, dữ liệu và quản trị số

(1) Hoàn thiện cơ chế kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa Trung ương và địa phương

Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 đã tạo cơ sở để Hà Nội đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh và phát triển hạ tầng dữ liệu. Tuy nhiên, việc xây dựng, chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành vẫn thuộc trách nhiệm của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương.

Qua quá trình triển khai cho thấy nhiều khó khăn hiện nay không nằm ở thẩm quyền mà nằm ở dữ liệu còn phân tán, chưa đồng bộ và chưa liên thông giữa các hệ thống. Một số thủ tục hành chính vẫn phải thực hiện đối chiếu, xác minh hoặc nhập liệu nhiều lần; việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả quản trị của chính quyền các cấp.

Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành đẩy nhanh hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; ban hành thống nhất tiêu chuẩn dữ liệu, quy chuẩn kỹ thuật và cơ chế kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Trung ương và địa phương theo nguyên tắc "dữ liệu tạo ra một lần, sử dụng nhiều lần". Ưu tiên hoàn thiện và liên thông các cơ sở dữ liệu có tần suất khai thác lớn trong vận hành chính quyền địa phương 02 cấp như dân cư, đất đai, quy hoạch, hộ tịch, doanh nghiệp, bảo hiểm, giáo dục, y tế, tài chính - ngân sách và thủ tục hành chính.

(2) Hoàn thiện khung quản trị số và hệ thống đánh giá hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên nền tảng dữ liệu

Đề nghị Chính phủ nghiên cứu ban hành khung quản trị số thống nhất và bộ chỉ số đánh giá hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên nền tảng dữ liệu số; từng bước chuyển từ quản lý dựa trên hồ sơ giấy, chế độ báo cáo thủ công sang quản trị theo dữ liệu, giám sát theo thời gian thực và đánh giá theo kết quả đầu ra. Đồng thời nghiên cứu xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá việc thực hiện phân cấp, phân quyền; chất lượng cung ứng dịch vụ công; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và năng lực thực thi của chính quyền các cấp trên môi trường số.

5. Đề nghị Chính phủ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương để thống nhất hướng dẫn nội dung biên chế, tài chính và công tác cán bộ đối với các hội quần chúng ở cấp tỉnh, cấp xã; sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quản lý Hội để phù hợp với địa giới hành chính mới và tổ chức các Hội sau hợp nhất, sáp nhập, làm cơ sở để các địa phương, nhất là các xã hoàn thành việc thành lập tổ chức Hội.

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định mới hoặc sửa đổi Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức để bảo đảm quy trình bổ nhiệm cán bộ, công chức từ nguồn nhân sự tại chỗ đồng bộ, thống nhất với Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị.

Trên đây là báo cáo sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội./.

23. BÁO CÁO TÓM TẮT CÁC MÔ HÌNH TIÊU BIỂU CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Sau hơn 01 năm triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Hà Nội đã chuyển từ giai đoạn quán triệt, cụ thể hóa chủ trương sang tổ chức thực thi trên 03 trục: khoa học, công nghệ; đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số. Điểm nổi bật là phương thức triển khai đã chuyển từ các chương trình, đề án, hệ thống riêng lẻ sang quản trị theo nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm, dữ liệu và minh chứng; gắn với cải cách hành chính, vận hành chính quyền địa phương hai cấp và mục tiêu tăng trưởng hai con số. Cách tiếp cận xuyên suốt của Thành phố là "chuyển đổi trước - số sau; tái cấu trúc trước - ứng dụng công nghệ sau; dữ liệu là tài sản chiến lược; nền tảng dùng chung là hạ tầng vận hành thống nhất".

Qua triển khai, Thành phố bước đầu hình thành 22 mô hình tiêu biểu cơ bản đáp ứng yêu cầu điều hành phát triển dựa trên dữ liệu, trong đó mục tiêu chiến lược được cụ thể hóa thành OKR/KPI; nhiệm vụ được gắn với trách nhiệm cụ thể; dữ liệu được tích hợp, xử lý tập trung; nền tảng số và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, dự báo, ra quyết định. Cụ thể như sau:

II. TÓM TẮT CÁC MÔ HÌNH TIÊU BIỂU

1. Mô hình Trung tâm điều hành chỉ huy IOC Thành ủy

Trung tâm điều hành chỉ huy IOC Thành ủy là mô hình điều hành số phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thành ủy trên cơ sở tích hợp dữ liệu, nền tảng làm việc số, hệ thống hội nghị trực tuyến, báo cáo số và các bảng điều khiển phục vụ theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ. Điểm mới của mô hình là chuyển từ phương thức điều hành chủ yếu dựa trên văn bản, báo cáo định kỳ và thông tin phân tán sang điều hành tập trung, trực quan, theo thời gian thực, có dữ liệu cập nhật thường xuyên và có khả năng kết nối đến các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố.

IOC Thành ủy được Hà Nội triển khai đồng bộ, thống nhất theo 04 trục từ Thành phố đến cơ sở, gồm Thành ủy, HĐND Thành phố, UBND Thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, qua đó tạo nền tảng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành thuận lợi, nhanh chóng, kịp thời và dựa trên dữ liệu. Thông qua IOC Thành ủy, các thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo được tổng hợp, hiển thị theo nhóm nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn, cơ quan chủ trì, tiến độ thực hiện và sản phẩm đầu ra; hỗ trợ lãnh đạo Thành phố nắm bắt nhanh tình hình, phát hiện sớm điểm nghẽn, cảnh báo nhiệm vụ chậm tiến độ, tổ chức giao ban, họp trực tuyến, chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh và theo dõi kết quả thực hiện sau chỉ đạo.

Mô hình góp phần hình thành phương thức chỉ đạo, điều hành mới của cấp ủy: từ "nghe báo cáo" sang "theo dõi trên dữ liệu"; từ "đôn đốc thủ công" sang "cảnh báo, kiểm soát tiến độ bằng nền tảng số"; từ "xử lý từng việc riêng lẻ" sang "điều hành tổng thể theo nhiệm vụ, dữ liệu và kết quả". Giá trị thực tiễn của mô hình là tạo một đầu mối điều hành thống nhất của Thành ủy, kết nối giữa chỉ đạo chính trị với quản trị thực thi, giữa giao nhiệm vụ với kiểm tra, giám sát, giữa thông tin từ cơ sở với quyết định của cấp Thành phố; đồng thời giảm độ trễ trong tổng hợp thông tin, nâng cao chất lượng các cuộc họp, giao ban, kiểm tra, giám sát và từng bước hình thành năng lực phân tích, dự báo, tham mưu dựa trên dữ liệu.

Mô hình phù hợp với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy trong môi trường số, nhất là đối với các địa phương có khối lượng nhiệm vụ lớn, nhiều cấp, nhiều ngành và cần điều phối liên thông trong toàn hệ thống chính trị. Điều kiện để triển khai là cần có kiến trúc dữ liệu thống nhất, nền tảng hội nghị và điều hành số ổn định, quy trình cập nhật - xác thực - khai thác dữ liệu rõ ràng, cơ chế phân quyền phù hợp và đội ngũ vận hành có khả năng tổng hợp, phân tích, tham mưu trên nền tảng số.

2. Mô hình quản trị, theo dõi, đôn đốc nhiệm vụ xuyên suốt 04 trục của hệ thống chính trị trên nền tảng số

Hà Nội đang từng bước triển khai mô hình quản trị, theo dõi, đôn đốc nhiệm vụ xuyên suốt 04 trục của hệ thống chính trị, gồm Thành ủy, HĐND Thành phố, UBND Thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số. Điểm mới của mô hình là chuyển từ phương thức theo dõi nhiệm vụ phân tán, chủ yếu dựa trên văn bản, báo cáo định kỳ và đôn đốc thủ công sang quản trị nhiệm vụ tập trung theo đầu việc, tiến độ, sản phẩm đầu ra, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trạng thái xử lý.

Mô hình giúp Thành phố hình thành cách tiếp cận thống nhất trong giao nhiệm vụ, theo dõi tiến độ, cảnh báo chậm muộn và tổng hợp kết quả thực hiện giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; đồng thời hỗ trợ nhận diện các điểm nghẽn trong quá trình tổ chức thực hiện, nhất là đối với các nhiệm vụ liên ngành, liên cấp, nhiệm vụ có thời hạn gấp hoặc nhiệm vụ cần sự phối hợp giữa nhiều cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở kết nối với các nền tảng làm việc số, hệ thống báo cáo số, dashboard phục vụ chỉ đạo, điều hành và IOC Thành ủy, mô hình hướng tới giảm trùng lặp trong báo cáo, nâng cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì và tạo căn cứ dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo.

Giá trị thực tiễn của mô hình là góp phần chuyển trọng tâm quản trị từ "giao việc và chờ báo cáo" sang "theo dõi thường xuyên, cảnh báo sớm, xử lý kịp thời"; từ đánh giá tiến độ theo cảm tính sang đánh giá trên cơ sở dữ liệu, sản phẩm và thời hạn cụ thể. Qua đó, Thành phố từng bước hình thành phương thức điều phối thống

nhất trong toàn hệ thống chính trị, nhất là trong triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và vận hành chính quyền địa phương hai cấp**.**

Mô hình phù hợp với các địa phương có khối lượng nhiệm vụ lớn, nhiều cấp, nhiều ngành và yêu cầu điều phối liên thông giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Điều kiện để triển khai là cần chuẩn hóa danh mục nhiệm vụ, mã hóa cơ quan chủ trì và phối hợp, xác định rõ thời hạn và sản phẩm đầu ra, xây dựng quy trình cập nhật - xác nhận - cảnh báo - hậu kiểm, đồng thời bảo đảm phân quyền khai thác dữ liệu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan trong hệ thống chính trị.

3. Mô hình lãnh đạo bằng OKR/KPI và dữ liệu:

Là điểm mới nổi bật trong chuyển đổi số của Khối Đảng Hà Nội. Thay vì chỉ giao nhiệm vụ theo văn bản và tổng hợp kết quả qua báo cáo định kỳ, Thành ủy Hà Nội từng bước lượng hóa mục tiêu, gắn nhiệm vụ với chỉ tiêu, tiến độ, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở các nền tảng số dùng chung, dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được cập nhật, theo dõi, phân tích và sử dụng làm căn cứ phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát. Cách làm này góp phần chuyển phương thức lãnh đạo của cấp ủy từ chủ yếu dựa trên báo cáo thủ công sang lãnh đạo dựa trên dữ liệu, kết quả thực hiện và minh chứng số; nếu tiếp tục được hoàn thiện, có thể trở thành mô hình mới trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trên môi trường số.

Mô hình này triển khai dựa trên phương pháp quản trị phổ quát: lượng hóa mục tiêu, giao nhiệm vụ theo chỉ tiêu, xác định rõ tiến độ, sản phẩm đầu ra, trách nhiệm chủ trì và minh chứng kết quả thực hiện. Các địa phương, cơ quan, đơn vị đều có thể áp dụng để đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ "giao việc theo văn bản, đánh giá qua báo cáo" sang "quản trị bằng mục tiêu, dữ liệu và kết quả đo lường". Điều kiện để triển khai là cần chuẩn hóa bộ mục tiêu, chỉ tiêu OKR/KPI theo từng cấp, từng ngành; xác định rõ cơ chế cập nhật dữ liệu, kiểm chứng kết quả, cảnh báo chậm tiến độ và gắn kết quả thực hiện với đánh giá trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

4. Mô hình Khung năng lực số của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị Thành phố

Hà Nội là một trong những địa phương đi đầu trong việc chuẩn hóa năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị, trong đó trọng tâm là đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã phục vụ vận hành chính quyền địa phương hai cấp. Thành phố đã ban hành Khung năng lực số chung cho hệ thống chính trị và Khung năng lực số đối với Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường, với 04 mức độ phát

triển gồm: nhận biết, sử dụng, điều hành và đổi mới. Nội dung khung năng lực tập trung vào các nhóm năng lực thiết yếu như tư duy lãnh đạo số, quản trị dữ liệu địa bàn, sử dụng công cụ làm việc số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công việc, bảo đảm an toàn thông tin, tổ chức thực thi chính sách chuyển đổi số và tương tác số với người dân, doanh nghiệp.

Điểm mới của mô hình là chuyển yêu cầu chuyển đổi số từ trang bị công cụ, phần mềm sang chuẩn hóa năng lực thực thi của cán bộ; từ "biết sử dụng công nghệ" sang "biết điều hành bằng dữ liệu, giao việc và đôn đốc trên môi trường số, nhận diện điểm nghẽn, xử lý phản ánh của người dân và cải tiến quy trình công vụ". Thành phố đồng thời tổ chức xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng, bộ câu hỏi, tình huống thực hành, nền tảng và công cụ phục vụ kiểm tra, đánh giá năng lực số, qua đó làm căn cứ đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và đánh giá cán bộ.

Mô hình phù hợp với thực tiễn hiện nay vì đáp ứng trực tiếp yêu cầu vận hành chính quyền số, chính quyền địa phương hai cấp và quản trị công dựa trên dữ liệu; điều kiện triển khai là cần có khung chuẩn thống nhất, công cụ đánh giá khách quan, tình huống thực hành sát nhiệm vụ thực tế và cơ chế gắn kết quả năng lực số với đánh giá thực thi công vụ, trách nhiệm người đứng đầu.

5. Mô hình "Trạm truyền thông số - Studio dLocals Hoàn Kiếm" do UBND phường Hoàn Kiếm triển khai

Là mô hình truyền thông số, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm đổi mới phương thức tuyên truyền, đưa chủ trương, chính sách đến gần hơn với người dân theo hướng trực quan, ngắn gọn, dễ tiếp cận và giàu tính tương tác. Xuất phát từ yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền trong bối cảnh chuyển đổi số, phường đã chủ động xây dựng mô hình với cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu hướng truyền thông đa nền tảng rất chuyên nghiệp, có khả năng sản xuất nội dung trực tiếp và lan tỏa rộng rãi trên các nền tảng mạng xã hội. Tại "Trạm truyền thông số", các hoạt động được triển khai đồng bộ như: sản xuất, phát sóng các chương trình truyền thông chính sách dưới dạng video, clip ngắn, dễ hiểu; tổ chức các phiên đối thoại trực tiếp với người dân thông qua hình thức livestream; xây dựng các nội dung số về văn hóa, di sản và đời sống kinh tế - xã hội của địa phương. Qua đó, tạo kênh tương tác hai chiều giữa chính quyền và Nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trong tình hình mới.

Mô hình đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác tuyên truyền ở cơ sở trong môi trường số, giúp chính quyền truyền tải chủ trương, chính sách theo cách ngắn gọn, trực quan, dễ tiếp cận và tăng tương tác với người dân. Mô hình phù hợp với các xã, phường có nhu cầu truyền thông chính sách, quảng bá văn hóa, du lịch, thương mại, dịch vụ; điều kiện triển khai là có nhân sự phụ trách truyền thông số, quy trình biên tập - kiểm duyệt chặt chẽ và hạ tầng thiết bị phù hợp.

6. Mô hình "thể chế đi trước, chính sách vượt trội, thực thi bằng dữ liệu"

Hà Nội lựa chọn cách tiếp cận "thể chế đi trước một bước", tận dụng thẩm quyền đặc thù của Luật Thủ đô, đồng thời rà soát đồng bộ từ nghị quyết, đề án đến quy trình thực thi. Triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, HĐND Thành phố Hà Nội đã ban hành 6 nghị quyết quan trọng về nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, thử nghiệm có kiểm soát, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số và Quỹ Phát triển KHCN và ĐMST. Điểm mới là chính sách được thiết kế theo chuỗi giá trị, kết nối đặt hàng - thử nghiệm - nghiệm thu - sở hữu trí tuệ - định giá - đầu tư - chuyển giao - thương mại hóa.

Thành phố đã bước đầu hình thành một hệ sinh thái công cụ thực thi mới gồm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, chính sách phát triển hạ tầng dùng chung, cơ chế đặt hàng và giao trực tiếp nhiệm vụ, khoán chi theo sản phẩm, hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao, Quỹ Đầu tư mạo hiểm, Quỹ Phát triển KHCN và ĐMST, Trung tâm ĐMST, Sàn Giao dịch công nghệ và Chợ CĐS. Các nghị quyết mới đã chuyển trọng tâm từ hỗ trợ dàn trải sang đầu tư theo kết quả; từ quản lý chặt đầu vào sang trao quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; từ ngân sách nhà nước thực hiện toàn bộ sang sử dụng vốn mồi, huy động nguồn lực xã hội và tạo thị trường cho công nghệ. Chính sách hạ tầng tạo cơ sở hình thành mạng lưới phòng thí nghiệm, trung tâm R&D và cơ sở ươm tạo dùng chung; chính sách nghiên cứu và chuyển giao giúp rút ngắn con đường từ nhiệm vụ khoa học đến sản phẩm, doanh nghiệp và thị trường; các định mức chi mới tạo căn cứ để cấp Thành phố, cấp xã và tổ chức KHCN công lập chủ động tổ chức hoạt động chuyên môn. Qua đó, Hà Nội bước đầu tạo lập khung thể chế có khả năng vận hành trọn chuỗi KHCN, ĐMST và CĐS, đồng thời cung cấp thực tiễn để tiếp tục hoàn thiện pháp luật và các cơ chế phù hợp trên phạm vi cả nước.

Bài học quan trọng từ Hà Nội là muốn thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thì các địa phương không chỉ dừng ở việc ban hành kế hoạch, mà phải chủ động nhận diện khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn đang gặp phải để đề xuất cấp có thẩm quyền thể chế hóa thành cơ chế, chính sách và công cụ thực thi cụ thể.

Điểm đáng chú ý là Hà Nội không coi thể chế là khâu "hậu kiểm" sau khi có mô hình, mà đặt thể chế ở phía trước để tháo điểm nghẽn về đặt hàng công nghệ theo đầu ra, mua sắm công đổi mới sáng tạo, nghiệm thu sản phẩm công nghệ theo kết quả vận hành, sandbox, chấp nhận rủi ro có kiểm soát, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, định giá tài sản trí tuệ, định giá dữ liệu, định giá sản phẩm R&D, cơ chế vốn mồi, đồng đầu tư và đầu tư mạo hiểm.

Mô hình này có giá trị thực tiễn cao; đã lượng hóa tác động; xác định nội dung thuộc thẩm quyền địa phương để ban hành ngay; đồng thời kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn đối với nội dung vượt thẩm quyền. Như vậy,

thể chế không chỉ là căn cứ pháp lý, mà trở thành công cụ mở đường cho mô hình mới, nguồn lực mới và giá trị phát triển mới.

7. Mô hình "30 bài toán lớn" - chuyển từ tài trợ đề tài sang đặt hàng giải quyết vấn đề thực tiễn

Thành phố công bố danh mục 30 bài toán lớn làm căn cứ định hướng đặt hàng nhiệm vụ KHCN, nhiệm vụ ĐMST và hoạt động CĐS. Điểm mới là chuyển từ "tài trợ đề tài" sang "đặt hàng kết quả"; từ "nghiên cứu theo khả năng sẵn có" sang "nghiên cứu để giải quyết đúng việc Thành phố cần"; gắn nhiệm vụ KHCN với sản phẩm đầu ra, địa chỉ ứng dụng, khả năng thử nghiệm và thương mại hóa.

Tác động của mô hình là tạo cơ chế gắn nghiên cứu với nhu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh và đời sống đô thị; tăng khả năng hình thành sản phẩm ứng dụng, giải pháp công nghệ, mô hình thử nghiệm có địa chỉ sử dụng cụ thể. Hình thành thị trường đặt hàng công nghệ của khu vực công, tạo cầu cho doanh nghiệp công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Thành phố chuyển từ phương thức tiếp nhận, tài trợ các đề xuất nghiên cứu riêng lẻ sang chủ động công bố 30 bài toán lớn dưới dạng câu hỏi chiến lược, công khai huy động cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, chuyên gia và tổ chức trung gian cùng tham gia giải quyết. Danh mục tập trung vào 04 nhóm: điểm nghẽn đô thị kéo dài; không gian đô thị; kinh tế và công nghệ; an ninh, an sinh và phát triển bền vững. Mỗi bài toán được định hướng gắn với chủ sở hữu, dữ liệu đầu vào, yêu cầu sản phẩm, địa bàn thử nghiệm, cơ quan tiếp nhận, khả năng đặt hàng, mua sắm, ứng dụng và thương mại hóa. Cách làm này chuyển căn bản từ "tài trợ đề tài" sang "đặt hàng kết quả"; lấy nhu cầu quản trị, phát triển kinh tế - xã hội và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp làm đầu bài; đồng thời kết nối danh mục bài toán với công nghệ chiến lược, mô hình hợp tác 3 Nhà, sandbox, ngân sách KHCN, quỹ đầu tư và Sàn Giao dịch công nghệ.

Đến nay, Thành phố đã tiếp nhận 120 đề xuất xét tài trợ, đặt hàng từ các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; thành lập 25 Tổ chuyên gia để rà soát, phân loại, lựa chọn đề xuất đặt hàng nhiệm vụ năm 2026. Thành phố đồng thời ban hành Danh mục 10 nhóm công nghệ chiến lược ưu tiên giai đoạn 2026-2035, gắn các bài toán phát triển với AI, bán dẫn, robot tự hành, UAV, dữ liệu lớn, bản sao số, blockchain và sản phẩm "Make in Hanoi". Mô hình đã bước đầu tạo cơ chế liên kết trực tiếp giữa nhu cầu của khu vực công với năng lực nghiên cứu, phát triển của viện, trường, doanh nghiệp; tập trung nguồn lực vào vấn đề trọng tâm, hạn chế đầu tư dàn trải; tạo địa chỉ ứng dụng và cầu thị trường cho sản phẩm công nghệ. Đây là nền tảng để hình thành thị trường đặt hàng công nghệ của Thành phố và nâng tỷ lệ kết quả nghiên cứu được thử nghiệm, ứng dụng, thương mại hóa.

Mô hình này giúp khoa học, công nghệ bám sát nhu cầu thực tiễn, tập trung vào các vấn đề lớn như giao thông, môi trường, quy hoạch, y tế, giáo dục, dịch vụ công, an toàn thông tin, đô thị thông minh, kinh tế số và các công nghệ chiến lược. Theo báo cáo, hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố đã chuyển từ hỗ trợ phân tán sang đặt hàng theo bài toán phát triển, với 30 bài toán lớn đặt ra (đợt 1 năm 2026) đã nhận được 120 đề xuất giải quyết từ 31 đơn vị.

8. Mô hình Khung kiến trúc số Thành phố xuyên suốt 4 trục

Khung kiến trúc số thành phố Hà Nội phiên bản 1.0 là bản thiết kế tổng thể cho chuyển đổi số, nhằm khắc phục tình trạng đầu tư hệ thống rời rạc, phân tán, thiếu liên thông. Khung kiến trúc số thành phố Hà Nội - Phiên bản 1.0 được xây dựng theo mô hình kiến trúc số thế hệ mới (Gen 4), đánh dấu bước chuyển căn bản từ chính quyền điện tử sang chính quyền số tự vận hành, lấy dữ liệu làm trung tâm và trí tuệ nhân tạo làm động lực.

Điểm đột phá đầu tiên là 07 nguyên tắc cốt lõi tạo thành vòng tuần hoàn khép kín: quản trị dựa trên kết quả đo lường tự động từ hệ thống; lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực; vận hành thông minh với triết lý "AI First" - mọi hệ thống mới phải tích hợp trí tuệ nhân tạo ngay từ thiết kế (AI Native); phân cấp, phân quyền triệt để trên nền tảng số; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm qua hai kênh duy nhất iHanoi và VNeID; an ninh mạng và quyền riêng tư được thiết kế ngay từ đầu (Privacy by Design); và dữ liệu mở, minh bạch thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Về hạ tầng, Khung thiết lập mô hình kép đột phá: Trung tâm dữ liệu kết hợp Trung tâm tính toán thông minh hiệu năng cao (AIDC) - không chỉ lưu trữ mà còn chuyển hóa dữ liệu thành tri thức phục vụ điều hành theo thời gian thực. Kiến trúc áp dụng đồng bộ các nguyên tắc tiên tiến nhất: Cloud Native, API First, Data Centric, Microservices và Open Standard.

Khung còn tạo dựng 05 cơ chế đặc thù vượt trội: sandbox cho công nghệ mới (thanh toán số đô thị, AI y tế, phương tiện tự lái, drone...); cơ chế đặt hàng “Make in Hanoi”; cơ chế tài chính đặc thù cho chuyển đổi số; cơ chế thu hút nhân lực công nghệ chất lượng cao. Hệ thống KPI 7 nhóm với hàng trăm chỉ số được đo lường hoàn toàn tự động, không phụ thuộc báo cáo thủ công, gắn với lộ trình 3 giai đoạn (E-Hanoi → D-Hanoi → S-Hanoi), hướng tới mục tiêu kinh tế số chiếm trên 60% GRDP vào năm 2045.

Hà Nội thiết kế kiến trúc thống nhất cho cả hệ thống chính trị, kết nối 4 trục Thành ủy - HĐND - UBND - MTTQ, xuyên suốt đến 126 xã, phường. Đây là mô hình khung để các địa phương chuẩn hóa hạ tầng, dữ liệu, nền tảng và ứng dụng trước khi đầu tư công nghệ.

9. Mô hình phân cấp, ủy quyền gắn với tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính

Hà Nội triển khai phân cấp, ủy quyền không chỉ là chuyển giao thẩm quyền, mà là tái thiết kế lại quy trình giải quyết công việc trên môi trường số. Mô hình kết hợp 03 yếu tố: phân cấp, ủy quyền rõ trách nhiệm; tái cấu trúc thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến, liên thông và tái sử dụng dữ liệu.

Đến ngày 15/6/2026, Thành phố có 2.027 thủ tục hành chính, trong đó 1.107 thủ tục được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 862 thủ tục cung cấp trực tuyến một phần; 100% thủ tục đã được xây dựng quy trình nội bộ và quy trình điện tử thống nhất. Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp đạt 96,9 điểm vào tháng 5/2026, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; tỷ lệ hồ sơ quá hạn giảm còn 4,2%.

Đối với tái cấu trúc, Thành phố đã phê duyệt phương án đối với 1.508/1.721 thủ tục hành chính, đạt 87,6%, giúp chi phí tuân thủ giảm từ 671 tỷ đồng xuống còn 263 tỷ đồng, tiết kiệm khoảng 408 tỷ đồng, tương đương 60,78%. Mô hình phù hợp với yêu cầu vận hành chính quyền địa phương hai cấp, giảm tầng nấc trung gian, tăng trách nhiệm cấp cơ sở và lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm thước đo.

10. Mô hình Không gian làm việc số HanoiWork

HanoiWork là mô hình Không gian làm việc số thống nhất trong toàn hệ thống chính trị Thành phố, chuyển trọng tâm từ quản lý văn bản sang quản trị công việc. Mỗi nhiệm vụ được số hóa theo chu trình: giao việc, phối hợp, cập nhật tiến độ, ghi nhận sản phẩm, đánh giá kết quả; gắn với nguyên tắc "6 rõ - 1 xuyên suốt", OKR/KPI và dữ liệu thực thi của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân.

Cập nhật đến thời điểm hiện tại, HanoiWork đã triển khai tại 177 đơn vị trực thuộc Thành phố, với khoảng 80.000 tài khoản người dùng, tỷ lệ sử dụng trung bình khoảng 90%; ghi nhận 125.150 nhiệm vụ, 1,69 triệu tin nhắn trao đổi công việc, 8.414 bài viết và 60.880 lịch họp cộng tác. Ước tính sơ bộ, việc nâng cao năng suất xử lý công việc trên nền tảng có thể tiết kiệm giá trị thời gian tương ứng khoảng 761 tỷ đồng/năm.

Điểm cốt lõi của mô hình không chỉ là một phần mềm, mà là chuẩn hóa phương thức điều hành, hình thành "hồ sơ công việc số" để phục vụ chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá trách nhiệm bằng dữ liệu. Mô hình tạo hiệu quả cao khi gắn kết quả sử dụng nền tảng với đánh giá thực thi công vụ và trách nhiệm người đứng đầu.

Hiện nay, Thành phố đang hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với Không gian làm việc số HanoiWork, làm căn cứ để chuẩn hóa quy trình vận hành, quản lý dữ liệu nhiệm vụ và đánh giá kết quả thực thi trên toàn hệ thống. Trên cơ sở kết quả vận hành bước đầu, Hà Nội đề xuất thí điểm: mở rộng, lan tỏa mô hình tới các tỉnh, thành

phố có nhu cầu; qua đó kiểm chứng hiệu quả, làm căn cứ thực tiễn để hoàn thiện mô hình và triển khai rộng rãi trong thời gian tới.

11. Mô hình iHanoi - nền tảng tương tác số thống nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp

Thành phố Hà Nội là địa phương có quy mô dân số lớn, nhu cầu dịch vụ đô thị cao, khối lượng phản ánh, kiến nghị đa dạng; trong khi các kênh tiếp nhận, xử lý, cung cấp tiện ích trước đây còn phân tán, khó đo lường đầy đủ chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Thành phố phát triển iHanoi trên cơ sở định danh điện tử qua VNeID, theo mô hình nền tảng số dùng chung phục vụ tương tác hai chiều giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp. Điểm mới là hình thành chu trình dữ liệu khép kín: người dân phát sinh nhu cầu; cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số; dữ liệu tương tác được ghi nhận, phân tích, phục vụ điều hành, giám sát và cải thiện chất lượng phục vụ. Như vậy, iHanoi không chỉ là kênh cung cấp tiện ích, mà là hạ tầng tương tác số và nguồn dữ liệu phục vụ quản trị đô thị.

Điểm mới của mô hình là hình thành chu trình dữ liệu khép kín: người dân phát sinh nhu cầu; cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số; dữ liệu tương tác được ghi nhận, phân tích, phục vụ điều hành, giám sát và cải thiện chất lượng phục vụ.

Đến thời điểm báo cáo, iHanoi có trên 6,2 triệu tài khoản định danh qua VNeID, khoảng 15.000 tài khoản công chức, viên chức tham gia vận hành và khoảng 112 triệu lượt truy cập. Trong đợt tuyển sinh trực tuyến vào lớp 10 năm 2026, hệ thống phục vụ 146.534 học sinh của 755 trường THCS, ghi nhận 125.520 hồ sơ nộp thành công, đạt 85,7%; cao điểm đáp ứng ổn định 50.000 yêu cầu đồng thời, không phát sinh gián đoạn dịch vụ.

12. Mô hình Kho dữ liệu dùng chung - nền tảng điều hành dựa trên dữ liệu

Hà Nội xác định dữ liệu là tài sản chiến lược và là nền tảng của chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Thành phố đã ban hành, cập nhật Chiến lược dữ liệu đến năm 2030; thành lập Ban Chỉ đạo về dữ liệu; ban hành danh mục cơ sở dữ liệu, danh mục dữ liệu mở và Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ số hóa tài liệu tập trung.

Đến nay, 17/17 sở, ngành đã tham gia mở dữ liệu với 93/93 bộ dữ liệu, đạt 100%. Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được hình thành và khai thác, gồm: hơn 543.000 tài sản công; trên 27.000 dự án đầu tư; 132 đảng bộ trực thuộc Thành ủy đã triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất 4 hệ thống: (i) Hệ thống dữ liệu tổ chức đảng: gồm 22.174 tổ chức (4.591 tổ chức cơ sở đảng, 313 đảng bộ bộ phận, 13.689 chi bộ trực thuộc), (ii) Hệ thống dữ liệu đảng viên gồm 510.712 đảng viên; (iii) Hệ thống dữ liệu cán bộ với 142.763 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; (iv)

Hệ thống tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị Thành phố. Gần 510 dữ liệu khoảng 24 đồ án quy hoạch phân khu được chuẩn hóa dạng GIS; dữ liệu giáo dục được khai thác qua hơn 100 bảng điều khiển đến 126 xã, phường.

Đối với dữ liệu chuyên ngành trọng điểm, Thành phố đã xây dựng cơ sở dữ liệu cho khoảng 3,24 triệu thửa đất và chuẩn hóa hơn 9,2 triệu hồ sơ sức khỏe điện tử. Mô hình triển khai theo hướng xây dựng Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh theo kiến trúc Data Lakehouse, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và nền tảng AI, phục vụ điều hành thời gian thực, dịch vụ công chủ động và phát triển kinh tế dữ liệu.

13. Mô hình hợp tác "3 Nhà" và sandbox rút gọn để đưa sản phẩm khoa học công nghệ ra thị trường

Hà Nội triển khai mô hình hợp tác "3 Nhà" gồm Nhà nước - nhà trường/viện nghiên cứu - doanh nghiệp. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, đặt hàng, tạo cơ chế và có thể là khách hàng đầu tiên; nhà trường, viện nghiên cứu cung cấp tri thức, công nghệ, nhân lực; doanh nghiệp đưa ra nhu cầu thị trường, vốn đối ứng, năng lực sản xuất, thương mại hóa.

Một ví dụ điển hình là nhiệm vụ xe chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên cao có tầm vươn 32m, do Công ty cổ phần Tập đoàn ô tô Hiệp Hòa và Đại học Bách khoa Hà Nội tham gia. Mô hình đặt mục tiêu nâng tỷ lệ nội địa hóa xe chuyên dụng lên 45-50%, giảm giá thành sản phẩm 30-35% so với xe nhập khẩu nguyên chiếc, tiết kiệm khoảng 3-5 tỷ đồng/xe cho ngân sách nhà nước; đồng thời có khả năng thúc đẩy doanh thu ngành cơ khí chế tạo của Hà Nội tăng thêm khoảng 500 tỷ đồng/năm.

Bên cạnh mô hình 3 Nhà, Thành phố đang nghiên cứu các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, AI, dữ liệu, tài sản số, kinh tế không gian tầm thấp và các mô hình đổi mới sáng tạo đô thị. Đây là cơ chế cần thiết để giảm rủi ro thị trường, tạo không gian thử nghiệm và rút ngắn đường đi từ nghiên cứu đến ứng dụng thực tiễn.

14. Mô hình thiết chế đổi mới sáng tạo theo cơ chế hợp tác công - tư

Hà Nội đang hình thành hệ sinh thái thiết chế đổi mới sáng tạo gồm Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội, Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội, Chợ Chuyển đổi số Hà Nội, mạng lưới Hub đổi mới sáng tạo, Quỹ Đầu tư mạo hiểm Thành phố và các cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Điểm mới là Nhà nước không bao cấp toàn bộ, mà giữ vai trò kiến tạo, đặt hàng, đồng đầu tư, chia sẻ rủi ro và huy động nguồn lực xã hội.

Hà Nội không tổ chức hệ sinh thái ĐMST chỉ bằng các cơ quan hành chính hoặc chương trình hỗ trợ riêng lẻ mà xây dựng một hệ thiết chế trung gian liên thông, vận hành theo cơ chế thị trường và huy động nguồn lực xã hội. Trung tâm ĐMST

được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, cung cấp dịch vụ ươm tạo, kết nối, tư vấn, thử nghiệm và thương mại hóa một cách chuyên nghiệp. Quỹ Đầu tư mạo hiểm hoạt động theo mô hình hợp tác công tư trên cơ sở hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh, trong đó ngân sách Thành phố tối đa 600 tỷ đồng và không vượt quá 49% tổng vốn, khu vực tư nhân tham gia tối thiểu 51%; hoạt động đầu tư do tổ chức chuyên nghiệp thực hiện, gắn với thẩm định, quản trị rủi ro, hậu đầu tư và thoái vốn. Quỹ Phát triển KHCN và ĐMST là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được giao cho cơ quan, đơn vị hiện có hoặc doanh nghiệp nhà nước điều hành, làm đầu mối triển khai nhiệm vụ đặt hàng, tài trợ và chính sách hỗ trợ của Thành phố. Sàn Giao dịch công nghệ và Chợ CĐS được vận hành theo mô hình hợp tác công tư, kết nối cung - cầu, bài toán - giải pháp và cung cấp các dịch vụ trung gian về đánh giá, định giá, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, đầu tư và hậu giao dịch. Các thiết chế được định hướng dùng chung một luồng dự án: bài toán lớn - nghiên cứu, ươm tạo - sandbox - bảo hộ sở hữu trí tuệ - định giá - đầu tư - giao dịch - đặt hàng - thương mại hóa.

Quỹ Đầu tư mạo hiểm đã được UBND Thành phố ban hành quyết định thành lập, điều lệ và quy chế đầu tư trong tháng 4/2026, đang thực hiện lựa chọn, thẩm định đối tượng và phương án đầu tư. Trung tâm ĐMST, mạng lưới hub, các cơ sở ươm tạo và không gian ĐMST đang được kết nối với Sàn, Chợ CĐS, danh mục 30 bài toán lớn và các trường, viện, doanh nghiệp. Nghị quyết về Quỹ Phát triển KHCN và ĐMST đã xác lập mô hình quỹ, nguồn lực và cơ chế điều hành, tạo điều kiện hình thành đầu mối tài chính thống nhất cho toàn hệ sinh thái. Kết quả bước đầu cho thấy Hà Nội đã chuyển từ mô hình hỗ trợ hành chính sang kiến tạo một thị trường ĐMST có bài toán, tổ chức trung gian, vốn, hạ tầng thử nghiệm và kênh giao dịch; qua đó tăng khả năng huy động vốn xã hội, hình thành sản phẩm, hợp đồng và doanh nghiệp công nghệ mới.

15. Mô hình PPP trong phát triển kinh tế số thông qua mạng lưới MOU chiến lược

Hà Nội đang sử dụng hợp tác công - tư như một phương thức quan trọng để phát triển kinh tế số, huy động nguồn lực doanh nghiệp, viện, trường, quỹ đầu tư và đối tác quốc tế tham gia các nhiệm vụ lớn của Thành phố. Theo báo cáo ngày 22/6/2026, Sở Khoa học và Công nghệ đã kết nối, phối hợp với các đối tác hoàn thiện, trình UBND Thành phố 17/17 MOU; dự kiến trao 18 MOU tại Hội nghị ngày 29/6/2026, bao gồm 01 MOU đã ký trước đó với Đại học Bang Arizona, Hoa Kỳ.

Các MOU bao phủ nhiều trục hợp tác quan trọng: đào tạo nhân lực chất lượng cao; bán dẫn; AI; trung tâm dữ liệu tính toán hiệu năng cao; công nghệ lượng tử; chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; thung lũng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ chuyển đổi số và tài chính cho hộ kinh

doanh, doanh nghiệp; công viên công nghệ số; vật liệu mới; khởi nghiệp sáng tạo; camera AI và thiết bị IoT; đào tạo phát triển trí tuệ nhân tạo.

Một số hợp tác có tính nền tảng gồm MOU với Viettel, Mobifone, FPT, VNPT, CMC về phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số giai đoạn 2026-2030; MOU với BIDV về hỗ trợ chuyển đổi số và tài chính; MOU với Microsoft về chuyển đổi số; MOU với FPT về phát triển hệ sinh thái công nghệ số; MOU với NIC về đào tạo, phát triển trí tuệ nhân tạo. Mô hình này có thể triển khai theo hướng chuyển MOU thành danh mục dự án cụ thể, có đầu mối, sản phẩm, tiến độ và cơ chế theo dõi thực hiện.

16. Vận hành thông suốt mô hình điều hành tác nghiệp đảng viên

Phần mềm *"Điều hành tác nghiệp quản lý đảng viên"* được xây dựng với tiêu chí thực hiện các nghiệp vụ tổ chức đảng, đảng viên hoàn toàn trên môi trường số; hỗ trợ toàn diện việc thực hiện nghiệp vụ ở cấp ủy các cấp; chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ toàn trình trên phần mềm; xây dựng các mẫu văn bản thống nhất trên hệ thống; hệ thống dữ liệu báo cáo tổng hợp có thể tổng hợp vào nhiều mục đích báo cáo khác nhau.

Phần mềm được triển khai đến 132 đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy thông qua mạng diện rộng của Đảng; bản Offline được triển khai tới các tổ chức cơ sở đảng không được kết nối vào mạng diện rộng của Đảng với 12 modul chức năng, trong đó hỗ trợ nhiều tính năng mà phần mềm cơ sở dữ liệu 4.0 chưa thực hiện được toàn trình hoặc chưa thực hiện được như một số nội dung như: dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên được tự động cập nhật thông qua việc thực hiện các nghiệp vụ trên phần mềm; Quản lý thông tin đảng viên (dữ liệu đảng viên); Thẩm định, quản lý huy hiệu đảng; Quản lý chuyển sinh hoạt đảng; Quản lý nghiệp vụ "Đánh giá, xếp loại đảng bộ cấp trên cơ sở"; Các chức năng nghiệp công tác thống kê…

Với số lượng đảng viên của Đảng bộ Thành phố Hà Nội và số lượng công việc, nhiệm vụ của ngành, Phần mềm đã đem lại cho cán bộ nghiệp vụ một môi trường làm việc số thuận tiện, thông minh, chính xác, giảm thời gian các khâu trung gian, xây dựng môi trường làm việc không in ấn giấy tờ, hạn chế tối đa việc đi lại của cơ sở, cơ sở dữ liệu được cập nhật tự động theo thời gian thực; tăng năng suất, hiệu quả công việc, ước tính giảm khoảng 60% thời gian xử lý nghiệp vụ của cán bộ làm nghiệp vụ và tiết kiệm được nhiều chi phí quản lý (chi phí văn phòng, giao thông...). Đặc biệt, nội dung "Đánh giá, xếp loại đảng bộ cấp trên cơ sở" giảm từ 15 ngày (50 đảng bộ trực thuộc Thành ủy), xuống còn 03 ngày (132 đảng bộ trực thuộc Thành ủy).

17. Triển khai đồng bộ xuyên suốt trong hệ thống tổ chức đảng, đảng viên thông qua mô hình sổ tay nghiệp vụ tổ chức đảng, đảng viên

Xây dựng và vận hành hệ thống phần mềm nền tảng Web tại địa chỉ chính thức: https://tcddvhn.id.vn/, là mô hình chuyển đổi số toàn diện chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại và Trí tuệ nhân tạo (AI) để số hóa, hệ thống hóa và tự động hóa quy trình tra cứu tài liệu, giải đáp thắc mắc nghiệp vụ cho đội ngũ cấp ủy và cán bộ, đảng viên góp phần giải phóng sức lao động hành chính, tiết kiệm thời gian đáng kể cho cán bộ; giảm tải áp lực cho cán bộ chuyên trách cấp trên trong việc hướng dẫn nghiệp vụ thường xuyên; đảm bảo việc thi hành Điều lệ Đảng và các quy định được thống nhất, chính xác, không có độ trễ (người dùng có thể truy cập 24/7, trên tất cả các thiết bị thông minh).

Mô hình đã tạo ra thói quen làm việc số hóa trong đội ngũ cán bộ. Thực tế, từ triển khai thử nghiệm (từ ngày 12/03/2026), mô hình đã ghi nhận 7.676 lượt truy cập; thực hiện thành công 751 lượt tra cứu tài liệu chuyên sâu; xây dựng trợ lý ảo AI đã hỗ trợ giải đáp chính xác 391 tình huống nghiệp vụ cho cơ sở; khảo sát người dùng đã ghi nhận gần 80% đánh giá Rất hài lòng với ứng dụng.

18. Xây dựng và vận hành hệ thống dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên của Hà Nội

Hệ thống Dữ liệu Tổ chức Đảng và Đảng viên Hà Nội (tên miền vận hành: *hethongdulieutcddvhn.id.vn*) là nền tảng ứng dụng web hiện đại, được xây dựng nhằm mục đích tiếp nhận, chuẩn hóa, tổng hợp và theo dõi tự động luồng dữ liệu báo cáo từ các file Excel của các đơn vị cơ sở (triển khai từ tháng 4/2026).

Hệ thống giải quyết triệt để bài toán xử lý dữ liệu phân tán, giảm thiểu tối đa các thao tác thủ công và nâng cao độ chính xác trong công tác quản lý thông tin. Nền tảng được tối ưu hóa và đồng bộ trên giải pháp công nghệ AI, tích hợp toàn diện từ quy trình xác thực người dùng an toàn, quản trị cơ sở dữ liệu (Database) cho đến lưu trữ tệp tin

Các Phân Hệ Chức Năng Cốt Lõi: Hỗ trợ thu thập dữ liệu từ nhiều tệp Excel, cho phép thiết lập cấu trúc thủ công hoặc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) để tự động học và nhận diện biểu mẫu báo cáo; Quản lý chặt chẽ các dự án, biểu mẫu, năm báo cáo và dữ liệu tiếp nhận; Tự động hóa hoàn toàn khâu tổng hợp dữ liệu, hỗ trợ kết xuất báo cáo ngược lại ra file Excel theo đúng cấu trúc mẫu quy định; Hệ thống hóa danh mục các đơn vị trên toàn hệ thống, thiết lập cơ chế đảm bảo tính toàn vẹn và ngăn ngừa rủi ro mất mát dữ liệu trong quá trình vận hành.

19. Tổ chức thực hiện chiến dịch cập nhật, làm sạch dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên tiến tới số hóa hồ sơ đảng viên

Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 204-KH/VPTW, ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Trung

ương Đảng, Thành ủy Hà Nội đã ban hành các kế hoạch về cập nhật, làm sạch dữ liệu cán bộ, đảng viên, đăng ký thí điểm các mô hình cập nhật dữ liệu, cụ thể:

- Chiến dịch số 01: Ban hành Kế hoạch số Kế hoạch số 04-KH/TU, ngày 18/11/2025 về "*Chiến dịch 10 ngày đêm làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị trên cơ sở dữ liệu đảng viên toàn Đảng bộ thành phố Hà Nội"*; là đơn vị tiên phong thí điểm của Trung ương triển khai làm sạch cập nhật, làm sạch dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị. Kết quả: (1) Đã rà soát, chỉnh lý và cập nhật 21 trường thông tin dữ liệu tại *trang 1- Phiếu đảng viên* cho 494.435/499.838 đảng viên, đạt tỷ lệ 98,9% (số lượng hồ sơ nhập và đồng bộ thành công lên hệ thống của Trung ương là 478.613 hồ sơ, đạt tỷ lệ 96,8%); (2) Duy trì quản lý CSDL khoảng 142.337 hồ sơ công chức, viên chức, lao động hợp đồng của khối chính quyền và 6.385 hồ sơ công chức, viên chức, lao động hợp đồng của khối đảng.

- Chiến dịch số 02: Ban hành Kế hoạch số 78- KH/TU ngày 26/5/2026 về *"Cập nhật dữ liệu, đối soát, chỉnh lý thông tin đảng viên của Đảng bộ Thành phố Hà Nội trên phần mềm Cơ sở dữ liệu 4.0"*. Kế hoạch được triển khai trong vòng 30 ngày (hoàn thành 30/6/2026) với mục tiêu cập nhật dữ liệu của toàn bộ đảng viên của Đảng bộ thành phố Hà Nội; thực hiện cập nhật, hoàn thiện dữ liệu đảng viên trên phần mềm Cơ sở dữ liệu đảng viên 4.0 do Trung ương triển khai gồm các trường dữ liệu còn lại tại *các trang 2, 3, 4 của Phiếu đảng viên.*

Chiến dịch sử dụng công nghệ trên nền tảng nghiên cứu xây dựng, sử dụng nền tảng AI lõi để tự động bóc tách thông tin dữ liệu trên Phiếu đảng viên, kết hợp mô hình ngôn ngữ lớn và mô hình ngôn ngữ thị giác để đọc hiểu, trích xuất và xây dựng cơ sở dữ liệu từ đa dạng văn bản với độ chính xác trên 95%, giúp chuẩn hóa dữ liệu nhanh chóng. Quy trình có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ chế 03 nhà (Thành ủy- nhà trường- doanh nghiệp công nghệ) được thực hiện qua 3 bước:

- Bước 1: các đảng bộ thu thập, cập nhật thông tin trên Phiếu đảng viên.

- Bước 2: sử dụng công nghệ nền tảng AI lõi, chuẩn hóa dữ liệu bằng công nghệ IDUS (scan, nhận dạng dữ liệu kể cả dữ liệu viết tay, trích xuất dữ liệu tự động).

- Bước 3: Up dữ liệu lên hệ thống cơ sở phần mềm dữ liệu 4.0; thực hiện đối khớp, cập nhật rà soát (tỷ lệ sai sót cập nhật từ 3-5%).

Các bước quy trình được thực hiện khép kín, bài bản, gối đầu liên tục, có kiểm soát an ninh thiết bị, bảo mật, trực an ninh của các lực lượng chuyên ngành (PA05, PA06, PA03 Công an Thành phố) đảm bảo tuyệt đối an toàn trong suốt quá trình nhập liệu. Kết quả, đến ngày 28/6/2026, chiến dịch đã hoàn thành tiếp nhận, scan, xử lý trích xuất thông tin của 452.730 đảng viên (trừ đảng viên trong lực lượng

vũ trang); phối hợp Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị đưa dữ liệu lên hệ thống Cơ sở dữ liệu 4.0 của Trung ương vào ngày 30/6/2026.

20. Xây dựng mô hình thí điểm "Đảng viên số, chi bộ số" hướng tới xây dựng "Đảng bộ số" tại Đảng bộ Thành phố Hà Nội, giai đoạn 2026 - 2030

Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Kế hoạch số 68-KH/TU ngày 04/5/2026 về xây dựng mô hình thí điểm "Đảng viên số, Chi bộ số" hướng tới xây dựng "Đảng bộ số" tại đảng bộ Thành phố Hà Nội, giai đoạn 2026 – 2030; từng bước hình thành nền tảng, cơ chế, quy trình, bộ công cụ điều hành và hệ chỉ số phục vụ xây dựng "Đảng bộ số"; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng nền tảng công nghệ với chuẩn hóa dữ liệu, hoàn thiện quy chế, quy trình, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, thay đổi tư duy và phương thức làm việc của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Mô hình "Đảng viên số": Chuẩn hóa, xây dựng hồ sơ số đảng viên thống nhất, đầy đủ, đồng bộ trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu đảng viên 4.0; mỗi đảng viên có tài khoản số, được cung cấp công cụ số để tiếp nhận nhiệm vụ, cập nhật kết quả (học tập nghị quyết, tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả đánh giá, xếp loại…); trao đổi tài liệu và nhận thông báo, nhắc việc từ chi bộ, cấp ủy.

- Mô hình "Chi bộ số": Hoàn thiện dữ liệu quản lý tổ chức đảng trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu đảng viên theo quy định; xây dựng ***nền tảng*** chuyên biệt phục vụ sinh hoạt chi bộ đảm bảo quy định; quản lý chương trình công tác, nghị quyết, kết luận, phân công nhiệm vụ, quản lý tiến độ thực hiện, tổ chức phòng họp không giấy tờ, quản lý tài liệu, biểu quyết điện tử; tổng hợp ý kiến đảng viên, chấm điểm chất lượng sinh hoạt và lưu trữ biên bản, hồ sơ chi bộ trên môi trường số.

- Mô hình "Đảng bộ số": xây dựng bảng điều khiển điều hành của cấp ủy cấp trên phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tích hợp dữ liệu từ đảng viên số, chi bộ số, các lĩnh vực công tác xây dựng Đảng và các nguồn dữ liệu có liên quan; cho phép theo dõi tiến độ tiến độ thực hiện nghị quyết, chương trình công tác; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng, đảng viên; chất lượng sinh hoạt chi bộ; tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương; các vấn đề nổi cộm, điểm nghẽn phát sinh tại cơ sở và cảnh báo rủi ro phục vụ chỉ đạo, điều hành.

21. Nền tảng điều hành tập trung xuyên suốt hoạt động HĐND các cấp của Thành phố

Thành phố đã đưa vào vận hành nền tảng điều hành tập trung tích hợp 09 phân hệ phần mềm cốt lõi, triển khai đồng bộ xuống tận 126 HĐND xã, phường với hơn 3.200 tài khoản sử dụng.

Mọi kết luận, Nghị quyết sau giám sát đều được số hóa, quản lý bằng phần mềm đôn đốc theo thời gian thực (Dashboard), cho phép Thường trực HĐND theo

dõi trực quan các chỉ số về đầu tư công, ngân sách, y tế, giáo dục.... Đặc biệt, Thành phố đang từng bước phát triển mô hình "Đại biểu số", tiên phong thí điểm ứng dụng Trợ lý ảo (AI) cho 100% đại biểu HĐND Thành phố để hỗ trợ phân tích dữ liệu, rà soát pháp luật và tổng hợp thông tin dư luận. Kênh tiếp nhận kiến nghị cử tri cũng được số hóa toàn diện, tích hợp thẳng qua ứng dụng iHanoi thu hút hơn 1,5 triệu lượt truy cập. Nhờ hệ sinh thái số và các quyết sách đôn đốc quyết liệt này, tình trạng "đánh trống bỏ dùi" cơ bản bị xóa bỏ, mọi lời hứa trước cử tri đều được thực thi minh bạch, liên tục."

Đối với cấp xã, hoạt động giám sát đã nhanh chóng đi vào nền nếp. Theo thống kê, HĐND cấp xã đã triển khai tổng cộng 393 đoàn giám sát, ban hành 2.925 kiến nghị bám sát đời sống dân sinh.

22. Duy trì, vận hành nền tảng Mặt trận số Thủ đô tích hợp iHanoi

Nền tảng tương tác số, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, góp ý, phản biện xã hội, tuyên truyền tích hợp tiện ích phản ánh, kiến nghị, góp ý, phản biện xã hội; đăng tải tin bài, chuyển kiến nghị tới đơn vị có thẩm quyền và đôn đốc trả lời.

Sử dụng nguồn lực hiện có của Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố, phối hợp đơn vị quản trị nền tảng iHanoi; triển khai thường xuyên từ đầu năm 2026. 5 tháng đầu năm 2026 tiếp nhận 354 kiến nghị, đăng tải 376 tin, bài; từ tháng 4-5/2026 đăng tải các nội dung góp ý, phản biện xã hội để cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia trực tiếp trên ứng dụng. Qua đó, hình thành kênh tương tác số chính thống, minh bạch, thân thiện giữa MTTQ và Nhân dân; mở rộng không gian tuyên truyền, góp ý, phản biện xã hội; hỗ trợ nắm tình hình Nhân dân kịp thời hơn.

III. NHẬN XÉT CHUNG

Qua 22 mô hình nêu trên, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu từ thực tiễn của Hà Nội: chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo phải bắt đầu từ đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản trị thực thi; trong đó nhiệm vụ phải được lượng hóa bằng mục tiêu, chỉ tiêu, tiến độ, sản phẩm đầu ra, dữ liệu và minh chứng cụ thể. Thể chế và kiến trúc số cần đi trước một bước để định hướng đầu tư công nghệ; dữ liệu phải được coi là tài sản chiến lược, là nền tảng phục vụ điều hành, giám sát, đánh giá và ra quyết định.

Chuyển đổi số chỉ phát huy hiệu quả khi gắn với tái cấu trúc quy trình, phân cấp, ủy quyền, quản trị công việc trên nền tảng số, nâng cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì và người đứng đầu; đồng thời phải hướng mạnh về cơ sở, tăng cường tương tác hai chiều giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp thông qua các nền tảng số và phương thức truyền thông số hiện đại. Khoa học, công nghệ cần chuyển từ hỗ trợ phân tán sang đặt hàng theo bài toán lớn, có địa chỉ ứng dụng, sản phẩm đầu ra và khả năng thương mại hóa; đổi mới sáng tạo cần được thúc đẩy thông qua các thiết chế trung gian, quỹ đầu tư, sàn giao dịch, sandbox và cơ chế hợp tác công - tư.

Các mô hình muốn triển khai hiệu quả cần bảo đảm 04 điều kiện cốt lõi: có cơ sở thể chế rõ ràng; có kiến trúc, dữ liệu và nền tảng dùng chung; có quy trình vận hành, trách nhiệm và cơ chế kiểm chứng kết quả; có số liệu chứng minh hiệu quả, sản phẩm đầu ra và khả năng thích ứng với điều kiện của từng địa phương, cơ quan, đơn vị./.